

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NĂM THỨ VI

TRƯỚC THÈM NĂM MỚI

Tết đã đến, Xuân lại về !

Cỏ cây tươi tốt, đầm chồi, nảy lộc. Toàn dân Việt Nam vui mừng ăn Tết, thưởng Xuân trong niềm hân hoan, tin tưởng vào tương lai sáng lạn của đất nước dưới Chính thể Cộng hòa do Ngô Tổng Thống lãnh đạo.

Trước khi vui Tết, mừng Xuân, toàn thể mọi người dân chúng ta đồng tưởng niệm, hướng về nhà chí sĩ **NGÔ ĐÌNH DIỆM**, vị anh hùng của dân tộc !

Trong 5 năm qua, Chính phủ dưới sự lãnh đạo anh minh của Người, đã đem lại một nước Việt Nam hùng cường, thịnh trị, lấy công bình, bác ái làm đầu, lấy giá trị con người làm điều quan trọng. Nền dân chủ xây dựng trên chủ-trương tôn trọng Nhân-vị. Mọi người dân Việt Nam được sống trong cảnh thanh bình, no ấm.

Người không chủ trương cường quyền và bạo-lực như Thực dân, phong kiến, cũng không xây dựng chế-độ độc tài, áp bức như Cộng sản. Người luôn luôn khoan dung, an-ủi và khuyến-khích mọi người dân trên bước đường cứu quốc và kiến quốc !

Căn cứ vào những công cuộc vĩ đại đã thực hiện được trên mọi lãnh vực : Chính-trị, Ngoại-giao, Quốc phòng, Kinh-tế, Xã-hội, Giáo dục v.v... Chúng ta hân hoan nhận thấy rằng : Chủ-quyền đối nội và đối ngoại của nước nhà đã được thấu hời toàn vẹn và ngày càng được củng cố, địa vị Việt Nam Cộng Hòa trên trường quốc tế ngày càng vững chắc và đứng ngang hàng với các cường quốc trên thế giới.

Tóm lại, nhân dịp năm mới, toàn thể mọi người dân chúng ta, không phân biệt quân nhân, giới chức, doanh thương, hãy đồng tâm hiệp lực trau dồi đạo đức, sức tiến việc học tập, cải tiến lề lối làm việc, và đặt tất cả niềm tin tưởng vô biên vào sự lãnh đạo anh minh của Ngô Tổng Thống để hoàn thành sứ mạng cứu quốc và kiến quốc.

PHỔ-THÔNG

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

**GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ**

Giám-Đốc, Chủ-Bút : **NGUYỄN-VỸ**

Quản-lý : **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn : 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307

BỘ MỚI SỐ 27 — 15.1.1960

1.— Xuda thông cảm	Nguyễn-Vỹ	7 — 10	
2.— Năm Tý nói chuyện Chuột	Lê-ngọc-Trụ	11 — 17	
3.— Nguyễn-Ánh xưng vương tại Saigon	Tô-Lang	18 — 24	
4.— Xuân về (thơ)	Từ-Trầm-Lệ	25	
5.— Món quà kỷ-niệm đầu năm (truyện ngắn) Hoàng-Thặng		26 — 29	
6.— Người thơ xuất hiện	Mặc-Thu	30 — 34	
7.— Nàng Xuân nữ đất Tây Hồ	Thăm-thệ-Hà	35 — 40	
8.— Tình Xuân (nhạc)	Thế-Văn và Anh-Hoa	41	
9.— Ngày Tết của đời người (thơ) Ung-Bình Thúc-giạ-Thị		42	
10.— Mời bạn du lịch mấy ngày Xuân qua các miền Đông Nam Á	Michiko	43 — 60	
	Nhật-Bồn, Nam-Dương	Tân-Phong	61 — 74
11.— Thi-sĩ Nam-Dương	T.P.	75 — 76	
12.— Mỗi tình Nguyễn-Du	Nguyễn-khắc-Thiệu	77 — 80	
13.— Nàng Chuột trắng ở Thăng-Long	Phong-Cầm	81 — 85	
14.— Ảnh hưởng màu sắc trong đời sống Ng-văn-Khương		86 — 93	
15.— Con đò mà giữa đêm 30 Tết	Trần-đức-Lai	94 — 103	
16.— Chôm mọng (thơ)	Thanh-Nhung	104 — 105	

17.—	Đôi nẻ về Hàn-mặc-Tử	Quách-Tấn	106	—	115
18.—	Chín Khúc Rồng vàng	Nguyễn-thành-Cung	116	—	128
19.—	Huyền Trân Xuân dạ sầu (thơ)	Bạch-Yến			129
20.—	Một đời người (hồi ký)	Thiếu-Son	130	—	134
21.—	Danh nhân thế giới :				
	nhạc-sĩ Franz Liszt	Trần-thiên-Lý	135	—	142
22.—	Cô gái điên (truyện dài)	Vi-huyền-Đắc	143	—	148
23.—	Áo Tết ai may (thơ)	Ngọc-Hà			149
24.—	Hoàng-Cao-Khải	Võ-bá-Hải	150	—	156
25.—	Vạn Tuổi Cốt-Đốt (truyện vui)	Vương-hồng-Sèn	157	—	161
26.—	Nhờ hai câu đối Bao Công điều tra ra vụ án				
		Mai-hương-Vân	162	—	165
		Võ-thủy-Lam			166
27.—	Mai (thơ)				167
28.—	Bình Dịch Chuột	Bác-sĩ Hoàng-mộng-Lượng	167	—	173
29.—	Tinh thần tranh đấu qua ca dao	Nguyễn-thu-Minh	174	—	179
30.—	Minh ơi!	Diệu-Huyền	180	—	191
31.—	Chuyện Chuột	Xuân-Giang	192	—	197
32.—	Khổng Minh	Nguyễn-quang-Lực	198	—	200
33.—	Nụ cười Phở-Thông	Trọng-Tấu	201	—	206
34.—	Xuân Bình Minh (thơ)	Trần-đăng-Bình			207
35.—	Báo Xuân Cà Kê (hồi ký)	Nguyễn-Vỹ	208	—	218
36.—	Những năm Tý	Nguyễn-Triệu	219	—	223
37.—	Nụ cười con Chuột	Gyao	224	—	225
38.—	Thơ lên ruột	Diệu-Huyền	226	—	227
39.—	Xã Giao	Bình-Minh	228	—	232
40.—	Kiên-Trinh	Cô Vân-Nga	233	—	238
41.—	Đáp bạn bốn phương	Bạch-Yến và Diệu-Huyền	239	—	258

Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu Cô Diệu-Huyền

✱ Bìa kẽm Nguyễn-Văn-Dầu

✱ Bìa Offset Vạn-Quốc

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỞ-THÔNG, nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỞ-THÔNG » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHỞ-THÔNG, printed in Việt-Nam

Kuân thông - cảm

tặng các bạn thân mến.

*Kuân mới đến, lòng tôi rung cảm
 Cùng với phương các bạn gần xa.
 Trời Nam nắng gió phôi pha,
 Nỗi niềm lưu luyến bao-la nghìn trùng!
 Hỡi các bạn Nam Trung Bắc Việt,
 Ngày Tân-Xuân tâm huyết mấy lời,
 Nhân mây, nhân gió xa vời,
 Chút duyên văn-tự tặng Người Nước Non.*

*Nước còn đó, Dân còn mãi mãi,
 Trời vẫn còn chiều-đãi Dân ta.
 Dù ai Chia-xẻ Sơn-Là,
 Trái tim Đất Nước Khó mà Kén Chia
 Đau đớn nhé! Tấc-liã Tổ-Quốc,
 Mảnh Liq-đò rạc, nát lăm đời!*

Xuân về cây cỏ tươi vui,
 Lòng dân ta vẫn khôn nguôi hân trường.
 Xuân ấy - ừ men lòng ngây-ngật,
 Hồn Nước thiêng phảng-phất trên hương,
 Xuân về còn cả tang thương!
 Xuân về còn cả sắc vương-vân lòng!
 Nghe những tiếng nào-nùng để khóc
 Những nỗi hoang rêu-mốc, âm-thần,
 Mộ-tai, lang-đeo ai nài,
 Khô nhang, khô khói, khô trâu, khô hoa!
 Nghe những tiếng lẻ sa đêu vắng
 Trong những lều dơi nắng đầu mưa,
 Những người nghèo-đói-kác-xả,
 Ngồi Xuân khô mặt chít mồ ử lòng!
 Càng những kẻ rượu nồng, gái đẹp,
 Còn bao nhiêu những kiếp cơ-hàn,
 Ngồi Xuân ghé lang, phụ-phương,
 Nắm queo bên đống hoa tàn hân-hi!
 Bao nhiêu càng tếu điếu ai oán,
 Hoà lẫn trong màn sáng xuân tươi,
 Vang lên tiếng khóc, tiếng cười,
 Ngọn-ngang xạc pháo, xạc người, xạc hoa!

Trong cảnh-đời tha-ma buồn-nào,
 Làn tiê vui huyền-nào tung-bung,
 Tôi đi, mỗi bước mỗi ngừng,
 Nhìn trông Non-Nước, lòng buồn vô-biên!
 Tiếng pháo nổ vang rền đất nước,
 Nghe nặng-nề bề đất làm sao!
 Đi vui, Xuân có vui nào!
 Bao nhiêu ai oán khóc chào đời Xuân!



Yoi lằng-lặng, bán-khoản, buồn nhớ!
 Các bạn từ những thuở niên-hạo
 Muốn nhìn các bạn gần xa
 Cảm thông cảnh lệ-sầu pha ngập trời!
 Yoi muốn gỡ những lời tâm-phức
 Lặng bạn lòng lữ-lực liên-hoan,
 Gỡ là gỡ-lại tiếng vang
 Ka-xâm vắng-lặng của ngàn Xuân xưa,
 Của những má-mồ chứa mồ của
 Đời mừng Xuân mặt thuở thanh bình,

Những hồn chết yếu láng-trắng,
 Cúi trong thẳm-thẳm u. vũng bốn mùa
 Cửa những tiếng cười chua thắm lệ,
 Những hoa tàn thê! lệ lều hương,
 Những hồn vất-vưởng trong sông
 Lê-la kiếp sống sầu-thường muôn đời!
 Khi gió táng hồn trời bỏ ngo?
 Đêm mờ' mẫm, vắng gió, vắng sao,
 Hồn-tho' Khoát áo lệ-sầu,
 Này hoa, này mộng, lệ' chào đón Xuân!
 Với các bạn Tang mừng Xuân Tươi,
 Ngày mai ở đây gió' quỳên Xuân đi.
 Nước-Non nào luyến-tiếc si,
 Còn vương-vân lại trường-kỳ Hận Xuân!

Ng. V. H.

NĂM.

TỶ

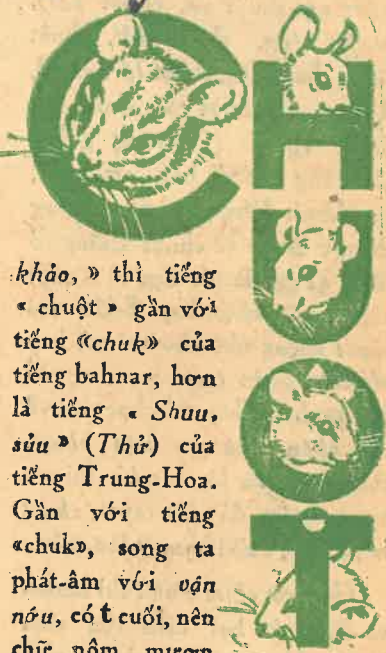
Nói chuyện

Loài
thú nhỏ
con,
« râu
mọc hai
chìa »



« răng đều bốn cái », hay ăn tạp,
 hay gặm phá, khoét vách đào
 hang, lại truyền nhiễm bệnh dịch
 hạch, tai vạ cho loài người,
 giống mà mèo chó gặp đầu giết
 đó, mèo thì ăn thịt, chó thì cắn
 cổ, con dừ (belette) lại còn tàn
 nhẫn hơn, hễ gặp thì cắn hai
 gân cổ cho vọt máu ra, rồi bỏ
 mặc cho chuột nằm giãy chết,
 giống ấy mà lại được có tên
 đứng đầu trên sáu mươi giáp-
 hoa, mười hai chi tuế, và được
 người mình, nhất là giới « ghe
 bầu ghe nan, vì quá kiêng sợ,
 kêu tâng là « ông tý ».

Xét trong ngôn-ngữ Việt Nam
 theo cổ SOUVIGNET, trong
 quyển « Việt thoát khởi nguyên-



« khảo, » thì tiếng
 « chuột » gần với
 tiếng « chuk » của
 tiếng bahnar, hơn
 là tiếng « Shuu,
 sù » (Thử) của
 tiếng Trung-Hoa.
 Gần với tiếng
 « chuk », song ta
 phát-âm với vận
 nõu, có t cuối, nên
 chữ nôm mượn
 chữ « khuyển »
 ghép với chữ

★ LÊ-NGỌC-TRỤ



NĂM TỶ NÓI CHUYỆN CHUỘT

« thuật » mà ghi tiếng « chuột ».

« Chuột bọ » có nhiều giống, nhiều loại từ con nhỏ bé tí đến con to gần bằng mèo: chuột bọ, chuột cống, chuột chù, (cũng gọi chuột xạ, chuột hôi), chuột đàn, chuột đất, chuột đờng, chuột nhắt, chuột lã (nhất), chuột nài, chuột tàu, chuột xù, chuột cà-xóc... Nhưng giống nào cũng xấu xí, hay cắn phá, gặm khoét đáng ghét, nên những từ-ngữ thuộc về chuột không có tiếng gì gọi là tốt đẹp cả: mặt chuột, mặt nhọn hay lì-lắc; mỏ chuột miệng nhỏ khó coi mà hay nói bậy; quân tặc chuột, người hay sanh sự, hay chỉ chọc việc vô can; chày nhà ra mặt chuột, chuyện có võ lỗ ra môi lời ra hạng « ném đá dẫu tay »; chuột so hủ nếp, cười hạng « đào-mỏ »..

Từ ngữ chim chuột thì mượn và dịch ý hai điển của sách Trung-Hoa nên có hai nghĩa khác nhau.

Nghĩa thứ nhất, theo Đại-Nam quốc âm tự vị PAULUS CỦA thì người chim chuột là đưa hay láo-xược, hay kiếm chuyện làm cho sinh sự bất hòa.

Lấy điển của bài ca trong Kinh Thi: *thử nha tước giác* (nanh chuột, sừng chim sẻ):

Tùng vị tước ô giác ?

Hà dĩ xuyên ngã ốc

Tùng vị thử vô nha

Hà dĩ xuyên ngã đồ

(Ai bảo chim sẻ không có sừng

Lấy gì để xoi nhà ta ?

Ai bảo chuột không có nanh

Lấy gì để xoi tròng ta ?) (1)

Nhưng chim sẻ không sừng mà nói có sừng, con chuột không nanh mà nói có nanh, vì khúc-trực không rõ, sanh ra kiện thưa, vì vậy *chim chuột* (tước thử chi tranh) dùng để chỉ những người thích kiện-tụng, những người hay đặt điều láo-xược, kiếm chuyện xúi-giục cho sanh sự bất hòa với nhau.

Mỏ chim nanh chuột, tranh hơi còn nhiều
(Trê cóc)

Nghĩa thứ nhì, *chim chuột* lại dịch ý câu của KHÔNG-AN-QUỐC đời Hán: « điều thử cộng vi thư hùng » (chim chuột đồng làm việc trống mái). Có lẽ

Theo bản dịch của ông Bửu Kế, Tầm nguyên từ điển

NĂM TỶ NÓI CHUYỆN CHUỘT

vịn theo ý ấy, nên tiếng Việt có từ-ngữ *chim gái*, nói về việc « chọc gái ». (Từ-ngữ *chim gái* cũng mượn ý nơi từ-ngữ *chim xanh*, nghĩa bóng là « người đưa tin-tức mới lái về việc trai gái). Còn tiếng *chuột* thì gọi ý mèo, nên tình *ch m chuột* nói ra thành « *mèo chuột* », rồi có lẽ danh từ « *chuột* » không gọi mỹ-cảm bằng danh từ « *mèo* », nên chỉ dùng danh từ « *mèo* », « *o mèo* » chẳng ? thôi

Chuột có nhiều giống, nhưng hai giống gây tai-vạ cho loài người hơn hết, tự cổ chí kim, từ đông sang tây, là loại *chuột nhà* và loại *chuột cống*, đồng nhiều thành đàn.

Theo thần-thoại Tây-phương thì dường như Trời sanh ra chuột để trừng phạt loài người. Nhưng người nào gây tội ác bị Trời sai chuột đến cắn gặm; bằng chứng là tổng - giám - mục HATTO bị chuột cắn gặm chết.

Theo sách Pháp, dân Paris thời cổ, vì sợ hỏa-hoạn và ác thú làm hại, nên có thờ mấy vị thần để phù-hộ cho. Dân chúng thành LUTÈCE mới tượng hình

mấy vị thần mà thờ. Một bira kia, vì bất cẩn, người đào cống nhờ đời mấy tượng thần đi nơi khác. Vì vậy Trời giận, sai chuột xuống phá - phách và gây hỏa-tai cho dân chúng Paris.

Vì chuột gặm phá, ăn tạp, đã cắn lười và ăn vấy vào vật tế-phẩm của thần MINERVE, nên bị Minerve thù ghét, bài-trừ, và bị thần APOLLON tiêu-diệt cả đoàn. Apollon tàn - sát chuột nhiều cho đền đổi người ta tặng cho tên riêng là SMINTHÉE (người tận-diệt loài chuột).

CAIN lại càng tích-cực hơn, nguyên - rửa tiêu - diệt cả dòng giống chuột, « *hễ gặp giống nó phải tìm mà trừ tuyệt* ». Vì vậy mà người ta tìm đủ phương trừ chúng, dùng bẫy sập, đốt lửa un khói vào hang, thuốc độc, nước sôi, sắt nhọn, đâm giết không dung. Có nương tay chẳng là chỉ vì sợ « *đập chuột bê đờ* » mà thôi.

Chuột phá hại cho đến đời trong Thánh — Thư có chép « *chính chuột Ai-cập đã gây bại trận thê-thảm cho quân-đội của SENNACHERIB; chỉ trong một*

đem chúng cắn nát tất cả dây cung-nỏ và dây đai lãn - khiến của quân-đội ASSYRIE.

Loại chuột nhà thì thời lúc nào và xứ nào cũng có. Loại chuột cống, trái lại, « nhập cảng » vào Tây-phương do các rợ xâm-lãng đem đến; chuột ở theo quân lính ăn đồ dư - thừa, nên quân lính đi tới đâu là có chuột đến đó. Tiếng Pháp có câu « telle horde tel rat » « rợ nào chuột nấy » : chuột rợ Goths, chuột rợ Vandales, chuột rợ Huns...

Nhưng giống « chuột cống nâu » (rat brun) từ Á-châu, lại theo tàu-thuyền đến Tây-phương vào thế-kỷ XVIII. Theo từ-điển Larousse, vào khoảng năm 1725, tại ven biển Caspienne, vùng Coman bị động đất dữ-đội. Sau thiên tai ấy, người ta thấy, do đường đất lở núi băng, có vô số chuột Á-châu (surmulot ou rat d'Aste) không biết ở đâu mà tủa ra cả đàn... chúng kéo đi « có trật tự », tốp thì kéo đến vùng Astrakhan, lội qua sông VOLGA, một số lớn bị nước cuốn đi, còn dư lại, hoặc trèo lên mấy chiếc tàu đậu dưới sông,

hoặc lên bờ thẳng tiến..., tốp thì lần hồi băng miền vượt đến Sibérie miền bắc, đến thành - phố Jaick...

Tốp đáp « tàu thuyền » vượt biển, vì đói quá mới « đổ bộ » tại LONDRES, tại PARIS, rồi về sau từ ANH sang MỸ... gặp hệ-thống cống - rãnh của các thành-phố lớn với tất cả những vật thực thừa-thãi đổ dồn vào ấy, giống chuột đã được « đất tốt » mặc sức mà sinh sôi nảy nở, thành đàn, thành đội, phân nhau chiếm - cứ các nơi, dưới cống - mương các chợ phố, lò heo, cầu xí...

Chuột ăn tạp, dụng vật gì cũng ăn mất hết, nên tiếng rat của Pháp-ngữ còn có nghĩa là « kẻ trộm cắp », « kẻ cắp sang-trọng » tại mấy nhà hàng, nhà ngủ lớn các đô - thị thì gọi là « rat d'hôtel ».

Vì là giống cắn hại, đục khoét nên Cụ Thi - sĩ NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU dùng nó để ám-chỉ hạng « đục khoét, xoi hao mạch nước ». Nay hơn nội đến giống chuột tai vạ, xin sao-lục bài THẢO THỨ HỊCH

của cụ Đồ đã tả đủ cả, danh-hiệu, quán-chỉ, hình-thù, tâm-tánh của loại thú gặm khoét vô-lương để quý vị nhân-lâm trong lúc xuân sang.

THẢO THỨ HỊCH

TƯỢNG MẪNG :

1.— Lê trời sanh vật, vật ấy nhiều loài.

2.— Lấy câu thuận tánh làm lành; thấy chữ nghịch thường mà ngán.

3.— Nhỏ là loài ong kiến, còn biết nghĩa quân thần; lớn là loài hồ lang, cũng niệm tình phụ-tử.

4.— Kìa như nha báo tai, thước báo hỷ, đời cũng nhờ lành dữ đem tin ;

Nọ như khuyển thủ dạ, kẻ tư thần, người còn cậy sớm khuya an giấc.

5. Lò Tào hóa nhúm-nhen khắp vật, vật nào hay khuấy-rối sự nhà ;

Thợ Hóa-Công đục nắn nhiều loài, loài nào dám xoi hao mạch nước ?

NAY CÓ CON CHUỘT

6.— Lòng mọc xôm - xam, tục kêu xù, lắt;

7.— Tánh hay ăn vặt, lòng chẳng kiêng dè;

8.— Chỗ ở ăn hang lỗ nhiều bề, đường qua lại đào ra hai ngách.

9.— Nghe hơi động vọt vàng chạy mất, nhác quá mẹ cheo : Chờ đêm khuya sẽ lên lút nhau, liến hơn cha khi.

10.— Gọi danh hiệu : chuột xạ, chuột lắt, chuột xù, chuột cống, anh em đồng họ nhiều tên; Tra quán chỉ : ở nhà, ở ruộng, ở rạch, ở ngòi, bậu bạn non sông lấm lối.

11.— Lớn nhỏ răng đều bốn cái, ăn của người thàm tới biết bao nhiêu ; văng dài râu mọc hai chia, văng mặt chủ lung-lãng đà lấm lúc.

12.— Và sáu mươi giáp hoa đứng trước, lẽ thì thiện tánh linh tâm;

Thì mười hai chi tuế ở đầu, cũng đáng cư nhận đo nghĩa.

13.— Có sao lại đem lòng quý-quái ?

Có sao còn làm thói gian-tham ?

14.— **Tát Đông Pha** thường bừa tha gừng,

Ruồng Nam Quách ghe phen cần lúa.

15.— Nếp gạo của trời nuột mạng, ăn phá rồi còn kéo xuống hang ;

Nệm mền của chúng che thân, cần nát hết lại tha vào lỗ.

16.— Hoặc nằm giữa cần đuột tha trứng vịt, gây nên hàng tổ chịu đòn oan.

Hoặc leo dây ngóng cổ găm giò heo, đề án con đòi mạng tiếng khờ.

17.— Vây cũng gọi mình hay «ngũ kỵ».

Vây cũng khoe ngời trước «tam tài».

18.— Chẳng xét mình và nuốt dưới cầu,

Lại quen thói lén mò bên vách.

19.— Sách **Lỗ Sĩ** biên câu «thực giác», vì miệng ai cho nên qua lối đạo thờ trời.

Thơ **Quốc-Phong** đề chữ «thực miếu» vì miệng ai cho nên dân xa làng bỏ đất ?

20.— Ghe phen trách quần hư áo lụng, vì miệng ai cho nên chồng vợ giận nhau,

Nhiều chỗ than vách ngả thêm

xiêu, vì miệng ai cho nên che con đức bản ?

21.— Nền xã tắc là nơi báo bổ, can chi mi đào lỗ đào hang ?

Chốn miếu đường là chỗ thanh tân, có chi người cần mẫn cần sáo ?

22.— Kẻ trính nữ ghét thằng cường bạo, cũng còn mang cái tiếng «thử dâm».

Án Long Đồ tra đũa gian-là, hãy còn mắc cái câu «thử thử».

23.— Gối ngoã chủ **Nghiêu Phu** đã đến bề,

Khen cho quý-quat chẳng chừa;

Gây Phi long **Linh Kiệt** đã tung bưng, sao hãy yêu tình không góm ?

24.— Nham độn mười hai ngôi tướng, cho hay thần hậu thiệt tướng gian;

Diễn cầm bốn biny vì sao, phải biết hư nhứt là sao dữ.

25.— Sáu hiềm bảy tám lòng-nghiệt thử, cục cú ra cũng nhon hai đầu;

Bíu xốt chi manh áo thử cầu, tấm da lột không đầy ba tấc.

26.— Tuy là tướng hữu bì hữu chất, thật là loài vô lễ vô nghít.

27.— Luận tội kia đã đáng

phân thi, thứ tay nợ cũng vì kiêng vật.

28.— **Gận** là gận trộm đồ bàn Phạt, trốn án mà xưng vương;

Căm là căm cần sách kẻ nho, đành lòng mà phá đạo.

29.— Ngao ngàn bấy cái thân chuột thúi, biết ngày nào ô-thước phanh phui ;

Nực cười thay cái bụng chuột than,

Uống bao thuốc **Huỳnh Hà** ráo cạn.

30.— Vì số ngàn đồng nước khảm, khôn bề rửa sạch tội «đá-dâm».

Dầu cho mưu nên oang đoài, cãng khỏ mua riêng hình «bất-xá».

31.— Tội đường ấy đã nên ác quá ; ta tới đây há dễ nhiều-dung !

32.— **Án** tiền phong nấy gã sẵn rông;

Phù hậu tập sai chim bà-các.

33.— Sấm sủa binh sương giáp sắt;

Trau đòi ngựa gió xe trắng.

34.— Giồng trống sấm-xuất binh ;

Phất cờ lau lập trận.

35. **Đuốc** **Điền Đôn** sấm sấn, đề phòng khi un đốt ngách u-ốt;

Đèn Lý-Bạch đất tù, đứng chờ thuở xét soi hang uất khúc.

36.— Hàng hàng bố-liệt thương-đao, nhập sào huyết phá hồ lỗ chuột ! Phải nghe ta dặn.

Sấm sủa đủ đồ :

37.— Cuộc xuống đào hang, Phãng mai chặn ngách;

38.— Trá, trách, nổi, niều rửa sạch, thượng kỳ : phù địch khái chi tám;

Tiêu, hành, sả, ót, muối đám, thứ dĩ : tạ chúng nhân chi khâu.

39.— Chớ đề con nèo sơ lậu, phải ra tay lấp lỗ tam bành; Đừng cho chúng nó sầy ra, phải hết sức trừ đồ lục-tặc.

40. Bốn phương đều ngọt chữ thặng bình,

Thiên-nạ cũng out câu án đồ.



★ DANH NGÔN

Trong một cuộc hội-hợp, khi mọi người đều đồng ý-kiến, tức là không ai có ý-kiến cá.

W. Lippman.

NGUYỄN
ÁNH

XUNG - VƯƠNG
TẠI
SAIGON

MÔNG MỘT TẾT
CANH-TÝ (1780)

Nhân mùa Xuân năm Canh Tý
Chúa Nguyễn Phúc-Ánh nằm
mơ thấy con chuột Bạch nên
xưng Vương giữa ngày mồng
Một Tết năm Canh Tý (1780).

Chuyện lịch-sử truyền khẩu
về vua Gia-Long

Năm Canh Tý (1780), cách đây
vừa đúng 120 năm, Vua Gia Long
xưng Vương ở đất Sài - Côn
(Sài-Gòn) vì một giấc mơ 9 con
rồng phun nước và con Chuột
Bạch lông trắng như Tuyết đứng
trên cành hoa Lan. Được Thầy
Tàu đoán mộng, Nguyễn Phúc-
Ánh xưng Vương Hiệu giữa
ngày mồng Một Tết năm Canh
Tý (1780), tại Sài-gòn và Gia-
Định.

T.L.



NĂM Đinh-Dậu
(1777), NGUYỄN-
NHẠC được Chúa
TRỊNH-SÂM nhân
danh VUA LÊ phong cho làm
Quảng Nam Trấn Thủ, Tuyền-
Úy Đại-Sứ Cung-Quận-Công,
nên không cần phải lo chống giữ
mặt Bắc với Chúa-Trịnh nữa mà
chỉ còn lo tiêu-diệt Chúa Nguyễn
ở miền Nam mà thôi. Nguyễn-
Nhạc liền sai hai em là NGUYỄN
LỮ và NGUYỄN-HUỆ đem

★ TÔ - LANG

NGUYỄN-ÁNH XUNG VƯƠNG TẠI SAIGON

quân Thủy-Bộ tiến vào Nam đánh
lấy thành Gia-Định.

Các Chúa nhà Nguyễn là
TÂN-CHÍNH VƯƠNG và
THÁI-THƯỢNG VƯƠNG
cùng tướng là Lý Tài không địch
nổi, đành phải bỏ Sài-Côn (tức
Sài-Gòn bây giờ) và Gia-Định
trốn về Định-Tường (Mỹ-Tho)
Vĩnh-Long và Long-Xuyên, rồi
sau cũng bị NGUYỄN-LỮ và
NGUYỄN-HUỆ bắt sống đem
giết. Trước khi kéo quân về
Quảng-Nam, Huệ phong Chu
làm Tổng-Đốc Thành Gia-Định.

Bình định được miền Nam,
NGUYỄN-NHẠC tự xưng Đế
Hiệu, đặt niên hiệu là Thái-Đức
lấy thành Đồ-Bàn làm Kinh-Đô
đặt tên là Hoàng-Đế Thành.

Ở trong Nam, cháu Thái-
Thượng Vương là NGUYỄN-
PHÚC-ÁNH thấy anh em
Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đã
về Qui-Nhơn rồi, mới thu thập
binh mã kéo quân từ Long-Xuyên
tiến lên Sa-Đéc để cùng với quan
Chương-Dinh Đồ-Thành-Nhơn,
quan Cai Đội Lê-văn-Quần,
Nguyễn-văn-Hoàng, Tổng-phúc-
Khương, Tổng-phúc-Lương, vây

đánh thành Gia-Định và Sài-Gòn,
đuổi Tổng Đốc Chu về Qui-
Nhơn.

Lấy xong thành Gia-Định,
Nguyễn-Phúc-Ánh cho ĐỒ-
THÀNH-NHƠN đem quân
Đồn Đông-Sơn ra đánh lấy
thành Bình-Thuận và vây thành
Diên-Khánh. (Bây giờ là Nha-
Trang).

Năm Canh-Tý (1780),
Nguyễn-Phúc-Ánh thấy ngoài
Quảng-Nam Nguyễn-Nhạc đã
xưng Đế từ năm Mậu-Tuất
(1778) nên cũng xưng Vương-
hiệu, lấy thành Sài-Côn làm
Kinh-Đô.

Truyền rằng Nguyễn-Phúc-
Ánh nằm mơ thấy đất Sài-Côn
nổi lên 9 con rồng phun nước
lênh láng, dưới nước lại có
những cánh hoa Lan tuyệt đẹp
mùi thơm phưng phức mỗi lúc
một chồi lên, trong một cánh Lan
to có một con chuột Bạch lông
trắng như tuyết chạy ra rồi
ngoảnh mặt ngó về phương Nam
một khắc mới quay về phương
Bắc mà nhìn.

Thức dậy, Nguyễn-Phúc-Ánh
liền cho mời một thầy đoán mộng

người Minh-Hương có tài xem Tử-Vi và Thiên-Văn, vô Đỉnh bàn chuyện Quốc sự và hỏi về cơ vận để đoán giấc mộng đêm trước.

Người Khách Minh-Hương nghe thuật xong giấc mộng rồi ngẫm nghĩ viết một chữ GIA đưa cho Nguyễn - Phúc - Ánh. Nguyễn-Phúc-Ánh không hiểu là ý gì mới hỏi thì người Khách Minh-Hương này tâu rằng: « Đất Sài-Côn vốn là Quý Địa, mạch ăn từ phía Cửu long chạy dài đến đất Thủ Biên qua Gia Định, có thể nhờ đất ấy mà làm nên nghiệp lớn. Nay mơ thấy 9 con rồng phun nước ở đất Sài-Côn là điềm ứng vào giấc mộng trước kia của Chúa đã thấy (1). Cơ trời đã định Chúa xưng Vương phải xuất phát từ Thành Sài-Côn. Cửu-Long ứng mộng tức là nhà Chúa sẽ dựng CHIN đời làm Vua. Vậy xin Chúa hãy sửa soạn xưng Vương cho kịp.»

Nguyễn Phúc-Ánh liền hỏi: « Năm nào xưng Vương thì đúng với Thiên-Mệnh? »

Người Khách Minh-Hương liền tâu: « Nay đã 10 tháng Chạp năm Kỷ-Hợi mà mộng

thời ứng vào năm Tý. Con chuột Bạch Tráng ngoảnh về phương Nam rồi quay ra phương Bắc ứng vào năm Tý, Chúa bình định xong miền Nam mới tiến quân ra Bắc nhứt thống sơn hà chỉ hiềm một nỗi Nhà Nước lại bị nạn Da Tráng những nhiều cả 9 đời. Đó là mộng ứng đúng như vậy. Nay đã gần hết năm, xin Chúa hạ lệnh cho Quan Phụ Chính Thượng Tướng Công sửa lễ Tế Trời Đất vào đúng ngày Mồng Một Tết năm Canh-Tý là mở đầu vận hội thanh bình ».

NGUYỄN-PHÚC-ÁNH lấy làm vui mừng cho đem vàng bạc biếu người Khách Minh-Hương đoán mộng rồi truyền cho quan Phụ - Chánh Thượng Tướng Công ĐỖ - THÀNH - NHƠN lấy vàng bạc trong kho ra để lập trạm Trại, treo đèn kết hoa làm lễ xưng Vương giữa ngày mồng một Tết năm Canh-Tý.

Mộng Nguyễn-Phúc-Ánh nằm thấy thật là ứng đúng như lời

(1) Mộng trước Chúa thấy bị mất đầu được đoán là Chữ Chúa mất đầu thành chữ Vương tức là mộng ứng Chúa sẽ được làm Vua.

đoán của người Khách Minh-Hương. Từ đời Gia-Long đến Bảo-Đại đúng 9 đời Vua và bị Pháp đô hộ. Pháp bị mất quyền cai trị ở Việt phải kể là từ ngày Bảo-Đại bị lật đổ ngày 23.10.55 là ngày thành lập chế độ Cộng-Hòa, truất phế Bảo-Đại, vị Vua cuối cùng của nhà Nguyễn vậy.

Sài - Côn, Gia - Định
tưng bừng trong ngày
lễ xưng Vương của
Nguyễn - Phúc - Ánh.

Phụ-Chánh Đại - Thần Đổ. Thành-Nhơn trước Quận Công Thượng Tướng Quân được chiếu Chúa mở hội xưng Vương giữa ngày mồng một Tết năm Canh-Tý liền huy động quân lính Đông-Sơn và dân Sài-Côn, Gia-Định, Định-Tường, Vĩnh-Long, Long-Xuyên bày Hương-Án, treo đèn kết hoa mở hội Hoa-Đăng mừng Chúa xưng Vương.

Khắp các nơi, dân chúng nô nức ăn Tết. Nhà nhà đều treo đèn kết hoa để đón mừng Vương hiệu. Giữa thành Gia-Định, quan Tổng-Trấn thành Gia-Định là

Đỗ-Thành-Nhơn lập một kỳ đài đúng như giấc mộng của Nguyễn-Phúc-Ánh, có 9 con rồng phun nước giữa những khóm Hoa Lan thật đẹp rồi mời Nguyễn-Vương ra truyền Hịch kêu gọi Ba Quân Tướng Sĩ.

Dân chúng vùng Gia-Định và Sài-Côn đốt pháo múa Lân, để mừng lễ Chúa suốt trong 7 ngày kể từ ngày mồng một đến ngày hạ nêu. Nguyễn-Vương lòng vàng cả đẹp cho xuất cửa kho để khao thưởng ba quân, tướng sĩ.

Truyền rằng hồi bấy giờ ngoài Bắc, Chúa Trịnh-Sâm vốn người làng Bồng, huyện Quảng-Hóa (sau đổi là huyện Vĩnh-Lộc) khi xuất quân phò Lê diệt Mạc thường dùng quân Bản Bộ là quân Thanh-Hóa và Nghệ-An đánh giặc. Quân Thanh Nghệ là quân kiêu dũng hết lòng vì Chúa rất gan dạ, đánh đâu được đấy nên được Chúa trọng dụng dùng làm Cận Vệ binh coi sóc trong Hoàng Thành Vua Lê và Phủ Chúa.

Năm 1782, Chúa Trịnh-Sâm say đắm nàng Đặng-thị-Huệ lập con thứ là Trịnh-Cán lên làm Chúa thì bị quân Tam Phủ

Thanh Nghệ nổi lên giết Cán lập Khải. Đó là loạn Kiêu Bình miền Bắc gây nên bao sự nhiễu hại lương dân.

Ở miền Nam Chúa Nguyễn vốn quê ở Triều-Tường huyện Tống-Sơn sau đổi là Phủ Hà.



Trung nên khi Nguyễn-Uông bị Trịnh-Kiểm giết rồi, Nguyễn-Hoàng mới vào xin với chị ruột nói cùng anh rể là Trịnh-Kiểm cho Hoàng vô Phú Xuân lập nghiệp. Kiểm bằng lòng, Hoàng đem theo những quân lính và tướng tá tâm phúc người đồng quê Thanh-Hóa vô miền Trung lập ấp. Quân Thanh theo Nguyễn-Hoàng hầu hết là người Đông-Sơn, Hà Trung, Hoàng-Hóa, Hậu Lộc bằng bề thêm cả vợ con, cha mẹ đi cư lập ấp ở miền Nam. Toàn quân Thanh Hóa rất kiêu đồng phần vì cùng quê với Chúa nên hết lòng vì Chúa Nguyễn, phần vì những kẻ bỏ đi theo Chúa là những kẻ bất mãn với Địa Vị ở quê hương nên sanh tâm thù ác muốn làm nổi tiếng để lấy thể với bản xứ nên bọn lính Đông Sơn đánh đấu được dấy.

Quan Thượng Tướng Công, Phụ Chánh Đại-Thần Đổ-Thành Nhân là người chỉ huy đám quân Đông-Sơn giúp Nguyễn-Vương khôi phục lại Thành Gia-Định và Sài-Côn, đánh chiếm thành Bình Thuận và Diên Khánh nên được Nguyễn-Vương

trọng dụng, biệt đãi.

Quan Thượng Tướng Công Đổ-Thành-Nhơn, Tổng-Trấn Gia-Định thấy quân lính Đông-Sơn dưới quyền chỉ huy của Ông lập được nhiều công, đánh giặc lại giỏi nên cậy thế sinh ra kiêu căng định lấn át quyền Chúa Nguyễn nhứt là sau ngày Chúa Nguyễn xưng Vương Hiệu ở Sài-Côn giữa ngày mùng Một Tết năm Canh-Tý (1780), cách nay vừa đúng 120 năm, Đổ-Thành-Nhơn lại cậy quyền thế và công lớn với Chúa hơn nữa.

Nguyễn-Phúc-Ánh năm xưng Vương hiệu, mới có 19 tuổi nhưng đã tỏ ra là người có trí dũng và mưu kế hơn người. Năm 17 tuổi Nguyễn-Phúc-Ánh đã dùng mưu lược và chí mưu dùng Tướng để lấy Thành Sài-Côn, Gia-Định, được các Tướng kính mến tôn Ánh làm Đại Nguyên-Sứ Nhiếp Quốc Chính. Bởi vậy khi thấy Đổ-Thành-Nhơn giáng chùng kiêu căng cậy có quân Đông-Sơn định lấn quyền họ Nguyễn, Nguyễn-Phúc-Ánh mới hải tị đem giết Đổ-

Thành-Nhơn và tước hết quyền của quân Đông-Sơn. Quân Đông-Sơn lo sợ bỏ trốn rồi nổi loạn đánh lại Chúa Nguyễn Phúc-Ánh.

Trong kỳ Nguyễn-Phúc-Ánh xưng Vương Hiệu, Đổ-Thành-Nhơn đã lập được nhiều công trạng nhứt là về tài tổ chức quân đội cũng như tuyên truyền uy thế của Chúa Nguyễn lúc bấy giờ.

Đổ-Thành-Nhơn đốc xuất dân chúng bày biện Hương-Án, các kỳ đài đón rước Vương Hiệu, cho dân chúng được đánh cờ bạc rong chơi, mở hội Hoa Đăng giòng đã 7 ngày trời làm cho dân chúng vô cùng vui thích. Quan Ngoại Hữu Phụ Chánh Thượng Tướng Công Đổ-Thành-Nhơn lại thân hành đến chơi đùa với dân chúng nên dân chúng thành Sài-Côn và Gia-Định đều kính mến quan Ngoại-Hữu Phụ Chánh. Khi Ngoại-Hữu phụ Chánh Đổ-thành-Nhơn bị giết dân chúng thấp đèn, đốt nhang cúng vái. Nhiều nhà lập bàn thờ trong nhà để cúng kiếng.

Năm sau, Nguyễn-Phúc-Ánh bị Nguyễn-Huệ đem Thủy-Lục Quân đến vây đánh phải bỏ thành Gia-Định, Sài-Côn mà chạy. Dân chúng vì oán ghét Nguyễn-Vương giết làm Đổ-Thành-Nhơn nên không mấy người theo Nguyễn-Vương nữa. Nguyễn-Vương bị Nguyễn-Huệ đánh chạy dài bỏ đất liền ra đến Phú-Quốc cũng bị Nguyễn-Huệ đem Thủy Quân ra vây bắt. Nguyễn-Vương lại thua chạy bỏ Phú-Quốc chạy ra Côn-Sơn. Nguyễn-Huệ đem thuyền và quân lính ra vây Côn-Sơn bắt chúa Nguyễn phúc Ánh. Trăm phần trăm thấy chết cả trăm, Chúa Nguyễn phúc Ánh đành chịu bó tay chờ chết. May thay khi quân lính của Nguyễn-Huệ đáp thuyền ra đánh Côn Sơn nửa đường bị bão đánh đắm hết thuyền nên Nguyễn-

Vương mới có thể trốn thoát được chạy sang Xiêm cầu cứu.

Ở Xiêm La, Nguyễn-Vương gặp vị Giám-mục Gia-Tô Giáo là Đức Cha Bá-đa-Lộc (Pierre Pigneau de Béhaine, évêque d'Andran) ở đất Châu-Bum truyền-giáo (Xiêm) liền mời đến cầu-cứu với nước Pháp và cho Hoàng-tử Cảnh mới có 8 tuổi sang Pháp làm con tin cùng với Ấn Vua.

Cuộc giao thiệp với Đức giám-mục Bá-đa-Lộc, Nguyễn-phúc Ánh đã dẫn đầu cho giai-đoạn lịch sử mới của Dân tộc Việt : NGƯỜI PHÁP SANG CHIẾM NƯỚC TA và CAI TRỊ ĐỜI NHÀ NGUYỄN đúng với giấc mộng con Chuột-Bạch của Nguyễn-Vương.



→ KHOE VỢ

Bà Búa khoe vợ với Tư Bù-Loong :

— Đại-ca ơi, vợ tôi học giỏi lắm, nghe. Bất cứ về vấn đề gì, nó cũng nói được hàng giờ !

Tư Bù-Loong đáp lại liền :

— Xì, vợ tôi giỏi hơn nữa. Mồm nó nói suốt ngày, không cần vấn-đề, gì ráo !

XUÂN VỀ

Thuyền về lấp nập sông xuân,
 Lờ xuân thanh thoát trắng ngàn sắc mai.
 Cành xuân, tóc mượt, nghiêng tai;
 Chim xuân tranh liếng đua tài hát thơ.
 Gió xuân gheo lá ỡm ờ,
 Bướm xuân dẹt sắc trăm tờ hoa tiên.
 Hoa xuân mím nụ làm duyên,
 Hương xuân ướp ngõ nhủ nguyên yêu đương.
 Tơ xuân lưới mộng mười phương,
 Năng xuân êm điệu nghệ-thường luy bay.
 Lòng xuân : hộp phải men say,
 Người xuân trẻ lại, mộng dài thêm ra.
 Ý xuân son thắm, vị tha,
 Yêu xuân : đắm đuối dờn ra bút ngà.

Xuân về, đượm nghĩa vơi ca,
 Mùa xuân là một món quà thiêng liêng,
 Xuân sang, non nước diệu huyền,
 Trời xuân là một cảnh tiên vườn trần.

TỪ-TRẦM-LỆ

MÓN Quà

Kỷ niệm

ĐẦU
NĂM



D O I khỏi tiệm uốn tóc, bà Phúc còn dơ tay hất hất mái tóc mới uốn một cách kiêu cách. Một khoảng trắng sau gáy, dưới chân tóc lộ thoáng trong một giây. Mùi thuốc hăng-hắc vẫn còn bao phủ mái tóc đen bóng của bà.

Sự nhộn-nhip của phố-phường ngày đầu năm như hòa theo niềm vui hớn-hở của bà Phúc vừa mới chớm-nở khi bà nhìn kỹ hình mình với mái tóc mới ở trong gương.

Bà mỉm cười khi nghĩ tới cô thợ uốn tóc đã phải khen: "Bà có nhận thấy bà đã khác hẳn với lúc vấn tóc không? Lúc đó khuôn mặt của bà tối và già hẳn, nhưng bây giờ thì sáng-sủa, đẹp ra và trẻ hẳn lại".

Bà Phúc thấy mình như trẻ

hẳn lại của tuổi đôi mươi dù sự thật trên mái tóc đen của bà đã ba mươi sáu lần mùa xuân nối tiếp nhau đổi thay.

Bà lại dơ tay lên hất hất mái tóc. Cái cò cao lại hiện một khoảng trắng nhỏ dưới chân tóc sau gáy thoáng trong một giây.

Đi ngang qua nhà hàng Kim-Sơn, bà hơi ngưng-nghe khi thấy bao con mắt ngược nhìn bà. Có người đang uống dờ cốc bia cũng soay người nhìn theo. Không hiểu họ nhìn mái tóc mới hay cốt «chiêm-ngưng» dung nhan của bà. Tự nhiên chân bà dứ lại và bước đi chập-chững. Mặt đỏ bừng, bà lại dơ tay lên hất hất mái tóc.

Bà chợt nghĩ tới lời nói của Thù — con gái lớn của bà — đã

MÓN QUÀ KỶ NIỆM ĐẦU NĂM

từng nhắc fan giục bà đi uốn tóc: «Me cứ nghe con me đi uốn tóc đi. Mái tóc của me sẽ cao, gọn và làm tăng sắc đẹp sẵn có của Me cho mà coi».

Hồi trong năm, dẫn do suy-nghĩ mãi bà mới quyết-dịnh cắt bỏ mái tóc huyền, nhưng lúc đó, tiệm uốn tóc nào cũng đông nghẹt khách, từ cô bé lên năm cho tới các nàng thiếu nữ, các bà đứng tuổi đang ngồi chờ đợi nên bà đành phải để dành ra giêng mới đi làm đầu.

Mãi nghĩ-ngợi, bà Phúc đã bước tới đường Tự-Do. Nhìn đồng hồ mới có mười giờ, bà tạt vào vườn hoa ngay bên đường để nghỉ chân. Phía góc vườn một đôi tình nhân trẻ tuổi đang ngồi đối vào nhau như không muốn rời. Hình như họ đang bàn tính những chuyện xây dựng tương-lai.

Trời trong xanh, những lá cây xanh mơn mớn rung rung, chao đi chao lại trước ngọn gió xuân nhẹ thổi. Trên bụi cây, một đôi chim se-se đang mổm mổ cho nhau. Không khí mát mẻ.

— Xin lỗi Bà!

Đang mãi ngắm đôi chim non rìa cánh cho nhau, bà Phúc giật mình khi nghe thấy có người nói

với mình. Đó là một người đàn ông ăn mặc rất lịch sự, một bộ com-lê màu xanh thẫm, có thắt cravate xanh nhạt điểm hoa trắng.

Bà Phúc vội vàng ngồi nhích ra phía đầu ghế để nhường chỗ cho người lạ mặt mới tới.

— Mời ông cứ tự nhiên.

Người lạ vào chuyện:

— Thưa bà, mong bà bỏ qua cái tính hơi táo-bạo của tôi, nhưng thoát trông thấy bà ngồi một mình ở đây, trông bà đẹp, lịch sự, tôi không thể nào kèm được sự mong muốn là đến đây được ngồi bên cạnh bà...

Đầu tiên nghe lời người đàn ông lạ mặt tán tỉnh, bà Phúc cau-có, bực mình nhưng lòng bà đã dịu-dịu lại theo lời nói ngọt ngào của kẻ ngồi bên cạnh. Đôi má nóng ran lên như lần bà đã được nghe ông Phúc tỏ tình hồi bà mới có hai mươi tuổi. Mười sáu năm nay bà mới lại được nghe tới lần nữa nhưng, chợt bà Phúc thấy mình đã vô lý im lặng ngồi nghe lời nói «hỗn xược» đó, bà muốn đứng dậy mắng vào mặt đứa tán tỉnh mình nhưng rồi bà gìm ngay được. Nghe mấy câu khen

vô thường vô phạt đó có sao ? Ủ
mình hãy còn đẹp thật nên hẳn
mới nói thế chứ ! Nếu không,
thừa hơi đầu mà đi khoe nhăng
nhít !

Người đàn ông lạ mặt vẫn tiếp:

— Tôi đoán bà hay súc cảm
trong đầu óc thỉnh thoảng vương
vít một nỗi buồn mông lung, vô
căn cứ. À... bà có thể cho tôi xem
tay bà được không ? Tôi... tôi có
liếc coi tướng, coi chỉ tay nữa.

Như một cái máy bà Phúc
ch a nhanh tay ra và nghĩ thầm :
“ Hẳn đoán đúng quá, tài thật ! ”

— Tôi chỉ đoán cho bà hai câu
thôi, nếu không đúng bà cứ nói
thẳng.

Người đàn ông nắm lấy bàn tay
trắng trẻo của bà Phúc, lật ngửa
bàn tay ra, chăm chú nhìn những
đường chỉ tay chạy ngang dọc như
những con lộ giao thông.

— Bà hay nhẹ dạ tin người
vì lòng ngay thẳng và tính hay
giúp đỡ. Tôi đoán như thế có đúng
không ạ ?

Cũng không đề ý đến cái
gật đầu của bà Phúc, người lạ
mặt tiếp luôn :

— Bà luôn luôn được mọi
người quý mến, được chồng

thương yêu, con cái kính-trọng...

Bỏ dờ lời nói người lạ mặt
ngửng nhà h nhìn bà Phúc và
cũng kịp nhận cái gật đầu thứ hai
của bà. Đột nhiên, hẳn nắm chặt
lấy tay bà rồi đưa lên môi hôn nhẹ.
Bà Phúc rùng mình như bị điện
giật Bà không tự chủ được lòng
mình nữa. Đôi mắt nhắm nghiền,
bà để mê thụ hưởng cái hơi nóng
tỏa ra bàn tay của bà. Bà quên
hẳn ông Phúc, vào giờ này chắc
đã đi làm về, quên cả đứa con gái
yêu đang mong đợi mẹ về với
mái tóc mới uốn. Bàn tay của bà
vẫn nắm gọn trong lòng bàn tay
dẫn dắt của người đàn ông tình
tử.

Một phút yếu lòng trôi qua, bà
Phúc chợt tỉnh ngộ, nghĩ đến cái
phút tội lỗi vừa qua, bà rùng
mình kinh tởm :

— Ông đi đi, đi ngay đi. Tỷ
nữa tôi đã phạm tội với chồng
con tôi.

Không đề bà Phúc đuổi tới
câu thứ hai, người đàn ông lạ
mặt đứng dậy luôn :

— Tôi thành thật xin lỗi bà,
nhưng không bao giờ tôi có thể
quên được phút thần tiên vừa qua
bên cạnh bà.

Một nhà thơ có nói rằng : « Một
kỷ niệm sung sướng còn giá trị
nhiều hơn hạnh phúc ». Có phải thế
không bà ?

Bà Phúc nhắm mắt lại như để
sua đuổi một lần nữa. Bà không
muốn nghe hẳn nói thêm một lời
nào.

Ngồi vào mâm cơm, ông Phúc
chăm chú nhia mái tóc mới của
vợ. Cô Thủy cũng khúc khích
cười nói to :

— Đấy mẹ xem có phải bây
giờ mẹ đẹp hơn trước không, làm
ba cũng phải chăm chú nhìn không
chớp mắt.

Bà Phúc ngượng nghịu, luống
cuống trước tia nhìn âu yếm, sung
sướng, thỏa mãn của chồng. Theo
thói quen có từ lúc ở hiệu uốn
tóc ra, bà vội dơ tay lên hất hất

mái tóc.

— Kìa ! Sao hôm nay mẹ lại
tháo viên kim cương ở nhẫn ra
thế ? Ông Phúc ngạc nhiên hỏi.

Bà Phúc gật mình nhìn xuống
bàn tay, viên ngọc quý đá không
còn ở đó nữa. Chiếc hôn nhẹ ở
vườn hoa đã thay vào đó rồi.

Mặt đỏ bừng lên vì uất ức, vì
sợ hãi, bà mếu máo khóc :

— Có lẽ tôi đánh rơi đầu rồi,
khờ quá !

Ông Phúc vội an ủi :

— Thôi, thôi, mất rồi thì thôi,
ai lại khóc thế con nó cười cho.
Đề đến chiều tôi dẫn bà lên đường
Tự-Do tìm mua chiếc mặt nhẫn
khác thay vào, gọi là món quà mới
đầu năm làm kỷ niệm ngày bà
« cái cá h » bộ tóc.

Bà bằng lòng chứ ?

* TÊN TẮT

Tổng thống Mỹ, Eisenhower có hai người anh, tên là
Arthur và Edgar. Nhưng người Mỹ có tật kêu tên tắt cho
gọn, nên họ cứ kêu hai người kia là Art và Ed. Bà Mẹ họ ông
và li kêu tắt như thế, nên đặt cho Eisenhower là Dwight,
để dùng ai gọi tắt được nữa. Quả nhiên, cái tên này khó
gọi tắt được lắm, nhưng người ta tại bày ra cái tên ngọng để
gọi Tổng-Thống là Ike !

tóc hót gọn, má đầy, mắt sáng, cặp môi gọn màu cánh hồng non, mặc quần ngắn để hở ra hai cái đùi mũm-mĩm.

Đứa gái nhỏ, chừng sáu tuổi, tóc đen màu mun, buồng loi xuống ngang vai, cặp mắt long-lanh như hạt huyền, má hây hây như da đào vừa chín.

Hai đứa cùng nâng-niu gỡ một xác bướm ra khỏi nhành cây.

Đứa trai nói với bướm :

— Bướm đẹp ơi, sao bướm ngủ giữa nắng xuân ?

Đứa gái nói :

— Chắc cành cây giữ bướm ngủ. Lại có gió đêm ru cho bướm...

Đứa trai:—Hay bướm say rượu?

Đứa gái:— Ừ ! Hay đêm qua bướm mãi dự tiệc với hoa ? Chắc bướm uống rượu bằng ánh trăng mười sáu !

Đứa trai — Ừ ! Bướm mặc áo thêu lộng-lẫy quá !

Đứa gái — Bướm còn thờ nữa không ?

Đứa trai — Xuyt. . . im, cho bướm ngủ !

Đứa gái — Bướm say, làm sao cho bướm tỉnh ?

Đứa trai — Sương đêm qua

trên cành làm cho bướm lạnh thêm.

Đứa gái — Làm sao cho bướm ấm ?

Đứa trai — Đề nắng xuân sưởi cho bướm !

Đứa gái — Bướm không chết chứ ?

Đứa trai — Hoa có chết bao giờ !

Đứa gái — Hoa có rã cánh !

Đứa trai — Không ! Hoa thay xiêm đó !

Hoa lại trở dậy vào mùa xuân.

Đứa gái nhìn lên trời, nheo một bên mắt, gọi :

— Nắng ơi nắng ! Nắng ấm nữa lên ! Nắng nhiều nữa lên !

Đứa trai chấp tay cầu xin một bông hoa trong bụi cây bên cạnh :

— Hoa ơi, lạy hoa hãy ngừng hương lại đi cho bướm thờ.

Đứa gái giơ tay vẫy nắng :

— Ừ ! Nắng đã nghe ta. Nắng ngoan ! Nắng nhiều nữa lên ! Nắng ấm nữa lên !

Đứa trai nâng-niu đặt xác bướm lên ba cái lá non đã kê lại làm giường.

Cả hai cùng đứng dậy một lượt, và như cùng có một một ý nghĩ.

NGƯỜI THƠ XUẤT HIỆN

★ MẶC THƯ

(Kính tặng những nhà thơ bậc thầy đã mở mắt cho tôi nhìn thấy một thế-giới Yêu-Thương...)

« BÌNH-MINH CA », BÀI THƠ HAY NHẤT CỦA HAI MƯƠI THẾ-KỶ.

VÀO một buổi sáng mùa xuân năm 2.000, trong một công-viên đẹp nhứt của thủ-đô Việt-Nam, có đàn trẻ thơ nháy nhót nô đùa, ca hát rộn-rã.

Gần đấy trên một ghé đá, một ông già, áo ngự hàn trên vai, râu tóc bạc phơ như chòm tuyết đọng phất-phơ bay theo ngọn gió mai, nhìn theo lũ trẻ, trầm tư suy nghĩ.

Tiết trời ấm-áp. Không khí trong sáng, không gọn một chút bụi. Mây xanh lằng-dằng nằm thoải

trên bầu trời cao. Gió hiu hiu lạnh. Nắng xuân dọi theo kẽ lá thưa, chảy chan-chứa xuống thảm cỏ non. Bầy chim sè, chim sâu ẩn trong những khóm cây, khúc-khích hót từng nhịp theo giọng hát của lũ trẻ.

Một không khí Xuân-Thu thắm đượm hương « đồng dao » lảnh-quất đâu đây.

Ông già đặc-biệt theo dõi hai đứa trẻ vừa tách ra khỏi đàn, lúi húi dưới một cụm cây.

Đứa trai lớn tuổi chừng lên tám,

chúng cùng nói :

— Nào ! Chúng ta đi nhặt nắng sưởi cho bướm ! Cả hai đứa chạy tung-tăng trong vườn, lấy vạt áo ra hứng nắng rồi chạy lại đồ nắng xuống xác bướm.

Đứa gái khoe :

— Tao được nhiều nắng hơn mày !

Đứa trai không chịu :

— Xì ! Tao hứng được nhiều hơn !

Nắng dội qua kẽ lá đồ xuống vạt áo chúng từng mảng óng-ánh như vàng điệp.

Mỗi khi tưởng-tượng như nắng đã nặng trĩu trong vạt áo, chúng lại chạy lại đồ xuống xác bướm.

Như thế nhiều lần.

Chúng reo luôn miệng :

— Một nắng này ! Hai nắng này ! Ba nắng này !

— Tao được mười hai nắng !

— Tao được mười lăm nắng !

Ông già ngạc-nhiên thấy cánh bướm khẽ đập-đập.

Hai đứa trẻ reo lên, giọng chúng lạnh-lãnh :

— Bướm tỉnh rồi ! Bướm hết lạnh ! Bướm sắp bay !

— Bướm lại say rượu ! Bướm lại ngã khoèo !

Chúng hỏi-thức nhau :

— Nắng nắng mau lên mày !

Chúng lại tung-tăng chạy đi hứng nắng dưới những vòm cây thưa lá.

Nắng đồ xuống mỗi lúc mỗi nhiều.

Chúng lúnh-quánh không biết nhặt ở đâu, hứng ở đâu, lảng-xãng va vào nhau, ngã lăn cù xuống cỏ, cười lên khanh-khách. Chúng lại đồ nắng xuống xác bướm.

Bướm đập cánh mạnh hơn, rồi dựng hẳn đôi cánh lên. Nó đập đôi cánh như đôi diêm mi con bé khẽ chóp-chóp, rồi bay là-là trên bụi cây.

Hai đứa trẻ bỏ cả nắng chạy rà-rà theo bướm.

Con bướm như cũng đùa với hai đứa trẻ, lúc bay ra xa-xa, lúc lại xà lại gần đầu chúng, làm chúng nhắm cả mắt lại cười như nắc-nẻ.

Ông già rút bút giấy ra từ lúc nào, hí-hoáy ghi-ghi, chép- chép từng lời của đứa trẻ một.

Sắc mặt ông già hồng hẳn lên

như vừa nhấp vào men rượu ngon.

Miệng ông ta luôn lẩm-bâm :

— Một bài thơ bứt hủ ! Một bài thơ hay nhất của cả hai ngàn năm nay ! Bài « Bình Minh Ca » của kỷ-nguyên mới ! Chúng mới là đại thi-hào ! Ừ ! chính chúng mới là những đại thi-hào của nhân loại.

Ông già lật-đật đứng dậy đi.

Nắng tràn xuống khu vườn như mưa rào.

Ông già ấy không ai khác, chính là thi-sĩ Nguyễn-sắc-Xuân. Nhà đại thi-hào của Việt-Nam và của cả nhân-loại.

Năm trước, tập thơ « Tân Thế và Sáng Thế » của ông đã đoạt được giải-thưởng Thi Ca quốc tế và đã làm tên tuổi ông vang dội khắp năm châu.

Nhiều hội các nhà thơ trên thế giới đã mời thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân làm chủ-tịch danh-dự.

Hàn Lâm Viện Thi Ca của Pháp, rồi lần lượt của Mỹ, của Anh, của Nga, của Nhật - Bản, của Trung-Hoa, của Ấn-Độ v.v... đã mời thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân gia-nhập với tư-cách Hội-Viên Danh-Dự.

Dĩ nhiên tại Việt-Nam, thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân cũng là chủ tịch danh-dự hội các nhà thơ Việt-Nam.

Vậy thì, sáng hôm đó, sau khi đã chứng-kến, đã ghi chép từng lời của hai đứa trẻ trong công-viên khi chúng « nhặt nắng » hồi sinh cho một xác bướm, thi-hào Nguyễn-sắc-Xuân lật-đật tới Hội-quán hội các nhà thơ Việt-Nam, cấp-tốc triệu thỉnh năm thi-hào khác và cũng là năm vị phó chủ-tịch của hội, đề giới thiệu một thiên-tài thi ca mới khám phá được.

Sau khi bình lên bài thơ của hai đứa trẻ lên — chắc chắn chúng đã không biết là chúng làm thơ — cả năm nhà thi-hào có tiếng là khó khăn rất mực trong phạm vi thi ca kia đều không ngăn-ngại mà công-tận ngay đó là bài thơ hay nhất của cả 20 thế kỷ.

Họ xác nhận—theo thông lệ thì ngay buổi chiều hôm đó phải có một thông-cáo của hội đề chính-thức hóa sự xác-nhận của họ — rằng : đối với thiên-tài nọ, hèn thơ nọ thì họ không còn xứng-dáng với danh-vị thi-hào nữa.

Sáu nhà thơ, buổi ấy ngâm-nga bài thơ «Nắng Bướm» đã quên cả ăn. Sau buổi thảo-luận dang-dặc suốt một ngày và một đêm, họ tìm thấy trong Thơ cả một tôn giáo.

Tôn-giáo ấy họ gọi là «Tôn-Giáo Thơ».

«Tôn-giáo Thơ» đòi xuống cho họ một đợt ánh sáng hơn ánh-sáng. Họ bừng tỉnh, chân thành hơn cả một lời cầu nguyện.

Sáu nhà thi-hào thấy đã tiếp-nhận được từ Tôn-giáo Thơ một Chân lý mà cả hai mươi thế kỷ vừa qua loài người đã không tìm ra.

Họ tìm thấy trong thơ tất cả nguồn gốc của Con người và tạo-

vật trong quá khứ cũng như trong Tương-lai.

Nhờ nguyên-khí thuần-chất của Thơ họ cũng tìm thấy cả nguyên-vọng của Thế hệ mới trong kỷ-nguyên mới của năm 2001, và của cả những thế-hệ tiếp nối, những chu-kỳ tiếp nối.

Họ can đảm lĩnh-nhận trách-nhiệm và tự nguyện phải đem ánh-sáng của Thơ, của Chân-lý mới rải-rác ra cho nhân-loại cùng hưởng.

Và như vậy, đầu muốn đầu không, họ cũng phải xuất-hiện.

(Còn nữa)

Kỳ sau: Trái bom nổ trong
Đình minh của Thế-kỷ 21

◆ CON NÉT BOC NÔI

Cu Tý mới 5 tuổi, một hôm nghe Ba nó nói dẫn với Má nó: «Cô vợ cung của tôi nhông-nheo quá!»

Chiều, nó vọc đất bần tay, má nó biều nó đi rửa tay, nó không đi. Má nó đánh nó khóc. Ba nó đi làm về, thấy vậy hỏi:

— Sao con khóc vậy, con?

Cu Tý thút-thít đáp:

— Dạ thưa Ba, cô vợ cung của Ba nhông-nheo đ'nh con đó!

ĐANG QUẢN NỮ
ĐẤT TÂY HỒ

★. Phạm-thế-Hồ.

Miền nguyệt, vườn sương, ngô
trúc gầy,

Người dân gặp-gỡ đất hồ Tây.

Áo xanh phảng-phất vương hồn
mộng,

Còn biết tìm ai ở chốn này?...

TRIỆU-NGUYỄN là một thư sinh, tánh thích giang hồ. Chàng thường ở tạm rày đây mai đó, ít khi người ta thấy bóng chàng hơn một tháng ở nơi nào.

Nhờ tài đàn hát với chiếc đàn mang theo mình, Triệu Nguyễn luôn luôn dư dật để sống một cuộc đời làm bạn với bút-nghiên.

Một hôm, sau hai ngày rong-rủi theo đường độc lộ, Triệu-Nguyễn đặt chân đến đất Tây-Hồ. Chàng dựng một chiếc lều cỏ bên khúc lộ xa làng gần nửa dặm để tạm trú. Từ đó, những



buổi sớm, mấy cô gái bán bưng, hoặc mấy kẻ bộ hành, có việc sang ngang đấy, đều dừng lại đôi phút, ngó ngấu nhìn vào chiếc lều cỏ, nghe giọng ngâm-thơ trong trẻo của chàng thư-sinh.

Một chiều kia, Triệu Nguyên bỗng nhiên nảy hứng làm được một bài thơ tuyệt-tác. Chàng lấy làm thích trí cốt tiếng ngâm vang trong gian lều. Đang lúc ấy, chợt nghe ngoài cửa có tiếng động, chàng vội ngoảnh mặt nhìn ra: bên ngoài, theo kết. Nguyên thấy có một đôi mắt đẹp, núp sau cửa nhìn chàng. Và khi biết đã bại lộ, kẻ có đôi mắt ấy thẹn thò bước tháo ra ngoài.

Bị chạm vào tánh tò mò, Triệu Nguyên ném vội quyển vở, lật đặt chạy ra mở tung cánh cửa để nhìn theo; chàng thấy một thiếu nữ mặc áo xanh, dáng người tuyệt đẹp, đang bước hối-hả, và khuất sau lũy tre xanh ở một ngõ quẹo.

Sau lúc nhìn ngắm mê mẩn, Triệu Nguyên thâu thờ bước vào nhà.

Tự đấy sớm chiều chàng những ngẩn ngơ nhìn ra đường để trông chờ và hy-vọng được tái gặp người đẹp, không còn thiết gì tư cảm nữa.

Nhưng, bằng đi như thế những năm hôm, bóng người thiếu nữ

áo xanh thoáng qua trong mộng, như không muốn trở lại với chàng nữa.

Triệu Nguyên buồn rầu, mất cả ăn ngủ, chàng tính đợi rần vài hôm nữa sẽ bỏ lều đi về nơi khác.

Trong lúc đang trằn trề thất-vọng thì đột nhiên người thiếu nữ áo xanh lại sang ngang đấy. Mừng-rỡ, Nguyên vội-vàng chạy đón, ngó lòng mình cho nàng biết chàng vẫn ngờ sẽ bị nàng vì thẹn mà giả bộ cự tuyệt, hoặc phải qua nhiều nỗi khó khăn. Song trái lại, Nguyên vừa ngó đôi lời, nàng ấy liền thuận tình, theo chàng về lều.

Sáng hôm sau, qua một đêm âu - yếm trong chăn gối với Nguyên, nàng liền trở về nhà và xé chiều lại đến.

Cứ thế mãi, có nhiều khi Nguyên hỏi đến tên họ nhà cửa của nàng. Nhưng, mỗi lần chàng dọm hỏi, thiếu nữ mặt lộ vẻ buồn và lảng sang chuyện khác. Riết rồi chàng cũng bỏ qua, độ chừng nàng là nàng hầu hoặc vợ lẽ của một viên quan già về hưu, vì chàng vẫn thấy nàng thường theo phía một biệt thự ở hướng tây mà đến.

Có một đêm kia, trời đổ xuống một trận mưa thật to, thiếu nữ gọi cửa vào lều, quần áo ướt lếch-thếch. Triệu Nguyên lấy làm lạ vì thấy trái với mọi hôm,

đêm nay nàng không còn mặc áo xanh nữa, mà lại là bộ đồ trắng. Chàng hỏi:

— Trờ mờ, em không lạnh sao mà vẫn đến?

Nàng đáp rằng:

— Lạnh nhưng em vẫn đến để trọn lời hứa với chàng.

Triệu Nguyên lại cất tiếng hỏi:

— Nhưng sao em lại không mặc áo xanh, mà lại áo trắng, và sao về mặt em buồn thế?

Nàng khóc sụt sùi khẽ đáp:

— Chàng hỏi làm chi, đây là chuyện riêng của em, không nên cho chàng biết.

Triệu Nguyên tò mò cố gạn hỏi nàng.

Thiếu nữ lại càng khóc nhiều hơn nữa, như mưa như gió; và đúng khuya, nàng liền từ giả ra về.

Triệu Nguyên quá lạ lùng trước cử chỉ ấy, chàng để nàng đi một chốc, liền giả bộ khép cửa ngủ, rồi lên theo.

Như sự tiên đoán của chàng, thiếu nữ đến một biệt thự. Sau khi vào, nàng cài cửa ngoài lại cẩn thận. Triệu Nguyên không thể vào được đành trở về.

Sáng hôm sau, chàng hỏi mấy người quanh vùng, người ta cho chàng biết: đó là biệt-thự của một ông quan già về hưu, nhưng ông đã chết rồi từ lâu, và vì không có con cháu nên

cái biệt thự ấy phải bỏ hoang vắng lâu ngày. Giờ đây nơi biệt thự ấy rất nhiều yêu quái.

Triệu Nguyên đâm nghi-ngờ, nhưng sau cùng, chàng dần lòng quy t nội đêm nay sẽ lầu theo thiếu nữ lần nữa, để vào cho được trong biệt thự hầu tìm tông tích nàng.

Đêm hôm ấy, như thường lệ, thiếu nữ lại đến. Nàng vẫn mặc bộ đồ toàn trắng.

... Như đêm trước, sau giờ âu yếm cùng Nguyên, khuya đêm ấy thiếu nữ lại từ giả chàng đi ra về.

Triệu Nguyên lại lên theo nàng và chàng vào được trong biệt-thự. Thiếu nữ đi trước thoát cái đã lần đầu mất trong bóng tối. Chàng đành lăm-lũi bước liền theo bực gạch, và đẩy khẽ cánh cửa bằng sắt tiến vào trong.

Trong đêm dày, chàng thư-sinh vẫn lặng lẽ thận trọng bước. Tiếng muỗi kêu o o làm tăng thêm vẻ huyền bí của biệt thự. Bỗng, Nguyên nghe như có tiếng ai thì thầm nơi gian phòng trong. Chàng liền theo phía ấy lần vào, chắc rằng sẽ gặp nàng áo xanh. Nhưng có tiếng thét ghê rợn bên tai chàng, và hai bóng người tóm lấy cổ chàng quăng xuống một cái ao sâu hoắm...

Triệu Nguyên đang lúc hoang mang bỗng thấy như mình từ từ bốc lên cao, cao mãi đến tận

mây. Chàng thấy quanh mình chàng, những thiếu nữ yêu-kiêu xúm bên múa hát và kia lạ chửa có cả nàng áo xanh, người yêu của chàng. Triệu Nguyên mừng rỡ ôm chàng lấy nàng trong mưa lẹ.

Đang lúc ấy, mọi vật sụp cả xuống, chàng và thiếu nữ ngã xuống cõi sâu.

Triệu Nguyên kêu lên một tiếng, tỉnh giấc. Bên mình chàng, thiếu nữ cũng đã tỉnh. Sau một cơn mơ, trên khoé mắt hai người còn đầy lệ.

Nguyên kinh hãi hỏi nàng :

— Em ! em là người hay là ma, hở em ? Cho anh biết !...

Nàng đáp :

— Là người hay ma, em cũng nào có hại anh đâu mà hồng sợ !

Và như sợ Triệu Nguyên sẽ kinh hãi vì nàng không phải là người, thiếu nữ bắt đầu kể đoạn lịch sử của nàng :

— Em là con của một lương-gia, nhà ở Lâm-An. Từ thuở bé, em có tánh thích văn-chương thi-phú, và được nổi tiếng là cao cờ khắp quận.

Vì có chút nhan sắc, nên đến năm 15 tuổi, em phải bị tuyên vào làm ti thiếp trong dinh của một quan già về hưu, làm chức Bình Chương, tên Thu Thác.

Hằng ngày phải khép nép sống trong khuôn khổ của luật-pháp,

để làm những cuộc vui cho một kẻ đã già đầu bạc hơn cả cha mẹ, em lấy làm tủi nhục cho cuộc đời trong trắng của tuổi xuân. Và đôi khi, vài hình ảnh của các bạn thiếu nữ sống thú vị bên ngoài, lọt vào mắt em, làm em luôn luôn mơ tưởng, thêm khát một mối tình êm đẹp... Một cảnh tượng đôi mái đầu xanh âu-yếm sống bên nhau dưới mái chòi lá, chia sẻ cho nhau những hương-vị cay ngọt giữa cõi đời, luôn ám ảnh tâm hồn em.

Một hôm, em được biết quan Bình Chương Thu Thác có nuôi trong dinh một tên hầu trà còn trẻ độ ba mươi tuổi. Hắn tên Triều Sinh. Thế là từ đấy chúng em yêu nhau thầm kín.

Sau những buổi hầu trà, đợi cho vắng mặt quan Bình Chương chàng Triều-Sinh thường đưa em vào khu vườn kín phía sau để cùng nhau tỏ bày tâm sự.

Rồi một chiều kia, mối tình mặn nồng giữa chúng em bỗng lọt vào đôi mắt đồ ngầu sắt máu vì ghen của lão quan già.

Đêm hôm ấy, một đêm đầy mưa vũ. Vầng trăng, nhờ mây tránh gọi lên cầu Tây-hồ một màu ghê rợn ; lão Thu Thác gọi hẳn người tâm phúc trối chúng em lại mang lên cầu. Sau giờ điên cuồng sỉ vả, lão ta truyền cho người tâm phúc kết liễu đời

chúng em và đập xác xuống đáy hồ. Thế là từ đấy, mỗi đêm chúng em hiện lên mặt hồ ôm nhau than khóc.

Thời gian qua... Triều Sinh chầm thoát đến ngày phải đầu thai về dương thế. Còn em vì nợ duyên chưa dứt, nên hồn đành vất vưởng trên mặt hồ theo chuỗi ngày lần lữa.

Nàng khóc ròng sau khi kể xong mẩu chuyện thương tâm.

Triệu Nguyên cảm động trước nỗi lòng của người yêu, chàng không còn sợ hãi khi biết nàng là ma nhưng vẫn có tính chất như người thế. Chàng an ủi nàng và hỏi :

— Thế hôm em mặc đồ trắng đến anh giữa đêm mưa gió mà về mặt em buồn rầu, phải chăng vì em nhớ lại đêm đau đớn trên cầu Tây Hồ ?

Nghe câu hỏi của Nguyên, nàng lại khóc thảm thiết và chỉ khẽ lắc đầu.

Triệu Nguyên năn nỉ :

— Anh có thể nào làm cho mất sự bi thảm của em không ? Em hãy tỏ cho anh được biết với.

Và như đoán chừng được nguyên do nỗi buồn của nàng, Nguyên ôm nàng vào lòng bảo :

— Thôi, từ đây em đừng trở về cái hồ của biệt thự Thu Thác nữa, Em hãy ở chung cùng anh, chúng ta sẽ sống trong hạnh

phúc !!!

Bắt đầu từ đó, trong lều cỏ, bóng Triệu Nguyên và nàng áo xanh sum họp trót ngày bên nhau. Luôn luôn, khách sang ngang thường nghe ngoài giọng ngâm thơ của gã thư sinh thường ngày, lại có tiếng quay tơ của nàng áo xanh nghe kéo cà kéo kẹt, làm thành một âm thanh âm-áp vui vẻ...

Chiều hôm nay, trời lại đổ cơn mưa. Từng lần chớp vạch sáng những góc trời đen kịt vì mây phủ. Vài thân cây trước cửa lều của Nguyên bị sét đánh gãy khúc ngã chắn ngang lối.

Nàng áo xanh lại buồn bã, mặt đậm đìa những nước mắt. Triệu Nguyên thương hại người yêu quá. Chàng ôm nàng vào lòng, vuốt vài sợi tóc lòa xòa trên trán nàng gạ hỏi :

— Sao những hôm như thế này em cứ dàu dàu mãi thế ?

Nàng khóc to và đáp :

— Hôm nay em phải thú thật cùng anh, chẳng như những lần trước nữa... Nhưng em sợ anh buồn lắm, anh ạ !... Anh ! trong chốc nữa đây, em sẽ từ giã anh để đi đầu thai nơi khác...

Nguyên ôm chặt nàng, sợ hãi nói :

— Không ! không em à, em hãy ở đây đừng đi đâu cả ! Đừng

NÀNG XUÂN NỮ ĐẤT TÂY HỒ

đi đâu, nghe em !!!

Nàng đáp :

— Không được, vì số âm cung đã định rồi, đầu chàng cố giữ em lại cũng vô ích. Trong bấy lâu em khóc, chỉ vì nghĩ đến phút phải xa chàng... !

Triệu Nguyên đau đớn nhìn nàng hỏi :

— Trong bao lâu nữa em sẽ đi ?

Nàng áo xanh thở dài đáp :

— Giờ Tý, nhưng cũng sắp đến rồi !

Một tiếng sét nổ đánh ầm và tiếp theo một làn chớp lóe sáng trước cánh cửa trước.

Triệu Nguyên hoảng hốt nhìn ra, đến chừng nhìn lại, nàng áo xanh đã tan thành mây khói lúc nào.

Nàng áo xanh mất. Thế rồi vài hôm sau, Triệu-Nguyên cũng vắng bóng. Trên đất Tây-Hồ, bên lẽ độc-lộ, chỉ còn lại chiếc lều cỏ bỏ hoang.

Người biết câu chuyện trên đây, ai cũng ngỡ chàng tìm về cõi chết với nàng xuân-nữ áo xanh, chớ có ai ngờ... Triệu-Nguyên đang sống trong một ngôi chùa.

Rồi mỗi chiều xuân, chàng ngồi pàn tràng hạt, lắng nghe hồi chuông thu-không ngân dài trong gió đẽ trút bản đàn lòng...



* LÝ LUẬN VỀ TÌNH YÊU

Cô Hai với cô Tư là đôi bạn rất thân. Một hôm cô Hai tri-kỷ với cô Tư :

— Tôi không biết chồng tôi có thật lòng yêu tôi không.

Cô Tư cười :

— Sao lại không ! Tôi đây không phải vợ ảnh mà ảnh cũng yêu, không lẽ chỉ là vợ ảnh mà ảnh không yêu sao chứ !

* VONG AN BỘI NGHĨA

Chàng hạnh-niên cựu chiến sĩ vừa được giải ngũ về đi thi tú tài. Sau bài thi toán, chàng đập vở chấu, về nhà chép trong quyển nhật ký mấy câu sau đây : «Thằng Minh lúc ở mặt trận, nhờ mình cứu giúp nó khỏi chết, thế mà sáng nay trong phòng thi nó nhất định không cứu giúp bài toán cho mình ! Đồ đều !»

Tình Xuân

Thơ Viên Anh Hoa

Bolero

Ngày Tết của Đời Người

Vịnh Tết khi xưa nói chẳng lầm,
Năm-na xin diên lại mà ngâm :
« Trăm năm tình gương vờa trăm tuổi,
Một tubi đôn thêm bớt một năm ».
Bàa lưbi làm chi thân cái nhện,
Xe to rủa mãi ruột con tằm !
Nhưng mà cũng hượm ngàn gương phấu,
Đợi bác Đông-Hoàng đến hỏi thăm.



★

SOI GƯƠNG

SỚM MỒNG MỘT TẾT

Ánh thiếu-quang gội buổi bình minh,
Giở tấm gương ra soi mặt mình.
Tóc hạc đã pha màu lốm-đốm,
Da mỗi lại trở dẫu linh-tinh.
Rung đùi nảy vẻ luôn còn mạnh,
Sửa mào gài dai lại cứ xinh.
Nửa thẹn, nửa tươi cười với bóng,
Tuổi thêm, thêm lắm nợ phù-sinh.

ƯNG BÌNH THỨC-GIA-THỊ

MỜI BẠN
DU - LỊCH
MẤY NGÀY XUÂN

Qua các Miền Đông Nam - Á

Nhân mấy ngày Xuân, chúng tôi xin mời Quý bạn đọc thân mến đi du-lịch bằng tình thân qua vài xứ làng-giềng ở Đông-Nam-Á. Bắt đầu là Nhật-Bồn, rồi N-m-Dương do có bạn Uchiko và bạn Tân-Phong hướng-dẫn. Sang năm, chúng ta sẽ viếng Ấn-độ, Phi-Luật-Tân, Thái-Lan, Mã-lai, v. v... Mỗi nơi, chúng ta sẽ xem qua các thắng cảnh, và ngâm một vài bài Thơ hay của các Thi-sĩ danh tiếng nhất, để rồi lần lượt trong các số sau chúng ta sẽ học hỏi thêm về Văn-hóa của các xứ ấy, cho được đầy-dủ hơn, và tiếp-xúc với Văn-nghệ-sĩ các nước bạn ở Đông-Nam-Á.

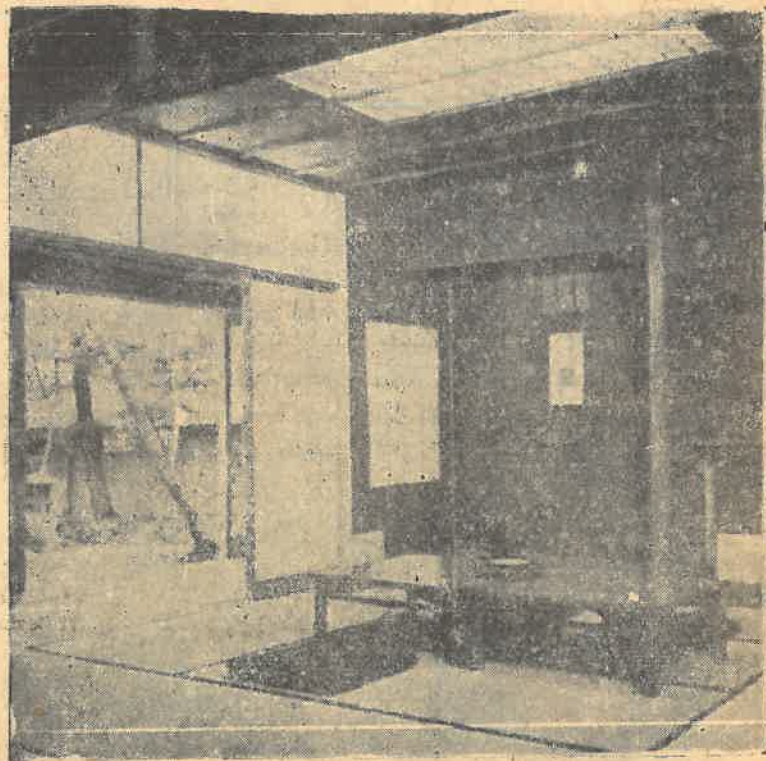
NHẬT-BẢN

TRONG các bạn, ai mà chẳng thích đi du-lịch sang Nhật-bản, ít nhất là một lần? Nhưng tiếc thay, vì phương-liện không dồi-dào, về đủ các mặt, nên một xứ vừa thơ-mộng, vừa hùng-cường, ở cách chúng ta chỉ một cái biển, mà không làm sao chúng ta bước chân qua viêng vược một lần! Thỉnh-thoảng có năm mười người được có dịp sang bên đất bạn ở năm mười bữa nửa tháng, lúc về nơi chuyện lại với bà-con, mình nghe say-mê, vì thêm thường làm sao! Thì đây, nay nhân ngày xuân, một bạn gái Nhật, có UCHICO, Nữ-sinh thùy-mị của đất Phù-Tang, với nụ cười duyên-dáng của cô, vui lòng đưa quý bạn đi thăm qua vài ba thắng cảnh...

Đây, bãi của cô Uchiko, Nữ-sinh viên khoa Sinh-Ngữ Tokyo:



NHẬT BẢN



THƯ A quý bạn Việt-nam thân mến,

Nhật-bản chỉ là một xứ gồm có bốn hòn cù-lao nhỏ tổng-cộng diện-tích không quá 369.800 ki-lô-mét vuông. Kể từ phía Bắc vào, bốn hòn đảo ấy tên là: Hokkaido, Honsu (lớn nhất), Shikoku (nhỏ nhất), và Kyushu, Còn Kuril ở phía mút Bắc, và

Ryukyu ở phía mút Nam, chỉ là những chòm cù-lao li-ti. Dân số Nhật bản hiện nay tổng cộng gần 92 triệu người. Riêng ở vài thành phố lớn nhất:

Tokyo (đô thị)	dân số:	8.037.000
Osaka	—	2.547.000
Nagoya	—	1.336.000
Kyato	—	1.210.000
Yokohama	—	1.143.000

Nói về nước Nhật mà biên một bức thư, hay là một bài báo, chắc rằng không đủ. Vậy tôi xin giới-thiệu cùng quý Bạn những thắng cảnh danh-tiếng nhất và đẹp nhất mà thôi. Mong rằng có dịp khác sẽ xin nói nhiều hơn.

Trước hết, xin quý Bạn cho tôi được vinh-hạnh mời quý Bạn ghé vào một căn nhà Nhật. Thưa đây là một căn nhà kiểu-mẫu, hầu hết các nhà Nhật đều sắp-đặt đại-khái như thế. Ở

giữa đô-thị Tokyo, hay là ở vùng ngoại-ô *Osaka*, *Sapporo*,

Takamatsu, *Fukuoka*, v.v... nghĩa là từ Bắc chí Nam, nhà cửa người Nhật trung-lưu đều gần như kiểu đó. Đặc-điểm là sáng-suốt, sạch-sẽ, và giản-dị. Xin mời quý Bạn dùng chén nước trà ướp bông Cúc, rồi đi



đạo chơi. Thưa đây, là giảng-đường của TRƯỜNG ĐẠI HỌC TOKYO, nơi đào-tạo nhân-tài của xứ chúng tôi. Vì các bạn yêu-chuộng Văn-hóa, tôi xin phép nói vài câu về trường Đại-học mà chương-trình giáo-dục mới, theo phương-pháp

mới, đã được dùng từ 13 năm nay. Hiện giờ, trường Đại-học có trên 560.000 sinh viên và trên 40.000 giáo-sư. Chưa kể số sinh-viên rất đông du-học ở ngoại-quốc, nhất là ở Mỹ, Pháp, Anh, Đức, v.v...

Và đây là Tòa Tru-
sở quốc-gia DIET, viện
Dân-biểu Nhật, gồm có
Thượng-Nghị-Viện và
Hạ-Nghị-Viện. Chắc
quý Bạn cũng đã biết
rằng chế-độ chính-trị
hiện nay ở Nhật là theo
chế-độ tự-do dân-chủ,
mặc dầu nước chúng
tôi vẫn tôn-thờ Hoàng-
Đế.



Dưới đây là công-
trường MARUNOUCHI, một
khu thương mại phồn-
thịnh nhất ở Trung-Tâm Đô-thành

Tokyo. Nhiều nhà ngân-hàng
lớn của Nhật và của Quốc-tế
ở xung quanh khu này.

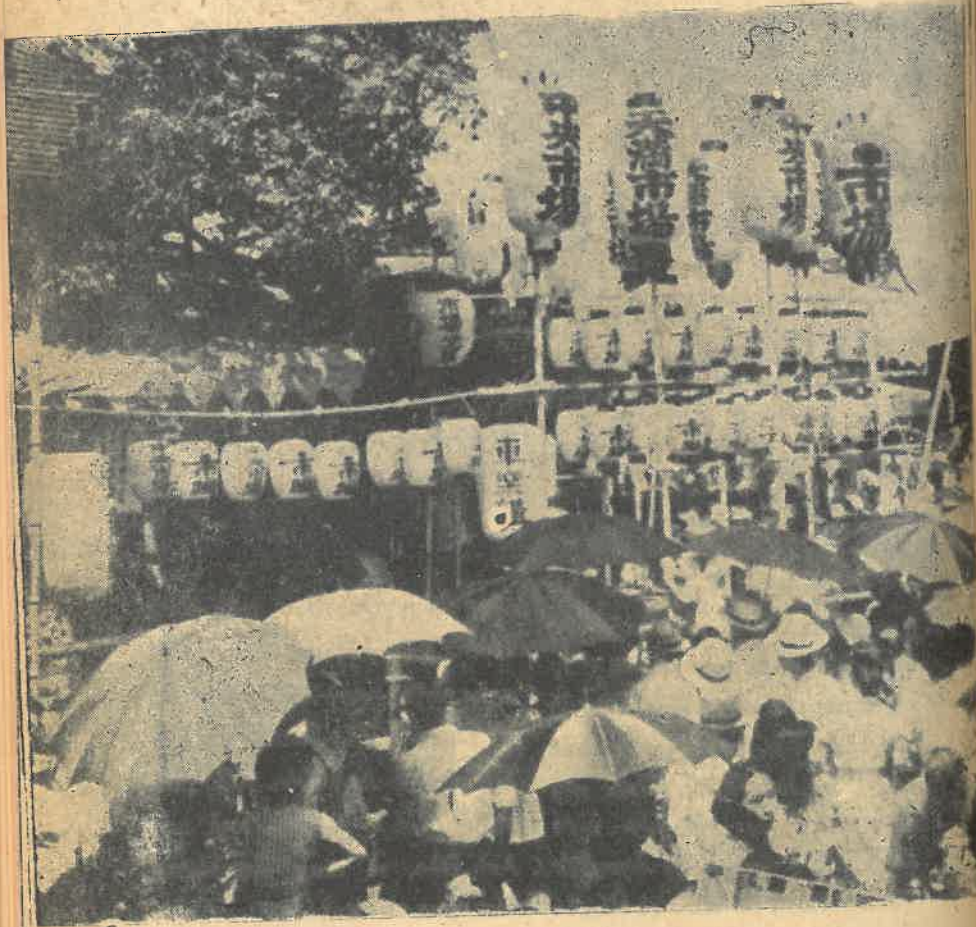


Bức ảnh Hoa-anh-đào nở
trong mùa Xuân, mà tôi xin gửi
đây, chắc có nhiều bạn đã thấy
rồi trong các post-cards. Đây là
một cảnh đẹp, tượng-trưng của
«xứ Hoa Anh-Đào». Cảnh này
chụp ở đền *Horugi*, một ngôi
đền của Võ-sĩ-Đạo xây dựng từ
Thế-kỷ thứ VII. Ước gì tôi gửi

tặng được Quý Bạn một cảnh
Hoa - Anh - Đào ! Nhưng tôi
nghe nhiều người Nhật nói với
tôi rằng ở Việt-Nam cũng có
nơi có hoa Anh-Đào. Có phải
chăng ? Có lẽ là một loại hoa
Anh-Đào, và cũng đẹp không
kém thua chăng ?

NHẬT BỒN

Đây, là một ngày hội của mùa Xuân, ở ngoại-ô *Nagoya*. Công chúng đang dự một cuộc lễ. Ở đây, có trống, có kèn, có âm nhạc, và có thật nhiều sự vui vẻ náo nhiệt nhưng rất có kỷ-luật



NHẬT BỒN



Sân đây xin mời quý bạn đi xem ngôi chùa ở NARA.

Đây là một ngôi chùa đẹp kể trong các chùa đẹp nhất ở Nhật-Bôn. Chùa ở giữa một ngôi vườn bài-trí theo như một bức tranh của một Họa-sĩ thời Sesshu thế-kỷ XV. Trong Đền Horyuji ở Nara có một tượng Kannon

Bosatsu (Quan-Âm Bồ-Tát) bằng gỗ sơn son thếp vàng, làm từ thế-kỷ VII. Ở Kyotô cũng có một ngôi đền rất đẹp, *Byôdô*, xây năm 1053.

Bây giờ xin mời quý bạn đi xem núi *Fuji-yama* (Phú-sĩ-sơn) Núi này cao 3.773 mét, là ngọn cao hơn hết. Hình bên đây chụp một

làng ở ngay
chư n núi.
Nước Nhật có
250 ngọn núi,
ngọn nào cũng
cao trên 2.000
mét mà thôi.
Trong số đó
có 192 núi
hỏa-diệm sơn,
nhưng hiện có
58 ngọn là
còn phun lửa
Fuji - yama
chính là một

Hỏa - diệm - sơn, đã tắt từ
lâu đời. Trên chót núi này mùa



Đông có tuyết bao phủ, qua đến
mùa Xuân hết tuyết. Nhiều bạn
ngoại-quốc tưởng rằng núi *Fuji-
yama* ở gần Tokyo. Nếu các bạn
ngó vào bản đồ Nhật-bản, các
bạn sẽ thấy *Fuji-yama* ở về quận
Yamanashi, phía Nam Tokyo, và
Yokohama, cách Tokyo chừng
100 kí-lô-mét. Núi *Nantai yama*
ở quận *Nikko*, bên hồ *Chuzenji*,
phong cảnh cũng đẹp lắm. Khi
nào bạn có dịp qua Nhật, chúng
ta sẽ bơi thuyền trên hồ này một
buổi chiều mùa Hạ, hay mùa Thu.

Nhưng, bức thư này đã dài,
tôi phải để lại một bên nhiều tấm

bình khác. Tôi không có đủ chữ
văn-chương để tả cho hết những
phong-cảnh đẹp ở nhiều nơi khác.
Tôi xin để lại những vấn-đề về
nghệ-thuật hát Nô, về tranh vẽ,
và các chuyện khác nữa. Tôi
không phải là họa-sĩ, và nhạc-sĩ,
kịch-sĩ hay là làm thơ. Phải có
cái tài của những người ấy mới
tả được những cảnh xinh-đẹp của
các môn nghệ thuật cũ cũng như
mới ở Nhật-bôn ngày nay.

Tôi xin mời quý bạn thân-mến
đi về miền thôn quê để xem chơi.
Đồng quê là ruộng, và 45%
dân số đều làm nghề nông. Món
ăn chính của người Nhật, cũng
là gạo như người Việt-Nam và
cách làm ruộng có lẽ cũng không
khác gì. Ở đây không được đẹp
vì 2 phần 3 đất Nhật là rừng
núi, đất ruộng không còn bao
nhiều. Nhiều nơi ruộng phải làm
xâm vô núi, gò, và chia từng
bực. Đồng bằng như tấm hình
chụp theo đây không có nhiều
lắm. Dân số Nhật đông quá, cứ
mỗi ngày mỗi tăng thêm, cho nên
nước chúng tôi phải nhập-cảng
gạo và các thứ thổ-sản của các

nước khác, như nước Việt-Nam.
Theo bản thống kê của chính-phủ,
thì hiện nay nước Nhật có 4
triệu con bò, 1 triệu 20.000 con
ngựa, 830 000 con heo, 42 triệu
con gà, và sản xuất được chừng
80.000.000 *Koku* gạo (8.500.000
tấn).

Quý bạn Việt - Nam xem
hình bên đây thì thấy người
dân quê Nhật ở các miền
đồng bằng *Ibiriagi*, *Miyagi*,
Iwate, *Nagoua*, *Ishikawa*, v.v...
đều dùng máy cày và máy đập
lúa. Nhưng ở đất núi thì không
dùng được, vì ruộng xây từng
bực, chớ không bằng-phẳng.
Công việc đồng ruộng vui vẻ nhờ
có những bài hát khi gặt hái, cày
cấy. Cô thôn-nữ Nhật cũng đa
tình, có lẽ như các cô thôn-nữ
Việt-Nam, theo những sách báo
của các nhà Văn-nhân Việt-Nam
diễn tả. Nếu các bạn qua đây
thăm đồng ruộng Nhật, và nói
chuyện với mấy cô thôn-quê, chắc
ràng các bạn không thấy khác gì
các cô thôn-quê ở xứ Việt-Nam..



NHẬT BỒN

Thưa quý bạn, nếu bạn muốn thì chúng tôi sẽ lần-lượt nói nhiều hơn về nước Nhật-bồn, chớ nói trong một bài không làm sao hết được. Chúng tôi sẽ gửi nhiều hình ảnh mới, và viết theo các hình ấy để quý bạn thấy rõ từng nơi.

Ngày nay xin tạm ngưng nơi đây, và trong ngày Xuân này,

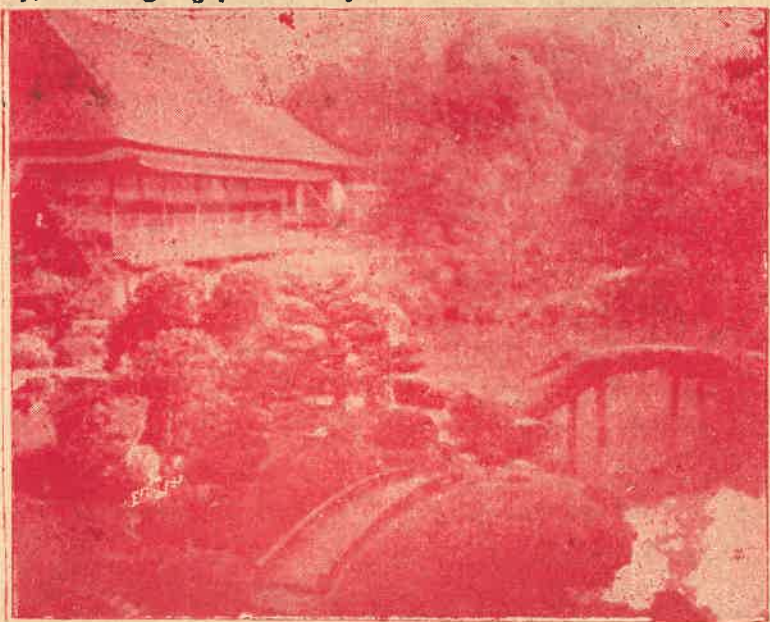
kính chúc Quý Bạn, Quý gia đình Bạn, và nước Việt-Nam đáng yêu, được vui-vẻ luôn luôn và càng ngày càng tiến-bộ...

UCHI-KO

★

Chúng tôi xin thành thật cảm ơn cô Uchiko, và xin thân-mến chào cô : SAYONARA !

PHỒ-THÔNG



千曲川旅情の歌

小諸なる古城の辺と
雲白く遊子悲しむ
緑なす藜藿は萌えず
若草も藉人によしなし
しるがねの衾の岡邊
日に溶けて淡雪流る
あたゝかき光はあれど
野に漏つる香も知らず
浅くのみ春は霞みて
夢の色おづかに青し
旅人の群はいくつか
畠中の道を急ぎぬ
暮れ行けば浅間も見えず
歌哀し佐久の草笛
千曲川いざよふ波の
岸近き宿にのぼりつ
濁り酒濁れる飲みて

草枕しばし慰む

昨日またかくてありけり
今日もまたかくてありなむ
この命友にを齧齧
明日をのみ思ひおづらふ
いくたびか榮枯の夢の
消え残る谷に下りて
河波のいざよふ見れば
砂まじり水巻き歸る
嗚呼古城友にをか語り
岸の波友にをか答ふ
過し世を静かに思へ
百年もきのふのごとし
千曲川柳霞みて
春浅く水れたり
たゞひとり岩をめぐりて

**ĐU - LỊCH TRÊN SÔNG
THIÊN - KHÚC**

Bên thành cũ ở Komoro,
 May trắng toát, lòng du-khách
 âu-sầu.

Giây Hột-nỏ mới nút chồi.
 Cỏ mọc lưa-thưa không có
 chỗ ngồi.

Dưới chun đời long lanh một
 màu bạc,

Giòng tuyết tan, chảy dưới mặt
 trời bàng-bạc,

Tuy dịu-dàng ánh sáng thái-
 dương

Nhưng cánh đồng không phẳng-
 phất một mùi hương !

Sương còn tỏa mù-mịt khắp trời,
 Đồng lúa Xuân chưa trở hết sắc
 xanh tươi.

Những đoàn khách du Xuân đi
 về liên tiếp,

Trên nẻo đường quê vội vàng
 rộn-rịp.

Núi Asana phai mờ xa-xa...
 Tiếng địch của Saku than ôi,
 nào-nùng xót xa !

Ta bước vào trong quán rượu,
 Trên bờ sông Thiên-khúc sóng
 vỗ xạc-xào.

Ta uống một ly saké, lòng buồn
 xiết bao !

Ta ngồi nghỉ chân một hồi.

Hôm qua cũng cảnh tình này.
 Cũng tình cảnh ấy hôm nay,
 Ngày mai lại như thế không
 gì đổi thay !

Cần chi phải lo nghĩ về cuộc đời :
 Ngày mai sẽ có gì đau than ôi !
 Đã bao lần ta bước xuống cánh
 đồng mênh-mang,

Nơi những giấc mơ tàn, của
 ngày về vang, của phút suy-tàn.
 Ta đã thấy những giòng nước
 lặng-yên

Xoáy vào bãi cát, xao-xát liềm-
 miềm.

Ô-hô ! bức thành cũ kia còn kể
 lại chuyện gì ?
 Bọt sóng trên bờ sông kia đáp
 lại lời gì ?
 Ta yên-tĩnh, nhớ lại những
 ngày vụt qua,
 Một thế-kỷ phải chăng như ngày
 hôm qua ?

Trên bờ Thiên-Khúc, bóng
 liễu phai mờ.

Mùa Xuân mới nở, giòng nước
 lờ - đờ.

Ta bước quanh-hiu trên các
 ghềnh đá,

Ta neo tim sâu bên bờ sông sâu..
 (Bản dịch của N.V.)

**N A M
DƯƠNG**

* TÂN-PHONG

THƯA các bạn, đây là
 một thiếu-nữ trẻ đẹp
 ở Djakarta, với nụ cười duyên-
 dáng yêu-kiều, tay đỡ trên vai
 một quả đựng đầy lễ-vật, đang
 vui-vẻ đi tới Đền thờ Allah, để
 dâng lên Chúa một nén hương
 lòng của Xuân nữ. Nước da
 ngam-ngám đen, khoát chiếc
 xà - rông
 rực-rỡ sắc
 màu, đôi
 mắt thông-
 minh tươi
 sáng, nàng
 là tượng-
 trưng cho
 tuổi trẻ
 N a m -
 Dương của
 thế-hệ hiện
 đại. Tha-
 thiết trung-
 thành với
 các giáo-lý,
 nàng quan-
 niệm cuộc



đời mới, tiến-bộ và tự-do không ngoài niềm tin-tưởng sâu xa nơi triết-lý nhân-sinh của tôn-giáo.

Ảnh-hưởng của Hồi-giáo và Phật-giáo in đậm vào hầu hết

các trạng-thái sinh-hoạt của Nam-dương Quần-đảo, trước đây mười lăm năm hãy còn là thuộc-địa của Hòa-Lan.

Đây, các bạn thấy một cảnh



đẹp của DJAKARTA, thủ-đô của Cộng-Hòa Nam-Dương hiện nay.

Đây là một công-trường đẹp nhất trên sông đào TJILIWUNG ở trung-tâm thành-phố.

Tuy phong-cảnh có khác, nhưng đời sống dân chúng ở đây cũng không khác ở xứ ta bao nhiêu. Hai thí-dụ rõ-rệt nhất mà các bạn thấy ngay trước mắt đây là chiếc cyclo đạp (tiếng Nam-Dương gọi là BETJAK), và anh phu xe có khác gì mấy anh Ba-Tèo nhà ta !

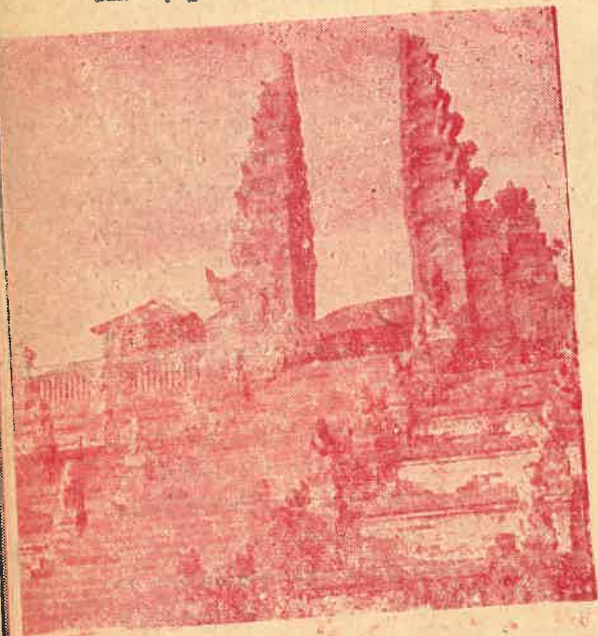


Chiếc thổ-mộ kia (tiếng Nam-Dương gọi là ANDONG), cũng là anh em họ-nội họ-ngoại gì với xe « hộp quẹt » trên các đường Sài-gòn. Dân chúng ở Nam-Dương gồm có nhiều chủng-tộc. Như ở đảo JAVA chẳng hạn, có 3 giống người: ở Tây-JAVA là giống người SUNDAN; ở Trung-JAVA là JAVAN, và Đông-JAVA là MADUR, mỗi nơi có tiếng nói địa-phương khác nhau.

Về tôn-giáo, quần-đảo Nam-Dương cũng chịu hai ảnh-hưởng Ấn-độ-giáo (Hindouism) và Hồi-giáo.



Nhưng để một dịp khác, chúng ta sẽ tìm hiểu đầy đủ hơn về đời sống của dân tộc Nam-Dương. Ngày Xuân du-lịch (nhất là một cuộc du-lịch ngày Xuân trên mấy trang báo) chúng ta nên đi xem qua các danh lam thắng cảnh có tiếng nhất ở Nam-Dương mà thôi. Nam-Dương không có nhiều thắng cảnh như ở Nhật, nhưng có rất nhiều Đền và Tháp của Hồi-giáo và Ấn-Độ giáo. Đây là công vào



Đền PURA BESAKIH, một ngôi đền lớn nhất của Ấn-Độ giáo-Ba-li, trong đó có hàng mấy trăm cái tháp (MERUS) lợp bằng lá dừa nước và sợi dừa kết lại. Phải leo 60 bậc thang mới lên đến cổng Đền ở trên một cánh đồi. Đến ngày lễ lớn, người ta cắm những cây dù cao bằng vải trắng hai bên bậc thang. Giữa con đường từ DJOGJA-KARTA đến SOLO (SURA-KARTA), có ngôi đền khác. thờ Thần CIVA (Đạo Bà-la-môn), tên là Đền LORO DJONGGRANG, xây từ Thế-kỷ thứ VIII. Mới trông, chúng ta tưởng như một ngôi đền ở Đê-Thiên Đế-Thích, cũng đồ sộ, cao lớn, và kiến-trúc cũng gần như thế.

Nhưng đây, sang Trung-bộ cù lao SUMATRA, gần thành-phố PADANG, chúng ta nên ghé nghỉ mát trên bãi biển PANTAI AIR MANIS. Thanh-



niên nam-nữ ở đây thích ra ngồi trên mấy mô đất, dưới bóng dừa xào-xạt gió. Ở đây các bạn tắm, hay bơi thuyền, và mát cũng như ở Long-Hải hay Vũng Tàu. Bạn trẻ Nam-Dương ngày nay rất ham bơi thuyền

buồm, hoặc hors-bord. Ở Vinh Djakarta, thường các buổi chiều, có những cuộc đua thuyền buồm rất hào hứng.

Bây giờ chúng ta quay trở về Trung-bộ JAVA, để xem ngôi đền vĩ-dại nhất (hình bên đây)

một kỳ-quan của Nam-Dương : Đền BOROBUDUR. Cách Jog-jakarta 44 ki-lo-mét. Đây là ngôi Đền thờ Phật, nhưng không phải như ngôi Chùa. Cả cảnh đờ-sộ ấy chỉ là một cái Tháp (Stupa), xây hồi giữa Thế-kỷ thứ VIII, để kỷ niệm các biến cố lịch-sử Phật-giáo truyền từ Ấn-Độ sang Nam-Dương. Mặc dầu từ Thế-kỷ XIII, người Ba-Tư đem đạo Hồi-giáo truyền qua Nam-Dương, lấn-át và gần tiêu-diệt hẳn Phật-giáo, nhưng ngôi đền BOROBUDUR vẫn được giữ nguyên- vẹn cho đến ngày nay. Hầu hết các chính-khách quốc-tế sang Nam-Dương, đều đến viếng ngôi Đền cao-nghiêm hùng tráng này.

Các bạn nhìn kỹ thấy cái tháp rộng lớn đồ sộ này gồm có ở mấy vòng trên cao hơn hết, hàng nghìn tháp nhỏ giống hình như trái chuông, trong mỗi tháp đều có một tượng Phật. Mấy vòng dưới là những cửa tò-vò xây quanh các bức thành, sắp

từng lớp cao dần lên. Tháp BOROBUDUR này tượng trưng cho gần 1000 năm ảnh-hưởng



của Phật-giáo trước khi Nam-Dương bị Hồi-giáo xâm-nhập và chi-phối khắp cả, cho đến

ngày nay.

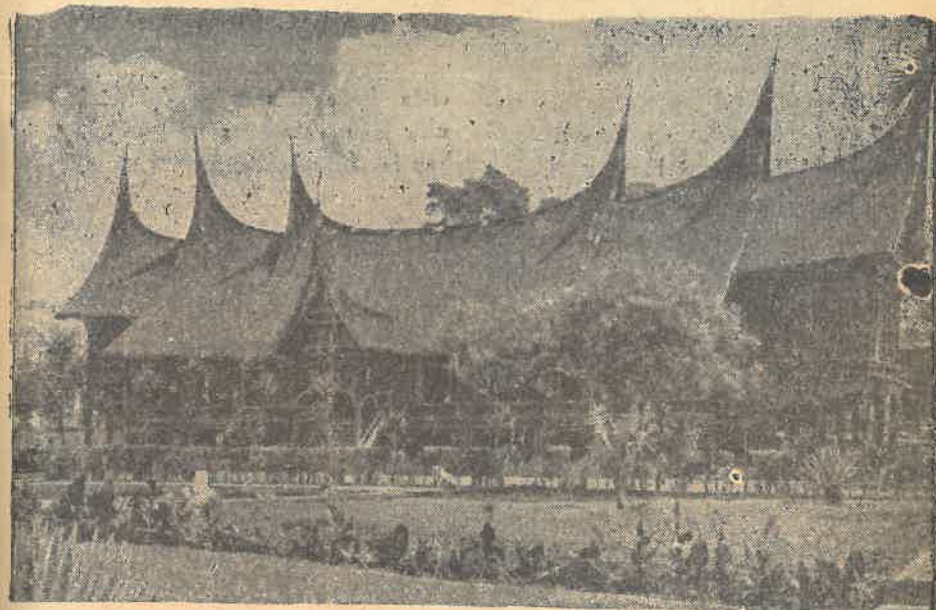
Chúng ta nên đến xem gần một tháp khác, của Ấn-Độ-Giáo,



ở trên cánh đồi DIÈNG, Trung bộ Java. Đây cũng là một kiểu mẫu kiến-trúc Ấn - Độ - Java, không giống Đền Chùa của ta, cũng khác với các Tháp Chăm.

Nhưng các thứ vôi hồ để xây các tầng đá lớn thành tháp, có lẽ như nhau, cho nên vẫn bền bỉ trải qua bao tuế nguyệt.

Thôi, chúng ta đã xem gần đủ



các tháp, các đền danh tiếng nhất của Nam-Dương. Giờ đây có lẽ chúng ta nên xem qua các cuộc sống hiện tại của Dân-tộc anh-dũng đáng mến này. Thưa các bạn, đây là Bảo-tàng-viện trong Vườn - Bách - Thảo BUKIT TINGGI, ở Trung-bộ SUMATRA, làm theo kiểu nhà Nam-Dương, hai nóc nhọn vút và cong. Đây là lối kiến-trúc Menangkabau. Phần nhiều các chợ, trường học, nhà thờ Hồi-giáo,

Phật-giáo, Gia-tô-giáo, ở SUMATRA, JAVA, BORNÉO, đều làm theo kiến-trúc cổ-điển địa-phương ấy.

Di-nhiên, nhà cửa ở các trung-tâm đô-thị đều xây cất theo các kiểu kiến-trúc tối tân, nhưng có điều nhận xét rõ-rệt là ở những thành-phố đông-đảo nhất và phần-hoa như như Djakarta, Djogjakarta, Surakarta, Bandung, vẫn chưa có nhiều buyn-đin cao lớn như ở Saigon.

hày Tokyo, Yokohama.

Đây, một biệt thự tân-thời, và hai thiếu-phụ Nam-Dương đang ngồi chơi mát ở trên hè, giữa một cảnh vườn xinh đẹp. Hai thiếu-phụ trẻ đẹp này mặc quốc-phục Nam-Dương, XÀ RONG và KEBAYA. Nhưng không thể nói rằng tất cả phụ-nữ Nam-Dương đều mặc theo một kiểu áo quần giống nhau như ở Việt-Nam ta.

Vì Nam-Dương có nhiều giống dân, nên lối y-phục mỗi nơi mỗi khác. Bên Nam-giới cũng vậy. Phần nhiều mặc KAIN, một thứ áo rộng dài xuống tới chân, hoặc kiểu mới, BADJU như kiểu Jacket của Âu-Mỹ, hay là Sơ-mi. Phụ-nữ thì cũng, thường mặc SLENDANG, một loại áo choàng, hoặc hở nửa ngực, hoặc kín ngực, may bằng các thứ hàng sặc-sỡ các màu sắc.



Phụ-nữ tân-tiến thì mặc các kiểu áo đầm, theo phụ-nữ Âu-Mỹ.

Sẵn đây, tôi xin giới-thiệu cùng quý bạn một cặp vợ chồng mới cưới, vào hạng trung lưu. Phía bên trái là bà cô, hay bà bác đi đưa dâu. Cô dâu đi bên phải mặc Sarong và Kebaya, nhiều màu rực-rỡ. Chú rể đi giữa, tuy chú chống cây ba-



toong (để lấy « le ») chứ tuổi chú mới độ 21, 22 thôi. Đây là một đám cưới tân thời.

Còn dưới đây là đám cưới một vị Cựu Hoàng-thân ở Solo (Trung-bộ Java) với một cựu Công-Chúa. Hoàng-thân ở trần chỉ mặc chiếc Sa-rong thật sang, thêu đủ các thứ màu hoa còn công-chúa để hở nửa ngực và hai cánh tay, (tay không đeo



găng). Ở Đông-bộ Sumatra, ông Hoàng đi cưới vợ thì được một người đàn ông trong họ nhà trai công kênh ngồi trên vai để đến nhà gái. Chung quanh là cả họ hàng và bạn-hữu đi theo hầu.

Vài tục-lệ phong kiến ngày nay đã được giảm bớt nhưng các kiểu đặc-biệt của Dân-tộc Nam-Dương là VŨ và NHẠC thì còn tiêu-biểu cho tinh-thần nghệ-sĩ huyền-bí của đa-số thanh-niên hiện đại. Các bạn xem đây, một cuộc hòa-tấu bằng ống sáo tre

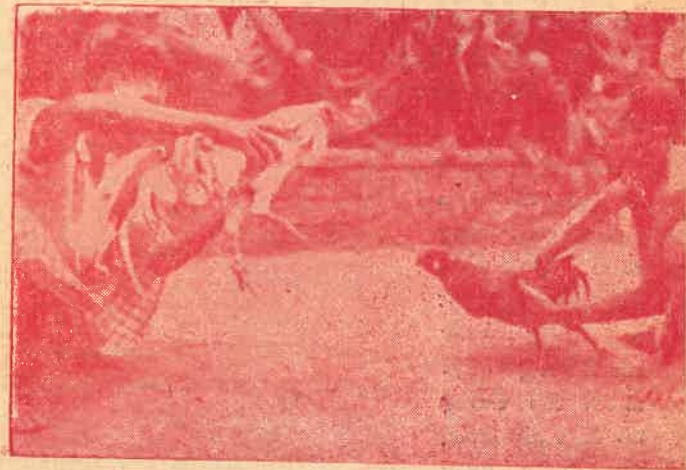
của đoàn nhạc thanh niên ở MINAHASA, trên Đảo CÉLÉ-BES. Ông Sáo là nhạc-cụ đặc-biệt nhất ở đây. Các thiếu-nữ thì ưa chuộng một loại nhạc cụ khác, cũng bằng tre, gọi là ANGKLUNG, rất thông-dụng, nhất là 3 miền BANDUNG, Đông-bộ Java. Mấy cô Nữ-Sinh này đang hòa một bản nhạc bằng Angklung, rất du-dương êm-ái. Thường thường trong những cuộc lễ lớn, như lễ ODALON, kỷ niệm ngày dựng Đền trong một địa-phương, toàn thể dân



Mùa Xuân, họ tổ - chức lễ - NJEPI, cũng như lễ Tết của ta vậy.

Nhạc và vũ suốt mấy đêm ngày, không chán. Dân chúng Nam-Dương cũng rất mê đá gà. Khắp các Đảo, từ SUMATRA, JAVA, MADURA, KALIMAN-TAN, CELEBES, đến những đảo nhỏ như TIMOR, LESSER SUNDA, v.v.. đâu đâu cũng có trường đá gà quy-tụ số rất đông nhân dân. Trong những ngày Xuân, hoặc các lễ khác, dân chúng Nam-Dương cũng tổ chức nhiều cuộc chơi mà ở Việt Nam chỉ có dưới thời Pháp-thuộc mà thôi, như các trò bịt mắt bắt vịt, leo cột mỡ, v.v... Đây là những chàng thanh niên

chúng đều tham-gia náo-nhiệt, hàng ngàn người kéo đi một đoàn dài, áo quần sặc-sỡ đủ các thứ màu, và cờ-xí, và tặng phẩm độn trên đầu hay đặt trên vai, rồi thanh-niên thì thổi sáo, thiếu nữ thì kéo Angklung, đến nơi Đền thờ tế-lễ.



đang hăng hái leo lên các cột
mỡ để lấy các đồ vật tặng
thường.

Có điều đáng chú ý là khẩu-
hiệu của chính phủ Nam-Dương
hiện nay là « BHINNEKA
TUNGGAL IKA » (khác biệt
nhưng duy-nhất), cho nên tuy
mỗi địa phương, mỗi nơi trên
mỗi hòn đảo có những phong-tục
riêng, lối chơi riêng, nhưng tựu

trung vẫn có một
đặc tính tổng-
quát như nhau,
đặc tính chung
của quốc-gia gồm
có 8 triệu dân
Nam-Dương, là
yêu chuộng cổ-
nhạc và Vũ-khúc
cổ-truyền: di tích
ngàn xưa của
Ấn-Độ giáo, và
Hồi-giáo.

Đến đây, chúng
ta có thể tạm
ngưng cuộc viếng
thăm Quần-Đảo
Nam-Dương, một
bạn láng-giềng
rất đáng quý-
mến của chúng
ta. Một dịp khác,
sau mấy ngày

Xuân, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm
dân tộc ấy hơn nữa, như các
Dân tộc bạn ở Đông-Nam-Á.

Trước khi chấm dứt, chúng
ta cũng nói vài lời theo tiếng
Nam Dương để cảm ơn: —
TERIMA KASIH! và chào các
bạn: SELAMAT SAUDARA-
SAUDARA!

TÂN-PHONG

MỘT THI-SĨ

NAM-DƯƠNG

CHAIRIL ANWAR



Chairil Anwar là người đã đề
xướng ra phong-trào cách mạng
Văn-nghệ ở Nam-Dương từ
sau Đệ-nhi Thế-chiến. Sinh
năm 1921, chết năm 1949, (mới
có 28 tuổi) Ông là nhà Thơ
lừng danh nhất hiện nay,
vì ông là thủ-lãnh « Thế-hệ 45 »,
là thế-hệ văn-nghệ sĩ cách-mạng
đã cương-quyết ly-dị hẳn với
đi-vãng và theo các khuynh-
hướng mới của Văn-chương Âu
Mỹ. Phong-trào Thơ mới
« PUDJANGGA BARU » của
TAKKIR ALI SJAHBANA,
một nhà Luật-sư kiêm Thi-sĩ
Văn-sĩ, đã chủ trương dưới thời
Hòa-Lan đô hộ, đã kích các thế
thơ cổ điển SJAIR, PANTUNS,
gần như loại thơ Tứ-tuyệt và
bất cú của thơ Việt-Nam, đã
chấm dứt sau khi cuộc cách-mạng
đòi Độc-lập «Merdeka» đã thành
công. Chủ trương của CHAI-

RIL ANWAR và nhóm Thi-sĩ
tiên-phong 1945, như IDRUS,
ASRUL SANI, FRAMUDYA
ANANTA TUR, AOH K.
HADIMADJA, ACHDIAT K.
MIHARDJA, ROSIHAN AN-
WAR, là thoát ly hẳn ra ngoài
khôn khổ các lối thơ thịnh
hành trước Đệ-nhi Thế-chiến,
và áp dụng các loại sonnet mới.
Hầu hết những Thi-sĩ này đều
diễn tả tâm sự và các trạng thái
mới của Thế-hệ thanh niên
1945, theo các thể thơ Âu-Mỹ.

Sau đây, xin đăng nguyên văn
và dịch một bài thơ đặc sắc,
tiêu biểu cho Thơ mới ở Nam-
Dương hiện đại. Bài này nhan
đề là «AKU» (TÔI), trích trong
quyển « DERU TJAURPUR
DEBU » (Hỗn loạn của Tiếng
ồn và bụi bặm) xuất-bản năm
1949 ở Djakarta.

Nguyên-ôn :

AKU

Kalau sampai waktu
 «Ku mau tak seorang» kan meraju
 Tidak djuga kau
 Aku ini binatang djalang
 Dari kumpulannya terbang
 Biar peluru menembus kulitku
 Aku tetap meradan menerdjang
 Luka dan bisa kubawa berlari
 Berlari
 Hingga hilang pedih peri
 Dan aku akan lebih tidak peduli
 Aku mau hidup seribu tahun lagi

CHAIRIL ANWAR



Dịch :

TÔI

Khi tôi sẽ đến giờ tận số
 Tôi không muốn ai thương nhớ
 khóc tôi
 Cả em nữa, em ơi !
 Tôi không cần nghe tiếng làm-ly
 nước-nở.
 Tôi là con thú rừng lạc bầy
 muốn thuê.
 Dầu có những viên đạn bắn
 trúng vào tôi
 Tôi cũng cứ chạy đi xa thôi
 Mang theo vết thương và thuốc
 độc của đời
 Tôi chạy trốn
 Để thoát khỏi cơn đau-dớn
 Để không còn gì chạm vương
 vào tôi
 Tôi muốn còn sống mãi muôn
 đời.

(Bản dịch của N. V.)



MỐI TÌNH

★ NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

gái sắc gặp nhau đối đáp nhau
 qua lời hát điệu ca (Cũng na
 ná giống như hát đúm hát
 trống quân ở Bắc. Khác một
 điều là hát phường vải, vừa hát
 vừa làm việc, nên không cứ phải
 là lễ lượt hay tét nhứt mới tồ
 chức hát).



Con gái đàn-bà trẻ trong một
 xóm đêm đêm họp nhau tại sân
 nhà nào đó, hoặc thấp đèn dầu,
 hoặc nhờ ánh trăng, đem bông vải
 ra kéo sợi. Vừa làm việc vừa hát.
 Công việc có vẻ nên thơ và nhàn

Nguyễn-Du

X U A ở vùng Nghệ-Tĩnh,
 vào những đêm tối trời
 thường thường có hát Phường
 Vải. Đó là một dịp để trai tài

trai nên trai thơ xung quanh kéo
 đến vừa nghe hát vừa để hát đối
 trao dồi tâm-tình với nhau. Con
 gái làng Trường-Lưu nổi tiếng
 đẹp hay chữ và thường có nhiều
 dịp hát Phường Vải nên trai tài
 đâu đâu cũng lần mò kéo đến.
 Nguyễn-Du ở làng Tiên-Điền, lúc
 trẻ vốn nổi tiếng hay chữ và đa-

tình nên cách làng Trường - Lưu một con sông (có chuyến đò Ngang ở bến Cùi) một cái trướng Hồng (trong núi Hồng Lĩnh) mà cũng tìm đến thường - thức. Thế rồi, một đêm không hiểu Nguyễn-Du và một cô gái Trường - Lưu đã cảm nhau thế nào mà đến gần sáng Nguyễn-Du mới trở về Tiên-Điền được. Và từ đó Nguyễn-Du « quất ngựa truy - phong » không bao giờ quay về với cô gái Trường - Lưu phượng Vải nữa, khiến cô này óm tương - tư và cũng bỏ luôn nghề kéo sợi vải.

Cụ Nghệ Nguyễn Huy Quỳnh (1734 - 1785) ở làng Trường - Lưu thương tình cô gái bị phụ-bạc, làm giùm cho cô một bài thơ nôm để gửi Nguyễn - Du. Trong bài này Cụ dùng nhiều danh - từ chuyên - môn trong nghề vải cho đúng với cô gái phượng Vải. Vì tác-giả cảm-thông với tâm-sự cô gái nên lời thơ thật tự nhiên, và thiết-tha nồng - nàn, giọng hồn-trách thật cảm-động.

Nhận được bài thơ này Nguyễn Du mới làm bài thơ trả lời (lúc này Nguyễn Du vào khoảng 19, 21 tuổi). Nguyễn Du mượn lời phượng làm Nón để đối lại bài thơ phượng Vải, Nguyễn Du cũng

dùng nhiều danh-từ chuyên-môn trong nghề nón (những danh - từ này chúng tôi in chữ đậm). Bài thơ của Nguyễn Du có tính cách « phân-trần » của « con bướm liệng vành mà chơi » nên tuy nghệ-thuật thật cao mà ý hời-hợt, găng-gượng không thiết - tha và cảm-động như bài trên — Đúng là tâm - trạng của người « chơi hoa »...

Giai - thoại này giúp ta hiểu thêm cuộc đời của Nguyễn Du. Cuộc đời của một nghệ-sĩ

2) BÀI THƠ GỬI TRƯỜNG - LƯU GỬI NGUYỄN - DU

(tác - giả là Cụ Nghệ Nguyễn Huy Quỳnh)

Tặng mai Hầu trở ra về,
Hồn tương-tư vẫn còn mê giấc nồng.
Cot trâu chưa kịp tạ lòng,
Tình ra cách đã non sông mấy sọt
Trời làm chi cực bầy trời
Cot trâu này đò còn mới được ai.
Tìm gan đò hắt ra ngoài.
Trông theo trướng Hồng đò Cát
thấy đầu ?
Khi lên đò rồi cho nhau.

Khi về trút mái gánh sâu về ngay.
Xoa buồn từ nấy đến nay,
Nào ai mớ đến xa quay xin
thề.
Ngai ngang đường cười đi về
Chân ngừng dây đập tay
e soi chuyền.
Lỡng tai nghe tiếng ác truyền,
Dựng sâu cuốn khúc, tấm
phiên đồ hoa.
Chợ duyên dang lại tháo ra,
Gần nhau cách quạng gần xa
mấy hồi.
Liền bằng khổ một gò đôi,
Liều như bóng đã bản rồi bong
bong.

2) BÀI THƠ NGUYỄN DU TRẢ LỜI CÔ GÁI TRƯỜNG - LƯU

Tiệc thay duyên Tân phận
Tân,
Chưa quen đã lạ, chưa gần đã
xa.
Chưa chi đông đã rụng ra,
Đến giờ chi giận con gà chết toi.
Tìm gan cho cái sao mai,
Thào nào óc búa chém trời
cũng nên.

Về qua liếc mắt trông miên,
Lời quanh dăm để chừa yên
đằm ngồi.
Trưa thêm tàn được còn tươi.
Bã trầu chưa quét nào ngườì
tình chung.
Hồng-son cao ngắt mây trùng,
Đò Cát mấy trướng thì lòng bấy
nhiều.
Làm chi các cô lảm điều,
Một đêm hôm trước lại chiều
hôm nay.
Khi xa xa hơi thế này.
Tiếng xa nghe vẫn rừ-rừ bên tai.
Quê nhà nắng sớm mưa mai,
Đã buồn đò đến lịp tơi càng
buồn
Thờ-ơ đông vọt bỏ sườn;
Đã nhàm bệ mọc, lại hờn năm
giang.
Trăng tà chênh chếch bóng
vàng,
Dừng chân thoát nhớ đến đông
cửa trướng.
Thần-thờ gốc chiếc màn sương,
Rối lòng như sợi ai cuồng
cho xong.
Phiên nào chợ Vính ra trông.

Mồng ba chẳng thấy lại hồng
mười ba.

Càng trông càng chẳng thấy ra,
Coi trầu quệt đã và vạt lẫn ôi.

Tưởng rằng nói thế mà chơi,
Song le đã động lòng người
lắm thay.

Trông trời cách mấy từng mây,
Trông trăng trắng hẹi đến
ngày ba mươi.

Vô tình trắng cũng như người,
Một ta ta lại gắm cưỡi chuyện
ta.

(theo tài liệu của Hoàng xuân
Hân, Lê Thước, Đào Duy Anh)



Chú - thích những danh từ
địa-phương :

Hầu : chức trước

Trường Hồng : núi Hồng-Lĩnh
chỉ chỗ ở của Nguyễn-Du, là
đường đi trong núi Hồng Lĩnh,
từ Nghi Xuân lên Can lộc qua
Cộng Khánh.

Đò Cài : Chuyền đò từ Tiên-

diễn qua làng Trùng-Lưu.

Đường cưỡi : Sương hay là
đường cắt đồ dùng của người kéo
vải.

Ác : con chim ác, chỉ hình đồ
dùng để móc dây gỗ.

chẹ : Cuộn chỉ ấy ở dùng ra.

Khở : dùng để chia chỉ dọc ra
hai lớp.

Bắn : lấy dây ghép, bặt bóng cho
rời ra.

Cánh quang vành ra : thứ
đồ dùng để cuốn chỉ.

Líp toi : là làm nón.

Vọt : tre vọt thành sợi dẹt.

Xạ quay : đồ dùng làm cho chỉ
cuốn vào sợi.

Bẹ móc : bẹ cây móc có sợi
dùng may nón;

Giàng : thứ tre riêng rất bền
dùng làm lát.

Cưỡng : vắn dây

Coi trầu : khay trầu nhỏ

Trửa thêm : giữa thêm

Mồng ba, mười ba : những
ngày có phiên chợ.



★ CHÍCH THUỐC RỜI

Anh phát thơ vừa bước số cửa đã đưa thư, từ có con chó
bọc-dẻ trong nhà nhảy xổ ra chụp anh. Anh tì la lên, thì có tiếng
bà chủ nhà từ trong buồng đứng dậy đi ra :

— Không sao đâu, anh đừng sợ. Con chó đã được chích
thuốc trừ bệnh dại rồi. Lỡ nó có cắn cũng không hề hại gì đâu !



NÀNG
Chuột Trắng

Ở THĂNG LONG

★ PHONG CẨM



HỒ
HUYỀN-
QUI

là một thơ
sinh phong

nhà từ núi Yên-Tử, đến trọ
học tại thành Thăng-Long. Nhà
đã nghèo, chỗ trọ cũng nghèo;
một mái hiên thừa dùng làm
thờ phụng và cũng là chỗ ngủ.

- Thường đêm, ngoài việc đọc
sách ngâm thơ ôn nhuần kinh-
sử, Hồ sinh thường dạo qua
đường phố nhìn người thiên hạ
để khuấy-khỏa nỗi nhớ-nhà.

Đêm kia, Hồ sinh đi gần tới

vách thành của dinh Thủ-tướng
Hồ-Quý-Ly, thỉnh linh nghe
tiếng sủa âm-ĩ, kể thấy con Chó
Vàng hung hăng đuổi bắt một
con chuột sắc lông trắng toát.
Chuột Trắng chạy trốn chết,
những tưởng phen này làm mối
cho loài cày cáo, thời may nó
nhìn thấy dưới chân tường một
cái hang sâu liền chui vào ẩn trốn.

Thì ra cái hang này của một
đôi vợ chồng Chuột Cống, vào
lúc đó Chuột Cái mắc đi tìm mối,
Chuột Đực ở hang mặt mình,
Chợt nghe tiếng động, Chuột
Đực ngẩng nhìn, thấy một nàng
Chuột Trắng treo đẹp-đẽ như
một nàng tiên thì lên tiếng hỏi :

— Nàng là ai đêm khuya
đường dật vào đây có chuyện gì ?

Nàng Chuột Trắng hãy còn kinh-sợ run như cây sậy. Qua một giây trăn trĩnh, nàng khép nép trả lời :

— Thiếp ở nhờ trong nhà người thợ-sinh cũng gần đây. Đêm khuya thiếp dạo xóm kiếm ăn, chẳng may bị loài cây cáo đuổi bắt, túng cùng thiếp chạy vào đây, dám xin chàng cho trú ẩn chốc lát, ơn này thiếp chẳng dám quên.

Chuột Đực gật gù ra vẻ khoái trá, ôn-tồn bảo :

— Tưởng chuyện gì hệ-trọng, chớ nàng muốn lánh-nạn trong chốc lát thì chẳng hại gì, hà tất phải nói điều ân-nghĩa? Giá nàng cứ ở đây trong đời ba ngày cũng chẳng sao.

Chuột Đực trở mắt nhìn cái vẻ xinh đẹp mỹ-miệu của nàng Chuột Trắng, đoạn chép miệng nói :

— Ta xem nàng ra vẻ một tiểu thư khuê-các, sao không tìm nơi sang trọng, lại ở chi với người học trò nghèo cả thảy chẳng có no lòng, để phải kiếm ăn vất vả suốt phải thiệt thân vì loài cấu trệ. Ta nghĩ mà thương

xót cho nàng.

Như ta đây an-nhàn một cõi, nhà ở chun tường chắc - chẵn mười phần, lại được mỗi đùn ấm cúng mãn năm. Trên thì nhờ quan Thủ tướng ngồi cao nhất-phẩm, dinh cơ ngang dọc, một bên thì lầu Hoa tạ, bên cung Ngọc đường, dưới thì kẻ hầu người hạ xuê-xang. Thức ăn chất cao thành núi, sơn hào hải-vị chẳng thiếu gì, ta tha hồ ăn uống khỏi phải vất-vả nếm canh kiếm ăn dầu dượng xó chợ như nàng. Nếu nàng gả nghĩa cùng ta thì được hưởng phú-quý một đời.

Nàng Chuột Trắng thẹn-thường đỏ mặt ấp-úng mãi mới ra lời :

— Người quân tử mà biết đoái hoài đến phận hèn thì quý-hoá vô cùng, nhưng thiếp là gái đã có chồng, từ ngày chồng thiếp qua đời, thiếp thế giữ tấm lòng son, nên dầu phải túng thiếu vất vả thiếp cũng cam chịu, lẽ đâu vì sự sang giàu mà thiếp thường coi trinh-tiết.

Chuột Đực cười tỉnh :

— Đem ngàn vàng cũng

không đổi được một thời xuân, rồi đây cái già xờng-xộc đến, như nàng dung-nhan mỹ-mạo, tuổi xuân đang độ, nếu không sớm tận hưởng lạc-thứ ái-tình, bo-bo giữ lấy chữ trinh để cực-khổ điều-linh, lạnh-lùng đơn chiếc thì phỏng có ích gì. Vậy nàng hãy ưng ta đi.

Nàng Chuột Trắng lặng im. Chuột Đực cười nhẹ :

— Nàng đừng e thẹn, ở đây chỉ có ta với nàng, nếu nàng thuận tình thì mọi việc êm xuôi, bằng không ta quyết dùng sức mạnh vì ta đã yêu nàng.

Nàng Chuột Trắng nghe lời đe dọa của Chuột Đực thì nôn-nao sợ, nhưng cố làm ra vẻ bình tĩnh phân-trần :

— Tình yêu do lòng chân-thật mà có mới đẹp, mới bền, nếu dùng sức mạnh ép buộc thì còn gì thanh-cao, trong sạch, chàng mà ép uống thiếp thì thiếp sẽ hủy mình để giữ tròn trinh tiết.

Trước những lời lẽ ôn-tồn quả quyết của Nàng Chuột Trắng, chuột Đực không dám làm liều, lại muốn tán-tĩnh nữa, nhưng Chuột Trắng lắng nghe bên ngoài đã im tiếng chớ liền

từ già ra về.

Vừa tới bên ngoài Chuột Trắng chợt thấy chuột Cái ở đầu xờng-xộc chạy về, Chuột Trắng tránh mặt rồi đi thẳng về hang.

Chuột Cái mặt giận hầm hầm day nghiêng Chuột Đực :

— Tôi biết mà, anh thừa lúc tôi đi vắng dắt gái về đây tư tình, anh đừng hòng qua mặt gái già này. Tôi hỏi thật nếu anh mê nó thì cuốn quần cuốn áo đi theo nó đi, đồ đờn ông bạc tình bạc nghĩa.

Chuột Đực cười gằn :

— Mày đừng có ghen bóng ghen gió, nói càn nói bướng lơ người ta nghe được người ta vả vào mặt bây giờ. Cái mặt của mày cũng không bằng gót chơn của người ta, vậy đừng có hăm hồ.

Chuột Cái thét lên :

— À, anh bênh vực con nặc nô đó phải không? Được rồi, để tôi sang bên đó xé xác nó ra cho anh coi.

Nói rồi Chuột Cái hầm hầm ra cửa, chạy một mạch tới hang Chuột Trắng, đứng trước cửa chỗ miệng chửi vào :

— Bớ con nặc nô cướp giựt chồng bà, có giới ra đây ngoái lỗ tai nghe bà hải tội.

Chuột Trắng vừa nằm yên, chợt nghe tiếng chửi của Chuột Cái thì giận lắm bước mau ra cửa gạn hỏi :

— Chị kia, chị chửi ai cướp giựt chồng chị ?

— Tao chửi mày vì mày quyến dụ chồng tao.

Chuột Cái vừa nói vừa xông tới làm dữ với Chuột Trắng. Chuột Trắng cả giận mắng rằng :

— Chị đừng có ăn nói hồ đồ, tôi quyến dụ chồng chị hồi nào mà tới đây sanh sự.

Chuột Cái càng to tiếng :

— Mày đừng có chối, chính tao thấy mày ra khỏi nhà tao trong lúc tao vừa về tới. Vậy lúc tao đi vắng mày đến nhà tao làm gì nếu không phải là để quyến dụ chồng tao.

Chuột Trắng cười dài :

— Có chồng chị dùng lời ong bướm toan quyến dụ tôi vào đường tình ái thì có, thấy tôi không thuận tình lại toan dọa hăm tôi thế thà chết chứ không

chịu thất tiết, chồng chị mới buồn tha, như vậy chị còn đến đây làm dữ nổi gì ?

Chuột Cái vẫn hung hăng ngang ngược :

— Mày đừng có giả làm, nếu không muốn quyến dụ chồng tao vậy giữa đêm khuya mày đến nhà tao làm gì phải nói cho ra lẽ.

Chuột Trắng thuật chuyện bị chó dữ đuổi nà, cùng đường phải chạy vào hang Chuột Đực ẩn núp chó không có dạ tà tây.

Chuột Cái vẫn chưa tin cứ xun xoe bộ tịch nhiech - mắng Chuột Trắng đa tình lang-chạ. Chuột Trắng không nhịn nữa cãi lại, hai đảng đấu khẩu kịch liệt, rồi xông vào đánh nhau.

Thình-lình có tiếng gào trên mái ngói, kể một bóng đen có đôi mắt lóng-la, lóng-lánh chiếu thẳng vào hai nàng Chuột, đoạn quang mình xuống đất thật lạ lùng vỗ lấy Chuột Cái. Chuột Cái nhận ra chú Mèo Đen hung-ác từng sát hại không biết bao nhiêu mạng chuột, thì hoảng sợ thất-thần, phóng mình chạy trốn.

Mèo Đen đuổi Theo bèn gót, Chuột Cái cầm đầu chạy, bắt đờ

rơi tòm xuống ao, bị-bôm lội một hồi tưởng hụt chân chết. Đuối giữa dòng, may nhờ vó được cành cây, lặn vô bờ, thoát qua nạn lớn.



Từ nãy giờ Hồ sinh theo-dõi rất chăm từ đầu tới cuối câu chuyện xảy ra dưới góc tường kia, chàng nhận thấy trong cái thế-giới loài vật cũng có những

điều yêu thương, ghen ghét và nghi cảm thương cho khách hồng nhan phận mỏng, lẻ loi chiếc-bóng bị rừ ren vào đường trăng gió, nhưng khảng-khái một lòng giữ vẹn tiết-trinh. Hồ sinh bèn trở về thơ phùng thấp lên ngọn nến thảo ra những vần thơ liền hoàn ca-ngợi nàng Chuột Trắng ở thành Thăng-Long; nêu tấm-gương trinh-tiết ở thế gian.



★ NHÂN TẠO VÀ THIÊN TẠO

Một ông triêu-phú, ít học, một hôm đi với vợ ra Long Hải tắm biển. Ông để vợ tắm một mình, ông lái xe hơi Huê-kỳ về lấy cái áo tắm của ông bỏ quên ở khách sạn. Lúc trở ra, ông thấy một đám đông người lảng xăng chung-quanh một người đàn bà. Ông vội hỏi :

— Cái gì vậy, các anh ?

— Một bà suýt bị chết đuối ...

Ông triêu phú chạy lại gần, la hoảng :

— Thờ, chết rồi ! Vợ tôi ! Trời ơi, vợ tôi ! Mà các anh đang làm gì bà đó ?

— Tại tôi đương làm phương-pháp thờ nhân-tạo cho bà.

Ông Triêu phú còn la rân lên :

— Thờ nhân-tạo hà ? Sao các anh không làm thờ thiên-tạo cho bà ? Cứ làm thờ thiên tạo đi, rồi tốn kém bao nhiêu tôi cũng trả mà !

Cả đám đông cười rộ lên, ông triêu-phú không hiểu tại sao họ cười !

Ánh

Màu

Hương

Sắc Trong

VAI TRÒ QUAN TRỌNG
CỦA MÀU SẮC

Đời
Sống

Của
Ta

Mỗi vật trong vũ trụ đều có một màu sắc. Trên thế giới này, màu sắc được sử dụng triệt để và một cách khoa học trong mọi ngành hoạt động và đã trở nên một yếu tố quan trọng, một phần của đời sống văn minh. Sự huy hoàng của màu sắc chúng ta có thể trông thấy trong các hàng tơ lụa, trong sách báo, trên màn ảnh và ban đêm, qua các bảng hiệu chói lọi với các thứ đèn neon muôn màu.

Hình như chúng ta ưa thích màu sắc là do một thứ bản năng thẳm kín, một mối cảm xúc tự nhiên. Cái đẹp và niềm vui thích do màu sắc tạo ra, từ trẻ đến già, từ người văn minh đến những dân tộc man rợ, ai ai cũng có thể tận

hưởng. Không cần học hành hay luyện tập gì cũng biết cảm thấy vui thú trước vẻ đẹp huy hoàng của chiếc cầu vồng trên nền trời quang đãng sau một cơn mưa hay khi đứng trước những vẻ lộng lẫy của chân trời một buổi hoàng hôn.

TẠI SAO TA NHÌN
THẤY MÀU SẮC ?

Chúng ta thường quan niệm rằng khi ta nhìn một cánh hoa hồng chẳng hạn, màu đỏ của hoa hồng mà ta trông thấy là tự ở hoa mà ra, một thành phần không rời được của cánh hoa. Chúng ta cũng tưởng cánh cửa màu xanh là

ÁNH HƯỞNG MÀU SẮC

vì màu xanh sẵn có trong chất sơn và dính liền với cánh cửa.

Nhưng theo khoa học, màu sắc là một đặc tính của ánh sáng. Nghĩa là màu sắc không phải là một cái gì riêng biệt với ánh sáng, màu sắc với ánh sáng chỉ là một.

Ta thường thấy ánh sáng của một ngọn đèn điện hay ánh sáng mặt trời màu trắng, nhưng nhờ nhà bác học ISAAC NEWTON và các cuộc thí nghiệm ánh sáng chiếu qua lăng kính (1) ta đã biết rằng trong ánh sáng màu trắng gồm đủ tất cả các màu của chiếc cầu vồng mà các sắc chính là đỏ, da cam, vàng, lục, xanh, chàm, tím. Thật ra các sắc này biến dần từ sắc này qua sắc khác; mắt chúng ta có thể phân biệt được độ 1.000 màu sắc và 1.000 sắc ấy lại có thể biến chế thành hai triệu vẻ tươi đậm khác nhau (bằng cách pha trộn lẫn nhau hay pha thêm nhiều hoặc ít màu đen và màu trắng).

Ngoài ra, ánh sáng di chuyển thành luồng sóng cùng loại với những luồng sóng vô tuyến điện, quang tuyến X, điện khí, nhiệt độ v.v... Các luồng sóng này đều có những chiều dài khác nhau, và

được gọi chung là năng lượng bức xạ. (2)

Riêng về các luồng sóng của ánh sáng, mỗi màu sắc có mỗi luồng sóng dài ngắn khác nhau. Ánh sáng màu trắng của mặt trời là sự hỗn hợp của tất cả các luồng sóng các màu, khi ánh sáng mặt trời chiếu qua lăng kính (cuộc thí nghiệm của Newton nói ở trên) thì luồng sóng của mỗi màu vì có những chiều dài khác nhau nên gãy theo những góc khác nhau, luồng sóng màu đỏ dài nhất (1/13.000 phân tây) gãy ít nhất, luồng sóng màu tím, ngắn nhất (1/26.500 phân tây) gãy nhiều nhất.

Chúng ta nhìn thấy cảnh vật dưới hình thức màu sắc là vì có những tia ánh sáng phản chiếu từ những vật chúng ta trông thấy đến mắt chúng ta. Mỗi thế vật chung quanh ta, tùy theo cách cấu tạo hóa vật của nó, hấp thụ những luồng sóng của màu này và phản chiếu những luồng sóng của màu khác. Bởi vậy, khi ánh sáng mặt trời chiếu vào hoa hồng nói ở đoạn trên, hoa hồng ấy hấp thụ tất cả những luồng sóng của các màu

(1) xem chú thích ở cuối bài.

(2) énergie rayonnante.

ẢNH HƯỞNG MÀU SẮC

khác trong ánh sáng mặt trời và phản chiếu đến mắt ta luồng sáng của sắc đỏ nhờ vậy ta thấy hoa hồng dưới màu đỏ.

Những thê chất ta thấy dưới màu trắng là vì vật ấy không hấp thụ luồng sáng của màu nào cả và phản chiếu lại tất cả các luồng sáng của các màu trong ánh sáng mặt trời.

Trái lại các sắc tố màu đen hấp thụ tất cả luồng sáng của mọi màu.

Mãi đến ngày nay khoa học cũng chưa khám phá ra được nhiều để giải thích một cách chính xác tại sao mắt ta nhìn thấy màu sắc khi các luồng sáng đập vào cương-mô của đôi mắt (rét ne). Cương-mô là một thứ màn của mắt rất nhạy đối với ánh sáng. Thấu kính trong mắt (lentilles) tạo thành hình mọi vật trên cương mô và cương mô cũng có công dụng như phim trong máy ảnh. Có lẽ khi ánh sáng đập vào mắt, chất lỏng bao bọc phía ngoài cương mô bị một sự biến đổi hóa vật. Chất lỏng ấy kích thích thần kinh và thần kinh báo tin cho óc liết. Hình như các giây thần kinh ở cương mô có nhiều loại và mỗi loại có nhiệm vụ phản ứng riêng

đối với một thứ màu. Những giây thần kinh phản ứng với màu trắng ở phía ngoài, những giây ở phía trong phản ứng với các màu sắc khác. Ta có thể thí nghiệm điều này bằng cách trộn lẫn nhau những miếng giấy nhỏ nhiều màu khác nhau rồi nhìn thẳng ra đằng trước, lấy tay rùi một miếng đưa từ sau gáy (et) ra trước mặt. Nếu để ý chúng ta sẽ nhận thấy rằng mắt ta nhìn thấy miếng giấy trước vài giây rồi mới phân biệt được miếng giấy ấy màu gì.

ẢNH HƯỞNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA MÀU SẮC.

Màu sắc có nhiều ảnh hưởng đối với thê xác và tâm hồn con người. Nhằm mục đích nghiên cứu và áp dụng những ảnh hưởng ấy, một môn học mới được đặt ra trong những năm sau này gọi là « Tác dụng màu sắc » (Couleur fonctionnelle) và không phải những nghệ sĩ mà những nhà bác học chuyên môn nghiên cứu về tác dụng của màu sắc đối với thị giác, cảm tình của con người, năng suất làm việc v.v... và họ đã phát minh nhiều phương pháp mới lạ để áp dụng màu sắc một cách hữu ích trong mọi ngành hoạt động.

ẢNH HƯỞNG MÀU SẮC

Ảnh hưởng màu sắc là do tác động trực tiếp của ánh sáng đối với các giây thần kinh ở mắt. Màu đậm kích thích thần kinh, làm tăng huyết áp, tim đập mau, màu lợt làm êm dịu, giảm huyết áp làm cho tim đập chậm lại.

Màu sắc có thể làm cho ta bồn thần uể oải hay háng hái mạnh dạn, vui hay buồn, bức rức khó chịu hay khoan khoái.

Màu sắc có thể làm cho một vật ở xa hình như được xê dịch lại gần ta, một vật ở gần hình như lùi xa ra. Cũng một vật sơn những màu đậm trông thấy hình như nặng hơn là sơn màu lợt. Cùng một căn nhà, sơn những màu khác nhau có thể làm cho ta có những cảm tưởng nóng hay mát.

Mỗi màu có một tác dụng, tượng trưng cho một ý nghĩa riêng. Màu vàng đậm tượng trưng cho ánh sáng mặt trời và sự chói lọi vinh quang. Màu đỏ là màu của sự háng hái, hoạt động, cảm hứng. Màu xanh là màu lặng lẽ, màu tím trang nghiêm và phong phú. Màu trắng tượng trưng cho sự thanh nhàn, mềm dẻo và lòng trong sạch. Màu xanh lá cây gọi sự dịu dàng êm ái.

Người ta thường chia màu sắc

thành hai loại. Những màu nóng như màu đỏ, da cam, vàng và những màu mát như màu xanh, tím, xanh lá cây.

Những vật sơn màu nóng dịch lại gần ta, bàn ghế sơn màu nóng hình như tụ tập lại gần nhau một cách ấm cúng. Trái lại, màu mát làm cho mọi vật tách xa nhau. Bởi vậy chúng ta có thể làm cho một căn buồng quá hẹp có vẻ rộng bằng cách sơn các bức tường với một màu mát và bằng cách ấy ta cũng có thể làm cho một bức trần thấp quá cao lên. Một căn phòng quá dài và hẹp bề ngang có thể dùng màu sắc để trở nên cân đối: dùng màu nóng sơn hai bức tường ở hai đầu bề ngang làm cho chúng có vẻ gần nhau hơn. Những sắc pha lợt của các màu nóng hoặc mát đều đem lại những cảm giác khoan khoái, rộng rãi.

Khi bước vào nhà một người bạn, ta có cảm tưởng ngay không khí trong phòng ấm cúng hay tê nhạt, nhiều khi không phải do sự tiếp đãi nồng hậu hay hồ hững của người bạn ta mà do ở cách áp dụng màu sắc trong phòng.

Sự mát hay nóng của màu sắc làm cho ta có những phản ứng tự

nhiên. Ở những thành phố đông đúc chật chội, ở các vùng nhiệt đới, trên các bãi sa mạc người ta thường dùng những màu êm dịu mát mẻ. Ở xứ lạnh, nhà cửa thường được sơn bằng những màu sáng đậm để làm bớt cảm giác rét mướt.

Nhà cửa thường được trang trí bằng những màu sắc thích hợp với bản tính và hoàn cảnh của chủ nhân cùng những hoạt động thường xuyên trong gia đình. Đàn ông ưa những màu đậm, những sắc nóng nghiêm nghị, đàn bà ưa những vẻ tươi pha lợt của màu ưa thích của họ. Bạn trẻ ưa những màu sắc sặc sỡ vui tươi, những màu thuần túy không pha trộn. Lớn lên họ thay đổi dần dần và ưa những sắc xám hỗn hợp pha trộn phức tạp tế nhị hơn.

Những sắc tươi làm bớt buồn tẻ có thể dùng để sơn nhà bếp, phòng ăn tạo một bầu không khí vui vẻ ích lợi cho sự tiêu hóa.

Ảnh hưởng của màu sắc cũng thường được áp dụng trong các bệnh viện ngày nay. Phòng của những bệnh nhân gần bình phục thường được sơn màu xám. Màu hồng phấn phớt, màu trắng ngà

làm cho người bệnh vui tươi và thích chóng hồi phục. Những bệnh nhân cần nằm lâu ngày ở nhà thương thường được đặt trong một phòng có những bức tường sơn màu xanh lá cây lợt, màu xanh lục hay xám-xám xanh. Các màu này làm cho họ thấy dễ chịu và kiên nhẫn.

Trong các học đường ngày nay, những sắc vui tươi đã dần dần thay thế cho màu vàng lợt lờ mờ và màu nâu buồn tẻ cổ truyền. Những vẻ tươi lợt phản chiếu nhiều ánh sáng hơn và làm cho mắt học sinh phải cố gắng nhiều. Sự điều hòa ánh sáng cùng màu sắc một cách khoa học làm cho học sinh lâu mệt trí óc và giữ gìn được sức khỏe của học sinh.

Sự điều hòa màu sắc che thích hợp cũng đã được áp dụng trong việc xây cất và trang trí các văn phòng và xưởng máy. Những máy móc trước kia sơn đen ngày nay ở nhiều nơi đã được thay thế bằng màu xám lợt sáng sủa hơn. Nhiều bộ phận máy móc được sơn màu trắng ngà để có thể phân biệt với các bộ phận khác.

QUI TẮC VỀ VIỆC XỬ DỤNG MÀU SẮC

Với mục đích bảo vệ an ninh một qui tắc về việc dùng màu được áp dụng trong các nhà máy. Màu vàng, màu đỏ dễ trông thấy nhất được dùng để đánh dấu những nơi có thể va chạm hoặc sĩa chân nguy hiểm đến tánh mạng như những sà ngang quá thấp, những miệng hố trong các nhà máy.

Màu da cam để báo hiệu những sự hiểm nghèo cấp tính như những nơi có thể bị điện giật hay bị phỏng vì các ống hơi nóng, những nơi gần lưới cửa, bánh xe răng cửa, máy ép, máy dặt v.v., có thể gây thành thương tích ghê rợn.

Màu đỏ thường dùng để đánh dấu nơi dễ bình chữa lửa nhằm mục đích khi cần có thể tìm thấy ngay. Màu xanh lá cây chỉ nơi để dụng cụ cứu thương, y xá, y cụ, mặt nạ phòng hơi ngạt. Màu xanh dùng để sơn các đồn chỉ huy (levier de commande), chỗ đặt ngắt điện (interrupteur) để nhắc nhở công nhân phải để phòng cẩn thận.

Màu đỏ thắm (pourpre) ngày

nay được dùng để đánh dấu những mối nguy hiểm của chất phóng xạ nguyên tử.

Trong việc giao thông trong các đô thị lớn, màu đỏ, xanh, vàng được dùng để chỉ huy sự giao thông ở các ngã tư. Những kẻ trắng và vàng trên mặt đường đánh dấu những khu vực dành riêng cho người đi bộ.

Màu sắc ngày nay còn được dùng trong việc cải cách phương pháp lưu trữ hồ sơ, làm nhãn hiệu các loại dược phẩm (ví dụ màu đỏ dùng ở các nhãn hiệu các chất thuốc độc chỉ để dùng ngoài da) cùng trong bao nhiêu việc khác nữa.

Ý NGHĨA MÀU SẮC TRONG HUY CHƯƠNG, PHỤ HIỆU

Trong các huy chương, phụ hiệu, quốc kỳ màu sắc thường có những ý nghĩa sau đây :

Vàng, kim sắc : Danh dự, lòng trung thành.

Bạc hay trắng : Tin tưởng, trong sạch.

Đỏ : Can đảm, dũng mãnh.

Xanh : Kính cần, chân thật.

Đen : Buồn, hối tiếc.

Xanh lá cây : Tuổi trẻ, hy vọng.

Đỏ thắm : Vương vị, sự cao quý.

Da cam : Biểu hiệu sức mạnh.

Trong các cuộc thi có giải thưởng ở Âu Mỹ thì giải nhất dùng băng màu xa h, giải nhì màu đỏ, ba vàng, tư trắng. Màu đỏ thắm dùng trong giải thưởng tổng quát, màu xanh lá cây dùng cho giải thưởng đặc biệt.

SỰ CẤU TẠO MÀU SẮC

Màu sắc trong vũ trụ được cấu tạo bởi nhiều cách khác nhau. Phần nhiều màu sắc ta thấy hàng ngày là do các sắc tố hoặc thuốc nhuộm.

Sắc tố làm ra màu nâu, vàng là do chất ấy ở đất sét.

Sắc tố của màu trắng làm bằng phấn, vôi, đất sét trắng.

Nhiều màu khác được chế tạo bằng các thứ kim khí như sắc, chì, đồng v.v... Nhiều màu nữa được chế tạo bằng thảo mộc như gấc, nghệ, củ nâu, lá mạ, lá gai v.v...

Có những màu xuất xứ từ sức vật. Có một loại côn trùng phơi khô tán nhỏ ra thành sắc tố màu đỏ. Cổ đốt cháy hoặc máu bò dùng làm sắc tố màu xanh. Màu đen nguyên chất tốt hơn cả là do ngà voi, răng và xương thú vật đốt thành than.

Ngày nay phần nhiều màu đều

được chế tạo trong các nhà máy tối tân dùng toàn những hóa phẩm. Do sự phát minh của một họa học gia người Anh, nhiều màu khác nhau được chế tạo bởi chất dầu hắc.

Có những màu sắc không do sắc tố tạo ra chẳng hạn như màu xanh của nền trời là do ột hiện tượng gọi là sự tán-sắc của ánh sáng (dispersion de la lumière). Hơi ẩm của không khí làm cho những tia sáng màu xanh tán sắc nhiều hơn những tia sáng màu đỏ.

Màu sắc của chiếc cầu vồng xinh đẹp trên nền trời sau một cơn mưa là do những giọt nước li ti trong khí trời tạo ra. Những giọt nước ấy như những lăng - kính tí hon và phân tán ánh sáng mặt trời thành một đám sáng có đủ màu.

Những vầng mỏng của nhiều chất lỏng cũng tạo ra ngũ sắc như trên quả bong bóng xà phòng, trên vũng nước có rai một lớp dầu v.v...

Những màu ngũ sắc trên cánh nhiều loài côn trùng như trên cánh con chuồn chuồn chẳng hạn, trên lông chim, trên xa cừ đều không phải do sắc tố nhưng do sự phân tán ánh sáng bởi các đường lồi lõm hấp-thụ ánh sáng mặt trời và phản chiếu lại thành nhiều màu.

Gần đây người ta mới sáng chế những hóa chất gọi là huỳnh quang (fluorescent) có thể làm cho những

đường ánh sáng không trông thấy được biến thành những màu sắc chói lọi trong đêm tối. Các hóa chất ấy dùng rất nhiều ở các biển quảng cáo.

Có những hóa phẩm khác tích trữ ánh sáng ban ngày để phản chiếu lại khi đêm đến. Có những hóa phẩm tự tạo ra ánh sáng như chất dùng để ghi số giờ trên mặt đồng hồ. Có nhiều thứ khác phản chiếu ánh sáng màu khi bị ánh đèn chiếu vào ban đêm và thường dùng ở các bảng chỉ dẫn đường, đèn quảng cáo hoặc dán ở các loại xe.

NHỮNG ẢO TƯỢNG KỶ DIỆU VỀ MÀU SẮC

Sự nhìn màu sắc có nhiều phản ứng kỳ lạ gọi là ảo tượng (illusions d'optique). Sau đây là một vài thí dụ.

Cuộc diễn hành của màu sắc (volée de couleurs) :

Nhìn chăm chú trong 30 giây một bóng đèn điện (loại bóng mờ) rồi nhắm mắt lại, các bạn sẽ thấy một chấm tròn biến từ màu này sang màu khác.

Ảnh hình (arrière-image) :

Vẽ một hình vuông mỗi bề 2 phân trên mặt tờ giấy, đặt tờ giấy

dưới một ngọn đèn thật sáng, nhìn vào hình vuông 30 giây rồi nhìn qua một tờ giấy trắng khác. Các bạn sẽ thấy trên tờ giấy trắng một hình vuông giống hệt hình vuông đã vẽ ở tờ kia nhưng màu khác. Nếu hình vuông bạn vẽ màu đỏ thì bạn sẽ thấy màu xanh lục, nếu bạn vẽ màu xanh lá cây thì bạn sẽ thấy màu đỏ, và nếu bạn đã nhìn màu vàng thì bạn sẽ thấy màu xanh v.v... Sở dĩ có ảo tượng ấy là vì sự phản ứng của các dây thần kinh ở mắt. Khi bạn nhìn màu đỏ quá lâu, dây thần kinh bị mệt vì cảm giác của màu này nên tự động cho thay vào cảm giác của màu có thể trung hòa lại cảm giác màu kia, tức là của một màu phụ (couleur supplémentaire) của màu kia.

Những tấm giấy sắc tươi trông hình như to hơn những tấm cùng một kích thước nhưng màu xám hơn vì sự tươi sáng kích thích thần kinh nhiều hơn. Khi một hình sáng đập vào thần kinh của mắt, hình ấy loang rộng ra như một giọt mưa trên tờ giấy thấm.

Màu lọt trở thành lợt hơn trên nền xám và những sắc xám lại xám hơn trên một nền lợt. Một mũi tên xám trên nền trắng trông hình như xám hơn khi để trên một nền đen.



CON ĐÒ MA

Giữa đêm 30 Tết ★ TRẦN ĐỨC LẠP

(Gửi các con tôi, những đứa con chưa được nghe những câu chuyện Xuân ở Quê - Hương miền Bắc).

GÌÔNG SÔNG MÃ Ngăn đôi 2 Huyện Đông-Sơn và Hoàng-Hóa thuộc Tỉnh Thanh-Hóa. Phát nguyên từ bên Tây-Tạng Trung-Hoa, sông Mã kéo từ Trung-Quốc qua Thượng-Lào rồi Hòa-Bình về Thanh-Hóa rồi đổ ra biển. Lòng sông rất rộng và sâu. Muốn qua sông phải đi bằng thuyền.

Bên này sông là làng Nam-Ngạn, bên kia sông là làng Nguyệt-Viên, đất văn vật có nhiều nhà nho nổi tiếng.

Gia đình Lão Bạng sanh sống về nghề chống đò ngang qua sông Mã. Về những ngày giáp Tết, Lão Bạng chuyên tay chống đò từ sáng mờ đất cho đến tối mịt vẫn còn đông khách quá giang.

Mỗi buổi sáng mùa Đông, trên lòng sông rộng, ngọn gió Đông-Ken rít lên từng hồi ghê rợn, lạnh buốt đến da thịt. Lão Bạng và người con gái dậy từ hồi canh ba nấu cơm ăn để chống đò. Trời còn tối đất những bạn hàng chợ đã lác đác đến bên sông. Người Phủ Hoàng qua Phủ

CON ĐÒ MA

Đông bán hàng, người Phủ Đông qua Phủ Hoàng mua mía tấp nập từ sáng sớm tinh mơ. Lão Bạng quen với cảnh sông nước rồi nên khi gà vừa mới gáy sang canh hai, Lão Bạng đã đánh thức cô con gái Lão dậy thổi cơm. Lão tung chiếu ngồi dậy. Gió ngoài sông thổi vô lòng thuyền như xoáy lên da thịt. Lão buốt thấu xương. Hai hàm răng Lão Bạng đánh vào nhau run cầm cập. Lão lẩm bẩm nói một mình :

— Hôm nay Đông-Chí có khác. Trời rét quá.

Lão Bạng quay mình lấy cái điều cây mà Lão gác ở mạn thuyền ra nhồi viên thuốc Lào dặt ở kê tai từ đêm hôm qua vào nổ điều rồi lê dần đến bên rãnh bếp châm lửa đốt thuốc hút. Khói thuốc Lào như ngấm vô gan ruột Lão làm cho mắt Lão lim dim. Lão say thuốc Lào. Nước giải trong miệng Lão nhễ nhại giò xuống. Tay Lão run run, Lão sờ soạng víu mũi thuyền để giữ thăng bằng chớ khỏi ngã. Mỗi buổi sáng Lão Bạng phải hút một điều thuốc Lào say sưa như thế đó, Lão mới thấy thích thú.

Người con gái Lão thấy Lão lại say thuốc vội đỡ lấy Lão và cau mặt nói :

— Sáng mờ Thầy cũng say thuốc mà Thầy vẫn hút cho được.

Tai Lão nghe rõ mồn một tiếng con Lão nói nhưng miệng Lão cứng lại rồi. Lão run run lết dần đến ổ rơm nằm gục xuống. Lão đắp vội manh chiếu lên người. Lão rồi Lão gục đầu xuống gần ngực Lão để cho ấm và để Lão tận hưởng cái thú say sưa của thuốc Lào. Người Lão toát mồ hôi mặc dầu trời bên ngoài rét lắm. Đó là Lão say thuốc Lào nên mới toát mồ hôi. Nằm một lúc, Lão Bạng thấy tỉnh dần. Nếu không có người con gái Lão lại đánh thức Lão dậy ăn cơm để ra chống đò thì có lẽ Lão còn đánh được một giấc đến sáng cho thú.

Trời cuối tháng chạp, các bạn hàng đi chợ Tết nên người nào cũng muốn đi sớm để tranh chỗ ngồi. Phiên Chợ Tỉnh Thanh một tháng 6 phiên. Mồng 7 phiên Chính, mồng 2 phiên xép. Hôm ấy là ngày 27 tháng chạp, phiên chợ Chính giáp Tết nên gà mới

gáy sang canh Ba, trên bờ sông đã nhón nháo những người đi chợ. Chỉ còn một phiên 27 này nữa là Tết nên nhà nào chưa đi sắm Tết trong những phiên chợ trước thì phiên chợ 27 này phải thu xếp tiền nong mà mua sắm Tết. Nhà giàu cũng đi phiên chợ cuối năm này để sắm thêm ít đồ vật còn thiếu.

Lão Bạng và con gái thay phiên nhau chèo chở chuyến đò giáp Tết này nữa vì ngày 30 Tết sắp đến Lão đã phải đem thuyền đi chở các hồn Ma về ăn Tết rồi.

Chở đò suốt năm Lão không thấy chán nhưng Lão chán nhứt là đò chiều 30 Tết, chuyến đò chở toàn vong hồn người chết từ Phủ Hoàng qua Phủ Đông và từ Phủ Đông qua Phủ Hoàng để ăn Tết.

Sáng sớm ngày 30 Tết Lão vẫn chở thuyền như thường lệ nhưng vào khoảng 4 giờ trở đi Lão không chở người nữa. Lão Bạng bắt đầu thấp nhang cắm lên đầu thuyền, Lão bận áo dài đen, lưng thắt giầy lưng nhiều điều, chiếc khăn lượt để chông đò.

Lão người Phủ Đông nên

thuyền Lão cũng bắt đầu qua sông từ mạn Phủ Đông chở sang mạn Phủ Hoàng. Lão đứng trên mạn thuyền và hô lớn :

— Các vong hồn bên Phủ Đông qua Phủ Hoàng ăn Tết hãy xuống thuyền mau.

Lão Bạng cầm sào đọi khách. Con đò tuy không trông thấy người nhưng mỗi lúc như nặng hơn lên và chìm dần xuống. Nước mấp mé khạp thuyền. Lão Bạng la lớn :

— Xuống ít rứa. Chở nặng quá thuyền đắm thì rãng. Đi mô mà vội. Từ chừ đến đêm còn nhiều chuyến lăm mà. Lên đi một ít người.

Hình như có tiếng động, con đò nổi dần lên, Lão Bạng mới bắt đầu chông sào đẩy đò rời khỏi bến. Lão quơ tay chèo đều đều. Lão vừa chèo vừa hát giọng thầy Cúng. Tiếng hát của lão Bạng văng vẳng lẫn trên mặt nước. Tiếng gió đẩy nước vỗ bên mạn thuyền nghe như tiếng gõ nhịp hò khoan, Đò chông - chềnh, lão Bạng vội hét :

— Ngồi yên, vội đi đầu mà chen lăm rứa. Gần đến bờ đàng mô cũng lên mà.

Con đò lại thẳng băng. Lão Bạng chèo đều đều. Đò ghé bên Phủ-Hoàng. Lão Bạng cầm sào đọi khách. Lão cất tiếng dục :

— Các vong hồn bên Phủ-Hoàng sang bên Phủ-Đông ăn Tết mau mau xuống đò.

Tiếng gọi của Lão Bạng nghe lạnh lạnh. Trên sông không còn bóng một con thuyền nào qua lại. Trên bến đò cũng vắng lặng. Ngoài tiếng sóng nước lao xao, tiếng gió rét vi vút thổi không còn có một tiếng, một bóng người qua lại. Lão Bạng cầm sào đọi khách quá giang. Cũng như bến đò Phủ-Đông, con đò Lão Bạng chìm dần xuống như chở nặng. Lão Bạng lại hét lớn : — Lên bót trên bờ đi. Đò chở nặng quá sức mô chèo cho nổi.

Như có tiếng chân người bước lên bờ. Con đò lại từ từ nổi và Lão Bạng lại rút sào đẩy đò rời bến qua sang bên kia Phủ Đông.

Lão Bạng chở đều đều như thế mỗi giờ Lão chở được gần 10 chuyến qua sông. Mỗi chiều 30 Tết năm nào cũng vậy, Lão Bạng chở những vong linh hồn người Phủ Hoàng chết bên Phủ

Đông về bên Phủ Hoàng ăn Tết với gia đình và người Phủ Đông chết bên Phủ Hoàng về Phủ Đông ăn Tết.

Chuyến đò qua sông lúc gần 6 giờ chiều, từ bên Phủ Đông qua bên Phủ Hoàng, Lão bạng hỏi vu vơ :

— Vợ chồng chú Tân đã về chuyến ni chưa ?

Rồi Lão Bạng nhìn dưới khoang thuyền như Lão biết Chú Tân nào đó của Lão đã xuống đò rồi, Lão mới hỏi : — Năm nay về ăn Tết bên nhà đó, vợ chồng Chú có mang theo đàn phách thì hát lên vài câu mà nghe cho vui.

Vừa nói Lão Bạng vừa đẩy sào cho đò rời bến qua sông. Cái lạnh mùa Đông chiều 30 Tết như siết lên da mặt Lão Bạng. Lão kéo cái khăn lượt của Lão xuống che hai cái tai. Kinh nghiệm đã cho Lão biết rét nhứt là hai lỗ tai. Bịt được hai lỗ tai bốt rét rất nhiều. Sương mờ-mờ xuống khi một làn khói huyền-ảo phủ trên mặt sông. Xa xa tiếng pháo đón Tỏ-tiên của dân Nguyệt-Viên vẫn thi nhau nổ. Gió vẫn thổi, sóng nước vẫn vỗ bên mạn đò. Bốn bề vắng lặng

không một bóng đèn, không một con thuyền xuôi ngược. Thuyền bên nào đã cắm sào bên ấy để ăn Tết. Chiều nay, trên giòng sông Mã chỉ còn một con Đò ngang qua sông của Lão Bạng vẫn theo tục lệ cũ chở vong-hồn qua sông ăn Tết.

Bỗng từ mạn đầu thuyền có tiếng đờn, tiếng sênh phách nổi lên như huyền-ảo mơ-màng. Tiếng hát Á Đào giọng trầm, giọng bổng nhịp khoan theo tiếng phách tiếng đờn. Tiếng hát của người Đào hát nghe lâng-lâng trầm-bồng như mơ-màng, huyền ảo. Tiếng đờn của người kếp như réo-rất ai-oán. Nghe tiếng đờn, tiếng hát, Lão Bạng bật tiếng thở dài.

Mỗi năm cứ đến chuyển đò mờ tối 30 Tết, Lão Bạng lại được nghe tiếng đờn, tiếng hát của vợ chồng chú Tân từ Phủ-Đông quá giang đò Lão Bạng sang Phủ Hoàng ăn Tết. Trên sông lơ-mờ bóng đêm bao phủ, tiếng đờn và tiếng hát văng-vẳng từ mạn đò Lão Bạng đưa ra. Lão Bạng còn nhớ mãi cái đêm 30 Tết năm Mậu-tý cách năm nay là 6 năm, Lão chở xong chuyển đò cuối

cùng để đưa những hồn Ma qua sông ăn Tết. Lão chở Đò từ bến Nguyệt-Viên bên Phủ Hoàng qua bến Nam Ngạn bên Phủ-Đông để cắm sào, Lão định sang thuyền Lão để cúng ông bà ông Vãi nhà Lão thì bỗng văng vẳng có tiếng gọi tên Lão. Lão giựt mình nhìn trước nhìn sau chỉ thấy bóng đêm giầy đặc. Cũng như mọi đêm 30 Tết, trời lốm đốm những mảnh sao thưa không đủ ánh sáng soi rọi bóng đêm giầy đặc, Lão ngờ là Lão nghe lầm tiếng gió rì rào rét buốt. Nhưng không, tiếng gọi lại văng vẳng nổi lên. Lão đánh bạo hỏi: — Ai, muốn qua sông không gọi sớm, gần giao thừa rồi ai còn qua sông nữa mà gọi.

Lão Bạng cắm sào nhứt định không chở. Lão Bạng lên bờ định qua thuyền của Lão đậu cách đò Lão cùng mười bước chân thì có tiếng người đàn bà nói như van lơn:

— Ông giúp cho vợ chồng cháu qua sông với. Chúng cháu người bên Phủ Hoàng vì phải đi hát Châu dưới đèn quan Tướng ở Ngã Tư nên về chậm xin Ông chở giúp cho vợ chồng cháu qua sông cho kịp về giao

thừa kéo các Quan bàn giao về không được.

Lão ngừng chân vì Lão Bạng biết lẽ các Quan năm cũ bàn giao cho các quan năm mới giữa đêm giao thừa là các vong hồn không thể về được. Và lại tiếng người van lơn Lão biết là ai rồi vì hàng năm cứ đến ngày 30 Tết vợ chồng vong hồn này vẫn qua sông bằng chuyển đò chở ma của Lão.

Lão liền hỏi: — Vợ chồng chú Tân đó phải không? Rằng kỳ ni vợ chồng viên muện rứa.

Lão Bạng vừa nói vừa bước chân xuống đò nhỏ sào. Hình như Lão biết vong hồn vợ chồng Tân đã xuống vì Lão nghe có tiếng trả lời của người đàn ông:

— Hôm nay Quan Tướng ở đền Ngã Tư cho gọi vợ chồng cháu đến hát chầu nên về muộn ông ạ!

Đến Ngã Tư Thị-Xã Thanh-Hóa thường được gọi là hai Voi vì trước cửa đền 2 con voi to nằm phủ phục. Đền này do quan Tổng-Đốc Vương-Duy-Trình làm ra và thờ Ngài. Hồi còn sinh tiền hàng năm cứ chiều ngày 30 Tết, quan Tổng-Đốc

Vương-duy-Trình thường cho gọi Á Đào vô tư dinh Ngài để hát mừng chúc thọ. Lệ ấy thành quen. Người Á Đào danh tiếng ở đất Thanh là cô Thanh và chồng là anh kếp đờn tên Tân Hàng năm cứ đến chiều 30 Tết vô dinh cụ Thượng hát chúc thọ.

Thanh là một Á Đào thanh sắc vẹn toàn. Nàng ca kỹ này vốn giòng giỏi trâm anh, con một vị Khoa Mục nổi danh đất Thanh Mộc. Thuở nhỏ, Nàng được theo đòi nghiên bút. Nàng rất thông minh nên học đâu, nhớ đó, chữ viết rất tốt, văn bài, thi phú rất hay, sĩ tử bốn phương đến tập ở trường quan Bảng Phụng Đình đều phục tài Nàng Thanh con gái Út của Quan Bảng Nhôn. Trong số các môn đệ đến tập văn bài ở trường cụ Bảng có nho sinh Nguyễn-văn-Tân là người ưu tú xuất sắc nhất. Văn bài của Nguyễn-văn-Tân thường được đem bình trong những kỳ khảo ở trường Huyện.

Nguyễn - văn - Tân chẳng những văn hay chữ tốt mà cầm kỳ, họa chàng lại càng nổi danh một vùng. Nhưng chỉ tiếc rằng

3 năm một kỳ nhập trường Nguyễn - Văn - Tân chỉ phạm Trường Quy mà đánh hỏng tuốt. Cụ Bảng thương Văn-Tân số phận hẩm hiu nên cho gọi gả Nàng Thanh cho Văn-Tân. Vợ chồng Văn-Tân ở riêng trong một căn nhà gianh ở bên đình làng Phụng. Chàng đọc sách, nàng quay tơ, dệt vải. Cuộc đời của chàng Nho-sĩ vô cùng êm đẹp để đợi ngày vinh cảnh Quê. Rồi những đêm trăng thanh gió mát, Chàng gảy đàn đáy, vợ ngâm những khúc hát yêu đương. Nhưng năm sau cũng thế, vào lọt Tam Trường Văn-Tân vẫn phạm Trường Quy mà hỏng toét.

Cụ Bảng thất lạc. Cảnh nhà ngày càng sa sút. Văn-Tân phải mở trường dạy thêm năm ba đứa trẻ trong làng để dựng đỡ thêm tiền cho vợ hàng rau cháo nuôi nhau.

Giặc giã nổi lên bốn phương. Loạn Văn-Thân ngày càng dữ. Những Thầy Đồ, Thầy Khóa, ông Tú, ông Cử bắt mần hoạn đồ, buồn vì thi cử lại nhục nhã vì nạn nước mất, nhà tan kết hợp với nhau nổi lên chống

đổi. Loạn Văn-Thân nên bọn Giặc Nước càng oán ghét bọn sĩ tử. Chúng tìm mọi cách để diệt dứt bọn học trò chữ Hán. Tuy không đốt sách, giết học trò như Tần Thủy-Hoàng Bạo Chúa nhưng hễ là học trò, là Thầy Đồ, Thầy Khóa, là dễ bị tình nghi chém giết, lưu đày.

Văn Thân đốt phá nơi nào, học trò nơi ấy càng bị bắt nhiều. Địa phương của vợ chồng Văn-Tân cũng không thoát nổi cái nạn cháy thành vạ lây ấy.

Thế rồi khói lửa lan tràn đến Phủ Hoàng-Hóa, thôn Phụng-Đình cũng bị ách đáng cay của tai trời, ách nước. Vợ chồng Văn-Tân phải thu xếp hành trang chạy lên Tỉnh lánh nạn. Từ vùng thôn giã, vợ chồng Thầy Khóa Tân bơ vơ giữa chốn thị thành. Chồng học trò dài lưng tốn vải ăn no lại nằm lưng vốn nghề nghiệp chỉ có Chi Hồ giã dĩa nhưng nghề Thầy lúc ấy là nghề tai họa. Nhà Nước Đại Pháp ra lệnh bãi bỏ kỳ thi chữ Hán sau khóa thi năm Mão để diệt cái nghề học trò chữ Hán. Mộng Ngựa Anh đi Trước Vong Nàng theo sau của vợ

chồng Thầy khóa Văn-Tân đành tan vỡ. Chốn thị thành không phải là nơi dung thân của kẻ Sĩ và Nàng Thơ.

Thú vui chơi tao nhã của bọn Quan Lại, bọn nhà giàu lúc bấy giờ là đờn ca, khổ sòng, nhịp phách. Chỉ có thú cầm ca bọn nhà giàu mới ném tiền qua cửa sổ.

Rồi thì những nhà ca kỹ mọc lên như nấm. Cống-Hậu, Cầu-Chanh, Quán-Giò là ba khu Thanh Lâu của đất Hạc Thành. Cái thú cầm ca tao nhã khi xưa của vợ chồng Thầy Khóa Văn-Tân là để cùng nhau vui thú khi trăng thanh, gió mát chồng đờn, vợ ca giải muộn bày giờ dành đêm ra để làm nghề sênh phách kiếm ăn.

Lần hồi trong chốn Thanh Lâu ca kỹ, vợ chồng Thầy Khóa Văn-Tân tưởng được yên thân đem nghề mọn đổi lấy miếng ăn lần hồi cho qua ngày đoạn tháng.

Nhưng tiếng đờn của Thầy Khóa Tân và tiếng hát của cô Khóa Thanh đã làm cho bao kẻ say mê. Tiếng hát của nàng Thanh cao vút, tiếng đờn của

Thầy Khóa êm đềm hăng, đem mua vui cho lũ người thừa tiền, dư bạc, cho đám Quan Trường sau một ngày mệt nhọc bên đống công văn của Triều Đình đồn đến tai Ba Quan Lớn Tỉnh.

Thế là mỗi khi trong Dinh Quan Tỉnh có tiệc tùng khoản đãi là vợ chồng Thầy Khóa Tân lại được vờ vờ để mua vui cho các Quan đầu Tỉnh. Đau xót vì tiếng đờn, ngâm ngợi vì câu hát, vợ chồng Thầy Khóa Tân cố cắn răng chịu đựng, dồn lại ít tiền để kiếm nghề buôn bán, dứt bỏ cái cảnh bán hơi ca, tiếng đờn cho người ô trọc.

Sự đời vạn cảnh éo le, trong số khách Giang-Châu Tư Mã có viên Tri-Phủ Thọ Xuân vốn giòng Hoàng Tộc mê tiếng ca của Nàng Thanh nên định tung tiền để rở Thúy, chia Uyên. Nhưng Nàng Thanh khăng khăng thủ tiết với chồng. Nàng thà chịu đói để được sánh bên tình chàng Hàn sĩ còn hơn ngồi trên đống vàng bên kẻ ô trọc.

Lạ gì tình đời, kẻ sĩ tình là người có quyền thế thì mưu mô hãm hại phải quý quyết hơn ai, viên Tri-Phủ Thọ-Xuân tìm đủ

mọi cách chia lia vợ chồng Thầy Khóa Tân.

Một buổi chiều đám vân cầu dựng lên nhiều hình quái đản, Thầy Khóa Tân bị bắt về tội kết liên với loạn Văn-Thân. Chấn Ngục Trung, Thầy Khóa chịu bao cảnh tra tấn nã nê đánh mượng sợi giây oan nghiệt để kết liễu cuộc đời oan khiên. Nàng Thanh đau sót thương chồng. Vành khăn tang quấn vội lên đầu người thiếu phụ son trẻ. Nàng ca kỹ lừng danh đất Hạc chua xót mang mối hận sâu. Rồi những đêm cất tiếng hát nã nùng mua vui cho Thiên Hạ, Nàng Thanh ôm gối lẻ loi khóc người Bạ cũ. Tiếng ca còn đây nhưng tiếng đờn đâu tá. Khổ sòng chắc dịp, tiếng phách dâng sâu, Nàng Thanh gắng gượng sống để vạch nỗi oan cho chồng.

Dịp may đưa đến, quan Tổng-Đốc Vương - Duy - Trinh vừa được lệnh của Triều-Đình về trấn miền Thang Mộc, Nàng đội đơn khiêu oan. Họ Vương minh xét vạch nỗi oan tình cho Thầy Đồ Tân để thầy được ngậm cười nơi chín suối. Viên Tri Phủ Thọ Xuân bị cất chức về Kinh-

sái tảo lục bộ. Nàng Thanh vô tạ ơn Quan Tổng đốc rồi nàng về ma chay cho chồng cho phải tình chồng vợ. Đêm thứ bảy, tuần chay vừa hết, Nàng Thanh ôm mặt khóc lóc thảm-thương.

Và cũng đêm ấy, chiếc khăn tang còn quấn chặt trên đầu người hiền phụ, sợi dây oan-nghiệt đưa Nàng Ca kỹ nổi danh đi tìm chồng ở bên kia cõi Thế.

Tiếng phách, tiếng đờn lại gặp nhau trong cõi hư vô, đêm đêm thanh vắng tiếng hát của nàng Thanh và tiếng đờn của thầy Khóa vẫn văng vẳng trên cây Gạo đầu xóm Quán Giò.

Rồi hằng năm vẫn như khi còn sống, vợ chồng thầy Khóa Tân qua bến đò Hàm Rồng từ Phủ Đông sang Phủ Hoàng ăn Tết vào buổi xế chiều 30 Tết.

Lão Bạng chớ đò ngang ở bến Hàm Rồng hằng năm đã quen với vợ chồng thầy Khóa Tân từ bến Cầu Chanh về Phụng-Đình ăn Tết vẫn thường qua sông bằng đò Lão Bạng.

Nhưng đã mấy năm qua, vợ chồng người khách quá giang ấy không còn nữa, Lão Bạng hằng năm vẫn nhắc đến vợ chồng

thầy Khóa Tân.

Theo tục lệ cứ đến chiều 30 Tết, Lão Bạng chớ con đò Ma rước các linh-hồn từ Phủ Đông qua Phủ Hoàng và từ Phủ-Hoàng qua Phủ Đông ăn Tết.

Lão Bạng đã quen với cảnh chiều Đông mờ ảo, khói lam chiều bao phủ nóc nhà ai và khi tiếng pháo bên sông nổ rền, mặt sông mờ mờ bóng sương chiều, sóng vỗ bọt bùng khe khe là thời gian Lão Bạng cất tiếng hát nã-nùng đưa hồn người chết qua sông.

Đêm 30 Tết năm Mậu tý, con đò Ma của Lão Bạng đã cắm sào thời vong hồn vợ chồng Thầy Khóa Tân đến gọi đò qua sông cho kịp về trước giờ Giao thừa của các Quan Âm Phủ.

Lão Bạng tiếc thương vợ chồng người khách cũ nên Lão lại nhớ sào chớ vong hồn vợ chồng Thầy Khóa Tân sang sông ăn Tết. Con đò mập mờ lướt sóng. Cảnh u tịch cả một đêm đông rét buốt với một con đò trôi ngang dòng sông lạnh giữa đêm Trừ - Tịch làm Lão Bạng càng ghê rợn lạnh lùng. Lão cất tiếng hát triệu vong như

báo cho Thủy-Thần biết vẫn còn khách qua sông trên con đò Ma giữa đêm Trừ-Tịch.

Và mãi mãi, Lão Bạng đã dặn trước vợ chồng Thầy Khóa Tân mỗi năm cứ vào khoảng chập choạng tối thì về để Lão đưa qua sông thông thả.

Cho đến nay, chuyện con Đò Ma giữa đêm Trừ Tịch đã chìm sâu trong dĩ vãng của người dân Thánh-Hóa. Chuyện đò Ma đưa những vong hồn qua sông ăn Tết cũng không còn nữa vì Lão Bạng đã chết từ lâu, người con gái Lão đã đi lấy chồng, không theo nghề cũ của cha Nàng để lại. Chiếc cầu Hàm Rồng đã bắc qua con sông Mã, khách quá giang không cần phải dùng Đò. Con đò chớ khách ở bến Hàm Rồng đã gác sào mà chìm trong quên lãng.

Và mỗi năm cứ đến chiều Ba Mươi Tết bên đồng lửa nấu bánh Chưng Cù Giã ôm đũa cháu vào lòng ngồi kể chuyện con Đò Ma giữa đêm trừ tịch để nhớ lại cái cảnh xa xưa êm ấm trong một thuở Thanh-Bình pháo nổ mừng Xuân để không bao giờ được nghe tiếng súng rền rã nổ thay tiếng pháo vui tai tung xác đồ hồng dưới cây mai trắng hoặc bụi hồng đào nở nụ đón Xuân sang.



Chớm mộng

Đấy mùa xuân mới chớm :
Nắng ngập sáng trời mây,
Ngân Hoa tươi hương dượm,
Nghe rộn nổi niềm say.

Em nhớ mấy mùa xuân
Trong quầng đời thơ ấu,
Cùng bạn nhảy trong sân
Tìm nhịp nhàng nhạc tấu.

Rồi năm nay xuân đến,
Em đã lớn khôn rồi.
Nụ cười vương xao xuyên,
Tóc chảy mượt bờ vai

Em không còn nhảy múa
Đốt ; háo đỏ luôn tay,
Không cười van , ỉn rã
Trong vườn chim bướm bay.

Lòng bỗng thấy men mang,
Gió lên sâu man mác;
Thơ thần nhật tơ vàng,
Của nắng chiều lan tác.

Hồn đời thay kỳ lạ
Em đến bên Mẹ trình :
« Sao con buồn bã quá ! »
Mẹ mỉm cười lặng thinh.

Họ hàng em đến đông
Hỏi em : « Đây chị cả
Hôm nay uống rượu hồng ? »
Em đỏ bừng đôi má.

Mọi người trên em mãi,
Thẹn thàng em bước đi.
Em biết mình thôi dại,
Bởi chúng đã dạy thì.

Em trở nên mơ mộng
Trần Gian đẹp bao nhiêu !
Tìm hồng nghe rừng động
Dáng rạt rào tình yếu.

THANH-NHUNG
(Nha Trang)



ĐÔI NÉT VỀ

HÀN-MẶC-TỬ

(Tiếp theo P. T. 26)

RỒI, sống mãi trong niềm đau nỗi khổ, Tử cũng quen lẫn lẫn. Và lần lần Tử trở nên chịu đựng. Lại thêm Tử tìm được nguồn an-ủi trong nguồn Đạo. Nhờ thế tâm hồn Tử lấy lại được bình-tĩnh, thơ Tử trở nên tươi sáng và chứa đựng nhiều ý-tưởng thanh-khiết cao-siêu, như :
Điềm lạ, Ra đời, Xuân đầu tiên.
Đêm xuân câu nguyện, Nguồn thơm, vân vân... Xin trích dẫn đôi đoạn trong đôi bài.

Đây bài « ĐIỀM LẠ » :

Đức tin thơm như ngọc,
Thơ bay rồi thơ bay...
Mau gò gạt âm lại,
Sốt bớt nghĩa đượm say.

* QUÁCH-TÂN

Nguyệt không-gian rất mát,
Chim thanh tước ra đời...
Nêu cao hơn tiếng nhạc,
Mùa hát sẽ xanh tươi.

.....
Đây một đoạn trong bài
« RA ĐỜI » :

.....
Cả trời bổng nổi lên muôn điệu
nhạc,

Rất trọng vọng, rất thơm tho,
man-mác,

Rất phương-phi, trên hết cả
anh hòa.

Xuân ra đời...
Điềm ngọc ấm như ngà.

ĐÔI NÉT VỀ HAN MẶC TỬ

Thơ có tuổi và chiêm bao có
lich.
Và tâm tư có một điều rất thích,
Không nói ra vì sợ bớt say sưa.
— Chàng ơi! Chàng ơi! sự lạ
hôm qua,
Mùa xuân tới mà không ai biết
cả...

Bài « Thánh Nữ Đồng-Trinh Maria » cũng làm trong thời kỳ tâm hồn Tử đã bớt dày-vò vì bệnh-tật.

Bài này đã được nhiều nhạc-sỹ tài ba phổ vào nhạc và đã được nhiều người thuộc lòng.

Vì sự phổ-biến sâu rộng của bài thơ, nên xin mạn phép ra ngoài phạm-vi bài này, trong giây lát.

Trong bài « Thánh Nữ Đồng-Trinh Maria » có đôi chỗ mà nhiều người giải thích không đúng với ý của tác-giả. Như :

« Song lộc triều nguyên »
và

« Phụng-Trì »

« Song lộc: triều nguyên » không phải là « hai con hươu châu nguồn tuổi » mà là « Ngôi Hai và Ngôi Ba châu ngôi thứ Nhất ».

« Như Song Lộc triều Nguyên :

ơn phước cả » là ý Tử nói « Ông đức Thánh Nữ Đồng-Trinh ban xuống cho Tử cũng cao cả như ơn phước của Ba Ngôi ban xuống cho Thế-gian ».

Còn « Phụng-Trì », thì trước kia tôi không hiểu sở xuất viết thư ra hỏi Tử. Tử đáp :

— Đạo vốn có một. Người đời hiểu sai lạc rồi phân chia ra đạo này đạo nọ. Cho nên tôi nghiệm Đức Mẹ chỉ có một, nhưng vì óc phân rẽ kia, nên bên đạo Phật gọi là « Quan-Âm bồ-tát », bên đạo Tiên gọi là « Tây-Vương-mẫu », bên đạo Thiêng-Chúa gọi là « Thánh-nữ Đồng-Trinh Maria ». Tên tuy khác nhưng theo tôi, chỉ là một đấng. Mà Tây-Vương-Mẫu ở Phụng-Trì nên tôi dùng chữ « Phụng-Trì » để chỉ nơi « hánh-Nữ ngự ».

Lúc ấy nghe tin bệnh Tử đã chuyên, tôi ra thăm, nhân bảo cùng Tử rằng nơi Tây-Vương-Mẫu ở là Giao-Trì chứ không phải Phụng-Trì. Tử cười và sửa lại. Nhưng trầm ngâm hồi lâu, lại nói :

— Không được. Chữ « Giao-Trì » không nổi lên được gì cả

Chữ «Phượng-Trì» tiếng ngân đã dài lại ấm.

Đúng vậy. Âm hưởng chữ «Phượng-Trì» thật hơn chữ «Giao Trì». Tử lại nói thêm:

— Sắc lông con chim phượng vàng ánh, thật kêu-gọi quá!

Câu nói của Tử gợi ngay trong trí sỏi cảnh huy - hoàng của nơi Thánh-nữ ngự. Và khi nghe Tử cao giọng ngâm:

*Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Phượng - Trì ! Phượng - Trì !
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thối.*

Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu

Trên Triều-thiên ngời - chói vạn

hào-quang.
thì tôi có cảm giác là thơ Tử và hồn Tử sẽ so đôi cánh, nhịp nh ng bay vào trong nơi sáng-lạn mệnh-mông...

Vì thế chữ «Phượng - Trì» thành vĩnh-viễn trong Thơ, và các bạn quen thân đều khen là «thần tự».

Sự-tích của chữ «Phượng-Trì» là thế.

Và xem thể chúng ta thấy sáng Hàn-Mặc-Tử rất chú-trọng

âm-nhạc và màu-sắc. Đó là vì tâm-hồn Tử có những trạng - thái cá biệt, nhiều khi rất bí-ẩn, u-huyền. Đề diễn tả, Tử phải dùng màu-sắc, hình-ảnh, âm-nhạc, nhất là âm-nhạc. Vì chỉ có âm-nhạc mới diễn tả nổi những cái sâu-xa, thăm kín, tế-nhị của tâm - giới. Nhiều khi Tử phải bỏ nghĩa thông-thường của chữ, bỏ cả văn-phạm của câu, để cho âm-thanh tiết-tấu phù-hợp cùng những biến-chuyển, rung-động, xao - xuyến của tâm-hồn, một tâm-hồn mênh-mông và xa-lạ... mà văn - từ chính - xác nhiều khi không thể diễn đạt.

Nhưng đó thuộc về «Nghệ-thuật» của Tử, không thuộc phạm vi bài này. Vậy tôi không dám dài giọng và xin trở lại cùng câu chuyện «Đời Thơ của Tử».

Về «Đời Thơ của Tử», khi này chúng ta đã đi đến giai-đoạn Tử tìm được nguồn-yên-ủi trong Đạo. Đó là vào khoảng giữa năm 1938, Tử ấy Tử thường đề tâm-thần tiêu-diêu ra ngoài thực - tế cho đến cuối năm 1939.

Tử khi bệnh Tử phát - hiện rõ rệt cho đến cuối năm 1939, bệnh

tình của Tử mỗi ngày mỗi tăng, nhưng tâm - trạng của Tử mỗi ngày mỗi bớt ray-rức rồi đi đến chỗ bình-tĩnh. Thơ Tử cũng theo tâm-trạng Tử mà thay đổi tánh-chất, hình-thái.

Những thơ Tử sáng-tác trong khoảng thời-gian này chia làm ba tập: *Đau-Thương* (sau đổi là *Thơ Điền*), *Xuân - Như - Ý* và *Thương-Thanh-Khi*.

Thơ trong *Đau-Thương* thiên về lối Trượng-Trung. Phần nhiều chứa đựng những niềm đau - khổ, rối loạn..., phát ra những khúc nhạc buồn thương, và tỏa ra một bầu không-khí âm-đạm.

Tử Xuân-Như-Ý đến *Thượng-Thanh-Khi*, thơ Tử đi lần lần từ địa-hạt Trượng-Trung đến địa-hạt siêu - thực. Lời thơ tươi sáng, nhưng tứ thơ nhiều khi vượt ra ngoài thực-tế xa quá, khiến người đọc khó lãnh - hội thấu - đáo. Có nhiều bài đọc thấy hay, nhưng cái hay ấy chỉ ý hội mà không thể ngôn truyền.

Mà dù khó hiểu hay dễ hiểu, âm-đạm hay tươi-sáng... lúc nào thơ Tử cũng có tánh cách vương-giá (noble) và giàu âm-nhạc, giàu hình-ảnh. Nhờ vậy mà thơ Tử,

mặc dù khó hiểu, đã được nhiều người thuộc lòng. Nhiều người đọc như đọc kệ, thích-thú và say-sưa.

Do đó mà thơ trong *ĐAU-THƯƠNG*, *XUÂN-NHƯ-Ý* và *THƯỢNG-THANH-KHI* được phổ biến, mặc dù chưa xuất bản được bao lần.



Qua năm 1940, Tử gặp một nguồn thi-cảm mới:

THƯƠNG THƯƠNG

Mà Tử gọi là «nguồn thơ bất-tuyệt», «nguồn thơ vĩnh-viễn».

Thương-Thương là tên một cô học-sinh 12 tuổi ở Huế. Hai người bạn Trần-thanh-Địch, chú ruột *Thương-Thương*, và Trần-thái-Phùng, anh ruột *Thương-Thương*, vì muốn yên-ủi Tử trong lúc cô-liêu, đã mượn cái tên kiều-diễm ấy mà giới-thiệu cùng Tử rằng là một giai-nhân rất yêu quý thơ Tử. Thình-thoảng Tử có tiếp được thư ký tên *Thương-Thương*, lời đoan-chính nhưng thân-mật.

Chỉ nghe cái tên đẹp-đẽ và kêu-gọi, chỉ đọc những lời giới-thiệu của bạn và đôi bức thư «của *Thương-Thương*», mà Tử đem lòng yêu tha-thiết, yêu đến

nổi quên cả Mộng-Cầm.

Trước kia nếu Mai-Đĩnh đứng cho Tử thấy dung-nhan, đứng cho Tử biết thân-thể, chỉ ở xa mà yêu, thì biết đâu Tử lại chẳng yêu tha thiết như đối với Thương-Thương.

Vì thi-nhân là người đi tìm cái ĐẸP trong mơ trong mộng nhiều hơn trong thực-ế. Cho nên chỉ say-sưa với những gì xa-xôi, những gì không với được... những gì khai triển trí tưởng-tượng càng nhiều càng say-sưa.

Tâm-trạng ấy Tử đã bày tỏ trong bài « TỐI TÂN HÔN ».

.....
Nhưng cái gì thom đã đến kề,
Tôi e tình-tứ bớt say mê,

Không còn ý-nhi ban đầu nữa,
Sẽ chán-chường và sẽ chán-chê.

Cho nên tôi tưởng tối tân-hôn
Chưa tới, còn xa để được buồn..
Để sống trong niềm thương
nhớ đã.

Để còn mừng-tượng đến giai-
nhân.

Cho nên Tử không cần biết rõ
Thương Thương như thế nào.
Tử chỉ « mừng-tượng... ».

Tử tưởng-tượng Thương-
Thương là một nàng tiên đẹp

tuyệt vời và lòng không vọng mây-
may trần cấu, một người đẹp
hoàn toàn và cũng yêu chàng vô
hạn... Càng tưởng-tượng càng
yêu, yêu say-sưa yêu đắm-đuối.
Lắm lúc Tử cũng biết yêu như
vậy là « vô duyên ». Nhưng vẫn
cứ yêu, vẫn cứ thương cứ nhớ.
Tình hương-yêu nhớ-tưởng tràn
ngập cả tâm-hồn và tuôn ra thành
những vần thơ tuyệt-mỹ.

Những thơ Tử làm ra trong
lúc này thật là thanh-tạo nhiều
khi siêu thoát.

Tử đã góp lại thành tập :

1 tập thơ nhan là CẦM-
CHÂU-DUYÊN.

2 tập kịch thơ : DUYÊN-KỶ-
NGỘ và QUẦN TIÊN HỘI.

Đây là một bài trong « Cầm -
Châu Duyên » nhan đề là :

NỖ BUỒN VÔ DUYÊN

Sầu lên cho tới ngàn khơi,
Ai đâu ráo lệ, chưa lời nói ra !
Chiều nay tàn tạ hồn hoa,
Nhớ Thương-Thương quá xót
xa tâm bào !
Tiếng buồn đem trộn tiêu-tạo,
Bóng em chồn-chợ trong bao
nhiều màu !

*Nghé ai xé lụa mà đau,
Gió than niềm gió biết đâu hẹn
hò !*

*Đừng ai nói đề thương cho...
Lỡ ra lạnh nhạt đèn bù sao cam.
Chiều nay chẳng có m'ro dăm,
Mình sao nước mắt lại dầm đìa
tuôn ?!*

*Ờ ra luy ngọc nòn nòn,
Có bao giờ hết nỗi buồn vô
duyên !*

Thơ trong Cầm-Châu-Duyên
nhẹ nhàng và trong sáng. Tình
trong Cầm-Châu-Duyên là tình
thơ mộng hương đượm-dã.

Còn Duyên-Kỳ-Ngộ và Quần-
Tiên-Hội là hai kịch ngắn bằng
thơ. Đó là hai giấc mộng tình,
mà nhân vật là tác-giả và Thương-
Thương.

Cốt truyện Duyên-Kỳ-Ngộ đại
khái như thế này :

Hàn-Mặc-Tử đi tìm nguồn thơ,
lạc vào một nơi tiên cảnh. Suối
cát tiếng chào, chim đưa lời đón
và tiếng tiêu thanh thót theo hầu.

Đương lúc thi-nhân say sưa
cùng những lời ca ngợi vừa kiêu-
diễm vừa thanh cao của cảnh vật,
thì một tiên nga trong trắng và

ngây thơ xuất hiện : nàng Thương-
Thương.

Hai bên gặp nhau, tình thanh,
ý thần trao đổi dưới một trời
châu gấm, đầy nhạc đầy hương,
đầy lời chim tiếng suối phụ họa.

Nhưng rồi thi nhân sực nhớ
đến hồn cảnh của mình, lên từ-
biệt tiên-nga, ra đi với tấm lòng
khô héo và tiếng tiêu nào nùng
quẩn quít bên thân.

Cốt chuyện thanh thú, lời thơ
thanh tao.

Đây, lời suối reo :
Ồ sự lạ ! Đã muôn đời thế-kỷ,
Đất linh-sơn in dấu vết phàm-
nhân !

Ta reo lên với đàn thông rú-ri,
Cho lay-bay tình ý ở xa-xăm...
Xin mời chàng tài-hóa thi-sĩ đở
Ngồi xuống đá, bên thán ngọc
vườn châu.

Hai tay chàng thử vốc vào
nước họ,
Mát tê đi như đá thật nàng dàu.

Đây, lời chim hát :
Ồ ! Chàng kia thực ra chừu
phong-vân,
Hãy nghe ta ca hát khúc bình-
an.

Này mặt nhật tròn - vô đương
sáng láng,
Gió đương lên, đương quyện
tiếng lòng ngân.

Thi-sĩ đáp lại lời chim suối:
Năng càng cao lòng ta càng
hùng-hực,
Thơ lên rồi, bay quá giải nhàn
vần.
Mùi hương đầu trong lời ca
sực-nức,
Gợn hư-vô, tung động cả phong
trần.

Và đây là lời của Thương-
Thương, ngo-ngác, tự-hỏi:
Mây bay theo với mây bay,
Mình sao ra nước non này mà
chơi?

Sáo ơi, diu-dặt khơ-ơi,
Buông mau âm - điệu dễ rời
nhân-gian.

Năng cao ý muốn lan-trần,
Ở đây vắng-vẽ, cây ngàn suối
reo...

Uống vào thật « ngọt lịm cả
hàm răng ».

Quần-Tiên-Hội, là một giấc
mộng tiếp theo giấc mộng Duyên-
Kỳ-Ngộ. Đại ý rằng:

Thương - Thương vốn là một
nàng tiên tên là Quỳnh-Tiên, cùng
các tiên-nữ Hoa-Khôi, Nguyệt-
Tiên, Thiềm - Tiên, v.v... lập
Quần-Tiên-Hội.

Hàn-Mặc-Tử không chịu nổi
cảnh chia - biệt cùng Thương-
Thương, bèn đi tu. Chàng thành
tiên liền cải trang làm tiên - nữ,
lấy tên là Huyền-Tiên, xin gia-
nhập Quần-Tiên-Hội.

Chư tiên mở hội Bàn - Đào có
bầy vợ-nàng dâng rượu Xuất-Thần-
tửu. Rượu say chư tiên xuống
tắm nơi hồ sen thơm mát. Huyền-
Tiên lấy cớ say quá, không tắm,
đứng trên bờ ngắm-nghĩa Quỳnh-
Tiên.

Quỳnh-Tiên có dáng điệu mê-
hồn. Chàng những Huyền - Tiên
ngây-ngất mà cả đoàn tiên - nữ
cũng say-sưa ! Chư tiên vừa nô-
đùa cùng Quỳnh - Tiên vừa hát
những khúc hát của niềm yêu-dấu.

Huyền-Tiên đứng tần - ngần
như mê như dại, đôi mắt khi thì
sáng - rực lên khi thì mờ đi vì
khoái-lạc. Chim anh - vũ và chim
họa-mi nhìn thấy sanh nghi, cùng
nhau bàn tán...

Bóng trắng ngà ló mọc. Chư
tiên lên bờ mặc áo. Màu áo xiêm

tươi mát làm tăng thêm vẻ kiều
diễm của những pho tượng thiên-
nhiên. Huyền-Tiên thêm sững-
sốt...

Trang-sức xong, chư tiên bày
cuộc khêu-vũ. Huyền - Tiên lại
chối từ nữa. Chư tiên sanh nghi...
Quỳnh - Tiên vốn đã biết rõ
Huyền - Tiên là người trí - kỷ
cải trang, bèn đến mời... Huyền-
Tiên hội ý, ra khêu - vũ cùng
Quỳnh - Tiên. Rồi từng cặp,
từng cặp tiên ôm nhau mà múa
trong những khúc nhạc xanh, nhạc
vàng, nhạc điệu. Chim họa-my,
chim anh-vũ cũng cất tiếng họa
theo thành những điệu mê-ly
huyền-ảo.

Quỳnh-Tiên và Huyền-tiên vừa
múa vừa trao đổi tâm-tình. Sung-
sướng quá thành mê-man, ôm
nhau hôn đắm-đuối .. Thế là vô
tình dễ lộ chân-tướng của Huyền-
Tiên. . .

Viết đến đó thì vì một chuyện
niêng, tác-gia không tiếp tục.

Văn-chương trong tập này cũng
thanh - lệ như trong Duyên-Kỳ-
Ngộ, mà khung-cảnh lại có phần
diễm-ảo hơn.

Hai tập kịch này cùng tập
Cầm-Châu-Duyên là ba áng văn-

chương có giá-trị cao quý.



Những tập Quần - Tiên - Hội,
Duyên - Kỳ - Ngộ, Cầm-Châu-
Duyên, Thương - Thanh - Khí,
Xuân-Như-Ý, Đầu - Thương,
Gái-Quê, Đường-Luật, là những
tập thơ. Tử còn có nhiều bài văn
xuôi rất hay mà một số đã in
thành sách dưới nhan-đề « Chơi
giữa mùa trăng ».

Đó là những bài thơ bằng văn
xuôi.

Lời văn thì êm-ái nhịp-nhàng,
ý thì đầy thơ và mộng. Vì thế
nhiều người đã thuộc lòng đôi bài,
nhiều đoạn . . . Những bức thư
của Tử viết cho bạn cũng là những
áng văn có giá-trị. Những quan-
niệm về thơ, về văn, về cuộc đời...
của Tử, thường bộc lộ trong
những bức thư.

Lại có nhiều bức thư trong đó
có vài ba câu thơ, hoặc một bài
thơ mà chỉ có người nhận thơ may
lắm vài ba người bạn thân của
người nhận thơ, được đọc. Ví dụ
trong bức thư gửi cho Trần-Thái-
Phùng có bài:

Hôm nay vui quá, anh Phùng
ơi!

Buồn xa không đến lệ không rơi.

Buồn không thất ruột, lòng không lại.

Cười nói làm sao cho hả hơi?

Người Trung-Hoa nói rằng: « Tô-Đông-Pha khi giận khi cười cũng vẫn thành thơ ». Chúng ta cũng có thể tự hào rằng: « Hàn-Mặc-Tử hề đặt bút xuống là có thơ ».

Nghĩa là lúc nào Hàn-Mặc-Tử cũng làm thơ.

Và làm thơ cho đến lúc bệnh đã quá nặng, phải đưa Tử vào nhà thương Qui-Hòa, Tử mới nghỉ.

*

Tử vào nhà thương Qui-Hòa ở cách Qui-Nhon chừng 7, 8 cây số — ngày 20 tháng 9 năm 1940.

Trước khi đi, Tử cho mời đôi bạn chí thân đến ký thác sự nghiệp văn chương. Tử nói:

— Vào Qui-Hòa, nếu tôi khỏi bệnh tôi sẽ đối tập Thơ Điền như tôi đã nguyện. Bằng vào đó mà chết đi thì các anh nên thận trọng trong việc cho xuất-bản. Những bài nào không nên cho ra đời, những bài nào chưa nên

cho ra đời, các anh đã biết rõ... (vân... vân...),

Rồi một buổi mai sương lạnh, Tử bình tĩnh lên xe vào Qui-Hòa. Và không đầy hai tháng sau thì Tử mất.

Tử mất ngày 11 tháng 11 năm 1940. Gia đình ở xa, bạn bè ở xa! Bên giường chỉ có một bà phước và một người bạn đồng-bệnh: anh Nguyễn-văn-Xê!

Chính anh Nguyễn-văn-Xê là người đứng gọi tin buồn cho những người thân của Tử theo địa chỉ Tử để lại.

Thi-hội Tử không thể đem về được, phải chôn tạm tại nghĩa-địa nhà thương Qui-Hòa.

Ngót hai mươi năm nay Tử nằm trong nơi hiu quạnh!

Mới đây — hôm mừng 6 tháng Giêng năm Kỷ-Hợi, tức ngày 13 tháng 2 năm 1959 — Gia đình Tử đã hốt cốt Tử đem cải táng tại Gành-Ráng Qui-Nhon.

Mộ Tử xây nơi một khoảng đất rộng và bằng phẳng trên nong gò cao. Phía trong có núi, phía trước có biển. Xa xa thành phố Qui-Nhon chạy dài theo lối cát vàng ở giữa khung cảnh non xanh nước biếc. Thật là một nơi

yên nghỉ rất thích hợp với hồn Thơ.

Tử thình phẩy Qui-Nhon lại có đường xe hơi chạy thẳng đến Gành-Ráng. Và từ đường cái lên đến mộ Tử lại có những bậc cấp người x-ra đã đắp sẵn. Ở đây các bạn yêu thơ Tử, mến tài Tử, có hề đến viếng mộ Tử được tự-do và dễ-dàng.

Các bạn có đến, hãy nhớ lời tựa Xuân-Như-Ý:

« Hãy cảm ơn Thi-nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay, trong

khí miệng vẫn tươi cười sốt sắng...
Hãy cầu nguyện bằng trăm kính máy gió,

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao...

Hồn « Thi-nhân sẽ vừa say-sưa, vừa điên-cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng lạn, phương - phi như một mùa XUÂN - NHƯ-Ý (1)

Viết tại Nha Trang, ngày rằm tháng Giêng năm Kỷ-Hợi. (22 Février 1959)

(1) Tựa Xuân-Như-Ý —



* TIẾT KIỆM LỜI NÓI

Bác sĩ John Abernethy, người xứ E-Cốt, có tiếng là rất giỏi nói. Với bệnh nhân cũng vậy, ông chỉ nói một vài tiếng thôi. Một hôm ông gặp một bà bệnh nhân. Ông hỏi:

— Bị phờng da?

Nữ bệnh nhân đáp:

— Trắc.

— Bãng bó.

Hôm sau, bệnh nhân lại đến. Ông hỏi:

— Bớt?

— Đou.

— Bãng bó nữa.

Hai hôm sau, nữ bệnh nhân lại đến. Ông hỏi:

— Bớt?

— Khá. Bao nhiêu tiền?

— Không lấy tiền.

— Tại sao?

Bác sĩ John phì cười:

— Từ hồi tôi làm đốc-tơ tới giờ, tôi mới gặp bà là người thân chủ đầu tiên biết tiết kiệm lời nói, nên tôi không lấy tiền.

— Cảm ơn.



CHÍN KHÚC RỒNG VÀNG

★ NGUYỄN-THÀNH-CUNG

« Nội đồng thì úp vung đồng
« Con gái xứ Bắc lấy chồng
Đông-Nai »

Ô. Nguyễn-Thành-Cung, Tổng-Thư Ký Tổng-Thống-Phủ, vừa là một nhà Văn, là người quê-quán ở miền Nam, cho nên ông biết rất nhiều về miền này. Bài « Chín Khúc Rồng Vàng » là trích trong bản thuyết-trình « Hương Sắc Miền Nam » mà ông có nhã-ý gởi tặng Phê-Thông.

Đây cũng như một cuộc du-lịch mà ông Nguyễn-Thành-Cung đưa các bạn đi chơi trong mấy ngày Xuân, khắp « xứ Đông-Nai Lạc-Tĩnh ». Phê-Thông xin thành thật cảm-on Nguyễn Tiên Sinh.
P. T.

N G U Ờ I ta thường nói: « Xứ đẹp nhất không phải là thiên đàng. Xứ đẹp nhất trên thế giới là xứ của ta, là nước của ta ».

Tôi vẫn nghe câu nói đó lúc còn nhỏ, nhưng ít khi để ý đến ý-nghĩa của câu ấy. Cho đến năm 1954, tôi có dịp đi ngoại-quốc lần thứ nhất, khi tôi trở về miền Nam, lúc phi-cơ bay vào địa phận nước ta, cô chiêu đãi viên

CHÍN KHÚC RỒNG VÀNG

trên phi-cơ bảo tôi: « Đến đây là vào địa phận Nam-Việt rồi ».

Phần đông quý vị đều có dịp xem Miền NAM trên phi-cơ, và đã thấy rõ tổng quát phần nào vị-trí miền này, những con sông hùng-vĩ, những cánh đồng ruộng bao la bát ngát, những đồn điền tích-mịch.

Xem bản đồ không lồ ấy của Miền NAM, sau khi lia xứ gần năm tháng, tôi cảm thấy trong tâm hồn một sự thỏa mãn chưa từng có. Đó là miền NAM của chúng ta, có cả TIỀN GIANG, HẬU GIANG, cùng sông VÀM CỎ, ĐỒNG NAI, các đồng lúa mênh mông, các vườn cao-su suông sẽ như ai đã cảm thước mà gạch, luôn cả các hòn núi lôm chôm ở trên đóm xuống như bao nhiêu bộ phận non mà các cụ già thường chơi ! Cảnh tượng ấy, ta có thể thấy rõ, khi có dịp đi tàu bay thăm đảo Phú-Quốc, hay bãi biển Vũng-Tàu.

Chúng ta có thể thấy rõ, nhất là vào mùa nước « đổ » hai con sông TIỀN GIANG và HẬU GIANG cuốn cuộn chảy từ biên giới CAO-MIỀN đến khoảng gọi là VÀM - NAO, nơi duy

nhứt mà hai con sông to nhất miền Nam « bắt tay » nhau rồi lại chia tay nhau nữa, để tiếp tục mạnh ai nấy chảy ra biển NAM-HẢI.

Qua đến Miền Đông, nghĩa là vùng sông Vàm-Cỏ, Đồng-Nai, thì cảnh tượng khác hẳn. Nhứt là khi sông Đồng-Nai trở ra biển, trông không khác gì những con rấn không lồ, lớn có, nhỏ có, quanh co uốn khúc.

Đây là vùng Rừng Sát, nơi mà cách đây bốn năm, quân đội quốc-gia đã tìm được sào huyệt và tiêu diệt bọn phiến loạn Bình Xuyên.

Theo các nhà địa dư học, thì ở đây, cách mấy chục ngàn năm về trước, chỉ là bãi biển. Song, phước đức cho dân-tộc ta, nhờ có Hậu Giang, Tiền Giang và Đồng-Nai chảy ra đó, nên lần hồi đã bồi thành miền Nam ngày nay. Thêm nữa, bây giờ mỗi năm, đến mùa nước lớn, Tiền Giang và Hậu Giang chảy tràn lên đồng ruộng. Khi nước rút, thì tôm cá vẫn ở lại, sanh sản trong các đĩa bèo. Đó là chưa kể mỗi năm nước ngập, đồng ruộng của miền Nam được

hưởng thêm đất bồi.

Ở trên không dòm xuống, chúng ta không khỏi sửng sốt mà nghĩ rằng : trong một khu vực diện tích ước lượng không dưới hai triệu nẫu ruộng, không có một khoảnh nào, dầu nhỏ, dầu lớn, mà không có tay đồng bào ta vườn xới, trồng trọt, cấy hái.

Người ngoại-quốc cho rằng địa hình của nước Việt-Nam ta thật là đặc biệt, có một không hai trên thế giới.

Diện tích tổng quát của Việt-Nam ta là 300.000 cây số vuông. Nhưng thật ra, tổng số đồng bào ta chỉ ở trong 80.000 cây số vuông. Nghĩa là chỉ ở trong vùng Trung nguyên HỒNG-HÀ, TIỀN GIANG và HẬU GIANG. Càng lạ lùng hơn nữa là Việt-Nam không có bề ngang mặc dầu miền duyên hải có hơn 2.000 cây số dài.

Thật ra, Miền NAM là gì, nếu không phải, vào kỷ-nguyên đệ tứ (ère quaternaire), là một vịnh lớn, dưới có một nền tảng (socle) không ở sâu lắm? Do đó, nhờ Tiền Giang và Hậu Giang

bồi mãi đến nay chúng ta mới có « chum đứng » nơi đây.

Hơn nữa, theo bạn Thái Văn Kiểm độ, thì trong hai ba trăm năm nữa, Miền Nam sẽ được bồi lần đến tận TÂN GIA BA !

Rất tiếc là trong hai ba trăm năm nữa, trong chúng ta không có ai còn sống được để sang chơi bên Tân Gia Ba bằng đường bộ! Nhưng chắc chắn rằng tên của bạn THÁI VĂN KIỂM sẽ được nhắc-nhớ vì đã tiên-tri việc ấy!

Miền NAM « sống » là nhờ hai tay của Sông Cửu-Long. Tất cả hệ-thống sông ngòi ở Miền Tây Nam Nam-phần, đều do Sông này chi phối. Sông không phải Cửu-Long giữ độc-quyền. Còn những sông, đứng vào bậc « đàn em » nữa. Đó là Sông Đồng-Nai mà chúng ta đã thấy. Tuy là bậc đàn em, sông Đồng-Nai cũng kinh chống với đàn anh bằng cách chia ra hai nhánh, có hai tên khác nhau : Sông Biên-Hòa và Sông Saigon và cũng có nhiều em út phụ lực : Rạch-Tre, Rạch-Cát, v.v...

Về NÚI NON, Miền Nam không có chi đặc sắc vì Miền

Trung chiếm độc quyền trọn giải Hoành-Sơn. Khúc dưới giải Hoành-Sơn lại nằm trọn trên lãnh thổ CAO-MIÊN. Vì vậy Miền Nam rất khiêm tốn. Núi cao nhất là Núi Điện Bà được non 900 thước, một khi núi cao nhất ở Việt-Nam là núi FAN-SI-PAN được gần 3.200 thước.

Hai hòn núi, gần SAIGON abút là núi BỤU-LONG tục gọi là núi LÒ-GẠCH, tên thật núi ấy là núi LONG-ẤN, trên núi có ngôi chùa xưa, chùa LONG-SƠN-THẠCH. Bề cao núi này không quá 50 thước,

Và một hòn núi nữa, hiện đang giúp đá để làm xa-lô SÀI-GÒN — BIÊN-HÒA là núi CHÂU-THỚI (cao 60 thước).

Và ở Bà-Rịa, quý vị đều biết có núi CHỨA-CHAN cao 803 thước.

Về THẢO MỘC, thiết tưởng chúng ta cũng nên nhớ rằng một số cây ăn trái ở Miền Nam, trừ cây xoài, cây chuối, cây ổi, một phần đều do các nhà truyền-giáo mang trồng, vào cách đây chỉ hơn một trăm năm. Chính Đức Cha Bá-Đa-Lộc đã đem giống

cây « MĂNG CỤT » từ Nam-Dương qua, cũng như phần nhiều trái cây mà đồng-bào Lái-Thiệu sản-xuất và cung cấp cho MIỀN NAM, như trái LÔM CHÔM (ramboustan) và trái SẦU-RIÊNG.

Trái MĂNG CẦU XIÊM (corrossol) do L.M. MICHE mang trồng từ NAM-MỸ, cũng như trái SAPOTILLE, do L.M. GERNOT trồng. Còn hai thứ cây nữa, cũng được nhập cảng từ ngoại quốc. Một cây rất có ích, vì đã làm cho tỉnh LONG-KHÁNH có nhiều huê-loại, là cây CAO-SU (hévéa). Chính Ông RAOUL, được-sư thủy quân, đã mang từ MÃ-LAI vào năm 1897. Còn giống thứ hai, nên nói ngay rằng rất vô ích, là cây cỏ « LỤC BÌNH ». Miền Hậu-Giang, hễ mùa nước đổ, thì thứ cỏ này trôi đầy sông, đầy rạch, có khi rạch nhỏ bị bế-tắc không đi lại được. Cỏ này vô ích đến nỗi xắt lá cho heo ăn, heo cũng chê. Một thứ cỏ vô ích như vậy, tại sao lại được nhập cảng xứ này?

Có người nói : « Thú phạm » là một viên Toàn-quyền cách

đây mấy chục năm, đã xin một cây từ Nhứt-Bồn để thả trong vườn Bách - Thảo Hà - Nội. Nhưng cũng có người nói : « Thủ phạm » là trận bão Năm Thìn 1904. Cô này từ Phi Luật Tân trôi qua xứ ta !

★ MIỀN NAM SỐNG

« Giang-san ba tỉnh hâu còn đây » !

Trong khung cảnh đó, ông bà chúng ta và chúng ta đã sanh sống từng mấy thế-kỷ nay.

Trong trường - hợp nào và trong điều - kiện nào, tổ - tiên chúng ta được vào lập nghiệp tại Miền này ? Việc ấy, các sử-gia đã tìm tòi, rất đầy đủ và công phu. Trong số, có bạn Thái-Văn Kiểm và bạn Phạm Đình Khiêm, khi hai bạn và tôi đã có nói chuyện về BỐN HÒN NGỌC MIỀN NAM.

Hôm nay, chúng ta chỉ nên nhớ rằng : lúc NGUYỄN, TRỊNH phân tranh, đồng bào muốn tránh việc « lộn xộn » ngoài TRUNG, và lại miền TRUNG đất hẹp người đông, rủ nhau tản cư vào NAM lập nghiệp cho yên thân.

Và nhờ Công chúa NGỌC-

VAN, vợ của Vua Cao-Miên CHAY-CETTA II, ông bà ta được Vua Cao-Miên cho phép thành lập một doanh điền tại MOI-XUI (tức là MÔ-XOÀI gần Baria — Phước Lễ ngày nay).

Việc can thiệp chính thức đầu tiên xảy ra vào năm 1658, nghĩa là cách đây 300 năm.

Can thiệp về việc chi ? Chính cũng vì tại Cao-Miên (nghĩa là Miền Nam ngày nay) có xảy ra việc lộn xộn. Vua Cao-Miên yêu cầu quân ta đến giúp để giữ trật tự.

Trật tự được tái lập xong, Vua Cao-Miên nhận xin triều cống Vua ta và thuận nhượng vùng Biên-Hòa cho nước ta.

Đến năm 1708, thì toàn thể đất Thủy Chân-Lạp, (tức Miền Nam hiện giờ) đều được đồng bào ta khai thác, kể là Sáu tỉnh :

1. BIÊN-HÒA
2. GIA-ĐÌNH
3. ĐÌNH-TƯỜNG
4. VĨNH-LONG
5. AN-GIANG
- và 6. HÀ-TIÊN.

Công việc này chỉ đòi hỏi một thế-kỷ rưỡi (150) thôi.

★ LỤC TỈNH

Vì là người sanh trưởng ở miền đồng ruộng sông ngòi, nên tôi thường để ý thấy các ghe thuyền miền Nam đều mang số đăng bộ có kèm theo số 1, 2, 3, v. v. đứng đầu, cho đến số 20 là đủ số hai chục tỉnh Miền Nam. Tỉnh Long-Xuyên là nguyên quán của tôi được số 8. Tỉnh kế cận Châu-Đốc, là số 2. Sadecc được số 6. Rạch-Giá số 4. « Đền đờ » là tỉnh Bạc-Liêu, số 20 — « Đền mũi » Số 1 là tỉnh Gia-Định.

Tôi thường hỏi các anh trong xã thôn. Nhưng các anh ấy thay vì trả lời ngay, lại đọc cho tôi nghe các câu sau này :

GIA CHÂU HÀ
RACH TRÀ SA BẾN
LONG TÂN SÓC
THỦ TÂY BIÊN
MỸ BÀ CHỢ VĨNH
GÒ CẦN BẠC.

Và họ bảo : Cứ nhớ mấy câu ấy, thì nhớ đủ tên các tỉnh miền NAM !

Đến bây giờ, tôi cũng chưa rõ các nhà cai-trị Pháp hỏi trước xin vào đầu để đặt ra hệ-thống thứ tự của các tỉnh miền NAM.

GIA-ĐÌNH được số 1, có phải là vì ở gần nhất Thủ-Đô Saigon chăng ? nhưng sao lại đi một vọt đến tỉnh rất xa Saigon mà cho số 2 là CHÂU-ĐỐC ?

Thuở còn đi học, một năm, chúng tôi dự một kỳ thi có gặp đầu đề này :

« Anh đi ô-tô từ Vũng-Tàu đến Cà-Mau. Anh trải qua tỉnh nào, tỉnh-ly nào, vùng nào ? Hãy kể ra tình hình kinh-tế của các vùng ấy ».

Đối với sự học hỏi của chúng tôi, thật là một đầu đề « diếc con rái ».

Bây giờ không còn thi nữa, nên chúng tôi chẳng những muốn đi từ Vũng-Tàu đến Cà-Mau, mà lại muốn đi luôn từ Cà-Mau lên Rạch-Giá—Hà-Tiên nữa. Như vậy, chúng ta sẽ biết qua phần nhiều các tỉnh.

Thật vậy, nếu có thì giờ, chúng ta cũng nên đi một vòng lớn, qua tất cả các tỉnh Miền NAM để ghi lại những nét đẹp thiên nhiên hay những dấu vết lịch-sử của từng tỉnh một. Sau đây, bạn Thái-văn-Kiểm sẽ kể lại cho quý vị những chuyện còn lý-thú hơn. Tôi chỉ xin quý vị cho

phép tôi kể sơ các nhận xét riêng của tôi về một vài tỉnh mà tôi được biết ít nhiều.

Riêng về LONG-XUYÊN, là nguyên quán của tôi, người ta thường nói « LONG-XUYÊN CHÂU-ĐỐC thiếu gì cá tôm ».

Có lẽ vì câu đó, mà ngày nay hai tỉnh này đã được sáp nhập làm một, gọi là tỉnh AN-GIANG mà Long-Xuyên là tỉnh lỵ. Long-Xuyên, Châu-Đốc là vùng có nhiều cá. Có người nói : « Ở Long-Xuyên, ngửa tay ra, lấy một ly nước đổ vào, trong bàn tay cũng có cá ! ». Vì vậy Long-Xuyên — Châu-Đốc sản xuất một món ăn mà hầu hết các tỉnh đều thích, nhưng người ngoại quốc không thích : mắm.

KIẾN-GIANG, trước kia là Rạch-Giá, nổi tiếng là làm bánh khéo. Nghĩa là đàn bà, con gái Rạch-Giá rất khéo tay, làm bánh không chỗ nào chê được. Không phải chỉ bánh đám cưới đám giỗ, đến bánh bán ngoài chợ, bà nào khó tính đến đâu, cũng phải khen bánh Rạch-Giá.

Trở về Sa-Đéc (bây giờ là Quận lỵ và thuộc về tỉnh Vĩnh-Long), vùng này nổi tiếng đặc

biệt là con gái đẹp. Song về phương diện này, danh tiếng không được đồng nhứt : Có người nói tại Sa-Đéc, nhưng là vùng NHA-MÂN một trung tâm nhỏ trên đường Vĩnh-Long Sa-Đéc. Có người lại nói : chính vùng CAO LẠNH.

Dầu Nha-Mân hay Cao-Lãnh, Sa-Đéc vẫn giữ tiếng là con gái đẹp. Vì lý do nào ? Có người bảo tôi rằng : thuở xưa, các quan lại phạm lỗi thường bị đày đi trấn ở Sa-Đéc. Mà các quan lại thời xưa, quý vị cũng biết, không phải một ông một bà như ngày nay. Các ngài đày vào đây thì không quên mang hết bà hai, bà ba, bà tư, v.v... vào. Và đến Sa-Đéc, nhứt là sau khi bị lỗi, các quan còn làm gì, ngoài việc « sản xuất con cái » ?

Ngoài ra CAO LẠNH, hiện giờ là tỉnh lỵ tỉnh Kiến-Phong, cũng có tiếng có giống gà nòi « trăm trận trăm thắng ». Các tay đá gà đều tìm đến mua gà CAO LẠNH, vì danh từ « gà Cao-Lãnh » có nghĩa là « đá đến chết chó không chịu thua ».

HÀ-TIÊN, tuy bây giờ đã trở thành một quận lỵ, cũng

giữ tiếng là danh lam thắng cảnh miền Tây Nam. Đặc biệt của HÀ TIÊN là có nhiều tên lót. Đến bến đò cũng có một tên rất nên thơ : đò Tô-Châu. Qua đò là đến HÀ TIÊN. Tôi còn nhớ một đồng bào miền Đông đến viếng HÀ TIÊN lần thứ nhứt. Qua đò Tô-Châu xong, ông đến chợ, hỏi : « Thưa ông, từ đây đi Hà-Tiên có xa không? »

Nhưng ở Hà-Tiên, lại có những tên rất nôm na, như Bãi-Ốt, Bãi Trầu, Hòn Trẹm, mặc dầu, thuở xưa Mạc Cửu và con là Mạc Thiện Tích, hai người Trung-Hoa có công khai phá xứ này, có mời nhiều văn sĩ Trung-Hoa sang Hà-Tiên để uống rượu làm thơ.

Xa nữa là Bạc-Liêu. Bạc-Liêu được tiếng là vừa lúa và vừa muối của Miền NAM, nghĩa là đất đai của các nhà triệu-phủ, của các bậc « công-tử » đã « đi Tây ». Nhưng không hiểu tại sao lại có câu hát này :

« Bạc-Liêu là xứ quê mùa »
« Dưới sông cá chớt, trên bờ
Triều-châu »

Có đúng chằng, họa may là về sau. Trước kia, Hoa-kiều ở

Bạc-Liêu thật đông. Mà Hoa-kiều này nguyên quán ở Triều-Châu, một giống dân chịu cực rất dễ và hay làm những chuyện nặng nhọc, như giúp việc trong các lò rượu, các kho lúa, kho muối. Một người Triều-Châu có thể gánh các sản phẩm bằng hai hay ba người Việt-Nam. Họ vào ở tỉnh Bạc-Liêu rất lâu đời và do đó, những tập quán, hay cách xưng hô của họ, lần lần đã lan tràn đến người Việt-Nam.

Đồng bào ta ở Bạc-Liêu gọi nhau bằng «hia» (anh), «số» (thiếu), «củ» (cô) cũng như Hoa-kiều Triều châu.

Ở Bạc-Liêu có nhiều cá chớt chằng ?

Nếu quả có thật, thật là một việc trời cho. Vì người Triều-châu có tiếng là rất cần kiệm, không thích ăn cá lớn, e tổn tiền, chỉ ưa ăn cá nhỏ như cá chớt.

Đã biết qua một vài tính chất quan trọng của một ít tỉnh miền Nam, giờ đây tôi xin trình bày cùng quý vị một ít nhận xét riêng của tôi về tính tình và văn-hóa miền Nam, qua những nét đại-cương và sau rốt tôi cũng xin nói qua thân thế và công nghiệp

của một vài danh nhân miền Nam.

Trước hết là tính tình đồng-bào miền Nam so với đồng bào Miền Bắc và Miền Trung.

Nếu đồng bào miền Bắc có tiếng là nhân nại, chịu khó, và đồng bào Miền Trung chậm rãi, thích an nhàn nhưng hay suy-nghĩ, thì đồng bào Miền Nam, theo sự nhận xét của tôi, tánh nóng nảy, nhưng rất thành thật, dễ-dãi và hay trêu đùa: Điều đặc-biệt là truyền thống dân-chủ đã có ở miền Nam từ lâu. Có lẽ vì lý do địa lý: ở xa triều-đình nhà Vua, và lý do sử ký (đã bị Pháp thôn tính từ năm 1886), cho nên đồng bào miền Nam ăn nói không dùng những câu văn hoa bóng bẩy.

Tôi còn nhớ vào lối năm 1930-31, ở Saigon có đem bán hình **ÔNG BẢO - ĐẠI** và **BÀ NAM - PHƯƠNG**. Trẻ nhỏ vừa bán hình vừa rao: *« Mạt đô! Hai vợ chồng Ông Vua... 2 cái đây. Mạt đô! »*

Người Nam lại có tánh trêu đùa. Tôi còn nhớ: cách đây ba chục năm, đàn ông để tóc bó cũng còn nhiều, ở các tỉnh-lỵ cũng

vậy. Các ông già bà cả thường kêu gọi các người đã hót tóc, cho rằng đó là *« cạo đầu khố »*!

Vào lối năm 1922-1923, lúc còn phải bắt thăm đi lính (ở Nam gọi là lính tập = tirailleurs co-chinchinois) trong số lính tập, người để tóc bó cũng còn nhiều. Và lúc nhập ngũ, trong trại lính thường tổ-chức những cuộc đá banh có công chúng vào xem, nhứt là khi Pháp ăn lễ 14 Juillet, ở Nam gọi là lễ *« Chánh chung »* (trẻ con gọi là *lễ chén chung*). Người ta nói trong một cuộc đá banh như thế, giữa một đội lính tập và một đội thường dân, trọng tài thường ngưng đá, vì thỉnh thoảng có anh lính tập rớt lòng nhím, phải tìm vì tóc xoắn, không đá được!!!

*** VĂN HỌC MIỀN NAM**

« Đồng-Nai có bốn Rồng Vàng »

« Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi »

Điều-kiện lịch - sử và kinh-tế Miền Nam đã tạo một hoàn cảnh đặc biệt thích hợp cho nền văn học bình dân truyền khẩu dựng lên, trung thành với bản chất, nguyện vọng của dân quê miền

Đồng-Tháp và Cà-Mau.

Song song với các bộ môn văn học truyền khẩu, như tục ngữ, vè, tiểu lâm, câu đố, v.v. thì ca dao sanh hoạt gần gũi nhứt với dân-tộc, thăng trầm theo vận mạng của dân-tộc.

Đồng-bào NAM thích đặt những bài vè. Bộ môn này là thuần-túy miền NAM, thường có giọng tư-thán, ngạo nghễ hay biếm nhê.

Tối sáng trăng, hay không có trăng cũng vậy, trẻ em thường xúm nhau ngoài sân chơi giỡn. Chúng ca hát, hay đọc các bài vè.

Đây là một bài vè. CÁC LOẠI CÁ.

*No lòng phi dạ là con cá cơm
Không ướp mà thơm là con cá ngát*

Luyện bay thấp thoáng là con cá chim

Hạt cặng chết chìm là con cá đuối

Lớn năm nhiều tuổi là cá bạc đầu

Đủ chủ xứng câu là con cá đối

Nở mạt tàn tối, là con cá voi

Trắng muốt bẹ da, là cá út

Dài lưng hẹp kích, là cá lòng tong

Ốm yếu hình dong, là con cá nhái

Thiệt như lời vái là con cá linh.

Sau đây là những câu đố các anh lính tập thuở xưa học tiếng Pháp. Xong rồi các anh dạy lại con nít trong làng:

Con gà thì nói « bu-tê »

« Ca-na » con vịt, heo là « cô-son »

Bồ câu thì thiệt « bi-rông »

Con tôm « cò-vết », cha là « pa-pa »

Trát thơm thì nói « na-na »

Ồi thì « gõ-dáp », chuối là « ba-nan »

« Măn-dê » thì nói là ăn

« Boa-lô » uống nước, đi nằm « cu-xê ».

Song lý-thú nhứt, ngây-thơ nhứt, theo tôi, là hát huê tình, hát đối.

Chúng ta nghe hai bên trai gái đối đáp nhau:

« Thùng thùng » ! Đó nói một câu

Đấy anh chầu nửa chục

Hề là gan đục thì phải lóng
trong.
E cho miệng chẳng in lòng
Chớ thuyên quyền mà sánh
với anh hùng mới xuê!

Đáp:
«Chàng đừng có lóng trong
gan đục
Thiếp giao tình bằng thẳng
như cửa
Giữ cho tròn nghĩa sáu xưa.
Cũng như anh thợ mộc liệu
vừa rập khuôn!»

Ca-dao là những bài hát ngắn
lưu hành trong dân gian thường
tả tính tình, phong tục, tập quán,
sanh hoạt, vân vân.. Ngoài ra,
ca-dao bình dân còn là tiếng nói
chân thành nhứt hạng của dân
miền Nam trải qua bao thế hệ.

Miền Nam vui sống thanh
bình
Đồng quê tươi đẹp dân tình
ấm no.

Thật vậy, giải Trường-Sơn
chấm dứt ở Bình-Thuận rồi tỏa
ra thành một vùng bình nguyên
mênh mông bát ngát về phía cực
Nam nước Việt.

Miền Nam đã nổi tiếng là cái
vựa lúa khổng lồ với hai cánh
đồng bao la là Đồng Tháp

Mười và Đồng Cà-Mau mà còn
có Thủ-đô hoa lệ đầy ánh sáng
mà dân quê miền Nam đã hát:

Chợ Saigon, đèn xanh đèn
đỏ
Anh coi không rõ, anh ngỡ
đèn tàu

và
Đường Saigon cây to bóng
mát
Đường Chợ-lớn hột cát nhỏ
dễ đi.

Hai cánh đồng ấy là đề tài
phong phú cho những câu ca-dao
bình dân, đã nổi lên được sự
hùng vĩ, thịnh vượng của nước
nhà:

Đồng Tháp Mười cò bay
thẳng cánh
Nước Tháp Mười lấp lánh
cá tôm

hay là:
Bấp nào to cho bằng bấp
Hồng-Ngự
«Cá nào bự cho bằng cá
Cờ-Đen.

Rồi họ rủ nhau:
Hò ơ...
Ngó lên trời thấy cặp chim
đang đá
Ngó dưới nước thấy cặp cá
đang đua

Chúng ta quyết chí cày bừa
Cả vùng Đồng Tháp... đã mở
mùa tái canh
Cửu long nước chảy đôi giòng
Sông tiền sông hậu tưới đồng
ruộng xanh
Em về Đồng Tháp cùng anh
Mỹ-an, Mộc-hóa tái canh đất
màu.

Đồng Tháp Mười, lúa nhiều
cá lấm và nước đọng quanh năm
suốt tháng.

Trời xanh, kính đỏ, đất xanh
Đĩa bu, muôi cần làm anh nhớ
nàng.

Tuy nhiên, ở ven Đồng Tháp
Mười như những thị trấn Cao-
lãnh, Tân-châu, đã làm cho miền
Nam nổi tiếng tầm tang tơ lụa,
gái đẹp, gà hay.

Gà nào hay cho bằng gà Cao-
lãnh
Gái nào bánh cho bằng gái
Tân-châu

Anh thương em chẳng nại sang
giàu
Mút hồng đôi lọng trà tầu
đôi cần.

Cũng như Đồng Tháp Mười,
Đồng Cà-mau, rừng U-minh
hoang vu để sợ, nào đĩa, nào
cá sấu và nào... ma, với những

cánh rừng tràm vô tận.
Chèo ghe sợ sấu cắn chèo
Xuống bưng sợ đĩa lên rừng
sợ ma.

Có lẽ vì thấy đời sống cơ cực
ở đây, nên dân rừng U-minh
thường so sánh.

Xứ Cần-thơ, nam thanh nữ
tử
Xứ Rạch-giá, vợ non hú chim
kêu.

Đồng bào miền Nam tuy có
tiếng là nóng tính nhưng rất
trung hậu, thật thà, không khách
sáo, hay trêu ghẹo.

Tánh hồn nhiên, chơn thật và
chất phác của đồng bào miền
Nam đã diễn tả mỗi tình đầu của
đôi mái đầu xanh như sau:

Đi ngang nhà má
Cái tay tôi xá
Cái cẳng tôi quý
Lòng thương con má xá gì
thần tôi

☆

Em đừng dẹt chiếu hời ỡn
Nghe anh có vợ, em quăng con
chuôi.

☆

Em đừng bắc nước xôi xôi

Nghe anh có vợ, quặng nổi
đá vung

★

Em đương vút nếp xôi xôi
Nghe anh có vợ thúng trôi
nếp chìm

Rồi cũng có những lối hò bốn
cột, trêu đùa giữa đôi trai gái :
Ước gì anh hóa được con kiến
vàng
Bò lên cỏ bậu dao đang lê
viên.

★

Ước gì em hóa được con kiến
hôi
Bò lên đá xuống cho trôi kiến
vàng.

Trai gái nhứt trí đồng tâm
chống xâm lăng. Họ hy-sinh tất
cả sanh mạng và tài sản thì còn
quần gì mỗi dây tình oải vương
mang.

Giặc Tây đánh Cần-giờ
Biều đùng thương nhớ, đợi
chờ ưỡng công.

Thậm chí, khi lãnh thổ bị tạm
chiếm một phần, họ cũng không
thối chí, ngã lòng, họ đã ra tay
đập đập ngăn sông để phong tỏa
quần địch, hy-vọng ngày nào
thắng trận rồi sẽ đoàn viên :

« Chẻ tre bện sáo cho dầy »
« Ngăn ngang sông Mỹ (Mỹ-tho)
có ngày gặp nhau ».

Dưới trào Pháp thuộc, khi
bất thãm, phải đi lính, thì phải

buộc lòng ra đi, nhưng các chị em
yếm khăn mềm yếu cũng không
kém can đảm, giục lòng trai làng
tang bồng bằng câu :

Anh đi em ở lại nhà
Hai vai gánh vác mẹ già con
thơ.

Anh ơi, phải lính thì đi
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có
tôi.

★

Ngoài ra, miền Nam còn có
lối « hò » rất thông dụng. Tuy
nhiên, giọng hát cổ sai chạy từ
vùng này sang vùng nọ ; nên có
lối hò Tân-An, hò Mỹ-tho, hò
Bến-tre, hò Cần-thơ, hò Sa-đéc,
hò Đồng-tháp, hò Cà-mau và
hò Vũng-liêm.

Hò hơ... ơ... câu tre để nấu
Chờng xâu để xài hò hơ... ơ...
Ở chớ đừng có ham bóng sắc ở..
Ơ đừng có ham bóng sắc chớ nó
hành nạt ở... ơ tẩn tẩn hơ l..

... Và « Hò lơ » một lối hò mới
sáng tác trong vòng mười năm
nay, cũng rất thông dụng tại
vùng quê :

Hò lơ hó lơ
Lắng tai nghe hò lơ hó lơ
Xương ta, ta bắc nên cầu
Ai đi hò lơ !
Đề cho còn cháu
Ai đi hò lơ
Lên lầu tự do
Hò lơ, hó lơ
Lắng tai nghe chúng tôi hò lơ.



Huyền-Trần Xuân dạ sầu

Ta tiễn mùa đông một buổi chiều,
Bên trời Chiêm-quốc gió hoang liêu.
Mai đây lặng-lẽ nhìn Xuân đến,
Mất hương quê nhà dạ hắt-hiu.

★

Chân bước ra đi, hận trĩu lòng,
Nhưng vì nợ nước phải dằn xong.
Giang sơn cách trở bao sầu lụy!
Tan tác mấy chiều, ôi nhớ mong!

★

Ta vẫn mang theo một mối tình
Âm thầm ấp ủ tận tâm-linh.
Tiếng tơ chưa dứt lời lưu luyến,
Ôm hận nghìn thu một bóng hình.

★

Xuân đến Trường-An ngập nắng hồng,
Đáy trời Chiêm-quốc lịm sầu đông!
Nguy nga cung điện vàng son chời
Phải nắm mồ chôn kiếp biệt vong?!



HỘI KÝ

Một Đời Người

THIỆU.SƠN

PHẦN THỨ HAI

IX

NGƯỜI PHÁP ĐÒI ĐỘC LẬP CHO VIỆT NAM VÀ NGƯỜI PHÁP BỐ NGƯỜI PHÁP

(Tiếp theo P. T. số 26)



Gòn đã ký tên dưới một bản kiến-nghị yêu-cầu chính-phủ Pháp trả tự-do cho dân-tộc Việt Nam, chấm-dứt cuộc xung-đột và nổi lại tinh thần thiện Việt-Pháp. Trong số những người đã ký tên có mấy ông giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, vài chiến-sĩ xã-hội và hai người phụ-nữ là bà Cui-sinier, Thạc sĩ, Ủy-viên văn-hóa Cao ủy phủ và cô Florence, một

nữ trợ tá xã-hội theo phục vụ trong quân đội viễn chinh (Asat.)

Bản kiến nghị đó đã được gửi một cách rất bí mật vì chính những người đã ký tên cũng sợ sự phản ứng của thực-dân có quân đội ủng-hộ. Nhưng sự bí-mật cũng không bao lâu mà bật mí.

Tờ báo Tương-Lai sau một thời gian nịnh bợ thực dân yêu cầu xin tăng tiền trợ cấp. Nhưng thực dân không cho vì thấy nó cũng không có ảnh hưởng gì trong dân chúng.

Tên chủ nhiệm liền trở cò và

MỘT ĐỜI NGƯỜI

đăng toàn những bài ủng hộ kháng-chiến. Hần kiếm được bản sao tờ kiến nghị có đầy đủ danh sách những người đã ký tên và đăng lên mặt báo. Giới thực-dân ùng ùng nổi lên công kích và giới quân sự được mật lệnh đi khủng bố những người Pháp đã cả gan ủng hộ bọn phiến loạn phản lại quyền lợi của Pháp (hay của thực-dân thì đúng hơn). Chúng khủng bố tận nhà. Chúng hành hung ngoài đường phố. Tại Đại-lộ Catinat chúng đâm một ông Bác-sĩ và cạo đầu cô đầm Florence bắt cô đeo một tấm giấy viết chữ « phản quốc ». Nhà in Bảo-Tồn của bà Diệp-văn-Kỳ bị tàn phá vì đã in báo Justice. Nhà riêng của anh Valère cũng bị phá và anh bị trói đem đi mò tôm ở sông Saigon. May sao anh có người bạn làm chuẩn-úy quân-cảnh (P.M.) thấy kịp liền bay mô-tô theo bọn khủng bố bảo chúng nó giao Valère cho anh ta vì: « Đây là một tên nguy-hiểm cần phải khai thác thêm ». Anh điệu Valère về nhà anh, cùng nhau ít ly rồi hộ tống bạn về trả lại cho vợ con. Chính anh đã đến báo cáo công-tác tại

trụ-sở Đảng Xã-Hội và được hoan hô nhiệt-liệt. Anh cũng là một đảng viên nhưng bởi là quân nhân nên không dám tới thường trụ sở.

Bản kiến-nghị nói trên là bản kiến-nghị đầu tiên đòi chấm dứt cuộc chiến tranh như bản ở Đông-Dương và đòi độc-lập cho dân-tộc Việt-Nam. Cổ nhiên sau này còn nhiều kiến-nghị khác nữa, lời lẽ quyết-liệt hơn và nhiều người ký tên hơn. Nhưng ta có bốn phạn nhớ rằng bản kiến-nghị đầu tiên là của một số người Pháp dân-chủ, những người bạn thành-thật của dân-tộc Việt-Nam, những người đã bị đồng-bào của họ chửi bới, đánh-đập, gây thương-tích và làm đổ máu. Những giọt máu đỏ nhỏ bé quá nếu ta so sánh với những giòng máu Việt-Nam chảy vì súng đạn và lưỡi-lê của đế-quốc. Nhưng cũng nhờ có những giọt máu đó mà nước Pháp còn cứu-vãn được phần nào tinh thần thiện giữa hai dân tộc.

Ít nào quê-hương của Jean Jaurès cũng có người dám noi gương Jaurès mà hy-sinh cho

công-ly, cho hòa-bình, cho lý tưởng Xã-Hội.

Sự phản ứng của thực-dân càng làm tăng giá-trị bản kiến-nghị. Chi-Bộ Xã-Hội cùng với các tổ-chức dân-chủ ở Saigon đã lên tiếng phản-đối và gửi lời phản-đối qua tận Ba-Lê nói rằng: « Thành-trị chót của chủ-nghĩa Phát-xít còn tồn-tại ở Saigon » (Le dernier bastion du pascisme existe encore à Saigon).

Cái thành-trị chót của chủ-nghĩa phát-xít đó sẽ bị nhân-dân Việt-Nam phá nát tan-tành với trợ lực của những người Pháp dân-chủ và những chiến-sĩ Xã Hội, những đồng-chí của tôi.

★
X

NGƯỜI VIỆT BỒ NGƯỜI VIỆT

Sau khi anh Valère bị bỏ, Chi Bộ nhóm họp để hỏi anh còn dám giữ chức Tổng Thư ký và còn dám tiếp tục điều khiển cho tờ Justice nữa không. Anh cương quyết trả lời: « Ta phải tiếp tục cuộc chiến đấu. Rồi anh tiếp tục lãnh-đạo Chi bộ và điều-khiển tờ

báo. Nhà in Bảo Tồn bị phá thì một đồng-chí Việt Nam lãnh in tại nhà in riêng của mình.

Còn trên một tháng nữa thì tới lễ lao động 1/5. Anh em đề-nghị tổ-chức một cuộc meet-tinh vào ngày đó. Nhưng sau một hồi thảo-luận thấy cần phải dọn đường trước, nghĩa là làm một cuộc meet tinh chuẩn bị trước một tháng tại trụ sở. Lúc này chúng tôi đã có trụ sở tại đường Vassoigne Tân Định. Chúng tôi cũng viết khẩu hiệu, cũng trưng-biểu ngữ, cũng hội họp, cũng diễn văn, cũng phô trương thanh thế để tìm hiểu sức phản-ứng của đối phương.

Lần này đối phương không phải là thực dân mà là tay sai của thực dân, những lâu la của Mặt trận bình dân do Nguyễn tấn Cường và Phong Tân cầm đầu.

Chúng tôi hội họp trong trụ sở thì họ kéo đi biểu tình ở ngoài đường và hô những khẩu hiệu kỳ cục như sau:

Đã đảo đảng Xã Hội!

Đã đảo đảng Bắc Kỳ!

Đã đảo chĩa lựa, phở tái, v.v...

Mấy đồng-chí Pháp kêu cảnh-sát thì cảnh-sát không lại, gọi biện Tây thì biện Tây ngó lơ. Máy đồng-chí Việt-Nam hễ ra khỏi cửa trụ-sở là bị đánh, bị đập. Có một anh bị đánh đổ máu mũi phải khiêng vô. Một anh người Việt dân Tây rút súng sáu tính chạy ra để báo thù cho bạn thì các đồng-chí Pháp liền cản lại mà nói rằng:

« Trong những trường-hợp như vậy, mình bị khiêu-khích mà chống-trả lại bằng võ-lực là luôn luôn thất-bại. Không phải bởi chúng có số đông, nhưng bởi chúng là tay sai của nhà cầm quyền. Chúng tha hồ làm bậy vì có người che đậy cho chúng. Chúng ta chỉ sợ một chút là bị người ta « via vào đó mà tổ cáo chúng ta và chúng ta có thể bị giải tán vì những hành-động « phi-pháp ». Nếu họ xâm-phạm tới « trụ-sở chúng ta thì họ có lỗi và không ai có thể binh họ được. Tốt hơn là ta cứ ở yên trong trụ-sở chứ không nên xung-đột với họ ở ngoài « đường ».

Đúng như lời các đồng-chí Pháp đã nói, bọn lâu-la của

« Mặt trận bình-dân » chỉ la-hét ở ngoài đường, khùng-bổ bậy-bạ rồi rút êm. Chúng không dám xâm-nhập vô Trụ-sở và chúng tôi phải chờ cho họ giải tán rồi mới dám ra về. Tôi nhớ hôm đó hai đồng-chí Pháp đã hộ-tống tôi tới Cầu Bông rồi mới để tôi lên xe về nhà.

Thật là chua-chát khi có những người Việt không thù, không oán mà đành chửi bới, đánh đập đồng-bào của mình vì những lời lặc không đáng kể. Họ bị thực-dân mua với những giá mắc hay rẻ tùy theo cường-vị công tác của mỗi người. Trong khi đó thì có những người Pháp chân-chánh, dám hy sinh vì lý-tưởng để ủng hộ một chánh-nghĩa cao hơn cả chánh-nghĩa quốc gia, một chánh-nghĩa của công-ly, một chánh-nghĩa của nhân-đạo, một chánh-nghĩa xã-hội đòi giải-phóng con người, giải phóng các dân tộc nhược-tiểu bị thực-dân áp-bức và bóc-lột, mặc dầu những dân-tộc đó không phải là dân-tộc Pháp và thực-dân đó lại là thực-dân Pháp hẳn hoi.

Tờ Tương-Lai sau khi trở về đã bị đóng cửa vì chủ-nhiệm của

nó bị bắt về một tội không phải là tội chánh trị: tội gian-lận. Còn lại Tô Phục - Hưng của hai bạn đồng-nghiệp của tôi là J. B. Đồng và Hiền-Sĩ. Phục-Hưng lâu lâu lại réo đảng Xã-Hội ra chữ, chữ bậy, chữ bạ để làm vừa lòng chủ. Phục-Hưng gọi S. F. I. O. là « xách dép đi vô » và ngạo tôi hết xách dép đi vô lại xách dép đi ra.

Hiền-Sĩ sau bị một thiếu nữ ám-sát mà không chết nhưng rồi cũng nằm khám lớn một thời gian về một tội không phải là tội chánh-trị.

Năm 1954, tôi hồi cư về Saigon lại gặp Hiền-Sĩ ở Chợ-lớn. Hắn cho tôi ngồi xe hơi đưa về Saigon. Tôi hỏi: « Sao trên báo Phục-Hưng chú cứ xách đầu tôi ra chữ hoài vậy? » Hắn đáp:

« Chữ anh mà không oán ghét anh đâu. Chữ để lấy tiền ăn nhậu mà. Chắc anh cũng biết rõ lòng tôi ».

Lòng của Hiền-Sĩ cũng như lòng của những người đã hợp-tác quá chặt-chẽ với thực-dân. Lòng đó không có gì bí-ẩn. Nhưng thành thật nói ra như Hiền-Sĩ cũng đáng được điểm son.

J. B. Đồng may mắn hơn Hiền-Sĩ vì anh đã leo lên tới chức Tổng giám Đốc Thông-Tin trong một chánh-phủ bù nhìn của Bảo-Đại.

Nhưng năm 1956 tôi lại gặp anh ở Đê-Lao Giadinh về tội theo phiến-loạn Bình - Xuyên.

Cũng không phải là tội danh chánh-trị.

(Còn nữa)



★ TÔI KHÔNG ĐIÊN

Tại nhà thương Diên ở Biên Hòa, Bác sĩ thấy một bệnh nhân đẩy một chiếc xe cút-kít mà cái bánh xe chổng lên trời. Bác-sĩ hỏi,

— Sao lại đẩy cái xe lộn ngược lại như thế?

Bệnh nhân trở mắt đáp:

— Tôi không điên đâu, ông ơi! Hôm qua tôi đẩy cái xe không lộn ngược, thì người ta đổ đầy một xe cát cho tôi đẩy!

SỰ NGHIỆP VÀ TÌNH-DUYÊN CỦA ĐẠI NHẠC SĨ

Franz LISZT

★ TRẦN THIÊN LÝ

LISZT sẽ là một thiên-tài. Đó là lời của chính ông thân-sinh ra Nhạc-sĩ trứ danh

năm 1811. Thụ-hưởng một thể chất yếu đuối óng mang bệnh thần kinh từ thuở nhỏ, thường sốt

liên miên. Có một lần ông bị chết già và bác-sĩ đã tuyên bố rằng: « Cậu bé đã chết ». Người ta đã sửa soạn cho cậu một cỗ quan-tài bé nhỏ, nhưng Franz đã mở mắt ra và sống lại.



liên miên. Có một lần ông bị chết già và bác-sĩ đã tuyên bố rằng: « Cậu bé đã chết ». Người ta đã sửa soạn cho cậu một cỗ quan-tài bé nhỏ, nhưng Franz đã mở mắt ra và sống lại.

Những cơn bệnh như thế kéo dài mãi cho đến năm ông được 6 tuổi mới chữa dứt. Rồi Liszt cũng mạnh khỏe như các trẻ khác và ông say mê âm-nhạc từ hồi nhỏ. Cha ông Adam Liszt, vốn là một nhà dương-cầm đã dạy cho ông những bài học đầu tiên. Nhưng ít lâu sau trước năng khiếu đặc biệt của con, Adam có ý muốn đào tạo Liszt trở thành một tài năng, như Mozart.

Ông đem Liszt đến Vienne và phó thác cho Saliery và Czerny dạy dỗ, đó là những người độc nhất xứng đáng dạy Liszt. Liszt tiến bộ rất nhanh. Năm 1820 tức vào năm 9 tuổi, cậu bé Franz Liszt đã hòa nhạc trước bốn nghìn thính-giả ở Redoutensaal, và đã được nhiệt-liệt hoan-hô. Từ đó Franz Liszt đã có tiếng là một vị thần-đạo-gi về âm-nhạc.

Sau khi ông trở tài, trong khi công-chúng vỗ tay hoan-ngheh nhà nhạc-sĩ tí-hon thì một người đàn ông tóc dài hình dáng nặng nề tiến đến bục, ôm Liszt trong cánh tay, hôn lên trán cậu bé và ngỏ lời khen tặng, người đó là Beethoven.

Thành công này làm cho Adam Liszt bạo dạn hơn, ông dùng số tiền đầu được trong 2 đêm nhạc hội để sửa-soạn một cuộc viễn-du sang Phép. Và ngày 11 tháng 12 năm 1823 hai người đến Ba-lê. Franz tiếp tục học nhạc với Paer. Ông lần lượt xuất hiện trong các buổi hòa nhạc: biểu-diễn

ở nhà nữ công-tước Bery, công-tước Orleans và ngay trong hội-yện Ý-dại-lợi; ở đây ông thành công nhiều nhất. Người ta chỉ nói đến cậu bé Liszt, người ốm yếu, mắt tinh anh và đôi tay bé nhỏ lướt trên phím đàn và làm họ say mê. Cũng năm đó Liszt sang Luân-Đôn và cũng được hoan-ngheh nhiệt-liệt, hoàng-đế GEORGE IV xoa tóc cậu và nói: « Ta chưa nghe ai đàn hay như thế ». Những thành công dồn dập đến, nhưng Liszt lại đau khổ vì có cảm tưởng mình chỉ là một món đồ chơi cho công chúng.

Năm 14 tuổi, Franz Liszt đã soạn một vở kịch một cảnh, nhan đề là *Don Sanche ou le Château d'Amour*, đem diễn tại nhà hát Opéra.

Một hôm ông ngộ ý với cha mẹ vào tu-viện. Trước ý muốn kỳ lạ của con, Adam kinh hoàng vì sợ tài của Liszt bị ngưng trệ trong lúc đang tiến triển mạnh-mẽ. Ông đã kêu lên « Đời con dành cho nghệ thuật chứ không phải nhà thờ ». Mặc dầu đã có can ngăn của cha, Liszt vẫn tiếp tục ăn chay và cầu kinh. Trong thời gian này ông bị mất trí, bác sĩ khuyên đem Liszt đi nghỉ mát ở Boulogne-sur-Mer. Ở đó, Liszt rất chóng bình phục, nhưng định-mệnh éo le thay! Adam Liszt lâm trọng bệnh và trước khi từ giã cõi đời ông còn quay lại nhìn

con nhân nhủ: « Ta sắp để con ở lại một mình, ta chắc tài con sẽ rạng rỡ, con có đủ hăng hái và thông minh để thành công. Nhưng ta sợ, đàn bà sẽ phá quấy và nguyền rủa đời con ». Đó là câu nói cuối cùng của Adam. Ít lâu sau Liszt rời bỏ nơi yên nghỉ cuối cùng của cha, đó là ngày 28 tháng 8 năm 1827.

Trở lại Ba-lê, Liszt sống với mẹ trong một căn nhà sang trọng số 7 bis đường Mantholon. Bây giờ ông rất nổi tiếng và từ 8 giờ rưỡi sáng đến 10 giờ tối ông phải dạy nhạc. Một trong những nhạc-sinh của ông là con gái của bá-tước aint-Criq, bộ trưởng bộ thương-mãi và kỹ-nghệ trong nội các Martignac. Caroline là một cô gái bé nhỏ 17 tuổi, da tái mắt tím và buồn. Nàng yêu ngay giáo-sư trẻ tuổi của mình, và Liszt cũng vậy. Bà Saint-Criq mất đi sau một cơn bệnh dai dẳng, bá-tước còn lại một mình nhận lấy trọng trách giáo-dục con gái, ông bảo Liszt là không muốn thấy mặt chàng trong nhà ông nữa.

Lòng tràn thất vọng, và ngay chiều hôm đó Liszt tìm đến đức giám-mục Bardin và xin ông giúp cho chàng vào tu-viện. Nhưng cha khuyên ông không nên vì một mối tình riêng mà từ bỏ tài năng mà thượng-đế đã ban cho ông. Mẹ ông cũng phụ-hợp mà khuyên giải ông. Và sau hai năm vắng mặt trên sân khấu, ông quyết định

xuất hiện trong một buổi hòa nhạc dành riêng cho những bản Sonate và Concerto của Beethoven.

Ở Paris ông quen với LA-MARTINE, VICIOR HUGO, GEORGE SAND, HENRI HEINE và một nghệ-sĩ lạ mặt cũng ốm yếu như ông đó là FRANCOIS CHOPIN, và nhất là BERLIOZ. Trong một cuộc họp mặt, lần đầu tiên ông gặp nữ bá-tước Marie Argoult. Nàng có thân hình cao lớn nhưng mảnh mai, tóc hung, Marie nhìn Liszt với đôi mắt hâm mộ và kính phục. Mấy tháng trước một cô thầy bói đã nói với nàng « Chồng bà lớn hơn bà những 20 tuổi, và từ 7 năm nay bà sống với ông đầu có giàu sang nhưng không có một tình thương yêu nào, bà sẽ bỏ ông và sẽ đem số phận của bà giao cho một người nổi danh khắp thế-giới ». Đó là lời xét đoán xác đáng về quá khứ của Marie. Marie rất tin lời tiên đoán và nàng nóng lòng chờ đợi con người tài hoa đó. Gặp Liszt bà biết ngay đó là người mà định mệnh đã ghép cho bà. Nhờ sự giới thiệu của George Sand hai người quen nhau và say mê nhau. Lúc đó Liszt mới 24 tuổi và Marie thì đã 28 tuổi.

Giữa lúc đó, một cô con gái của Nữ bá-tước, cô Louison bệnh nặng. Hai người đã tận tâm săn sóc và cứu chữa, nhưng không cưỡng được số trời. Sau cái chết của con Marie điên lên vì đau khổ.

vì tin rằng thượng đế trừng phạt bà. Lòng đầy hối hận Franz Liszt rời Marie và lui về sống với tu viện trường Lammenais. Nhưng không thể quên được người yêu, vào đầu xuân ông trở lại Balé. Gặp lại Liszt, Marie nhận thấy ông ốm đi, xanh xao và có vẻ lo nghĩ. Ông siết nàng trong đôi tay và nói lớn: «Chúng ta không thể sống xa nhau được nữa. Hai ta đều trẻ, có đủ can đảm và tự tin. Hãy sống với anh, không cần gì cả. Ta coi thường cả thế giới».

Vào tối 21 tháng 8 năm 1835, hai người đến Genève. Ở đây không ai biết họ cả, nhưng ở Ba-lé người ta đều nói về họ rất nhiều. Hai người tổ chức ngay một cuộc sống êm đềm và học tập về dương cầm và văn học. Marie không hối tiếc gì cả và rất sung sướng, trong hạnh phúc hiện tại. Nhưng tiền lại hết mà Marie lại có thai. Đẻ sinh sống, Liszt, buộc lòng trở lại nghề cũ. Dự luận từ nước Pháp lan đến, và những người ở Genève biết rõ những việc không tốt của nhà dương-cầm Hung-gia-Lợi và người tình nhân. Tuy nhiên khi Liszt xuất hiện trong một buổi hòa nhạc, trước một số

khán-giả thượng lưu, quý-phái, thì người ta quên hết chuyện cũ và có cảm tình đặc biệt với ông.

Trong thời gian này, đứa con đầu tiên của hai người chào đời vào ngày 18 tháng 12 năm 1835 và có tên Blondine. Hai năm sau Marie sinh một cô bé thứ hai và có tên Cosima, sỡ dĩ có tên như thế để kỷ-niệm một cuộc viếng thăm hồ Bômê ở Ý-đại-Lợi. Liszt dự rất nhiều buổi hòa nhạc và vì thế hai người khỏi phải lo lắng về vấn đề tiền bạc. Nhưng dần-dần ông lại có cảm tưởng mình chỉ là kẻ mua vui cho thiên hạ nên ông lại bất mãn.

Ở Venise năm 1838 nước sông Danube dâng lên và tàn phá hàng trăm làng mạc và phá hại tài sản của hàng triệu người ở Hung-gia-Lợi. Việc này làm ông nhớ lại quê hương. Ngày 7 tháng 4 ông sang Vienne và định mở hai buổi hòa nhạc giúp các nạn nhân. Đáng lẽ có hai thì ông mở luôn 10 buổi hòa nhạc trong một tháng. Người ta nhận thấy ông cũng có tài như Haenden, Chopin, Berlioz và cả Beethoven nữa. Ông thu được 25.000 goulden để giúp cho nạn nhân ở Hung. Nhưng ông

được thư của Marie, nàng cho ông biết hiện đau nặng và mong lòng chờ đợi ông. Bức thư càng làm cho ông càng thêm mệt-mỏi vì công việc chưa xong. Tuy nhiên ông cũng trở về, và vì Marie không thích khí hậu ở Venise nên ông đem nàng sang La-Mã. Ở đây nàng sinh cậu bé thứ ba tên Daniel. Ở đây Marie nghiêm-cứu vẫn học trong khi Liszt bắt đầu soạn nhạc. Tình thoảng ông lại bỏ nhà ra đi một cách đột ngột, ông đến tu-viện Sixtine thả hồn trong lời kinh cầu nguyện. Khi ông trở về thì bị Marie nghi-ngờ và chất-vấn. Giữa hai người, bầu không khí thân mật không còn nữa, hai người thường cãi nhau vì những chuyện không đâu. Nàng thì trách ông sao hay lui tới những chỗ hội-hợp có nhiều phụ-nữ quý-phái La-Mã và ông thì cho nàng hẹp-hòi ích-kỷ và ghen hão.

Sau đó Marie bỏ ông, đem ba con về Ba-lé và sống với mẹ chồng. Trong khi đó ông sang Hung-gia-Lợi và rất được hoan-nghê ở đây. Ở Rest sau buổi trình-diễn nhạc-phẩm Rakocsy-Marche đã có đến 20.000 người

cầm đuốc theo ông về đến tận nhà.

Trở lại với Marie sau một thời gian xa-cách, Franz vẫn thấy một không khí khó thở giữa hai người. Vẫn cãi cọ, nghi-ngờ và cuộc giải hòa vô hiệu. Ông sang Bá-Linh và mở 21 cuộc hòa nhạc, ông được dân Đức tiếp đón nồng-nhiệt. Người ta coi ông như một vị thần trong các nhạc-sĩ dương-cầm cũng như Beethoven và Berlioz. Những người đàn bà hôn tay ông một cách kính cẩn đánh cắp từng mẩu tàn thuốc, giọt nước cặn cất kỹ như những giọt nước thánh. Trước cảm tình nồng-nhiệt đó ông thấy chao-náo. Ông sống chung với Charlotte de Horgn một nữ kịch-sĩ, rồi Bettina von Arnim, một thiếu-phụ 57 tuổi, đã từng là bạn của Beethoven và Goethe và bà đã tiếp đón ông cũng như 2 vĩ-nhân kia. . .

Saint Petersburg và Moscow cũng tiếp đón ông y như vậy. Và những món tiền khổng-lồ thu được ông tiêu hết ngay, hoặc giúp các công cuộc từ thiện hoặc mua sắm những đồ vật vô ích.

Nhiều liên-lạc với đàn bà làm cho ông xa và quên dần Marie. Ở

Dresde, để đuổi một cô tình-nhân, một cô gái nhảy lai Ái-nhì-Lan và Tây-ban-Nha, ông đã đốt cô gái vào một căn buồng của khách-sạn, trả tiền những đồ đạc mà cô gái đang đập vỡ trong phòng và ra đi, không để lại địa chỉ, cô gái đó là Lola Montes. Việc này vỡ lở, Marie từ trước vẫn muốn cắt đứt, nay mượn cơ đó, báo cho Liszt biết là không còn liên-lạc nào giữa hai người cả.

Nhưng giống như lời của Adam Liszt đã nói đời của Liszt lệ thuộc vào đàn bà. Người thay thế Marie trong tâm hồn ông là công chúa Carolyne de Sayn-Wittgenstein. Ông đã gặp nàng ở Kiwe, vào tháng 2 năm 1847, trong một buổi trình diễn từ-thiện. Nàng là một thiếu-phụ trẻ 28 tuổi, có một vẻ đẹp đẽ phương, mắt đen và quyến rũ lạ thường. Nàng là người Ba-lan, đã kết hôn với một sĩ quan Nga và có một con gái 10 tuổi và hai người đã ly thân. Nàng hiện trông coi một tài sản vĩ đại, và có đến 30 nghìn nô-lệ. Nàng yêu Liszt từ khi gặp gỡ, và sau khi thú nhận nỗi lòng cho nhau biết, Carol, ne đem người yêu về một trong những lâu đài của

nàng, ở giữa cái đống cỏ thuộc xứ Polodie. Trong ngôi nhà rộng lớn của nàng có vô số nô-lệ ngủ ở trong những dãy nhà dài, hề có hiệu lệnh của chủ là hội họp lại và ca hát, hòa vào đó tiếng các nhạc khí. Chương trình của Carolyne rất giản-dị: cắt đứt những liên lạc với chồng cũ và chung sống với Liszt ở Weimar. Và nàng đi ly-dị với chồng, sau khi bán đi một ít tài sản của nàng với giá 1 triệu "rúp" (rouble). Hai người đều được tự-do. Được tu-viện trường ở Weimar cho gọi, ông này là Wagner một thiên tài. Và Liszt đã tận tâm làm việc và giúp Wagner về tiền bạc để đem vở nhạc kịch Tannhäuser lên sân khấu. Sau vở này là vở Lohengrin. Wagner rất khâm phục ông. Sống cạnh Carolyne ông được thành thời để sáng tác. Ông hoàn thành các nhạc phẩm DOUZE POÈMES SYMPHONIQUES, SONATE EN SI MINEUR, FAUST, SYMPHONIE, MESSE DE GRAN, DANTE-SYMPHONIE và những bản PRELUDE và nhạc phẩm LIEDER. Ông sống với Carolyne và Marie con gái của Carolyne trong

một lâu đài vương giả ở Altenburg. Ở đây ngôi thành tích còn có những bản nhạc của Bach, Haydn, Mozar, Beethoven. Wagner do tự tay các ông rầy viết ra, và có cây dương cầm của Mozart và Beethoven khi hai ông này còn sống đã dùng. Lâu đài của Liszt gồm một phòng làm việc, một phòng ngủ. Trong phòng này hai người gặp nhau mỗi buổi sáng để ăn sáng. Trong 12 năm từ 1848 đến 1860 Franz sống an vui ở đây. Tuy vậy cuộc hôn-nhân giữa hai người vẫn chưa được chánh thức. Đến 1860, giáo-hoàng mới cho phép, cuộc lễ sẽ cử hành vào ngày 22 tháng 10 vào lúc 6 giờ sáng. Nhưng đến phút chót vì có người cho giáo-hoàng biết hai người vẫn chung sống với nhau từ trước cho nên giáo-hoàng đổi ý.

Thế là công lao trong 15 năm trường bỏ phí. Nhưng hai người không bỏ đạo, trái lại họ càng thêm trung thành. Carolyne khuyên Liszt tận tâm vào việc soạn nhạc nhà thờ, trong khi nàng khởi thảo các tác-phẩm ca-tụng chúa.

Nhưng lần sau, được tin con gái của ông Elandine chết đột

ngột ở Saint-Tropez, Franz buồn bực và bỏ phế công việc. Ông về sống trong tu-viện Madonna olei Rosario. Ở đây thật vắng-vẻ, luôn luôn có tiếng giảng kinh, tiếng hát, tiếng cầu nguyện. Franz sống trong khung cảnh lý tưởng để hoàn thành đại nhạc phẩm LÉGENDE DE SAINTE ÉLIZABETH. Mỗi ngày ông lại viết thư cho Carolyne, nhưng bây giờ ông chỉ thương nàng trong tình chồng vợ. Giáo hoàng P E IX đến thăm ông và khích lệ ông. Khi ông hoàn thành xong tác phẩm tôn-giáo đó thì ông xin vào tu-viện. Cuộc lễ cử hành vào ngày 25 tháng 4 năm 1865. Thế là ông trở thành một linh-mục, nhưng ông thường đi du-lịch luôn. Nhạc phẩm LÉGENDE DE SAINTE ÉLIZABETH rất thành công ở Pest, ông rất lấy làm sung sướng. Và một buổi tối trong khi dùng cơm với nam tước August, ông đã đàn dương cầm trước 8000 nghìn người tụ họp ở đó. Mặc dầu đã già ông vẫn có nhiều liên lạc với phụ-nữ. Người thứ nhất là Janina, một học trò của ông. Chính cô gái này đã hăm dọa giết ông và đặt điều nói xấu ông khi bị ông bỏ rơi. Người thứ

DANH NHÂN THẾ GIỚI

hai là nữ nam-tước Olga de Meyerdooff. Bà này sau khi chồng chết, tự tiện đến ở với Liszt mặc dư luận rì-rầm. Trong thời gian này ông sáng tác những nhạc phẩm VIA CRUCIR, SEPT SACREMENTS và MEPHISTO-VALSE

Vào những ngày đầu năm 1886 ông mở ở La-Mã một cuộc hòa nhạc lấy tên ông. Đêm trước khi đi, ông đến thăm Carolyne và hai cụ thì đã hôn lên trán nhau.

Ngày 20 tháng 7, ông đáp tàu sang Beyrouth. Ông bị sốt và đau cổống phôi và phải dưỡng bệnh.

Ngày 31 tháng 7 sau một đêm lẫn lộn ông bất tỉnh. Vào khoảng 10 giờ sáng ông tỉnh. Ông mất vào nửa đêm đó.

Được tia đó, công chúa Wittgenstein từ chối tất cả các cuộc viếng thăm và ngay cả những lời chia buồn từ xa gửi đến, bà đã quá đau khổ. Vào cuối tháng 2 năm 1887 bà hoàn thành tác phẩm mà bà đã thảo từ bao năm trước. Mười lăm hôm sau, công gái bà thấy bà chết trên giường. Franz chết là không còn lý-do gì để sống nữa.



* ĐỒ LỖI

Chú binh nhì (Lơ-dềm cút bíp) đi chơi ngoài phố về say rượu chỉ từ. Trung-ủy chỉ huy đơn vị rầy chú, chú bập bẹ nói:

— Dạ... dạ thưa... Trung... Trung ury, lỗi này tại mấy... chú kia... đó! Trung ury nghĩ... nghĩ coi... Tự em bốn... bốn... đứa... vót một... một... chai ba... xi... đế, mà... mà ba... ba đứa kia khìng... khìng uốn... , đề có một... một... mình em... em uống... thì... dạ... dạ... thưa... Trung... Trung ury... không... không... say cái... đứ... đứ... đừ... sao... sao... được chứ!

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU * BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

X

LIÊN đó, Bạch-Tần gọi một người hầu bàn của quán rượu, và trao cho hắn một tấm giấy một trăm quan; rồi nàng quay về phía cái gã có râu mép, đầu thủ của tôi căn này, giao tay vẫy hắn mấy cái, đoạn kéo Hải-Lan bước ra ngoài quán Mân-côi. Tôi lững thững nổi gót họ, đi theo sau. Tôi bước vội lên mấy bước cho kịp hai người và hỏi Hải-Lan:

— Thế bây giờ ta đi đâu?

Hải-Lan không đáp lời tôi, cô chỉ quay nhìn Bạch-Tần. Bạch-Tần lại nhìn tôi, để hỏi lại. Tôi nói:

— Ta đi đến hàng cà phê «Cổ Bảo».

Hải-Lan bèn leo lên ngồi cùng xe với Bạch-Tần, còn tôi, một mình, lái chiếc xe của tôi, chạy ở phía sau.

Hàng cà-phê Cổ bảo vốn là một nơi vào hạng thượng-đẳng, ở đây, ban nhạc diễn tấu toàn âm-nhạc cổ-diễn. Chúng tôi chọn một nơi an tĩnh ở một góc nhà, để ngồi.

Hải-Lan bắt đầu nói ngay:

— Có lẽ tiểu thư đã không nhận ra tiên-sinh đây, thì phải?

— Em chớ có gọi ta là tiểu-thư, tiểu-thiếp gì hết. Ra ngoài, em nên nhớ cứ gọi ta là Bạch-Tần, thì hơn.

Bạch-Tần nói bằng một giọng lơ đãng, tôi ngồi yên ngắm-nghía nàng, để cố dò xét xem, ngôn-ngữ và cử chỉ của nàng, có biểu lộ cái bệnh tinh-thần ra không; thì, vừa lúc đó, Hải-Lan lại tiếp-tục nói với Bạch-Tần:

— Tiểu thư không nhận ra, tiên sinh đây là người đương chính lý các thư tịch của phòng sách ở biệt thự nhà ta đây...

— . . .

Bạch-Tần chẳng nói gì cả, nàng ngược mắt nhìn lên hư-

không, tự-hồ như đang suy-nghi một điều gì. Tôi đã dự-đoạn được cái tâm trạng của nàng lúc đó; nhất-quyết, là nàng rất, đổi hoài-nghi, đối với tôi. Tôi vội bảo Hải-Lan:

— Hải-Lan, sao cô lại đi giới-thiệu tôi, một cách cặn kẽ như vậy? Sao cô không cứ nói với tiểu thư rằng, tôi là một người hảo hữu của cô, có được không?

— Thế, tiên sinh không nhớ rằng, tiểu thư vốn là chủ nhân của chúng ta, hay sao?

— Cái đó đúng như vậy, nhưng, hiện thời, chúng ta đang ngồi chơi ở hàng cà-phê Cổ-bảo, chứ, chúng ta có phải ở nơi cái gia-đình «cổ-bảo», kia đâu...

Bạch-Tần, nghe chùng thấy lạ tai về cái từ ngữ «gia-đình cổ-bảo», mà tôi đã manh-tâm, cố ý, nêu ra, nên nàng vội ngắt lời tôi, để hỏi:

— Gia-đình cổ-bảo?!

— Thưa vâng, và xin tiểu thư chớ lấy thế làm phật-ý, Hải-Lan và tôi, chúng tôi thời-thường, vẫn nói với nhau rằng, cái biệt-thự của gia-đình tiểu-

thư, thiệt không khác gì một cái cổ-bảo, mà trong đó, chẳng hề thấy một bóng người...

— Tiên-sinh cảm thấy vắng vẻ quá phải không?

— Thưa, không những vắng-vẻ, mà còn có một cái gì đáng sợ nữa, vì ở đó, quá tối là đen-tối, buồn-thảm.

— Đã biết vậy, tiên-sinh còn dám-nhậm cái công-việc đó làm chi?

— Thưa, vì xưa nay, tôi vốn là một người có một thứ thi hiếu đối với thư-tịch, văn-chương; ấy thế mà, lão-gia Thê-tư-Lãng đã thu-tàng được một số rất phong-phú những bộ sách cũ, vô-cùng hiếm, quý. Và lại, lúc nhận việc, tôi có ngờ đâu, một tòa biệt-thự phú-lệ vào bực nhất như vậy, mà lại có một không-khí âm-sâm, thăm-đạm, như ở đây!

— Đã thế, sao tiên-sinh cứ ở lý, ở đó làm gì, kia chứ?

— Thưa tiểu-thư, vì tôi quá đổi mê-say cái đồ-thư phong-phú kia, và, và, tôi cũng chẳng dám nói man, tôi đã quyết-tâm ở lại, vì cố Hải-Lan của tiểu-thư!

— Hải-Lan của tôi?

— Thưa vâng, và xin tiểu-thư hiểu cho rằng, không phải chỉ vì đồng lương hàng tháng, mà, một thiếu-nữ thông-minh, hoạt-bát, kiêu-diễm như Hải-Lan, lại chịu giam mình trong cái cổ-bảo buồn-tẻ đó, hàng bao nhiêu ngày, tháng?...?

Tôi vừa cười, vừa nói tiếp:

— . . . nhất quyết không phải vì thế hay một lẽ gì khác, mà chính chỉ vì cô yêu-quý tiểu-thư; vì cô quá quan tâm tới sự kiện-khang và cái nhan-sắc của tiểu-thư!

Với một giọng nói, đầy chiu-mến, đầy cảm-động, Bạch-Tần quay nhìn chằm-chằm Hải-Lan rồi gọi:

— Hải-Lan!

Trong khi ấy, Hải-Lan với hai gò má ửng hồng và cặp mắt long-lanh đờm lệ, cũng cất tiếng ôn-nhu gọi lại:

— Tiểu-thư!

— Đã bảo em đừng có gọi ta là tiểu-thư... Bạch-Tần chẳng thân mật hơn sao?... Hải-Lan, em yêu ta thật ư?

— Vâng, em sẽ vĩnh-viễn ở

bên Bạch-Tần, Bạch-Tần đi đầu, em cũng xin đi theo, không khi nào rời nửa bước...

— Phải đấy, em chớ bỏ ta mà đi đâu hết... em cứ vĩnh viễn ở bên ta, làm bạn với ta!

★

XI

Từ tối hôm đó trở về sau, sự sinh-hoạt của Bạch-Tần, tuy có thay đổi ít nhiều, nhưng, nàng vẫn, khi khóc, lúc cười, không duyên-cổ, và ăn ngủ thất thường, chẳng có thi-giờ nào nhất-định. Có một điều, là, mỗi khi ra khỏi nhà, nàng đều có đem Hải-Lan đi theo. Theo lời báo-cáo của Hải-Lan, mỗi bận đi chơi, nàng chỉ đặt chân vào toàn thị những quán rượu, cùng là hàng cà-phê, vào hạng cao-cấp, hoặc nàng đi xem hát ở ca-kịch-viện, hay đi nghe đàn, ở âm-nhạc-hội.

Sau đó, có một đôi khi, do sự vật-nài của Hải-Lan, tôi được mời cùng đi. Cũng có lần, hai người, ở một hàng cà-phê, rồi đánh điện-thoại về gọi tôi. Thế là, chúng tôi, ba người, luôn luôn cặp-kề cùng nhau, đi giải-muộn. Có nhiều bận, ở âm-

nhạc-hội hay ca-kịch viện tan ra, chúng tôi kéo nhau tới một hàng cà-phê, ngồi chuyện gẫu với nhau cho tới sáng; hình như Bạch-Tần cố ý tìm cơ, để không chịu trở về nhà. Có dạo, chúng tôi đánh « ích-xì » (poker) với nhau, thâu đêm, ở một lữ-quán. Một đôi khi, Bạch-Tần bỗng dờ người ra, vì quá mệt-mỏi. Thế là nàng nằm vật ra giường, ngủ thiếp đi, trong khi đó, Hải-Lan và tôi, chúng tôi cùng nhau, ngồi ngủ gật ở nơi ghế sofa.

Ngày trời qua ngày một cách dễ-dàng, tôi cơ-hồ như đã quên khuấy hẳn cái chươ-trách của tôi. Trong bản báo-cáo cho y-sư Xa-lap-Mỹ, công việc của tôi đi lần lần, từ chỗ tiền-bộ khả-quan, tới một trạng-thái gần như ngưng-trệ. Nếu tôi không mau mau tìm cách xoay chiều, đổi thế, thì, chỉ trong không bao lâu nữa, tôi chẳng còn biết lấy cái gì, để báo-cáo với y-sư. Ngày, đêm, tôi suy-tưởng để khỏi mang tiếng là vô-năng, bất-lực.

Mãi ít lâu sau, tôi mới tìm ra được một xảo-kế; tôi bèn đem nó thương-lượng với Hải-Lan,

đợi một buổi tối nào, Bạch-Tần ở nhà, không đi chơi, tôi sẽ lên phòng của Hải-Lan, nó kẻ cạ với phòng của tiểu-thư, và chúng tôi sẽ cùng nhau, đóng một màn kịch, để khiêu-khích nàng.

Trong màn kịch này, tôi sẽ phải dùng đến cái « khổ-nhục-kéo » và tự mình lãnh lấy cái vai đại-gian, đại ác, cố tình quyến-rũ một cô gái khờ-khạo, bắt cô phải lia bỏ người bạn « hồng-nhan tri-ký » để đi theo mình. Tôi xin nhắc lại rằng, đây chỉ là kịch, chứ không phải sự thật đâu.

Quái thật, bấy nay, tôi lên trên lầu để đến phòng của Hải-Lan, vẫn là một việc rất thường, ấy thế mà, bữa nay, tôi thấy vô cùng hồi-hộp. Tâm tôi đập thình-thình như muốn phá lồng ngực ra. Lúc đó, vừa đúng chín giờ khuya, Hải-Lan xuống khe báo nhỏ tôi, Bạch-Tần vừa-vừa đi nằm xong, nhưng chưa ngủ, và còn đương đọc một cuốn tiểu-thuyết của George Sand, thì phải, đây là đúng lúc ra tay đấy! Hải-Lan trở lên lầu, và chừng mười lăm phút sau, tôi lên phòng cô.

Tôi gõ cửa.

Vừa mở cửa ra, cô làm bộ hoảng hốt hỏi tôi:

— Cái gì thế anh? Có việc gì cần cấp mà giờ này?...

Tôi đáp:

— Hải-Lan! Anh có việc cần phải bực-bạch với em, Anh thấy cái công việc của anh, nay đã đến lúc kết thúc; anh nghĩ tới sự, nay mai phải xa em, anh buồn quá, không sao ngủ đi được, nên anh lên tìm em...

— Ô, tuy anh sẽ rời nơi đây, nhưng anh vẫn có thể, thỉnh-thoảng đến đây thăm em, chứ?

— Cái đó đã dĩ-nhiên, nhưng đầu anh có tới đây với em, thì ta cũng chỉ nói chuyện được với nhau trong chốc lát, ở phòng khách. Sự quan hệ giữa hai chúng mình, không phải ở chỗ ấy, mà thôi. Tất cả đều tóm lại có một điều, em yêu anh hay không yêu anh! Hải-Lan! Nếu em quả thực dạ yêu anh, thì tại sao em không đi theo anh và em nhất quyết rời bỏ hẳn cái nơi « cổ-báo », đây ứt muộn và tử-khí này? Không, Hải-Lan, em phải ly-khai nơi hắc-ám này!

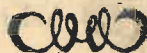
Và công-tác của anh đã hoàn-
thành rồi, chúng ta yêu nhau,
chúng ta có thể đi khỏi nơi này,
để ngọc-thành việc hôn-nhân của
chúng ta. Hải-Lan, em đã rõ,
anh yêu biết chừng nào, và anh
chỉ muốn cho em được sung-
sướng; anh tin rằng, anh sẽ có
đủ khả-năng gây hạnh-phúc cho
chúng ta vui-hưởng.

— Nhưng tiểu-thư vẫn chưa

lành mạnh hẳn, thì làm thế
nào được?

— Ôi! Tiểu-thư có bệnh-
hoạn gì đâu, em có biết không,
nếu có bệnh chẳng nữa, cái bệnh
của tiểu thư, chỉ là bệnh, quá ư
nhàn rồi, bệnh quá nhiều tiền.
Em nhất định chôn vùi cả cái
thanh-xuân của em trong cái cổ-
bảo buồn-thảm này, hay sao?

(còn nữa)



★ HUÝT GIÓ

Chàng sắp lấy vợ. Một buổi chiều thứ Bảy chàng đưa một vị-
hôn-t. ế đến một tiệm vàng ở đường Lê-Thánh-Tôn để sắm cho nàng
một món nữ-trang. Trông thấy một chiếc nhẫn nạm hạt xoàng long-
lanh thật đẹp, chàng hỏi người bán hàng:

- Bao nhiêu chiếc nhẫn đó?
- 20 000 đồng.

Chàng lắc đầu, huýt gió một cái. Rồi chàng chỉ chiếc nhẫn khác:

- Còn cái này, bao nhiêu?

Người bán hàng mỉm cười đáp:

- Cái này, thì hai cái huýt gió.

Chàng nắm tay nàng rút lui có trật-tự.

★ NGƯỜI YÊU ĐỘC NHỨT

Vợ hỏi chồng:

- Anh chắc gì ông Adam yêu bà Eva thật tình không?
- Dĩ nhiên! Chờ ông còn biết yêu ai được nữa!

Áo Tết

ai may

Mẹ thân yêu ơi,
Từ thuở mẹ qua đời
Cha con đi mãi...
Ngày vui không trở lại.
Nhìn em ba đứa còn thơ
Con thương đôi mắt đợi chờ mẹ ru.
Đêm em không ngủ
Gió lay ướt rơm mi
— Chị ơi có phải mẹ đi qua mừng?
Con thương em nhớ đợi
Bơ vơ giữa chợ đời,
Con nhớ tiếng à ơi,
Rưng rưng con hát... sầu rơi canh dài:
« Em ơi ráng ngủ đêm nay,
Mẹ đi về ngoài, sáng mai mẹ về... »!



Hôm nay người ta rộn rịp,
Mua hàng mua bánh mừng xuân,
Mua luôn nụ cười thơ dại,
Giờng thời gian sao vẫn chầy ngạp ngừng!
Mẹ ơi!
Giàn nhà trống lạnh
Nghe hàng xóm đĩa muồng khua vang
Các em buồn không nói,
Con khóc trong bàn tay.
Nhìn bộ đồ cì kỳ
Nghe ngào thương nhớ mẹ,
— Xuân này áo Tết ai may?

NGỌC HÀ

HOÀNG - CAO - KHẢI



HOÀNG - Cao-Khải, người làng Đông-Thái, tỉnh Hà-tĩnh là một nơi phát xuất nhân tài; không ai lạ gì con người

Nghệ-an, Hà-tĩnh đã khét tiếng trong văn học sử mà những câu thơ sau đây còn truyền tụng:
*Hồng-lĩnh sơn cao
 Sông ngư hải khoáng
 Nhược chí minh thời
 Anh hùng tú phát.*

Hoàng cao - Khải không hổ danh đã sinh sống nơi miền người xưa đã sống. Thuở nhỏ Hoàng thường kết bạn chơi thân với Phan Đình-Phùng. Nhưng về sau mỗi người một chí hướng, Phan ngư - sử kháng chiến cần vương trong núi rừng nước Việt khi Hoàng ra phò tá chính phủ bảo - hộ. Mỗi người đều có tâm-sự kín đáo của mình. Hoàng cao - Khải giúp việc cho Pháp, việc đó xin nhường sự phán-đoán của những nhà sử, nhà chính-trị. Đây, chúng tôi chỉ muốn nói qua cuộc đời văn-chương của họ Hoàng mà thôi.

Hoàng cao Khải đỗ cử - nhân vào giữa lúc tình hình Trung-Bắc khởi cuộc. Hoàng sống

★ VÕ BẢ HÀI

trong một gia-đình trung - lưu, nhưng có một hoài-bào lớn lao, có đôi mắt tinh đời, hiểu rõ thế-sự, biết rằng nơi đất Bắc có thể rộng bước dựng vô lập khoa danh cho nên Khải lần về Hà-Nội làm mạt - khách cho NGUYỄN HỮU-ĐỘ, kinh - lược sứ Bắc-kỳ. Những ngày gần gũi với Nguyễn hữu-Độ, Khải đã biểu lộ tài ba của mình nên sau đó được Độ tiến dẫn đến chính phủ Bảo hộ và được bổ dụng Tri - huyện Thọ-Xương đem binh tảo trừ những nghĩa binh nổi lên ở đất Bắc, trong đám nghĩa binh có nhà chí-sĩ Phan đình Phùng.

Thực ra, Hoàng không có tài điều binh khiển tướng gì nhưng về mưu-lược thì có thể gọi là bậc « đa mưu túc kế ». Nhờ vận-đồ nên Hoàng luôn gặp dịp may đưa đẩy đến bước công-danh. Có những lúc Hoàng bị nghĩa binh đột-kích, chạy bấp bồng bán chết trên mình voi mà rút cuộc trận nào Hoàng cũng dẹp xong hoặc dùng tài hùng-biện mà chiêu-dụ qui hàng một số chiến - sĩ. Từ chức Tổng - đốc, về trào làm Thượng-thư, tước Duyên-Mậu Quận-công sung Kinh-lược Bắc-kỳ rồi thì đến hàm Thái - tử

Thái-phó Văn-minh Đại học-sĩ.

Căn cứ vào sử-liệu, chúng ta có thể nói rằng cuộc đời chánh-trị của Hoàng kết - thúc là sự khởi đầu cho bước đường văn-chương.

Hoàng cao - Khải đã hiển hách một thời làm quan, càng hiển hách bao nhiêu thì càng gây oán hận trong dân chúng bấy nhiêu. Nhất là Hoàng còn viết thư dụ hàng nhà ái-quốc Phan đình Phùng làm cho máu căm-thù của nghĩa quân Văn - Thân càng sôi lên sùng-sục.

Vì thế nên sau khi trí-sĩ hưu-quan, Hoàng không dám trở về quê cũ là làng Đông-Thái mà lại tạm trú ở ấp Thái-bà, một thôn mà Hoàng đã có công tạo nên. Tại đây biệt-thự của Hoàng ngự trị thật là tráng - lệ, nguy nga. Nơi cổng ngoài có khắc câu liên bằng chữ Hán :

*« Thập niên dư xu phủ hoanh
trừ phát bạch tập đơn, ưu - ái
bất vong thiên-hạ kể. »*

*Thiên ly ngoại hưu đình tam
trúc, Nhi đồng Tân bích, giang
sơn trùng hải chủ nhơn quy. »*

Đào-Trình-Nhất đã dịch như sau đây :

*« Trên 10 năm gánh vác
triều-đình, tóc học, lòng son,
lo nghĩ chỉ vì thiên hạ cả. »*

*Ngoài ngàn dặm tạm hưu
tấp ắp Nhi hồng Tân bích non
sông mừng được chủ-nhân về. »*

Đọc câu đối trên kia, hải nội chư quân-tử có nghĩ đến cái khí phách ngang-tàng tự cao tự đại của Hoàng cao Khải ?

Họ Hoàng cho rằng Nhi-hà và Tân-viên là non sông của mình, mình là chủ nhơn của con sông ấy cho nên ngày nay thấy mình hưu quan trở về mà nó vui mừng. Họ Hoàng ngấm nuôi cái chí vẫy-vùng muốn lợi-dụng thời cơ nắm toàn cuộc diện mà xoay trở để làm vua một cõi Bắc để rồi «riêng một triều đình, dọc ngang nào biết trên đầu có ai » kiểu Ngô tam-Quê ở Văn-Nam hồi Mãn-Thanh mới vào chiếm cứ Trung - quốc hay kiểu một Nguyễn hữu-Chính ở Việt Nam thời Tây - Sơn vậy. Thế mà người Pháp lúc đó lại tặng cho Hoàng biệt danh là « Bắc-kỳ Phó vương (Vice-Roi du Tonkin).

Ngày về ấp Thái - hà, Hoàng sống cuộc đời già thanh nhâ,

sớm ngày làm bạn với sách vở, mài miệt với văn - chương thi phú. Phong - trào tân - học của Lương-khải-Siêu và Khang hữu-Vi bên Tàu bỗng - bật nổi lên trong ý-chí các nhà nho nước ta và lần lần cảm hóa được lòng họ. Rồi có cả một phong - trào nghiên-cứu về tân thơ tân học rần-rộ nhưng toàn khảo - biên bằng chữ Hán, chứ quốc - ngữ chưa được thông dụng lắm.

Trừ những bài vở đăng ở « Đại-việt Tân - báo », khúc thi cảm-khí của Đông-kinh Nghĩa-Thực và những bài Diển văn của ông Nguyễn văn-Vinh được diễn tả bằng chữ quốc - ngữ, ngoài ra chữ Quốc-Ngữ vẫn ít người học.

Hoàng cao-Khải cũng thường cầm-cui ngâm-thơ viết sách, soạn tuồng, chép sử bằng quốc - văn.

Tác phẩm của Hoàng bằng chữ quốc-ngữ kể ra cũng ít song đối với thời-đại đó, với số tác phẩm như thế cũng đã khá nhiều ! Về tuồng hát thì có tuồng « Tây Nam đíc bằng », diễn lại giai-đoạn lịch sử lúc Gia - long nhờ cố-đạo Bá-đa - Lộc viện binh

Pháp đánh Tây-Sơn giúp mình, « Tượng - kỳ khí ca ». Sách giáo khoa có « gương sử Nam » ghi chép công-nghiệp khí-tiết của các danh - nhân nước nhà xưa nay, tập « Làm con phát hiếu », tập « Đàn-bà nước Nam »; còn sử ký thì có bộ « Bồ quốc sử » viết theo lối vừa ký sự vừa phê-bình. Ngoài ra, về sử học ta còn có thể kể : « Việt-Nam sử yếu », « Việt-Nam Nhân thân-giám », « Việt-sử kình », các tác phẩm này viết bằng Hán-văn rồi tự ông dịch ra quốc-văn để phổ-dụng. Nhưng tác phẩm của Hoàng cao-Khải đều phần ảnh được khí-tiết hào hùng và nếp sống cổ-truyền của dân-tộc Việt Nam. Về phương diện văn-chương những tác phẩm của Hoàng cao-Khải không phải là không đáng kể vậy.

Họ Hoàng có một lối viết văn hệ-thống và qui-cử - hóa nhất là lối văn viết sử của ông ta chứng tỏ ông ta có óc khoa học. Dưới tầm mắt quan sát của ông, ta đều thấy một viễn-kính khoa-học rất tinh-vi. Thường thường dưới mỗi sự tích có một bài tổng vịnh nhân vật hoặc đối-tượng mà bài

nào cũng có vận điệu hùng-hồn. Người đọc có thể rung động mà cảm-khái đồng điệu với ông ta nhất là ông ta mượn tích trong sử để gợi cảm tâm-tình ý chí của mình. Ví dụ như vịnh sự tích Mỹ-châu Trọng-thủy, những câu sau đây ta hiểu thế nào về dụng ý của tác giả họ Hoàng?

Hòa thân trót đã lằm hai chữ
An oán gầy ra đủ mọi điều
bay

At ôi thời thế xem cho kỹ
Thành-tín bao nhiêu dốt bấy
nhiên.

Xem thế ta cũng đủ hiểu một phần con người của Hoàng, Hoàng có khí-phách thực vậy. Nhưng xét kỹ ra cái « ân » và cái « oán » của Hoàng đã gây ra đó, chúng ta khó có thể dung hòa để ước lượng giá-trị của Hoàng được. Một lần nữa, chúng ta hiểu Hoàng qua giá-trị của văn chương và nhất nhất chỉ về phương diện ấy mà thôi.

Về sự tích vua Trần gả Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm-Thành để lấy thêm hai châu Ô và Lý, đến khi vua được đất

rồi bày mưu bắt Công-Chúa lại, Hoàng-cao-Khải có tức cảnh đề thi mà hai câu kết như sau :

Châu đi châu lại châu về đó,
Ngơ ngẩn trông nhau một lũ
Hời!

Khi mà nước non Chiêm-Thành bị lấy đất đai mà dân Chiêm lại ngơ-ngẩn nhìn nhau không một lời trông có đáng buồn thương không?

Sau đây chúng tôi xin trích lục một ít văn thơ khác của Hoàng-Cao-Khải, để làm tài-liệu văn-học-sử.

VỊNH TRUNG-VƯƠNG

Tượng đá trời Nam giới tuyệt
sương

Nghìn năm Công-đức nhớ
Trưng-Vương

Tham-làn trách bởi quân gây
biến

Oanh-liệt khen cho gái đi
thương

Liều với non sông hai má phẫn
Giành nhau nòi giống một đờ

oàng

Cột đồng Đông-Hán tìm đâu
thấy

Chỉ thấy Tây-hồ bóng nước
gương

(Vịnh Nam sử)

Và đây, một đoạn văn nói về Trần-quốc-Tuấn mà Hoàng đã viết trong « Gương sử Nam » :

... « Ông Trần-quốc-Tuấn là quan tôn-thất nhà Trần, tư chất thông minh, có tài-tri, có can-đảm. Cha ông là Yên-sinh vương, trước cùng vua Thái-Tôn có hiềm khích; khi ông ấy đã làm quan, châu hầu vua Thái Tôn, tay cầm cái gậy gỗ có mũi nhọn, ai nấy cũng ngờ, nên chi ông ấy lại phải bỏ cái mũi nhọn mà cầm cái gậy không; ấy là hay lấy chữ hiếu mà làm chữ trung vậy... »

... « Ông ấy thường nói rằng « chim hồng hộc bay cao cũng nhờ chưng sáu cánh »

... « Vua Thánh-Tôn có câu rằng : « xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã. Sơn hà thiên cổ điện kim ô » (dịch là ; xã tắc hai phen chồn ngựa đá. Non sông nghìn thuở vững âu vàng).

Dưới đây là ý-kiến của Hoàng xét về việc quan lại người Tàu cai-trị dân ta trong những hồi Bắc thuộc :

... « Xem như đời nhà Hán tham bạo có ông Tô Định thời nước ta phản đối lại có Trưng-

Vương; đời nhà Lương tham tàn có ông Tiêu-tư thì nước ta phản đối lại có vua Lý-Bý; đời nhà Đường tham bạo như ông Lưu Diên-Hựu ông Cao chính Bình thì nước ta phản đối lại có ông Đinh-Kiến, ông Phùng-Hưng.

Về chính sách bạo-ngược tham-tàn của nhà Minh, ông viết : »...

Chẳng những thế mà thôi, mà lại buông lầy lòng tham-lam, như bắt dân đi khai mỏ để lấy vàng bạc, bắt dân mò xương bê để lấy hạt trai ; chẳng qua là tham của mà cầu sự ích riêng mà không nghĩ đến nỗi thiệt hại cho dân sự... »

Vào khoảng năm 1915 - 1916 (dưới triều vua Thành-Thái). Hoàng Cao-Khải mở ra một cuộc đấu xảo các hoa thơ gọi là « Long biên ái hoa hội » và lấy ngay tên ấy làm đầu đề đấu thi. Danh nhân thi sĩ cũng có những văn thơ hay nhưng không tuyệt và không ai có tài thích thực ra cảnh « Long biên ái hoa hội » cho bằng Hoàng-cao-Khải nhất là hai câu thơ này :

Vun sứt nhành Lê và gốc Lý
Đua nhau màu trắng lẫn màu
vàng.

Long biên là kinh đô nhà Lý,
nhà Trần, nhà Lê ngày xưa.
Cầu dưới vừa tả được sắc hoa
chen chúc đượm mùi hương của
vườn vừa khơi được thể sự bây
giờ.



Hoàng - cao - Khải sinh năm
1850 và mất năm 1933 hưởng
thọ 83 tuổi.

Cùng thời gian đã xóa nhòa
và lòng đất đã ôm chặt nắm
xương Hoàng-cao-Khải.

Các nhà sử gia phê phán ông
như thế nào, đó là vấn đề khác
chúng tôi không muốn bàn tới
trong bài này.



*** DẠY TOÁN**

Bé Liên 6 tuổi, học một năm rồi mà làm toán cộng không được.
Một hôm cô giáo hỏi :

— Nè em, thí dụ như em là cô bán hàng tạp hóa, chị là người
mua hàng. Chị biếu em bán cho chị 1 đồng bạc muối, 5 đồng bạc
xà phòng, 11 đồng bạc một hộp sữa, thế là chị phải trả em tất cả
bao nhiêu ?

Bé Liên đứng tần ngần một lúc tính mãi không ra, liền báo :
— Thôi, em biếu hết cho cô đó, em không lấy tiền đâu.

MỸ-HỒNG-CÚC

*** CHUYỆN A-RÁP**

Một ông già A Ráp, gả con gái lấy chồng. Về nhà chồng được 8 ngày,
cô con gái trở về nhà cha mẹ, vừa khóc, vừa hét :

— Chồng con đánh con.

Nghe nói, tức giận, ông bố đánh cô con gái hai tát tai, rồi bảo :

— Mày về báo với chồng mày là nó đánh con gái tao thì tao đánh vợ
nó, cho nó tởn !



Vạn-tuế CỐT-ĐỘT



Chuyện vui đầu năm của VƯƠNG - HỒNG - SẼN

Khi còn trong nôi, chính mẹ
ruột cũng khó phân biệt đũa nào
vời đũa nào; muốn cho gọn
chuyện, bà xô tai đũa nhỏ, bắt
đeo khoen vàng. Lớn lên chàng
ta tự tháo bỏ chiếc vòng ấy đi,
báo hại lộn càng thêm lộn.
Hằng ngày trong hàng bạn thân,
nếu vắng gặp hai anh em ít lâu
ắt khó tránh chuyện ngộ-nhận
và những trò cười tự mình
không muốn có thường xảy ra
như cơm bữa : bắt tay anh đỡ
tâm-sự em ra nói, hoặc thân
mật gọi tên em rồi khui chuyện
hùn-hạp ăn hút với anh ra bàn-
tán lơ-ngờ...

*Kính tặng hương hồn Cựu Hai
Em. P.
Tặng bạn thân Cựu Ba Et. P.
V. H. S*



Ố T-Đột I và II,
(I) gốc người Sóc
trăng, vốn anh em
sanh đôi.

Giống nhau như
khuôn đúc, giống
cả giọng nói tiếng
cười, lớn lên vóc
giác y nhau, thói quen như
nhau, chơi túc-cầu rất hay, đánh
bi-da tài-dách, cả hai đều hảo
ngọt có tiếng, và rắn mắt tri-
trạm không ai bì.

Có một chị sồn-sồn ở chợ Sóc-
trăng quen nghề buộc mai cột
mối. Ngày nọ chị tưởng trúng võ
to vi được cậu hai đề ý nhờ

I.— Xin đọc « Cốt - Đột đệ
nhất » và « Cốt - Đột đệ nhị ».

trao lời hẹn với cả tân-thời mới đến tá-túc nhà chị vài ngày rằng đề rồi rảnh - rang cậu sẽ bước qua đăm-đạo cho phi tình. Bỗng vừa chệnh chênh, thấy dạng một người chắc da chắc thịt như cậu cởi xe đạp chạy cà-rịch cà-tang trước nhà.

Chị chủ ra đứng cửa cái tay ngoác tay chỉ : « Có còn ở trong buồng ! » Người đi xe đạp không nói không rằng, ghé xe, dựng kỹ-càng thêm ngoài, bước vào trong, nửa giờ trở ra, liếc mắt cười thỏa mãn, lòi xe ra đường cái tung-dung đạp-đạp như không xảy ra việc gì...

Chị chủ rất thản-nhiên cũng không đòi không hỏi chi thêm, tự nhủ đây là một thỏa-hiệp-ước tay ba, theo lệ tiền trao cháo múc, sòng-phẳng thì thôi, ai dại gì sồn-sác đòi bắt tử, rồi cậu hai nội giận đánh bẻ đầu mang xấu mà chớ.

Cơm tối dọn lên chưa kịp ăn, đồng-hồ chưa gõ sáu giờ, lon-xon có một cậu ngừng xe : cũng Alcyon bánh bự, cũng xe sơn đen không khác. « Hừ ! đồ cổ ăn ! quân cường-đạo ! Mới này đây này đã nửa nửa ! » Cỗ rửa làm vậy, còn chị chủ, ở ngoài này và lạnh tri hơn, chỉ biết kêu trời thăm-thẳm : « Thôi đã bị thằng kia trút lộn đi rồi ! »

Giận mà không dám hé răng. Nói ra cậu hai biết được thì

thêm mắt mặt, mắt luôn số tiền lãnh trước ích gì ?

Cốt-Đột II điếm quá : biết chừng anh mình có tánh ua đặt lộn vào chiều, nên sớm sớm đến hưởng nước tiên, không chờ chàng-vàng.

✱

Việc đương đăm ăm, bon-bon như xe Alcyon bánh confort chạy trên đường tráng nhựa, hạnh-phúc dôi-dào tưởng không bao giờ tận, dùng một cái, quân đội Nhật tràn qua Đông-Dương, kèn tồ-le báo động, có lệnh nhập ngũ cấp-tốc đòi cả hai anh em trả nợ dân Tây. Thời rồi còn gì là thời-kỳ ngồi không tọa hưởng của phụ - âm : làm chủ-diễn, tới mùa đi thầu lúa ruộng, ngày ngày thọc bi-da, b. tiệm nước đánh dóc, và đồ lộn vằn xoay :

— Anh, Cốt-Đột I, nhập thành Hème R.I.C. chức đơ-dèm củi bắp (tiếng Pháp là : soldat de deuxième classe, caserne de l'Infanterie Coloniale, Onzième Régiment);

— Em, Cốt-Đột II, cũng nhập thành sơn-đá như anh, cũng lính tay trơn hạng nhì, cũng thuộc bộ-binh thuộc-địa.

Ba mươi ngày đầu rất khó chịu : phải thức theo kèn, tập-la-mác, vác súng canh gác như ai, mang giày cộp-cộp mắt gấu.

(élégant), gặm bánh mì liêng chó chó hề đầu, húp xúp lỏng phèo, nhai bit-tét cao - su treo - treo, Thét rồi cũng quen lần...

Đầu tháng sau, được cho xốt-ti gè-nê-ranh : sường quá bèn nắm tay nhau đề-huê ghé xả hơi nhà người em rề ở đường Bờ-rét.

Hai bộ đồ nhà binh, được thay ra cho tờ nhà giặt-ủi sạch-sẽ.

Cốt-Đột I, sẵn tóc dài ngứa ngày khó chịu, bèn mượn của em rề một bộ đồ bà - ba phục-nhục, tra vào, thổi lên xe kéo, day đưa thẳng ra tiệm hớt tóc cho thợ o-bế cái đầu lại cho dễ coi. Xong đầu vào đó, nhảy lên xe kéo kéo một mạch về nhà em gái, nằm chổng cẳng trên ghế xích-đu xem báo : cởi trần, đóng khóa, chờ cơm.

Cốt-Đột II, — tờ báo duy nhưt anh đã giành rồi, — không biết làm đi gì, xớ rờ giày lát rồi sẵn áo sẵn quần của anh vừa thay ra, sẵn tánh quen làm giống như anh, Cốt-Đột II bèn tra vào, ra cửa hồi xa-phu cứ đưa đến một tiệm hớt tóc, tiệm nào cũng được. Anh xe dạ rần, nắm càng phóng nước đại đưa Cốt-Đột II lại ngay nhà ban này. Thợ vừa hớt xong cho khách, đang phải tóc vụn phấn thừa vương vịu trên ghé trên bàn, vừa day mặt qua

bên giữ mạnh khăn choàn, day lại thì chưa chi đã thấy lủ-lủ một thẳng chêm-chệ ngồi sẵn hồi nào trên ghé cho một đồng. Thợ giật mình, tim đập thình-thịch, chưa choàn khăn vội, mắt liếc len-lén vào kính :

— Cơ khổ ! người này mình mới hớt rồi ban này kia mà ?

Mà sao râu tóc ở đầu mọc lại quá làm vậy ? Thợ lăm-la lăm-lét vừa nói nhỏ nhỏ đủ nghe. Thôi đích-thị hần đây rồi ! Nếu không phải hần, chớ sao cũng lại cái áo bà-ba ngắn có hai túi xệ xệ thế này ? Trời đất ơi ! Phải rồi ! áo này nơi vai hữu cũng thì một miếng mạng lớn không thể làm, vì đường mạng rất khéo gần như đan bằng máy, mình đã nhìn rồi khi này còn nhớ ràng-ràng. Chết rồi ! đôi guốc nữa ! Cũng thì đôi guốc quai vỏ lốp xe hơi, đế mòn xây-xây nửa sác. Mẽ ! Hay là mình gặp ma đây ? Thợ tần-ngần suy nghĩ, bụng ngán và buồn tênh mọi nỗi, cầm kéo cầm lược đứng xa-xa thủ thế, nhấp nhấp cho qua tang-lẽ. Cốt-Đột II móc túi lấy thuốc ra hút. Đàng này thợ run lên như thẩn-lần đứt đuôi vì nhìn được đích thị bao thuốc Bastos còn nửa gói của ban này. Thợ vừa hớt, mắt thì ngó chừng ra cửa định có bề nào thì biết đường tháo lui. Trong khi ấy, Cốt-Đột II không nói không rằng, ung-dung hút thuốc, vừa phi-

phà, vừa tròng vừa liếc vào kính.

Tóc hót xong, đến phiên cạo lông mặt. Thọ cố tình nhấn mạnh tay thì thấy rõ ràng người khách nhăn mặt nhủ mày và nhúc-nhích gân cổ gân trán tỏ bộ biết đau. Thọ mừng thầm bụng vững thêm chút ít vì nếu quả là ma thì đâu có những cử chỉ ấy. Thọ cho dao chạy rà dưới cằm lại nghe rõ ràng tiếng sột-sạt của thứ râu rẽ tre, cứng và khó cạo. Vừa mừng kể đâm lo khan khi bỗng nhớ lại ban nãy cũng thứ râu này. Hồi rồi, mừng quá, khách trả tiền ra cửa, thọ tiến ra tận đường cái thấy khách leo lên xe kéo. Thọ nửa mừng nửa đâm chiêu. Người hay ma đây? Mà ma gì dám hiện giữa ban ngày, biết hút thuốc, hót tóc, ngồi tự đắc vinh-vào treo mảy véch đóc trên xe ngờ ngờ đạo châu thành? Thọ ngồi xuống cố tìm bóng xe và bóng người, nhưng xe chạy đã xa, không còn phân biệt được gì gì. Anh thở phì trở vô nhà, nhếch mép tự nhủ: « Á mà thôi! Người hay ma trời kìa, miễn đã trả tiền cho mình rồi là xong chuyện. Á! duy tội nghiệp cho thằng xe kéo! Đề coi mai này nếu ma hay không phải ma, các nhà báo sẽ đăng tin thì mình biết rõ chứ gì!

Nước sông Sài-gòn vẫn chảy

qua cầu... Lật bật được trót năm chày mà không hay. Cu kêu và lúa chín ngoài đồng... Cốt-Đột II viện cớ còn ruộng nương dưới tỉnh không ai coi sóc, nên được đặc-lệ về nhà góp lúa.

Tội nghiệp cho Cốt-Đột I, thuở nay ăn to xài lớn đã phá sản từ lâu, không viện ra cớ gì đành ở lại mắc trong chân quân chân lính.

Ba bốn tháng trời qua rất lạ. Bất ngờ tin đầu sét đánh bên tai. Có ai dè một anh chàng mập mạp mạnh khỏe như Cốt-Đột I, tuổi chưa đầy bốn mươi, thấy cạp ăn không hết, thế mà vội đi châu trời không kịp trở. Ô hô! Cốt-Đột I chết, chết trong sắc-phục sơn-đá đờ-dềm củi-bấp, sau một trận ban cua lười trắng trên giường bệnh đường-đường Grall...

Một mặt cho quàng thây tại nhà xác, có bốn anh lính da đen tình nguyện canh gác suốt đêm: cũng hòm kiêu tây coi âm-cúng đến!

Một mặt tư điền-tín về xứ báo hung-tin cho bà con thân quyến và Cốt-Đột II hay.

Thuở ấy tuy ét-xăng rất hiếm, nhưng xe đồ chạy rất đúng giờ. Chuyến xe khởi hành bảy giờ tối tại Sóc-trăng chạy đến bến Sài-gòn vừa một giờ khuya. Nóng lòng anh mắt không kịp thấy mặt, Cốt-Đột II không về

nhà em rê, hối xe kéo chạy một mạch vào đường - đường Grall. Giấy tờ hợp lệ, vào được cửa trong, mình mặc bộ đồ kaki vàng, tay xách chiếc va-li nhỏ, anh bước thẳng vào nhà xác.

Bốn anh Tây đen, đưa ngủ gà đưa lim-dim, thoát nghe tiếng động, tám con mắt tròng trắng trắng đã ngó lên: mặt hết đen, tròng thêm trắng. Bỗng nghe súng chào cái rột rồi nghe súng hạ xuống như bốn cái máy.

Cốt-Đột II thúc-thích bước tới, đứng ngay quan-tài người anh sụp lạy hai lạy theo nghi-lễ Việt-Nam, lạy rồi rút khăn mù-xoa hỷ mũi.

Hoàn hồn, xếp đen đánh bạo hỏi:

— Tôi được hân-hạnh chào ai đây?

— Et. P., em ruột người quá vắng. Anh tôi mất, tôi vừa hay tin, lật đặt lên xe, xe vừa tới, kể tôi vô đây.

— Hừ hồn cho đó! Thành thật chia buồn. Trông đầu mới vừa liệm nó hồi sáng, nay nó muốn nhát bọn này!



Nay Cốt-Đột I đã nằm yên một giấc dài trong nghĩa-địa Đô-thành đường Phan-thanh-Giản.

Cốt-Đột II vẫn mạnh, tuy tang-thương lắm điều.

Dòng-dõi Cốt-Đột còn nhiều.

Cốt-Đột Vạn-tuế!

VƯƠNG-HỒNG-SẼN



★ 10 PHÚT TRANG ĐIỂM

Ông Giáo-sư kể chuyện với ông Trọng-sư:

— Anh biết không, hôm qua tôi với vợ tôi định lấy xe đi Thủ-Đức chơi. Trong 10 phút vợ tôi trang-điểm xong là chúng tôi lên xe. Xe chạy đến Bà Chiểu thì vợ tôi sực nhớ là quên đem con chó Kiki đi theo. Ai dè xe đến Thủ-Đức, chúng tôi vào chợ ăn nem thì thấy con Kiki chạy theo cũng tới nơi, vậy, đuôi mừng...

Ông Trọng-sư lăn ra cười. Ông giáo hỏi:

— Sao anh cười? Anh không tin câu chuyện tôi vừa kể đó hả?

Ông Trọng-sư lại cười:

— Tôi tin hết những chuyện anh vừa kể đó, chỉ có chuyện vợ anh trang-điểm trong 10 phút là tôi không làm sao tin được cả!



đã điều tra
ra một vụ

Ở nhà Tống tại Hà - Nam, Phú Hứa Châu huyện Lâm Đình có một người học trò tên là Tra. tánh là

Đi là một tay văn-chương lỗi-lạc, đi cưới vợ tên là Ý Trinh Nương. Nàng này cũng là một cây văn-chương Hai vợ chồng rõ thật xứng tài và xứng duyên.

Trong đêm động phòng đề thử tài chàng, nàng đóng chặt cửa phòng và nói vọng ra :

— Tiện thiếp nghĩ rằng chàng từ lúc so-sanh đến khi cưới vợ đều một mực học hành, quyết danh ghi bảng vàng, nay em được điểm-phúc cùng chàng kết tóc đã

ÁN

★ MALHƯƠNG-VÂN

là cái may của em lắm rồi ! Vây chẳng lẽ âm-thầm chung chăn gối như kẻ phàm-phu tục-tử sao ! Vây đề kỷ - niệm đêm giao hội của chúng ta, em sẽ ra câu-đối nếu chàng đáp được ta liền chung chăn gối, bằng không được thì em xin chàng lo học thêm cho khá đã, chớ đêm nay em sợ e không vừa ý nhau.

Tra Di nghe qua ngó ý bằng lòng, nàng liền ra về đối:

— Điểm dăng, dăng cát, cát cong Thơ.

Câu thơ thật là giản dị nhưng có điều các chữ đều theo thể liên hoàn là chữ này với chữ kia.

Chàng nghe xong, ngồi bên án thơ nghĩ mãi không xong, có ý thẹn với nàng, bèn âm thầm đi đến trường học. Lúc ấy anh em bạn thấy Tra Di nửa đêm đến trường nhát là đêm nay động phòng giữa chàng với vợ là Ý Trinh Nương. Một người ngạc nhiên hỏi :

— Đêm nay là đêm giao hội của Tân lang và Tân giai nhân có sao Chú rể lại mò ra đây ?

Tra Di thành thật nói hết việc nàng ra câu đối chàng không đáp được nên bỏ ra đây nhờ bạn giúp hộ. Rồi đọc câu đối cho các bạn nghe. Nhưng trong bọn cũng không ai nghĩ được về đáp mà giúp Tra Di. Trong lúc chàng ngồi âu-sầu nghĩ ngợi, thì trong bọn học trở có tên Trịnh Chánh một tên bất lượng vốn tánh hay hí-hước lên trốn ra đi tới nhà Tra-Di đi thẳng vào phòng Ý Trinh Nương.

Nói về nàng Ý Trinh Nương sau khi ra câu đối rồi nằm chờ mãi không thấy Tra Di đáp biết chàng không đáp được nên thẹn không dám vào thì có ý ăn năn bèn lên đi mở cửa phòng rồi vào

nằm chờ. Chờ mãi lát sau xảy thấy bóng đen đi vào (lúc ấy đèn đã tắt) cứ nghĩ rằng chồng chờ ngủ đi vào, mới cất tiếng hỏi :

— Khi này lang quân đối không đặng ngồi lì ở ngoài ấy, bây giờ vào chắc đã tìm ra câu đối ?

Trịnh Chánh làm thinh không đáp, Ý-Trinh-Nương lại tưởng chồng hồ thẹn, thôi chẳng hỏi nữa.

Thế rồi nàng yên c í vầy cuộc gió trăng với Trịnh-Chánh. Trời hãy còn lơ mơ Trịnh-Chánh đã tuốt ra về mất.

Sáng ra Tra-Di về nhà, mặt buồn dào dào vòng tay thi lễ với vợ mà nói :

— Lúc đêm nàng ra câu đối ngặt vì ta học hãy còn sơ nên đối không được, quá hồ thẹn chẳng dám vầy duyên với nàng. Xin nàng miễn chấp.

Ý Trinh Nương ngạc nhiên :

— Hồi hôm thiếp thấy chàng về phi tình khoái lạc vậy sao giờ lại nói vậy ? Tra Di vẫn khư khư bảo không có về nhà, Ý Trinh Nương nghe chồng quả quyết không có về thì đã biết mình bị lừa gian thừa lúc chồng hồ thẹn không dám về thì nó vào làm cho ô nhục, thất tiết với chồng rồi vào thư phòng thắt cổ tự vẫn sau khi để lại cho Tra-Di lá thư :

— Nếu quả chàng không về đêm qua thật, thì thiếp xin khuyên chàng ráng rèn chí học tập, chớ có quyen-luyến đến thiếp mà vô-ích.

Tối đến Tra Di thấy vợ không ra ăn cơm chiều bụng đã sanh nghi, bèn tông cửa chạy vào phòng mới hay có sự. Song đã trễ quá rồi có cứu cũng chẳng kịp. Tra Di thương tiếc, chết đi sống lại đời ba phen. Người nhà cứu mãi mới sống lại và khuyên răn luôn mới nguôi. Rồi đó Tra Di lo bề tống táng Ý Trinh Nương rất ư là trọng hậu. Có điều chàng vẫn không hiểu vợ chết vì lý-do gì!

Lật bật đã ba năm thọ tang vợ là Ý Trinh Nương. Lúc ấy nhằm tiết Trung Thu, Bao-Công đi tuần án ra đến tỉnh Dinh-Huyện, nghỉ nơi nhà Công-Chính, trước sân nhà có trồng cây Ngô Đồng tàng lá sum-xê, rất mát-mẻ. Bao-Công khiến kẻ tả hữu đem án thư ra đẩy đề ngồi xem sách chợt một con trốt thỏ tung toé và từ trong ấy rơi rớt ra một mảnh giấy có biên hàng chữ:

— Kính nhờ Bao đại-nhân

tìm án oan!

Câu ấy chỉ biên có thế, nhưng Bao Công nghĩ mãi không rõ là án oan của ai và ai kêu oan! Rồi câu chuyện ấy được xếp vào ký-ức! Bao Công ngồi ngắm trăng thanh gió mát, hồn thơ lai láng, ý văn phát tỏa trong lòng vị «Thăm Phán» tài ba ấy. Bao Tư Đồ bất chợt ngâm.

— Dĩ ý, ý đồng, đồng ngoạn nguyệt.

Rồi vị quan tòa có hồn thi-nhân ấy cố nghĩ về đáp lại, thế mà nghĩ mãi vẫn tịt-mù. Chẳng dè mệt mỏi thiếp lần vào cõi mộng, xây đâu từ xa đi đến một nàng con gái thi-lễ mà nói:

— Kính bằ Bao đại-nhân tôi có vế đáp xin hầu vế đối của ngài; chẳng hay ngài có thuận ý cùng chăng!

Trông dung nhan, Bao Công thấy rõ là một trang quốc sắc yêu kiều vợ cười đáp:

— Hay lắm nàng cứ đáp ta nghĩ mãi vẫn chưa ra.

Cô gái mỉm cười rồi đáp.

— Dĩ ý, ý đồng, đồng ngoạn nguyệt phải đáp lại là:

— Điềm đặng, đặng cát, cát công thơ.

Bao Công nghe qua chắc lưỡi khen hay và hỏi:

— Nàng là con gái nhà ai? Tên họ là gì? Ở xứ nào lại chữ tốt văn hay đến thế?

Thiếu nữ đáp rằng:

— Bao đại-nhơn muốn rõ lý-lich của tôi thì cứ điều tra mấy ông tú tài trong nội tỉnh sẽ rõ ngay. Nói rồi liền hóa mây bay mất, khiến Bao Tư Đồ giật mình tỉnh giấc mới rõ là mộng! Vội ra lệnh cho nha lại đi gọi tất cả tú tài tới nhà Công-Chính để thử tài. Khi các ông tú nhà ta đến, Bao Công ra câu đối để khảo duyệt là:

— Dĩ ý, ý đồng, đồng ngoạn nguyệt.

Bọn tú tài đều ngồi cắn nát cán bút vẫn bí tịt, chỉ mình Tra-Di nhớ lại câu đối của vợ vội biên vào vế đáp:

— Điềm đặng, đặng cát, cát công thơ.

Khi trình lên Bao Công thấy giống như câu đối của cô gái trong giấc chiêm bao, bèn giữ lại hỏi:

— Ta xét văn chương của ngươi hãy còn sơ đẳng lắm. Song có câu đối rất hay, ta nghĩ chắc câu ấy của ai làm ra, người chép lại chớ chẳng lý ngươi làm đặng, vậy hãy thật tình khai thiệt, nay ta đã rõ rồi ngươi chớ nên dấu chẳng lợi gì đâu.

Nghe Bao Công nói, Tra-Di run lập cập vội thuật lại câu chuyện động phòng và cái chết của vợ chàng cho Bao hắc Tử nghe.

Nghe xong Bao Công hỏi:

— Nếu vậy chắc đêm ngươi đến trường kể lại cho bọn học trò nghe câu chuyện ấy, có lẽ một tên học trò bất lương nào đấy đã thừa lúc ngươi hồ thẹn mà đến làm điều phi nghĩa chăng? Sáng ra vợ ngươi biết được sự thật hồ thẹn tự ái chết để khỏi mang tiếng thất tiết cùng ngươi! Vậy hãy nói hết đầu đuôi ta sẽ làm cho rõ điều oan ức của vợ ngươi!

Tra-Di mừng rỡ bằ:

— Bằ Bao Đại Nhân, trong số học trò xét ra chẳng ai có tánh hí hước bất lương hơn tên Trịnh Chánh cả.

Bao-Công nghe vậy liền sai Thôi Khánh và Lý-Can đi bắt Trịnh-Chánh tới công đường ngay. Trịnh-Chánh ban đầu còn chối leo lẻo sau bị tra tấn đủ các cực hình coi điều chịu không nổi nên khai thật và nhận tội. Thế là nhờ hai câu đối.

Dĩ ý, ý đồng, đồng ngoạn nguyệt
Điềm đặng, đặng cát, cát công thơ

Mà Bao Công điều tra được vụ án phá trình đầy bí mật và nghệ thuật. Riêng giải thoại văn chương trên đây không bao giờ bị quên lãng vào ký ức mọi người. Thế mới biết văn chương cũng là khí cụ điều tra vô cùng hiệu nghiệm và thấu hoạch kết quả khả quan vậy.

M
A
I
•
T
H
O

Em mắt ưu tư xanh bầu trời hải đảo
Tóc lạnh băng bành chày muối: đôi vai
Dáng kiêu thon thả thướt gót vắn hài
Lời tình tự chứa đầy đôi ánh mắt,
Mỗi bước chân em tiếng đàn diu dặt
Hơi thở thơm nồng nguyên vị hương xưa
Buổi em về trời ghen đờ cơn mưa
Bởi mắt em xanh hơn màu mây cầm thạch
Môi lịm ngọt như rừng hương ngọc bích
Đôi bàn tay e ấp mấy ngàn thu
Mây trời xa kết lại tự bao giờ
Màu băng tuyết thu tròn đôi nếp áo
Giấc ngủ em có chập chờn mộng ảo
Màu trắng buồn lẫn khuất mất đêm nay
Em không cười chắc mộng vẫn thơ ngây
Bướm động rèm em đừng ngơ ngác nhẹ
Ai đến bên em hãy giùm tai khe khẽ
Cho dù cánh họa động nhẹ bên hiên
Đề mộng em dài giấc ngủ bình yên
Hơi thở nguyên màu trắng mười sáu tuổi.

*

Lòng tôi rộng như nhữ g chiều gió nổi
Đọc tên em và van vì trần gian
Lòng ngưng-ngừng trong một phút chưa quen
Bức thư ngắn không diễn đầy tâm sự
Hồn say sưa và mắt đầy bờ ngỡ
Những tôi chiêm bao thoáng bóng em về
Tôi ép vào hồn — trong một phút cuồng mê —
Hương băng tuyết của đôi hàm răng ngọc
Tôi mơ em qua những đêm dài cô độc
Tình tôi đây chưa dám gửi một lần
Đường về nhà em cách mấy sông trăng
Con đường cô chắc có nhiều chim bướm
Tuổi em mới mười lăm hay mười tám
Hồn chưa nhìn tôi vẫn biết áo em xanh
Mắt và môi vẫn biếc đọng ân tình
Đường hoa lá gót lên màu thi tứ
Ta xin dâng em những huy hoàng vũ trụ...

VÕ THÙY LAM

Bịnh
Dịch Chuột

Năm Tý coi chừng

* Bác sĩ HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

SAU khi dọn bữa réveillon Noël cho bạn đọc Phở-Thông rồi bạn Nguyễn - Vỹ lo soạn thực - đơn bữa tiệc đầu Xuân Canh - Tý. Thực đơn chắc đã gồm nhiều món đặc biệt và... đây thi-vị của ông Giám đốc Phở - Thông, nhưng bạn Nguyễn-Vỹ lại còn nghĩ đến một đề tài y học có dính liú ít nhiều với « con chuột », và tôi đã bị huy-động đề soạn thảo bài ấy. Bạn Nguyễn Vỹ muốn tôi soạn

một món ăn đặc biệt về thịt chuột chăng?

Thưa không, năm con Chuột thì một bác-sĩ chỉ được nói về bịnh dịch Chuột mà thôi. Nhưng xin các bạn chớ tưởng lầm rằng năm Canh tý sẽ là năm có bịnh « hạch chuột ». Nhưng thấy năm Heo vừa qua ở nước ta có nhiều chuyện rõ thật là... dịch « Heo », nên chúng ta cũng phải coi chừng biết đầu năm Chuột sẽ có nhiều chuyện... dịch chuột !

BỆNH CÁN

Bệnh này thuộc về loại truyền-nhiễm, thường phát khởi ở xứ nóng. Rất nguy-hiêm cho nhân-quần xã-hội. Theo luật y-tế quốc-tế, y-sĩ gặp bệnh này phải lập tức báo nhà chức-trách để thi hành những biện-pháp phòng ngừa. Trước hết bệnh này « xuất xứ » ở loài chuột sau mới truyền qua người. Vì thế có tên « bịnh Hạch Chuột ».

Bệnh này sinh ra bởi vi-trùng Yersin. Sở dĩ có tên như vậy là vì bác-sĩ Yersin đã khám phá ra vi-trùng bệnh này vào năm 1.894 tại Hương-Cảng (Trung-Hoa). Lúc bấy giờ tại thành phố danh-tiếng này có rất nhiều người đau và chết vì một bệnh thiên thời mà y-học thời đó chưa hiểu rõ căn nguyên. Nhiều phái đoàn y-khoa của liệt cường được gửi tới tận nơi để quan sát. Phái đoàn Pháp-quốc do bác-sĩ Yersin lãnh đạo; phái đoàn Nhật-bồn, có bác-sĩ Kytasato đứng đầu. Mỗi phái đoàn hành động riêng với những phương pháp và phương tiện đặc biệt của mình.

Khi tìm ra vi-trùng bệnh hạch chuột, hai nhà thông thái Đông-Tây nói trên đều đến đích cùng một thời.

Ông Yersin đã tìm được vi-trùng gây bệnh trong máu và trong các cục hạch. Còn nhà

bác học Nhật-bồn chỉ tìm thấy vi-trùng trong máu mà thôi. Khi các nhà thông thái đã thảo-luận về việc khám phá này, thì bác-sĩ Kytasato đã nhường quyền ưu-tiên sở-hữu cho bác-sĩ Yersin bởi những lý do khoa học rất xứng đáng. Những lý do đó, nhà bác học Phù-tang có tuyên bố trong một thiên thuyết trình đăng trong một tập-san y-học thời ấy. Bác-sĩ Nhật công nhận Yersin đã hơn ông ta ở chỗ tìm thấy vi-trùng sinh bệnh cả trong máu và trong hạch lâm ba (ganglions lymphatiques), trong khi ông (bác sĩ Nhật) chỉ tìm thấy vi-trùng này trong máu mà thôi. Giá trị của sự khám phá này thật là lớn lao nếu không nói là vĩ đại — trong địa hạt y.khoa.

SƯỞNG LỐI TRUYỀN BỆNH

Trước hết bệnh ở nơi con chuột, từ đó truyền qua người. Trên thân con chuột có những con bò chết, khi chuột chết, xác chuột giá lạnh, bò chết không thể ở được, bay ra tứ tung rồi bám vào người, chích vi trùng vào máu người, truyền bệnh dịch chuột cho người.

PHÁT CHỨNG

Có hai trạng thái.

a) Trạng thái nhẹ : bệnh-nhân phát nóng lạnh, nhiệt độ vào khoảng 38°C đến 39°C (nhiệt độ lách phân). Tinh thần người bệnh vẫn sáng suốt, không bị rối loạn. Sau ba bốn ngày phát chứng, bệnh nhân bị nổi hạch nơi cổ, hay nơi nách, hay là nơi háng.

b) Trạng thái nặng : Trong vài ba ngày đầu, bệnh nhân mê man, nhiệt độ rất cao, từ 39°C đến 40°C. Nên nhớ nhiệt độ bình thường của một người không ốm đau là, buổi sáng 36°50 buổi chiều 37°2C. Nếu không điều trị kịp thời, và nếu bệnh nhân không đủ sức kháng-cự, vi-trùng Yersin có thể đột-nhập vào dòng huyết và chiếm cứ bộ phổi. Lúc đó bệnh nhân sẽ nổi cơn ho và khạc ra máu.

Người bệnh khi gặp trường hợp này ít khi sống sót.

TRỊ LIỆU

Ngày nay bệnh dịch chuột không còn nguy hiểm nặng-nề như xưa. Người lâm bệnh ít chết nhờ có những thuốc trụ sinh.

Năm 1957 ở Tây Ninh có dịch chuột, nhờ sự can thiệp cấp thời của Nha Y-Tế, bệnh đã

không lan rộng và dân chúng được chữa trị châu đáo nên đại đa số được lành và số người chết rất ít.

ĐỀ PHÒNG

Mỗi khi trong nhà có chuột chết phải đốt nó bằng dầu hôi (dầu hỏa), chớ có vứt xác chuột bậy bạ. Làm như thế để diệt trừ những con bò chết có thể đem bệnh lại cho ta; Cần xịt thuốc DTT trong nhà để diệt trừ các loại côn trùng. Nếu trong một làng hay xóm có phát khởi bịnh dịch, đã có những Cán-sự y-tế tổ chức những biện pháp trị liệu và đề phòng. Đồng bào nên giúp đỡ Y tế bởi sự thi hành triệt để những lời khuyên nhủ và những biện pháp do người cán sự chỉ vẽ.

Hiện nay nhờ nền giáo - dục được phổ - biến sâu rộng nên việc thi hành các phương pháp đề phòng bịnh truyền - nhiễm không còn gặp những khó khăn của thời trước. Hai mươi năm về trước, người ta hay dấu bệnh, bây giờ thói ấy không còn vì họ đã nhận thức được hiệu quả mỹ mãn của các phép trị liệu và đề phòng khoa học.

SỢI DÂY XÍCH THẲNG SỨC KHỎE

Khi vùng nào có xảy ra bệnh thiên-thời truyền-nhiễm như thổ tả (choléra) dịch chuột (peste)... những tiểu trạm y-tế sẽ được thiết lập xung quanh vùng đó, và có nhiệm vụ bao vây bệnh trạng lại một chỗ không cho lan truyền ra ngoài. Chích thuốc phòng ngừa, chữa trị bệnh nhân, tổ chức các phương pháp tẩy - uế và sát trùng... những công việc đó, các tiểu trạm y-tế có bốn phận thì hành. Những tiểu trạm này gồm lại thành « sợi dây xích-thăng bảo vệ sức khỏe » (cordon sanitaire).

Trường hợp một thành phố hay cả một xứ bị bệnh truyền nhiễm hoành-hành, người dân cư ngụ tại đó, muốn đến một thành phố hay một xứ khác bị bắt buộc phải chích thuốc ngừa ít nữa là ba tuần mới được phép đi. Khi có bệnh truyền nhiễm như vậy, các nước đều loan báo cho nhau biết (kể cả nước bên kia bức màn sắt) để tránh sự truyền bệnh trên khắp quả địa cầu.

Bạn rời một xứ đang có bệnh truyền nhiễm để đến một xứ khác ư? Nếu bạn không có giấy tùy thân chứng nhận đã tiêm thuốc phòng ngừa, thì vừa khi bạn bước chân xuống xứ người, bạn sẽ bị bắt buộc nằm trong một bệnh xá cô-lập. Năm bốn mươi ngày để các bác-sĩ quan sát. Sau thời gian đó, nếu

người ta biết rõ bạn không mang bệnh truyền nhiễm tới, thì người ta mới cho phép bạn tự do châu lưu.

**BỊ ĐUÔI VỀ MẪU QUỐC
KHÔNG KỊP Ở -VOA**

Độc giả đã rõ cha sinh của bệnh-lý dịch chuột là bác-sĩ Yersin. Đồng bào ta ở các tỉnh Khánh-Hòa, Phan-Rang, Phan-Thiết phần nhiều đều ghi nhớ công đức của nhà bác học này. Bệnh dịch chuột đã hoành hành sáu, bảy năm trời tại những vùng này vào khoảng năm 1918. Đến năm 1924. Nếu không có sự sáng suốt của Yersin, có lẽ bệnh dịch sẽ duy trì mãi mãi.

Những cộng sự viên của bác-sĩ Yersin có kể lại câu chuyện sau đây không kém phần hứng-thú. Nguyên vào chừng năm 1920, bác-sĩ Yersin đi công cán tại Ba-lê để thảo luận về các vấn đề vi-trùng học. Trong thời gian ông vắng mặt tại Việt-Nam, viện vi-trùng-học Nha-trang được ký-thác cho hai bác sĩ người Pháp chăm nom, mà Ba-Lê đã phái qua để khảo cứu dưới sự hướng dẫn của Yersin. Nhà bác học này về Pháp được non một tháng thì nhận được tin cấp báo với ông trở lại Nha-Trang vì có sự nguy biến. Dịch chuột nổi dậy ở một vùng phụ cận thành

phố Nha Trang làm cho một số người bị tử-bệnh. Được tin, bác sĩ Yersin lật đật trở về viện-cũ. Sau khi điều tra tình hình, tiên-sinh đánh một dấu hỏi nghi-ngờ trong tâm-tri. Ông bảo với hai bác sĩ cộng-sự : « Trong lúc tôi đi vắng, các ông ở nhà đã làm những cuộc thí nghiệm nào, bây giờ các ông hãy làm lại các cuộc thí nghiệm đó để tôi xem. Các ông chớ bỏ sót chi tiết con con nào, dấu là chi tiết không quan-hệ. Hãy làm lại cuộc thí-nghiệm y-hệt như cũ ».

Hai bác-sĩ phụ tá khởi sự diễn lại một cuộc thí-nghiệm khảo cứu trước mắt « bốn sự ». Rồi miệng nói tay làm, họ lấy vi trùng Yersin tiêm vào hai con thỏ. Hai con vật này chết. Hai bác sĩ phụ tá bèn xẻ thầy thỏ, lấy lục-phủ ngũ-tạng để quan sát tìm vi-trùng, với kính hiển-vi, xong họ cấy lại vi trùng bệnh hạch trong các ống-nghiệm có đựng thức nuôi vi-trùng. Còn xác hai con thỏ, hai bác sĩ truyền cho lao công đem đi chôn. Đến giai đoạn cuối cùng này, Bác sĩ Yersin mới hỏi lại : « Các ông có theo họ đi chôn thầy thỏ không? » Trả lời : « Thưa không ». Bác sĩ Yersin bèn bảo : « Chúng ta hãy đi theo mấy người lao công để xem họ sẽ chôn chúng ở đâu và chôn cách nào ». Xong, Yersin bảo dẫn ông ta đến phần mộ của vật hi -sinh.

Tại đây, các người lao-công đào một lỗ sâu rất dễ dàng bởi vì đất cát rất mềm, rồi hạ hai thầy thỏ xuống, lấp lại. Yersin liền chắt lưỡi hai ba cái. Hai bác sĩ phụ-tá xanh mặt, Yersin bực mình nói :

« Tôi rất hối hận vì đã tin hai ông, tôi tưởng hai ông ít nhất cũng phải hiểu biết những điều tối thiểu a b c của qui-luật khoa học (discipline scientifique).

Đoạn ông nói tiếp : « Các ông đã phạm tội giết người bởi sự giải-đãi, cầu thả. Tôi đã dặn hai ông nhiều lần : là phải sát trùng nơi xác con thỏ trước khi đem chôn, bằng cách « hấp lò » hay ngâm trong thuốc sát trùng. Nơi đất cát, chôn thỏ rồi, khi chúng ta quay lưng đi về, chó, mèo, chim, chuột đánh hơi sẽ bởi thầy thỏ lên ăn. Rồi chính chúng nó mang bệnh lại cho người ! ».

Qua ngày sau, hai bác sĩ phụ tá nhận được công-lệnh trở về Pháp cấp tốc. Bác sĩ Yersin đã yêu cầu hai ông này phải lập tức rời bỏ Việt Nam mà « không cần phải tới chào tạm biệt ông ta ».

Sau đó các biện pháp y tế được thi hành, sức khỏe dần chúng được bảo vệ. Nhưng ở đời có gì tuyệt đối, người thi ân cũng có khi mắc oan : trong lúc bệnh dịch tái phát thì có

tiếng oán trách ông Yersin đã gây nó ra.

**BI KỊCH VÀ HÀI KỊCH
CÙNG MỘT CHUYỆN
HẠCH CHUỘT VÀ O
NĂM 1941**

«Ở cù lao Lý-Sơn, có bao nhiêu bệnh nhân, có bao nhiêu người chết vì hạch chuột, về thờ tá?»

Đó là điện-tín của Phi - luật-Tả, gửi cho Nha Thanh Tra y tế Đông Dương, chuyên về nha giám đốc y tế Huế, và sau cùng chuyển đến ty y tế Quảng-Ngãi. Tiếp theo điện-tín ấy, một loạt điện-thoại đánh về báo trưởng ty y-tế Quảng-Ngãi phải thân hành đi điều tra gấp để tìm biện pháp ứng-phó. Tin ấy về đến tai tôi vào khoảng hạ-tuần tháng chạp dương lịch 1941. Lúc bấy giờ tôi sửa soạn làm lễ thành hôn cho con gái đầu lòng. Còn ba ngày nữa thì hôn lễ cử hành. Nếu Lý-Sơn ở nội địa thì không thành vấn đề, đáng này nó là một cù-lao cách bờ biển Quảng-Ngãi 17 hải-lý (32 cây số), phải đi thuyền nửa buổi mới đến. Đôi khi sóng-gió nhiều, dân ở cù-lao bị cô lập đến hàng tháng mới liên lạc được với đất liền, thế mà lúc ấy thời tiết lại rất xấu!... Đến cù-lao, tôi điều tra: không có dịch hạch! Chỉ có vài bệnh nhân bị

sốt rét (paludisme) thôi. Điều tra, tổ chức chữa trị, lập biên bản, và để lại cù-lao một y-tá. Trước khi ra về, tôi tin cho ông bang tá sở tại hay rằng không có thiên thời dịch tá gì cả. Tôi ngạc nhiên về báo cáo bằng vô-tuyến của ông (mà Phi-luật-Tân đã bắt được). Ông ta nói chẳng tha lắm còn hơn chết bỏ xác tại cù-lao nếu thật có bệnh thiên thời dịch khí. Và ông nói thêm, cách 10 năm về trước ông ta đã có dịp mục kích bệnh hạch chuột giết người rất mau lẹ tại Quảng-Bình. Tôi nói chuyện với ông tại công đường; liếc mắt thấy xung quanh bàn giấy rương hòm bề bộn. Té ra, ông ta đã nhận được giấy về hưu trí, lo sửa soạn về quê, và lễ bàn giao công việc sẽ cử hành một ngày gần đây. Ở trước công đường một khoảng khá xa, sừng sừng một ngôi mộ với cũ kỹ và đồ sộ. Hỏi ra, đó là mộ của một ông cựu bang tá từ trần đã được 20 năm nay. Dầu cù lao đồn rằng khi xưa, ông cựu bang tá ấy mất được ba tháng, tỉnh đường Quảng-Ngãi mới hay tin vì giao-thông cách trở.

Tôi chợt hiểu. Cái chết xa nhà của ông bang tá trước gây cho ông bang tá này một nỗi lo âu.

Lo sợ một cái chết xa nhà, xa bà con, thân thuộc, nhất là khi đã nhận được giấy hồi hưu, ông

bang tá hoảng hốt, vì thấy có người lâm bệnh ở xung quanh ông. Vì sức tưởng tượng quá mạnh, ông ta thấy đầu đầu cũng là dịch chuột, bèn hối hả báo động bằng vô-tuyến-điện làm rối loạn cả một vùng Đông Nam Á!...

Mong rằng những ông bang tá như vậy không còn nữa. Nay nay với tổ chức y-tế hoàn bị, địa đềm nào có xảy ra những bệnh nghi là thiên thời truyền nhiễm thì việc báo cáo thuộc về trách

nhiệm của các bác sĩ trưởng hay các cán sự chuyên môn. Đời nay những phương tiện giao thông mới mẻ, những biện pháp phòng trị mau lẹ đem lại cho đồng bào nhiều bảo đảm về sanh mạng.

Ngày xuân năm Con Chuột mang câu chuyện khoa học về Con Chuột để hiến bạn đọc với tin-tương rằng năm con Chuột sẽ không có bệnh dịch chuột. Xin chúc qui bạn một năm Canh-Tý vui-vẻ mạnh khoẻ.



★ THUỘC DƯỜNG PHỐ

Bà Marshall, vợ ông Cựu Bộ-Trưởng Ngoại-giao Mỹ, có kẻ lạ quen đầu tiên bà quen với ông như sau đây: «Hỏi tôi còn là một nữ sinh ở Columbus, tôi dự một bữa tiệc tại nhà một người quen. Có ông Marshall cùng dự. Xong tiệc, ông xin phép đưa tôi về. Columbus là một thành phố nhỏ, nhưng ông Marshall lái xe đi hơn một tiếng đồng hồ chưa đến con đường phố của tôi ở. Tôi hỏi ông:

— Thưa ông, ông ở Columbus đã lâu chưa ạ?

— Ba năm rồi.

— Ông ở đây ba năm rồi mà hình như ông chưa thuộc hết các đường phố ở Columbus?...

— Thưa cô, tôi thuộc hết chỗ, cho nên tôi mới lái đi loanh-quanh mãi để lâu đến nhà cô.

★ DANH NGÔN VỀ VỢ CHỒNG

Xả hội loài người sẽ hoàn toàn nếu tất cả phụ nữ nào cũng có chồng và tất cả người đàn ông nào cũng chưa có vợ.

EDGAR SALTUS

(trong quyển *Les Pompes de Satan*)

QUA
CA DAO



Dã là người dân Việt, mỗi chúng ta hẳn không ai không hiểu-biết đến lịch-trình tranh-đấu của dân-tộc Việt-nam. Một nước mà từ thượng cổ đến nay tranh-đấu không bao giờ ngừng, rạt-rào tinh-thần tranh-đấu nhất. Thật vậy, điều này đã được lịch-sử chứng-minh cho ta thấy như thế mà không ai có thể phủ-nhận.

Dân-tộc Việt-nam dòng giống Âu - Việt — hay Lạc-Việt — từ miền Thiệu-Hưng — Dương Tử dần dà chạy lần về phía Nam, nơi theo hướng chim Lạc đi trốn lạnh mùa thu—xuyên qua Quảng-tây dọc theo lưu vực sông Nhị-Hà — tổ-tiên chúng ta đã phải trải qua bao nhiêu thử-thách

* NGUYỄN THU MINH

gian-nguy, cực khổ, suốt đời, rùng sâu mới đạt chận được đến giải đất hiếm-ngheo này.

Nước Việt ta lúc bấy giờ nằm trong địa-thế khó-khăn, ở vào tình-trạng báo nguy cần đòi hỏi một tinh-thần tranh-đấu — phải có, để giành quyền Sống, vì phía Bắc phải đương đầu chống với nước Tàu không lồ, bao nhiêu lần nhe nanh múa vuốt đòi ăn tươi nuốt sống, phía Nam thì chống với Thổ-dân và nước Chiêm-Thành để mở thêm đất-đai — bờ cõi — mặt khác lại phải chống chọi với cả thiên-nhiên để tìm lấy miếng ăn. Dân-tộc Việt-Nam đã chịu đựng mọi gian-nguy, vượt qua tất cả mọi trở lực mới mong

gây dựng nên ngày nay. Quả là một công trình gây dựng hiếm có một tinh-thần tranh-đấu vô cùng anh dũng.

Đứng trước tinh thần anh dũng cao cả ấy, với một sức tranh-đấu vô cùng mãnh-liệt đã để lại cho nước Tàu bao nhiêu tử hồ, ngậm đắng nuốt cay mà khoanh tay đứng ngó, Thổ-dân và nước Chiêm-Thành mạnh-mẽ cũng đành nhường bộ trước sức tấn công vũ-bã của dân-tộc Việt mà lui dần về phương Nam để rồi ngày nay gần như tiêu-diệt hẳn. Muốn tìm thấy tinh-thần chiến-đấu anh dũng đó, chúng ta không tìm ở đâu khác hơn là trong Ca-dao.

Trong ca-dao sẽ cho ta thấy tất cả những gì tinh hoa đất nước, cao-quý, anh dũng của người dân Việt; ca-dao mới đủ biểu lộ tinh-thần ham vui, yêu sống, ưa tranh đấu, thích hoạt-động, biểu lộ tính tình, phong-tục của dân Việt ta một cách chân-thực — chất phác — giữ vẻ lạc-quan và đầy tin-tưởng, tin tưởng ở giống nòi, công việc, tin tưởng vào tương-lai. Không chán đời, ủy-mị, tư-tưởng thoái hóa cũng chẳng hoài-nghi, lo-sợ,

trốn tránh thực-tại — cuộc sống. Nhất là yêu chuộng Tự-do quyền Sống của Con Người và cũng rất thuần-túy dân-tộc. Chúng ta sẽ tìm thấy những gì TIN—SỐNG — THƯƠNG —YÊU của dân-tộc Việt nam ta trong Ca-dao — Văn-chương bình-dân, kho tài liệu quý giá nhất của dân-tộc Việt.

Chúng ta hãy trở lui để nhìn lại lịch-sử, điều-kiện địa-dư mà phải công-nhận rằng nước Việt-nam ta là một nước nằm vào địa-thế hiểm, trở ngại nhất. Bắc giáp nước Tàu rộng lớn. Nam giáp nước Chiêm - Thành, Tây núi rừng và Ai lao, Đông giáp biển Nam-hải. Do đó, dân - tộc ta sống trong tình - trạng biến-động, luôn luôn chiến - đấu với mọi cuộc xâm-lãng bờ cõi không hề ngừng, vất - vả trong cuộc sống hiếm nghèo của chiến-tranh để giữ vững nước nhà, bảo vệ dân - tộc, quyền tự - do Con Người và mở mang bờ cõi. Không những thế, còn phải chiến đấu với thiên nhiên.

Với một tinh-thần tranh-đấu sẵn có của người Việt-Nam đã vượt qua tất cả trở ngại, thắng đoạt thiên-nhiên, mặc bão bùng,

mưa, gió, người nông-dân ta vẫn không nao núng, họ càng ra công vun xới ruộng vườn, cấy từng thửa mạ, lớn từng nương khoai để nuôi sống người dân Việt có đủ sức để tranh-đấu. Họ khuyên nhau :

*Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy
nhiều.*

Một mảnh đất đối với họ là điều quý chẳng khác gì vàng, còn quý hơn là vàng khác. Người nông-dân ta rất hy-vọng vào miếng đất, vì đất là nguồn sống của người dân Việt, sống no ấm. Cũng vì thế mà họ chẳng bao giờ quăng ngại nắng, mưa, sương, lạnh bỏ ruộng hoang, không bao giờ họ thoái bộ :

*Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chờng tôi đi bừa đã có áo tơi.*

Mưa lạnh có kẻ gì ! Họ rất khinh-thường, sức người có thể thắng thiên-nhiên, họ tin thế và họ đã thắng thật. Nhiều khi còn xem mưa, nắng là một điều đáng quý trong việc đồng áng, trông trọt :

*Trời nắng tốt dưa
Trời mưa tốt lúa*

Người nông - dân trải qua những ngày làm lụng vất-vả,

khi nhìn những cảnh đồng lúa mênh-mông màu xanh bát ngát đã đem lại cho họ một nguồn tin vững chắc, một nguồn an ủi lớn, sống vui tươi, đầy hy-vọng vào Ngày Mai no ấm về với toàn-dân Việt-Nam. Họ nhận thấy rằng không uống phí công-lao với những ngày dài dậm sương dài nắng đã trải qua.

Do đó, người dân quê càng sống tin-tưởng mãnh-liệt vào công việc làm, vào giống nòi, vào tinh-thần tranh đấu của dân-tộc, họ luôn luôn nhắc nhở lẫn nhau :

Làm trai có chí lập thân

Nên ra tay kiếm tay cờ,

*Chẳng nên thi chớ, chẳng nhờ
cây ai.*

Người dân Việt không bao giờ ý lại, trông cậy vào một ai, cần phải biết tự-lập mà sống. Không những khuyên nhau tự-lập mà còn phải YÊU THƯƠNG nhau :

Bầu ơi thương lấy bí cùng,

*Tuy rằng khác giống nhưng chung
một gian.*

rõ ràng hơn nữa :

Nhiều điều phải lấy giá gương

*Người trong một nước phải
thương nhau cùng.*

Họ khuyên nhau như vậy vì họ không muốn thấy những cảnh đau lòng, người chung một nước, một giống giòng xâu xé chém giết lẫn nhau như loài vật — đàn gà — họ thường nhủ nhau đừng như :

*Gà cùng một mẹ cớ hoài đá nhau,
hay :*

Gà nhà bôi mặt đá nhau.

Cần tránh xa những sự kiện trên mà phải YÊU — THƯƠNG — TIN nhau, luôn giúp đỡ nhau, chung lưng đoàn-kết để chống ngoại xâm, giữ vững bờ cõi, bảo vệ dân-tộc quyền sống Con Người.

Nói đến tinh-thần tranh-đấu của dân-tộc Việt-Nam ta cho hết không phải là việc dễ, dù chỉ trong Ca-dao. Và, cũng vì thế, nhất là với một bài ngắn-ngủi, thô-sơ, trang báo nhỏ hẹp này thì làm gì đầy đủ, trình bày hết được tinh-thần tranh - đấu của dân - tộc Việt — CON NGƯỜI VIỆT. Ở đây, chỉ xin trình bày một phần nào về tinh-thần tranh-đấu chống ngoại-xâm của dân-Việt. Nếu có dịp, chúng

tôi sẽ trình bày thêm và rộng rãi hơn.

Hắn chúng ta đã nhận thấy nước Việt-Nam ta với một diện tích nhỏ bé, một số dân ít ỏi như thế mà bao nhiêu lần nước Tàu rộng lớn, đông đảo gấp trăm ngàn, toan thôn tính, nhưng đành phải nhận lấy sự thất - bại đốn-đầu, ngậm hờn trước sức tranh-đấu vô-cùng dũng mãnh của dân-tộc Việt-nam, để rồi quay gót trở về đứng ngó, Dân-tộc Việt vẫn xem thường, khinh khi trước sức mạnh tàn-bạo, dã man của nước Tàu, thân nhiên đứng cười :

*Nực cười châu-chấu đá xe,
Tưởng rằng châu ngã ai nhờ xe
ngiêng.*

Mà xe nghiêng thật ! Điều này trong lịch sử đã chứng minh cho ta thấy rõ.

*Ta đá như cây giữa rừng,
Ai lay chẳng chuyển, ai bưng
chẳng đời.*

Dân - tộc ta không những chiến-đấu với ngoại-xâm, thiên-nhiên, còn phải chiến-đấu với cả chế-độ phong-kiến, Nho-giáo : Chính chuyên-lấy được chín chông,

Vò viên bở lợ gánh gồng đi chơi
Không ngờ quang đắt lợ rơi,
Bò ra lồm ngổm chín nơi chín
chồng.

Còn gì nữa mai bằng. Nhìn
những ông chồng ngao-ngán kia
bò ra lồm-ngổm, nheo-nhúc như
rạm đứt càn. Thật là buồn cười!

Người dân quê chống đối
thuyết chính chuyên rằng buộc
của Nho-giáo, chế độ phong-kiến
một cách mạnh-mẽ, gò ép con
người với chữ trịnh:

Chữ trịnh đáng giá ngàn vàng
Từ anh chồng cũ đến chàng là
năm

Còn như yêu ụng nhớ thăm
Hộp chợ trên bụng đến trăm còn
người.

Những lời khích bác mà ta
thấy ở trong Ca-dao, những câu
chống đối ấy xác thực, đi ngay
vào việc mà chẳng tục tữ, quá
hủ như nhiều người đã tưởng.
Không những thế họ còn chống
đối rất nhiều..., nào là với
những kẻ tham quan ô lại, hà
hiếp lương dân:

Tôi là con gái đờng trịnh

Tôi đi bán rượu qua đình ông
nghè

Ông nghề sai lính ra ve
— Trăm lạy ông nghề tôi đã có
con

— Có con thì mặc có con
Thắc lưng cho tròn theo võng
quan mau.

Họ dùng Ca-dao để đả-kích
những hạng quyền thế, cậy mạnh
bất nạt, hà hiếp kẻ thế cô một
cách đích-dáng, rõ ràng. Chẳng
những thế mà ta tưởng họ kém
phần mơ-mộng. Trái lại, họ rất
mơ-mộng và thi-sĩ lắm!

Tát nước vào một đêm trăng,
người nông dân nhìn ruộng
vườn trăng nước đã cảm-xúc
mà thốt ra những câu rất tự-
nhiên — linh-động:

Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

Ai dám bảo họ không mơ-
mộng; tình-tứ, là không thi-sĩ?
Hai câu trên nào khác gì thơ?

Trong cái tâm-hồn mộc-mạc
tự-nhiên ấy còn chứa đựng rất
nhiều tình-cảm, tình Yêu-thương
trai gái:

Cô kia cắt cỏ một mình,

Cho anh cắt với chung tình làm
đôi

Cô còn cắt nữa hay thôi

Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.

Tình vợ chồng:

Qua đình gà nỏ trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương
mình bấy nhiêu.

Những câu Ca-dao trên thật
là thành-thật, chất-phác. Ta
không thể nào phủ-nhận tình
Yêu-thương trai gái, vợ chồng
của họ là không lành mạnh, xây-
dựng được.

Và, cũng có những câu chống
ghẹo, đùa bỡn nhau của họ rất
ý-nghị và đậm-dà:

— Anh thương em không biết
để đâu

Để trong cái hồ lập lâu lại đóm.
— Em thương anh không biết để
đâu

Để trên thúng cám, để đầu chường
heo.

Vẫn chưa, trong Ca-dao còn
cho ta thấy nhiều sự tranh-đấu
khác như phép vua, lệ làng để
giữ vững bản chất địa-phương:
Phép vua cũng thua lệ làng.

Mà thật, những cái gì trái-
ngược, không hợp với cuộc
sống, lòng dân — con người
Việt, thì họ nhất quyết phản đối
một cách dứt khoát, ngay đến cả
phép vua cũng vậy chứ đừng nói

đến ngoại-bang. Thử hỏi, sự
cương quyết và tranh đấu của
dân-tộc Việt ta như vậy thì
nước Tàu làm gì nổi hay muốn
đồng-hóa. Và chúng ta cũng phải
nhìn nhận rằng chính ở chỗ đó
mà dân-tộc Việt ngày nay vẫn
giữ vững được dân-tộc-tính
— con Người Việt vậy!

Không những tranh đấu chống
ngoại-xâm, thiên-nhiên, phép vua
lệ làng mà còn đến cả sự ràng
buộc của xóm-giềng, gia-đình,
phong-tục, vãn-vân...

Ca-Dao Việt-Nam đã biểu
lộ rõ nếp sống, tinh-thần dân-tộc,
tinh-tinh, phong-tục, điều-kiện
qua không gian và thời gian,
sức chịu-đựng, bền-chí, những
hành-động phi-thường, khảng-
khái, dõng-dào tình-thần tranh-
đấu... v.v... của người Việt-
Nam. Một dân-tộc từ xưa tới
nay có Tiến chứ chưa bao giờ
dừng. Mà trang-sử đã mở
rộng để ghi hai chữ BẤT
KHUẤT!...

Đầu sao với bài nhỏ hẹp này
cũng đủ biểu lộ một phần nào
tinh-thần tranh-đấu chống thiên-
nhiên, ngoại-xâm, và dành quyền
Sống, tình Yêu-thương của dân-
tộc Việt-Nam qua Ca-Dao.

Mình ơi!

•••• Con Chuột! ••••

•••• Con Chuột! ••••



BA TÚ đang đứng dưới đất, bỗng - dưng hoảng - hết nháy vọt lên thật lẹ trên ghế, đứng dẫm hai chun lia-lĩa :

— Con Chuột! Mình ơi!
Con Chuột! Con Chuột!

Bà trở đôi mắt sợ-hãi, một ngón tay run-run chỉ xuống giường :

— Nó mới chun xuống gầm giường đó! Đuổi nó ra mau lên, Minh! Em sợ quá, Minh ơi!

Ông Tú đang nằm vồng xem sách, thấy bộ-tịch bà Tú sợ chuột, ông tức cười quá, ôm sách vào bụng, cười lăn cười lóc.

Bà Tú đang đứng gọt dứa để làm mứt, không biết bà trông thấy con chuột lúc nào mà bà sợ điếng người, nhảy thót lên

đứng trên ghế, còn lẹ hơn con chuột nữa. Bà cứ đứng đấy, chỉ tay xuống gầm giường, la cuống lên :

— Mình ơi! Làm sao đuổi con chuột ra ngoài đi! Mau lên cho em! Mau lên, Minh!

Ông Tú cứ nằm vồng cười mãi, bà Tú tức mình, oà ra khóc.

Ông ngồi dậy. Thay vì đi kiếm bắt con chuột, ông đến ghế, ôm lấy hai chun bà, nưng bà lên, rồi đặt bà ngồi xuống giường. Ông ngồi bên cạnh, choàng tay vào cổ bà, vừa âu-yếm vừa đùa-bỡn, hỏi :

— Cái gì mà Nàng Thơ yêu quý của anh sợ con chuột dữ vậy?

Nàng Thơ nhõng - nhèo vùng-vàng :

— Em không biết. Mình đuổi nó ra ngoài đường, chớ em không chịu nó ở trong nhà đâu.

— Nó trốn mất rồi.

— Nó ở dưới gầm giường ấy! Mình lấy cây đuổi nó ra mau đi!

Muốn chịu vợ, ông Tú rút một cây gọng giường, rồi ngồi chòm-hòm xuống đất, ông cúi đầu dòm vào gầm, lấy cây quơ-quơ vài ba cái, miệng kêu lên : « Chuột!

Chuột! Mày đi ra, không thì tao hoảnh mày chết nhàn răng, nghe hôn? »

Nhưng con Chuột đã biến mất tiêu. Không thấy bóng dáng nó đâu cả.

Ông Tú đứng dậy, cười ngó vợ :

— Đấy, anh đã bảo là nó rút mất đằng nào rồi.

Ông cầm cây gọng giường vào chỗ cũ, rồi ngồi xuống cạnh bà Tú :

— Mình biết, cái giống nó lạnh lắm, bởi thế cho nên nó mới đứng đầu 12 con giáp.

— 12 con giáp là gì, hả Minh?

— Này nhé : TÝ, là con Chuột, rồi đến SỬU con Trâu, DẦN con Cọp, MÈO con Mèo, THÌN con Rồng, TỶ con Rắn, NGỌ con Ngựa, MÙI con Dê, THÂN con Khỉ, DẬU con Gà, TUẤT con Chó, HỢI con Heo. Mình biết tại sao trong 12 con ấy, con Cọp là dữ hơn hết, con Rồng là linh hơn hết, thế mà không được đứng trước, còn con Chuột thì bé loét-choát, mà lại đứng đầu?

— Sao thế hả Minh?

— Theo trong sách tử-vi Tàu thì hồi xưa hồi xưa, xưa thật là xưa, Ngọc-Hoàng Thượng - để khai thiên lập địa, rồi chia năm, chia tháng, chia ngày, chia giờ, thì mỗi ngày là 12 giờ, mỗi năm 12 tháng, 12 năm gọi là đúng một giáp, Ngọc-Hoàng mới kêu các con vật tới để đặt tên cho 12 con giáp, gọi là đến « lãnh tuổi ». Vừa nghe Ngọc - Hoàng truyền lệnh ra, thì con CHUỘT lanh lẹ hơn hết, chạy tới trước nhất, cho nên được Ngọc-Hoàng lấy tên nó là TÝ cho nó đứng đầu số tuổi. Kế là con Trâu, (SỬU) nhờ tính siêng-năng nên tới thứ nhì, rồi mới đến con Cọp (DẦN), nhẩy phóc tới thứ ba, con Mèo (MÈO), thấy vậy nhẩy theo, v.v..., con Heo (HỢI) thì ut-ít tới sau cùng.

— Minh à, thế sao con Voi, con Nai, con Bò, con Thỏ, v.v... lại không được « lãnh tuổi » của Ngọc-Hoàng ?

— Tại vì khi mấy con đó tới nơi thì đã trễ rồi. Ngọc-Hoàng đã khóa số. Đây cũng như cuộc Thi chỉ lấy có 12 người đỗ. Con Voi thì chậm - chạp quá, đứng đình nện từng bước, con Nai thì ngo-ngác, sợ - sệt, con

Bò thì uể-oải, con Thỏ thì lo đơn với bóng Trăng. Chỉ có con TÝ là số dách.

Trời sanh nó ra bé tí-teo hơn hết thì lại được lãnh lợi hơn cả và đa mưu, để dền-bù vào sự thiệt-hại kia, và như thế nó mới sống được, nếu không nhanh-nhẹn và nhiều mưu-kế thì bị Mèo vồ hết còn gì.

— Minh ơi Minh, có phải tại nó đứng đầu 12 con giáp cho nên người ta bảo là con Chuột linh - thiêng lắm, phải không Minh ?

— Chúng ta không thể mê-tín như thế được. Sách vở hồi xưa để lại cũng không bao giờ nói là con chuột linh-thiên. Cứ theo như thần-thoại Tàu, và cả thần thoại Hy-Lạp, La-Mã, thì có một số thú-vật được hóa ra Thần-thánh, như con Khỉ, con Heo, con Ngựa, con Cá, con Rùa, con Cọp, con Rắn, v. v... Nhưng con Chuột thì lí-lạt quá, ranh-mảnh quá, khó mà tu được cho thoát khỏi lột chuột. Trong văn-học-sử, nó chỉ đóng vai trò phá-phách. Thí dụ như chuyện TÔ-ĐÔNG-PHA, một nhà Học-giả có danh-tiếng vừa là một thi-sĩ Tàu rất thâm-thúy

ở đời nhà TÔNG.

— Minh kể chuyện đó cho em nghe đi !

— Hồi còn đi học, họ Tô thường bị bệnh đau bụng, nên hay bỏ củ gừng trong túi để phòng khi đau bụng thì lấy gừng ra ăn cho đỡ đau. Nhưng đêm đêm Chuột cứ bò ra gặm hết gừng của ông, đến khi ông đau bụng, thò tay vào túi lấy gừng thì không còn. CON CHUỘT của TÔ-ĐÔNG-PHA chuyên môn ăn gừng, nên sử-sách còn ghi chép lại. Đã phá-phách lại còn làm mưu-mô.

TÔ-ĐÔNG-PHA còn chép lại chuyện một con chuột như sau đây. Một đêm ông đang ngồi đọc sách, bỗng nghe tiếng Chuột gặm. Ông vỗ giường dọa cho nó thôi. Thôi được một lát nó lại gặm. Ông sai đưa ở cầm đèn đi soi xem con Chuột gặm ở đâu. Đưa ở thưa rằng con Chuột gặm trong cái rương. Tô-Đông-Pha ngạc-nhiên hết sức vì cái rương đóng kín, làm sao Chuột vô được ? Ông biểu thàng nhỏ mở rương ra coi thì không có gì. Sau cầm nến soi kỹ thì thấy một con Chuột nằm chết chèo-queo.

Thi-sĩ Tô-Đông-Pha lấy làm lạ, nói :

« Rõ-ràng mình vừa nghe nó cắn cốt-kết mà bây giờ nó đã chết rồi ư ? Hay là tiếng ma ? » Ông lấy que gắp con Chuột chết vớt ra ngoài, rồi đóng rương lại, để xem còn có tiếng Chuột gặm nữa không. Té ra con Chuột vừa được vớt ra ngoài thì nó chạy liền, cút thẳng vào xó nhà, Tô-Đông-Pha lanh chẹn chạy theo chụp cũng không kịp. Thi ra, lúc bị mở rương, Chuột không biết làm sao trốn thoát, nên làm bộ nằm chết ngay đó để được lượm vớt ra ngoài. Ra ngoài được rồi là nó chạy thoát luôn. Do đó, nhà Học-giả TÔ-ĐÔNG-PHA viết một đoạn văn sau đây về « TRIẾT-LÝ CON CHUỘT » :

Lạ thay, cái khôn của con Chuột ! Bị nhốt trong rương kín, không có gì ăn và không thể khoét ra được, nhưng cứ gặm, dù rằng nhỏ gặm không được cốt lấy tiếng kêu khiến người để ý, để người ta mở rương. Không chết mà làm ra chết, giả vờ để được người lượm vớt ra ngoài, để rồi chạy thoát ! Ta nghe phàm các vật sống, con người khôn hơn tất

cả cá loài. Thế mà nay ta thấy rõ ràng con Chuột lại còn khôn hơn người! Ta mắc lừa mưu kế của nó!

Thà ra ta học nhiều, nhớ được nhiều, nhưng ta vẫn chưa nhận được cái đạo ở đời. Con Chuột vì chuyên-nhất một việc thoát thân nên nó đã thoát thân được, còn ta không chuyên-nhất về việc bắt Chuột nên ta không bắt được Chuột vậy! Ta cứ xuống mà cười thảm, ngửa lên mà tỉnh ngộ, sai tiều-đồng cầm bút đề ta đọc cho ghi bài này đề lại cho hậu-thế vậy.

Bà Tú phì cười về chuyện con Chuột của Tô-Đông-Pha:

— Con Chuột khôn quá, há Minh! Mà Tô-Đông-Pha ở thời nào Minh nhỉ?

— Đời nhà Tống bên Tàu, tức là đương thời vua Lý Anh-Vũ bên ta, vào khoảng năm 1100.

— Hay quá nhỉ! Chuyện con chuột của Tô-Đông-Pha xảy ra đã 860 năm, nay năm Tý chúng ta còn nghe lại bài triết-học của nhà Thi-hào họ Tô, cũng hưởng-thụ được một bài học kinh nghiệm về triết-lý và xã-hội thật là quý-báu.

— Với một Đại Thi-nhân

như Tô-Đông-Pha, chuyện một con Chuột-lắt cũng là một bài học triết-lý cho nghìn đời. Ở trong hoàn-cảnh nguy nan đến đâu, Chuột vẫn lạc-quan, tập-trung ý chí vào việc cứu thoát cho mình, cho nên Chuột thành-công. Còn người thì nghĩ vô-vấn, lo chuyện đầu-đầu, không tập-trung tư-trưởng vào việc bắt Chuột nên Chuột mới lợi-dụng được khuyết-điểm đó mà thoát nạn và người đã bị mắc lừa. Phải lạc-quan và bình-tĩnh mặc dầu nguy hiểm, tranh-đấu bằng mọi phương-pháp, khai-thác mọi khả-năng của thông-minh để thành-công lớn-lao đó là TRIẾT-LÝ của CON CHUỘT của nhà Văn-hào TÔ-ĐÔNG-PHA, và đó cũng phải là triết-lý nhân-sinh của chúng ta ngày nay vậy. Minh có chịu như vậy là đúng không?

— Em chịu lắm. Đúng lắm.

— Trong sách LÃ - THI - XUÂN - THU của Tàu có kể chuyện nước TỀ có người thạo nghề xem tướng Chó. Một người bạn nhờ ông ta mua giùm một con Chó giỏi bắt Chuột, vì nhà người ấy nhiều Chuột quá. Một năm trời, ông ta

mới mua được chó và bảo bạn: « Con chó này giỏi nghề săn lăm ». Người bạn nuôi con chó mấy năm mà không thấy nó bắt được con chuột nào, liền hỏi ông.

Ông bảo: « Con chó này tốt lắm. Nhưng cái chỉ của nó là bắt hươu, bắt nai, chó không muốn bắt chuột. Bây giờ muốn cho nó bắt chuột thì phải cùm chân sau nó lại ». Người bạn nghe theo lời, cùm hai chân sau của chó. Quả nhiên sau đó chó hay bắt chuột ». Đó là chuyện trong sách. Minh hiểu cái triết-lý của nó không?

— Minh giảng cho em nghe đi.

— Đây là cái triết-lý của kẻ đại-tài mà bị bắt buộc phải làm việc tiểu-sự. Người tài-giỏi, nếu gặp thời-thế thích-hợp với chí khí của mình, thì có thể làm được nhiều việc đại-sự. Ruổi sống nhằm lúc chánh-trị chuyên chế, kèm hãm tự-do phát-triển tài-năng, bị « cùm » chân « cùm » tay, thì cũng chỉ làm được việc bắt chuột mà thôi!

— Người đời xưa để lại nhiều chuyện triết-lý hay quá, Minh nhỉ,

— Chuyện một con chuột,

hay một con chó, cũng chưa đựng bài học xử-thế thâm-thúy cho loài người. Vì vậy mà người đời nay thích đọc sách của người đời xưa.

— Minh kể chuyện chuột nữa cho em nghe đi.

— Trong Văn-học Âu-Tây, thời cổ-điển có HORACE, Thi-sĩ La-Mã, bạn thân của Thi-sĩ Virgile, 65-8 trước J.C. có nói đến con Chuột trong tập thơ « Nghệ-thuật Thi-Ca »:

*Parturiant montes, nascetur
ridiculus mus.*

Câu thơ La-tinh này, sang Thế-kỷ XVII, nhà thơ LA FONTAINE của Pháp dịch ra và làm đầu-đề cho một bài thơ ngụ ngôn của ông: *La Montagne qui accouche d'une souris*, (Hòn núi đẻ ra con chuột), để chế-nhạo những kẻ hứa hẹn cao xa như hòn núi mà rốt cuộc thì chỉ làm được chuyện lỗ-bịch cùn con như con chuột.

Cũng LA FONTAINE, trong bài ngụ ngôn « *La Chauve-Souris et les deux Belettes* », có hai câu thơ bắt-hủ:

*Je suis oiseau: Voyez mes ailes.
Je suis souris: Vivent les rats!*

Nói về con dơi :

Tôi là loài chim : này, hai
cánh của tôi !

Tôi là loài chuột : giống chuột
vạn tuế !

Để ám - chỉ những kẻ làm
chính-trị, hay thay đổi màu sắc,
phất cờ theo gió, cũng như bên
ta có bao « ông lớn » hồi Pháp-
thuộc thì hô to : Đại-Pháp vạn
tuế !, rồi hồi Nhật-thuộc cũng :
Đại Nhật-Bản muôn năm ! Qua
đời Việt-minh, thì Hồ-chủ-tịch
muôn năm ! Đến đời Bảo Đại,
thì Bảo-Đại vạn tuế !

Đó là hạng chánh-khách CON
ĐÔI, với chim thì họ là chim,
với chuột thì họ cũng là chuột
được vậy !

— Hạng đó, thời nào mà chả
có, Mình nhỉ.

— Ủ, hiếm gì.

— Ngoài ra, còn Văn-thơ nào
về con chuột nữa không, hả
Mình ?

— Trong văn - chương Âu-
Tây, kim-cổ, không còn ai nhắc
đến con chuột nữa. Đó cũng là
một điều lạ.

Suốt mấy thế-kỷ văn-học, các
con thú-vật khác được các thi-
nhân văn-sĩ nhắc-nhở đến luôn,

trừ ra con Chuột. Đáng ghê-tởm
nhất là CÚ MÈO, mà cũng có
người khen ngợi trong văn-thơ.

— Thi-sĩ nào lại ca-ngợi con
Cú-Mèo, hả Mình ?

— SHELLEY, thi-sĩ Anh,
trong bài *l'Aziola*, ca-ngợi
« Con chim Cú-Mèo con, có lông
mềm-mại » :

« Aziola buồn ơi !

Từ đêm ấy ta yêu người !

*Ta yêu cả tiếng kêu buồn
thâm của người ! »*

Thi sĩ JOHN KEATS, cũng
thế. Chàng cũng yêu tất cả
những con vật buồn-bã, xấu-xí,
và chàng ca-ngợi cả con Cú-Mèo
cũng như Shelley :

*Chớ đề con Cú-Mèo lông êm-
dịu,*

*Nhìn thấy ta riu-riu khò
trong thâm-u.*

v. v...

GOETHE, SHAKESPEARE,
ANNUMZIO, VICTOR
HUGO, đều ca-ngợi nhiều con
vật, con Cú-Mèo, con Cóc, con
Rắn, con Bò-Nông, con Vạc,
con Cá-sấu, con Khỉ, là những
con vật xấu-số vô-duyên, thế mà
không ai đá-dộng đến con Chuột
là con vật bé tí-teo, ngoan-

ngoan, thật dễ thương vô cùng !

— Xí ! Em cũng hổng có
thương con Chuột một tý nào
đâu.

— Mình sẽ thương nó, nếu
Mình nghe một thi-sĩ Nhật ca-
ngợi nó.

— Thi-sĩ Nhật hả ?

— Ủ. Một nữ-sĩ, cũng là
phụ-nữ như Mình vậy : YOSA-
NO AKIKO. Nàng là Hiệu-
trưởng trường Nữ Trung-học
Osaka, sinh năm 1878, mới chết
hồi năm 1941.

Hồi 19 tuổi, nàng đã nổi tiếng
là một tài-hoa, và rất giỏi về
sinh-ngữ, nhất là Pháp-ngữ, và
thuộc về thể-hệ Thi-sĩ mới nhất
và lãng-mạn nhất theo các thi-
phái Âu-Tây. Thơ nàng rất
được hoan-ngênh hiện nay.
Trong tập thơ « *Mở tóc rối* »
của nàng, gồm có đến 400 câu
thơ, có một bài nhan đề là
« CON CHUỘT », để anh tạm
dịch theo nguyên-văn cho Mình
nghe nhé :

*Trong căn phòng nho-nhỏ của
tôi,*

Có một con Chuột bé tí-teo thòt.

Nghe tiếng nó gặm lác-các,

Như một nghệ-sĩ điêu-khắc,

*Đục chạm một mỹ-phẩm,
Suốt đêm trường thăm-thăm...*

Rồi nó khileu-vũ, say sưa,

*Chạy vòng quanh như con ngựa
đua,*

Bò cả lên bàn viết,

Đề đất bụi và dấu chữn bê-bết

*ln đầy lên mấy vần thơ vừa
khô nét của tôi.*

*Dù sao, tôi đã sống với Chuột,
Thì tôi sẵn-sóc như người thân
thuộc.*

Tôi muốn nó được yên-uit,

*Tôi muốn nó làm cái ở bên cạnh
tôi.*

*Hoặc nó khoét lỗ trên trần nhà,
Đề nó tiếp các bạn hữu gần xa.
Nhưng thỉnh thoảng tôi ước
mong*

*Nó liếc nhìn tôi... đề tôi vui
lòng.*

Đó bài thơ của bà YOSANO
AKIKO như vậy đó. Mình
thấy có hay không ?

— Khá-ái lắm.

— Mình xem Nữ-sĩ thương con
Chuột như người bạn ở chung
trong gia-đình. Chỉ mong thỉnh-
thoảng được nó nhìn trộm một
cái thì khoái chí. Thế mà Mình
thì hề thấy Chuột đậu là hồn vía
lên mây, cứ đòi đánh cho chết !

Bà Tú nói thật khe, sợ con Chuột ở dưới gầm giường nghe:

— Người ta bảo con Chuột linh lắm, Minh ơi! Nói xấu nó tới nó cắn hết quần áo đấy. Cho nên em sợ nó lắm.

— Vâng, anh cũng nghe người ta bảo thế. Nó mà cắn quần-áo thì cái diêm không tốt. Thế nào trong nhà cũng xảy ra chuyện xui-xẻo. Người ta còn bảo rằng, nếu tối ngủ mà nó bò lên cắn ngón chân của ai thì đó là báo-hiệu cho người ấy sắp chết.

— Chuyện đó, có thiệt không Minh?

— Anh không tin như thế. Nhưng có điều chắc-chắn, là loài chuột đem nhiều chứng bệnh truyền-nhiễm cho người. Nó có thể truyền qua cho ta những con vi-trùng bệnh dịch Chuột, bệnh kiết-ly, bệnh trichinose. Có lẽ đã có nhiều người bị chuột cắn, bị nhiễm các vi trùng Spiro-chétose-ictéro-hémorragique mà chết, cho nên có lời truyền-khẩu như thế cũng đúng. Con Chuột tuy nó bé nhỏ, nhưng nó truyền nhiễm bệnh dịch - hạch tai - hai lớn-lao vô kể. Bệnh dịch Chuột, mà ta cũng thường gọi là Bệnh

Hạch-Chuột, là một con bệnh nguy-hiểm nhất, nguy-hiểm hơn cả bệnh dịch tả (choléra) nữa. Minh còn nhớ bài « *Les anti-maux malades de la Peste* » của LA FONTAINE không?

*Un mal qui répand la terreur,
Mal, que le Ciel en sa fureur,
Inventa pour punir les crimes
de la Terre...*

(Một chứng bệnh tràn-lan khủng khiếp.

Mà Hóa-Công cầu - tiết bầy ra
Đề trừng phạt cõi Ta-Bà
Sống đầy tội ác, gian tà, u-mê.

— Bệnh Hạch Chuột là bệnh thế nào [mà ghê thế hả Minh?

— Nó do những con bọ chết chuột truyền qua người, nạn-nhân bị bọ chết Chuột cắn, sẽ nổi một cái hạch rất nguy hiểm và chết ngay tức khắc. Và mỗi ngày có thể có hàng muôn ngàn người chết như thế. Trong Lịch sử Nhân-loại còn ghi lại những trận chết kinh-khủng vì bệnh Dịch Chuột, mà ghê-gớm nhất là trận Dịch Chuột tàn phá gần hết kinh đô ATHÈNES của

CỔ HI LẠP, năm 429 trước J. C., trong lúc chiến tranh Péloponèse, rồi tràn lan qua Ai-cập và xuống đến Ba-tư, giết hại đến mấy trăm ngàn người. Thế kỷ thứ VI, có trận dịch Chuột JUSTÉNIEN, sát hại hàng muôn triệu dân chúng ở Ai Cập, Bắc Phi, Palestine, Syrie, Thổ-nhĩ-kỳ, Ý, Pháp, Đức. Thế kỷ XIV, một trận Dịch Chuột kéo dài từ năm 1346 suốt trong bảy năm, mãi đến 1353 mới hết, giết hại 25 TRIỆU người ở toàn thế ÂU CHÂU và 23 TRIỆU người ở Á CHÂU. Trận Dịch Chuột ở Milan (thế kỷ XVI) làm chết 250.000 người trong thành phố ấy. Londres, kinh đô Anh quốc, bị một trận hồi Thế kỷ XVII, sát hại 60.000 người...

Bà Tú rùng mình:

— Khiếp quá!

— Anh kể một chuyện này cho Minh nghe, Minh mới ghê nữa. Năm 1720 ông Vua đảo Sardaigne ở phía nam hải cảng Marseille của Pháp, một đêm nằm chiêm-bao thấy một chiếc thuyền buôn Ấn-Độ chở gạo đến bán ở đảo. Một bầy chuột từ trong các bao

gạo bò lên bờ đảo, rồi trong một buổi sáng, hai phần ba dân chúng trên đảo đều bị chết vì bệnh dịch hạch. Sáng hôm sau, nhà Vua ngủ dậy, thì quả nhiên vừa được tin có một chiếc tàu buôn gạo của Ấn-Độ sắp cập đến. Vua nhớ giấc chiêm-bao hồi hôm, liền cho lính đến đuổi chiếc tàu đó đi, cấm hẳn không cho ghé bến, mặc dầu dân chúng trong đảo Sardaigne đang cần gạo tiếp tế. Dân chúng bắt bình nhà Vua và không hiểu lý do vì sao Vua lại không cho tàu chở gạo đến. Chiếc tàu buôn Ấn-Độ đành phải qua hải cảng Marseille của Pháp. Tàu cập bến Marseille chỉ mới một buổi trưa, thì buổi chiều hôm đó rồi kể tiếp đêm hôm đó và mấy hôm sau, có trên 200.000 người chết vì bệnh Dịch Chuột, do Chuột trong các bao gạo dưới chiếc tàu Ấn-Độ đem lên, và truyền nhiễm ra khắp cả thành phố. Vị Linh-mục Bel-sunce, coi địa phận Công-giáo Marseille đã liều chết mà tổ chức đội cấp cứu, và khi bệnh dịch Chuột đã qua khỏi rồi thì gần hết nhân viên cấp cứu của Đức Cha nhân từ ấy đều đã bỏ mạng. Bệnh dịch Chuột Marseille lại vượt biển truyền qua Ai-Cập,

Syrie, và Arabic. Trong sử còn ghi lại các trận Dịch Chuột ghê gớm sau đây : *Trung-Quốc* năm 1878 ; *Hà-nội*, năm 1885 ; *Madagascar* năm 1901-1902 ; *Mãn-Châu* năm 1910 - 1911. Ấy là những trận Dịch bị nhiều người chết nhất. Còn các trận Dịch Chuột thường thường, xảy ra ở xứ Việt-Nam ta (như ở ĐÀ-LẠT năm 1947), ở BA-TU, AN-ĐỘ, (Nhất là Ấn-Độ, nơi nhiều bệnh dịch chuột nhất) thì không kể.

Bà Tú lắc đầu, có vẻ chán ngán và lo sợ lắm. Ông Tú mỉm cười bảo :

— Nhưng đó là những con Chuột cống, Chuột chù, thường truyền bệnh Dịch Hạch. Chứ Chuột đồng, Chuột lắt, thì ít tai hại hơn. Chuột đồng lại hiền lành, sạch sẽ, và thịt nó ăn ngon và thơm hơn thịt gà rô-ti nữa đó.

— Thôi đi, Minh ! Minh đừng có đòi ăn thịt Chuột nhé, mặc dầu là Chuột đồng hay Chuột gì cũng vậy. Sao em ghê quá, Minh à. À, nè Minh, tại sao có nhiều người gọi Chuột bằng «ông» ?

— Ai gọi thế hồi nào ?

— Người ta vẫn gọi Chuột là «Ông Tý» đó.

Ông Tú cười :

— À, nguyên do tại các người đi thuyền ngoài biển, thường bị Chuột khoét thuyền để nước vô đấm thuyền, cho nên họ sợ Chuột, kêu Chuột bằng «Ông Tý» cũng như họ kêu cá Voi bằng «Cá Ông» vậy mà.

— Thế ra Voi, Cọp thì vì to lớn và đáng sợ nên người ta gọi Ông Voi, Ông Cọp, đã đành. Còn con Chuột bé loét choát thế mà cũng được tôn là «Ông Tý» !

Bà Tú đang cười ha-hà thì bỗng dưng con Chuột lúc nãy ở dưới gầm giường, chạy xoẹt ngang qua nhà, bà Tú hoảng hốt ôm chầm lấy ông Tú, và ré lên :

— Ông kia, Minh ơi !

Ông Tú ngờ ngạc hỏi :

— Ông gì ?

— Ông Tý !

— Đâu ? Nó đâu ?

— Ông chạy xuống gầm tủ rồi. Minh lấy cây đuổi ra mau đi !

Bà Tú run lên, trở đời mắt nhìn đăm đăm dưới chạn tủ :

Minh lấy cây đuổi ra, kéo ông

Tý bò vô tủ cắn hết quần áo bây giờ.

Ông Tú lấy cái chổi lông gà, đập chung quanh tủ một lúc thật lâu không thấy đâu cả. Con Chuột nhất định không bò ra. Ông Tú phì cười :

— Con Chuột này lại giống như con Chuột của Tô-đông-Pha. Vậy mà hễ mình bắt được nó thì nó giả ngộ chết cho mà coi !

Nhưng nó trốn đâu mắt, ông Tú không làm sao đuổi nó ra. Đêm ấy, bà Tú đóng kín cửa tủ quần áo, cửa tủ đồ ăn, và suốt đêm bà không ngủ được, chỉ sợ

nó bò lên cắn chạn bà. Bà lắng tai nghe tiếng con chuột gặm lác-các...lác-các... ở trên bàn nước. Bà cứ lo «ông Tý» ăn hết hộp mứt dừa của Bà. 2 giờ khuya, bà còn khe gọi ông Tú để nói thăm bên tai ông :

— Sáng mai dậy thật sớm, em đi ra chợ kiếm mua một con mèo, Minh nhé.

Bà nói rất khe, rất khe, sợ «Ông Tý» nghe.

Đieu Huyền

ĐÍNH CHÍNH

Vì có sự sơ sót của ấn công nên trong bài « Món quà kỷ-niệm đầu năm » đã quên đề tên tác giả là Hoàng-Thắng và bài « Nhật-Bổn », cliché của trang 55 đã đề nhầm qua trang 51, cliché trang 51 đề nhầm qua trang 55.

Vậy xin cáo lỗi bạn đọc cùng tác giả Hoàng-Thắng, và mong quý vị tự đính chính giúp cho. Đa tạ

P. T.

★ DANH NGÔN VỀ VỢ CHỒNG

Muốn có hạnh phúc với một người đàn ông, thì phải hiểu họ rất nhiều và yêu họ ít ít cũng được. Muốn có hạnh phúc với một người đàn bà thì phải yêu họ thật nhiều và đừng tìm cách hiểu họ H.B.

(Nectar in a Nutshell)

mây
cầu

Chuyện Chuột

* D. Y. MA



Ô I cái địa-vị của Chú chiếm được trong Can - Chi cũng đủ chứng tỏ rằng trong giới thượng-cầm hạ thú tài-trí của Chú đúng là vượt

bực, số dách !

Hơn 1 tỷ người, từ Trung-Hoa Nhật-Bồn, qua Ấn-Độ Tích-Lan, Nam-Dương nói tóm toàn cõi Á-Â-Âu đã mang tuổi của Chú. Câu chuyện tranh-dành ngôi thứ giữa Chú và các loài cầm thú khác quả thật là hi-hữu. Ông Nội tôi kể cho tôi nghe có một lần, tôi còn nhớ mãi.

Thuở đó, Ông Trời nhận thấy có sự lộn-xộn trong cách ghi chép Bộ Đồi, bèn quyết-định gán cho

mỗi Chi mỗi tên đặc-biệt cho tiện việc ghi sổ sách. Hồi đó, phần đông các vị lục-sự của Thiên-Đình, Thổ-Địa v.v... và cả nhân-loại nữa đều bị nạn mù chữ nên Ông khéo léo dùng thú-vật để giúp cho thiên-hạ và nhân-viên của Ông dễ nhớ. Cách tuyển chọn rất dân-chủ và căn-cứ trên trí khôn lạnh và tánh xảo-quyết của mỗi giống thú. Mặc dầu biết Rồng luôn ở cạnh kẻ Ông và Cọp là vua của Loài Vật, mặc dầu biết tài nịnh bợ của Mèo, mưu-sĩ của Cáo, trác-trở như Rắn, liến-xảo như Khỉ, Ông vẫn tổ-chức cuộc tuyển chọn một cách rất đại-chúng, bất phân cao-hạ, thân-thuộc, ảnh-hưởng...

Giờ phút thi đua đã đến. Các loài cầm-thú chính-tề đứng sắp

hàng thành chữ I trên mặt đất. Đây là một cuộc chạy bộ bằng đồng, leo núi, vượt suối, chui hang. Các loài thú phải xuyên qua nhiều chướng ngại vật rải rác trên mặt đất.

Bỗng, một tiếng sét đánh do Lôi-Công ra lệnh, tất cả bọn a nhau lên đường ăn thua đủ. Cuộc thi-chạy rất ngoạn-mục. Ông Trời và đình-thần ngự trên mây tha hồ cười lăn cười lóc. Các bạn thử tượng-tượng cái cảnh hỗn-độn của cuộc chạy việt-dã đó ra sao !

Thoạt tiên Chuột đã thót lên lưng Bò (voi), vào nằm trong lỗ tai của Chú Tượng. Chuột hét lớn : « Voi ơi, coi chừng Kiến-Càng nó đang bám riết theo mày đó. Chạy nhanh lên ! » Voi sợ kiến số một, nghe nói, hết sức bình-sinh ba chân bốn cẳng nhào đại tới, bất kể gì cả !

Mức đến được đặt ở bên kia bờ suối, một con suối sâu rộng, nước chảy mạnh. Tốp đầu gồm có Voi, Cọp, Trâu, Mèo và Chuột đều dừng hẳn lại. Thấy nước cả bọn trù Trâu, đều hãi sợ, cứ ngấp ngà ngấp ngừng. Trâu lững thững bước xuống. Chuột ta ló đầu thấy vậy không biết làm sao bèn nghĩ ra một kế. Hấn chạy ra dùng dit voi, lấy mõm ngậm chặt nút đuôi Bò, ra sức cắn một miếng thật đau. Voi thấy đau nhót nghĩ đến kiến, liền vọt xuống sông bơi lấy bờ để. Đến gần bờ bên kia, không đợi cho

Voi lên, Chuột nhảy thêm một chiếc nữa. Voi nổi giận, và để tự-vệ, quất mạnh đuôi, liệng Chuột cách xa đó hơn 10 trượng, vừa gần mức. Chuột thong dong đi đến đặt chân lên mức trước tiên, trong sự cô-vỡ và tiếng hoan-hò của Thiên-Đình. Còn Voi và Cọp đang vật nhau dành chỗ lên, thì Trâu tiếp đến và chiếm giải nhì.

Do đó trong Thập-nhi-chi đứng đầu là Chú-Ti !

Khôn ngoan của Chuột thì khỏi nói. Chuyện Chuột đánh cắp trứng, nằm ngửa ôm trứng quặp cẳng cho chắc đề con khác cắn đuôi kéo lét-sệt về tổ. Chuyện chuột giả-vờ chết ! Ai cũng biết. Duy nó quá nhác ! Người ta bảo nó không có mặt, và mặt của nó qui lắm. Nếu lấy được, đem thoa vào tờ giấy bản, đợi khi cúng kỵ, đưa ra trước mắt thì nhìn thấy hồn-ma của ông bà về soi cổ. Nhưng từ xưa tới nay chưa ai lấy được mặt của Chú Thiêng cả, nên chẳng có ai thấy người chết hiện hồn về ăn cỗ gì cả !

Chuột hay phá sách ! lẽ vì sách đã nói xấu chúng. Trong văn-chương nước Pháp, có nhà thi-hào Lã-phụng-Tiên gán cho chuột nhiều vai trò hài-huộc, nhưng là những con Chuột nhút-nhát, khờ-khạo. Trong những bài thơ ngụ-ngôn bất hủ của ông ta nào là chuyện : Chuột nhắt, Mèo

và Gà giò, trong đó Chuột bà sành đời hơn con, dạy con rằng:

Chớ trông ngoài mã.

*Bộ hiền lành, chính gã miếu
nhi*

Xưa nay độc-ác gian phi!

*Cùng nời nhà chuột nó thì hại
ngay...*

Nào là chuyện Mèo già với chuột non, chỉ-trích bọn già thì tinh mà bọn trẻ thì ranh.

Hay hơn hết có chuyện: Hội-Đồng - Chuột, thật là mỉa mai chua-chát. Cả họ nhà Chuột như lúc vắng mặt Mèo khai-hội với mục-dịch tìm mọi biện-pháp Chống Mèo. Một Chuột cụ đề-nghị đem một chiếc chuông đeo vào cổ Mèo. Lúc nó đi đến đâu thì chuông kêu leng-keng họ hàng nhà Chuột biết mà chạy trốn. Cả hội-đồng hoan-hô nhiệt-liệt sáng kiến đó. Nhưng đến lượt chọn lựa một «dũng thủ» vì giang-sơn và nời giống Chuột thân-hành mang chuông đến đeo vào cổ Mèo thì chẳng thấy một cái mỏ nhọn nào hên lên cả. «Ngần-ngờ một lúc rồi thì hội tan».

Tê ra cuộc bàn luận thật hão.

Có lạ gì bàn lão xưa nay.

Chẳng là việc Chuột thế này

*Việc dân, việc nước cũng hay
bàn xằng.*

Trái lại một văn-hào nước Mỹ tên là Joe Austell Small lại khen

giống Chuột khôn và thương yêu đồng loại! Ông kể lại trong lúc đang đi chơi bỗng nghe có tiếng kêu chen-chét, ông nhìn rõ thì thấy một chú rắn đang nuốt một con Chuột. Trong lúc đó một con khác bám riết vào mình rắn, cấu xé cắn rứt lung-tung vừa kêu chi-choé.. Rắn lỏng-lộn nhưng mồm mắc ngậm con kia không cắn mổ gì được. Rắn bèn nhả chuột trong miệng ra định ăn-thua đủ với con kia. Nhưng khi thấy đồng-loại của nó thoát nạn, nó liền cùng con kia lẫn vô bụi biển mất...

Một thi-hào Đức lại cho giống chuột là một đại-họa cho giống người. Ông ta kể:

Tại một hải - cảng nọ (hình như là Hambourg) giống Chuột không biết từ đâu kéo đàn kéo lũ đến chiếm đóng hang, hóc, cống, rãnh. Chúng phá phách thực ăn cùng đồ đạc, sinh sản mau lẹ. Không bao lâu chúng lan tràn vào nhà cửa kho hầm. Mọi cách dùng để đối-phó đều tỏ ra vô hiệu. Chúng dám tấn công cả mèo và người. Thét mèo thấy Chuột là chạy trốn chết không thì chúng bu quanh ngả thịt ngay. Dân chúng trù-tính bỏ nhà cửa dời đi nơi khác và trước khi đi họ sẽ phóng hỏa đốt cháy cả tỉnh thành. Họ bèn họp mít-tinh để quyết định. Vừa lúc đó một chàng nhạc-sĩ tha phương lừng thừng đến. Anh này chỉ độc có một chiếc sáo...

Anh ta dựa lưng vào cây me cạnh công sở, lấy sáo ra thổi. Lạ thay, ngay mấy tiếng đầu tiên, công chúng bỗng như bị điện giật ôm nhau nhảy nhót. Tiếng sáo càng rộn rịp đám đông càng nhảy nhót điên cuồng hơn! Từ ông thị trưởng cho đến anh dân cày, từ bà Công-tước cho đến chị bán Cá, bắt kể địa vị, danh giá, bả ai ôm nấy nhảy cẫng như ngậy, như đại... Tiếng sáo dứt, thì Ông Thị Trưởng phồng mang trợn mắt chạy đến sừng sộ, điếm ngay mặt anh chàng nhạc sĩ quát tháo àm ỉ, đòi bỏ tù vì anh ta đã phá đám: cuộc mít-tinh nghiêm trang bỗng hóa ra một cuộc khiêu vũ bình dân. Anh ta mỉm cười điềm nhiên nhắc cái họa chung và nói, mục đích anh ta đến đây để giúp cho thành phố thoát khỏi nạn chuột. Chẳng có ai tin cái anh chàng quái dị không một tấc sắt, không một mảnh lười trong tay, mà đòi thực hiện một công việc khó khăn tội bực.

Anh chậm rãi đặt chiếc sáo lên môi. Điệu nhạc anh thổi bỗng trở nên trầm bổng. Từ dưới đất một chú Chuột ló đầu ra nghe ngóng, từ trên nóc nhà, ống khói, rầm thưng, hầm than bỗng tuông ra lũ lượt hàng thiên hàng triệu chuột lớn chuột bé đến bu quanh chàng nhạc sĩ chông mỏ lên hướng về chàng

để thưởng thức nhạc điệu kỳ dị...

Dân chúng rút lui dần vô nhà đóng chặt cửa ngổ lại, dính mắt vào các lỗ hở nhòm ra và chờ coi đám chuột xâu xé xác của anh thổi sáo. Họ hồi hộp chờ. Nhưng bỗng nhiên điệu nhạc trở nên vui vẻ thức dục, cả đám chuột như sức tinh dựng hai chân nhảy nhót như lúc nãy đám người vừa làm. Anh nhạc-sĩ vừa thổi sáo vừa đi về hướng bờ biển. Cả đám chuột vừa nhảy nhót vừa theo chàng. Chàng tiến lần xuống bãi cát...

Nước thủy triều lúc đó đang dâng lên cuộn cuộn. Phút chốc đám chuột bị nước bao bọc và cuốn đi mất. Chàng nhạc sĩ cũng tan theo mây nước. Dân chúng hoàn hồn biết mình được ông thần Pan cứu giúp lên lập đền thờ vị Thần đó. Từ đấy hải cảng không còn bóng dáng một con chuột nào nữa cả...

Nhưng câu chuyện chuột hấp dẫn nhất, là chuyện chuột trong cuốn Tây-Du. Con Chuột quý ấy tên là Huỳnh-Phong. Thầy Tam-Tạng lúc đó mới có hai đệ-tử là Tru-Bác-Giái và Tôn-Ngộ-Không. Khi đến Huỳnh-Phong-Lãnh thì bị con Chuột Huỳnh-Phong sai tướng dùng phép «Kim - thiên thoát xác» (Con ve lột vỏ) bắt Tam-Tạng vào động, định mần thịt. Tôn-Hành-Giả nóng lòng

đến trước cửa động khiêu chiêu. Trận này Tôn-Ngô-Không dùng phép «Thần - ngoại - Thần» nhờ lông dít thiên biến vạn hóa ra rất nhiều khí trợ chiến. Huỳnh-Phong không kém, hợp gió Đông Nam hóa thành gió vàng : làm trời đất tối, quỷ thần hãi kinh.

Gặp núi non cũng sập, nhằm người phải bỏ mình...

Tôn-Hành-Giả vì sợ cháy mất lông, rút phép co gió nhảy lên mây xanh, nhưng mắt vẫn bị toét, phải nhờ Hộ Pháp Già-Lam đem thuốc Tam-Hoa-Cửu-Tử-Cao dán lên mắt mới khỏi.

Về sau nhờ Hành-Giả biến ra mười bóng vô thám thánh mới rõ là Huỳnh-Long chỉ sợ có Linh-Kiết Bồ-Tát. Ông này được Đức Phật Như-Lai giao cho hai món bửu bối : một thanh Phi-Long-Trường và một viên Định-Phong-Châu.

Hành-Giả liền dâng vâng giá vô đến thỉnh Linh-Kiết Bồ-Tát, làm hậu thuẫn, rồi đến khiêu khích Huỳnh-Phong. Huỳnh - Phong định hóa gió vàng sát hại khi đột, liền bị Linh-Kiết Bồ-Tát ném thanh Phi-Long-Trường xuống. Thanh kiếm này biến thân ra rồng vàng, chụy Huỳnh-Phong, khiến nó hiện nguyên hình là con chuột cống lông vàng nghệ !

Nguyên nó là một con chuột cống, tu dưới chân núi Linh-Sơn. Song nó có tánh háo ăn, cứ lên uống trộm dầu của cây

đèn lưu ly trước bàn Phật. Đèn vì vậy cứ lu hoải. Phật Kim-Cang rình rập đã lâu ngày, bắt được quả tang, định cho nó vô ngôi tù thì nó hiện thân xuống trần làm yêu làm quỷ, để tha hồ vùng vẫy. Gặp phải Tôn-Hành-Giả, cái nghiệp nó đã giải được nên được đem lên giao lại Đức Phật-Tổ xử phạt !

Nhưng câu chuyện mò Chuột sau đây mới nghẹn cười.

Có chàng nọ đến làm nghĩa tế tại một nhà kia. Thường ngày xưa, rể hay tới ở lại nhà ông gia để làm đùm các công việc trong nhà, mỗi khi có lễ lạc gì. Thường rể được phép ngủ chái phía đông, còn cô vợ chưa cưới thì ngủ tại phòng Tây, cách nhau bởi hai tấm phản dài, một bộ trường kỷ của ba căn giữa. Ban ngày đi tới đi lui phải chen lách, đụng cột này căng ghế kia, cũng khó thay huống hồ ban đêm ban hôm, mò mẫm càng rắc rối gấp bội. Không hiểu hồi chàng vạn (hoàng hôn), chàng rể với cô dâu trong lúc bùng đồ lên, bùng đồ xuống có liếc mắt liếc mày ra sao mà ngay tối hôm đó chú rể định thực hiện cái mộng... «trùng trước».

Đợi cho thật khuya, chàng rể lẳng tai nghe tiếng ngáy đều đều của ông già nằm ở phản giữa, chàng nhồm dậy rón rén nhắm thẳng hương Tây trực chỉ. Cây đèn giữa nhà bị bóng mọc nên lu cảm. Anh ta đang lơ rờ quờ

quạng thì đụng đầu vô cột nhà cái cộp. Tiếng cộp đó vang lên rùng rợn. Anh lạng người đi một hồi rồi cái «muốn» thẳng cái sợ, anh lò mò làm sao mà đi thẳng xuống nhà bếp, định nhìn cửa hông là cửa vô buồng Tây !

Anh quờ quạng mò được chiếc mùng, mùng trời chết, nhưng khi vén mùng lên, cái mũi dứa dừa quá đậm và không ướp bông Lài như thứ dầu của ai đó, làm cho anh ngộ ngộ. Anh cúi xuống đánh hơi thì nghe toàn mùi khói bếp và... cô Sen đang ngủ bỗng trở mình làm cho anh ta hoảng sợ buong mùng nhảy lui một bước, biết là mình đi lầm đường...

Bất đồ cái đầu của anh đụng nhằm rồ thịt heo luộc treo tòn teng nơi chiếc gióng khiến nó đu đưa. Ác hại cái đòn gánh lại gát không chắc nên khi rồ thịt khá nặng đu đưa, xê dịch sự thăng bằng làm cho nó sức mẩu. Rồ thịt chơi voi rơi đánh sầm một tiếng trên đồng nồi đồng, mâm đồng làm cho chúng vang đồ lũng chông. Tiếng vang như tiếng phen la trong một bản nhạc Jazz. Con Sen vùng vẫy, định ninh chú chó Mực đang lợi dụng đêm tối để cuồn một đúi heo. Nó mở mắt nhìn cái bóng đen đang quờ quạng, liền quay lại mò chiếc gậy đề hờm sẵn bên gối, tán mạnh một cái vào bóng đen. Bỗng nó nghe

có tiếng kêu : «Ủi chui chóa ! Tui đây mà !. Nó thất hồn nhưng nghe tiếng hỏi quen quen nên chưa vội la. Nó sờ kiếm hộp quẹt đánh một que, nó chưng hửng : «Cậu ! Cậu đi đâu lối này?»

Cậu Rể đứng chết đĩnh, muốn độn thổ cấp tốc, nhưng lối rừ lui bị kẹt vì... trong khi đó Ông Gia nghe tiếng động, lẹp kẹp kéo guốc đi xuống. Bà lục đục trong buồng đi ra. Cậu rể ngậngà ngậngừng... .

Bà hỏi : Chi rừ ?

Ông hỏi : Chi mà nghe cái âm rừ rừ ?

Ấp a ấp úng, Cậu rể nghĩ mãi không ra câu trả lời, đứng đực sượng cầm. May sao có tiếng chuột rúc trong bếp. Y như chàng thi sĩ tìm được tứ thơ anh bật ra một câu trắng bệch, lẹ như nước ốc :

— Dạ thưa con đi rình chuột !

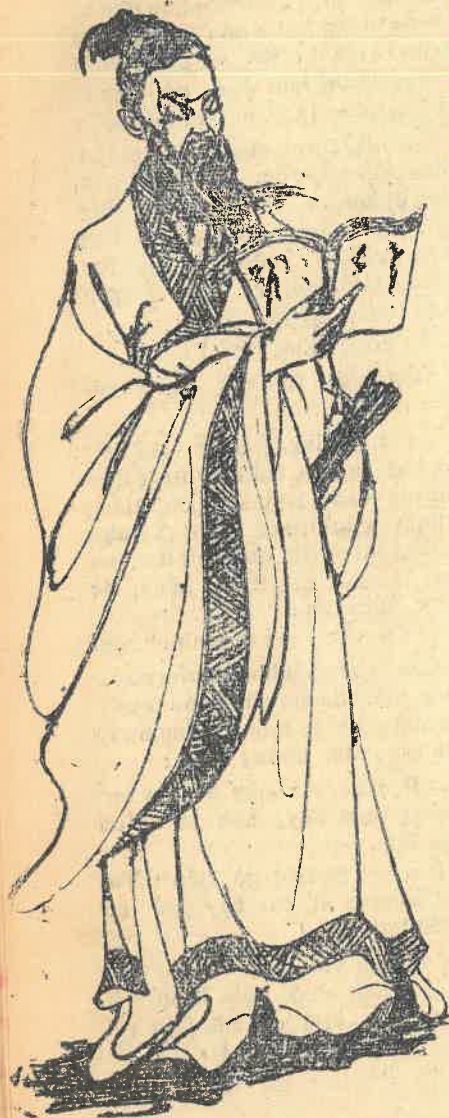
Con Sen ngoảnh mắt mỉm cười. Ông Già, Bà già cũng tức cười, nhưng giả tảng thẳng bước lên nhà. Bà buồng lững :

— Đạo này có mấy bồ lúa nơ buồng phía Tây, nên chuột ưa phá lắm.

Ông gật gà gật gù tiếp : Tu nói bà mua ít cái bẫy mà cứ quên hoài hê !

Con Sen vừa treo rồ thịt vừa khúc khích cười hóm hỉnh, nói một mình : «Đã có anh Rẹn rồi còn đòi bẫy chi nữa ! »

DY MA



Khổng Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo P. T. số 26)

TÀI HOẠT BÁT CỦA KHỔNG-MINH

★
**Tướng CHIÊU cất ván
nhưng MINH làm CHIÊU
cầm nín !**

VỀ cuộc đối đáp giữa Khổng Minh và Trương Chiêu có nhiều đoạn rất thú vị hào hứng. Xin chép thêm vài mẩu chuyện — theo sách « THIỆT CHIẾN QUẢN NHO — để hiến quý độc giả :

Chiêu nói với Khổng - Minh rằng :

— Như thế thì lời nói và việc làm của tiên sinh không đi đôi với nhau. Tiên sinh tự ví mình với Quản, Nhạc. Quản Trọng khi xưa làm tướng của vua Hoàn-Công, giúp chủ làm bá chủ hầu, kuông phủ thiên hạ. Nhạc Nghị thì giúp nước Yên yếu nhỏ hạ được 70 thành nước Tề. Hai người ấy mới thực là có tài tế thế. Như tiên sinh trong nơi thảo-lư chỉ cười gió ngạo trăng, ôm gối

ngồi cao, nay đã theo thờ Lưu Dữ Châu, đang lẽ phải vì sinh linh hưng lợi trừ hại, đánh dẹp kẻ loạn tặc thì mới phải. Thế mà Lưu Dữ Châu trước kia chưa được Tiên sinh, còn tung hoành hoàn vũ, cát cứ thành trì. Nay được tiên sinh mọi người đều ngưỡng vọng, đến đưa trẻ nhi đồng cũng phải bảo rằng hồ kia sinh cánh sắp được nhìn thấy nhà Hán phục hưng. Họ Tào chắc bị tiêu diệt. Kẻ ần sĩ ở sơn lâm, không ai là không lau mắt đợi trông. Chắc rằng tiên sinh quét mây mù trên khoảng trời cao, để thiên hạ được nom thấy ánh quang huy của vùng Nhật Nguyệt, cứu dân trong nơi nước lửa để thiên hạ có giường chiếu mà ngồi.

Ai ngờ từ ngày tiên sinh về với Dữ Châu Tào Tháo một khi ra quân Dữ Châu phải bỏ giáp vất qua, cứ nghe tiếng Tào Tháo đã chạy.

« Trên thì không báo đáp được tình Lưu Biểu an dân, dưới thì không bảo hộ được cô tử để giữ đất nước. »

Đã bỏ TÂN DÃ lại chạy ra Phần Thành rồi thua trận ở Đương Dương trôi rạt về hải khẩu không còn miếng đất dung thân.

Như thế thì Dữ Châu khi đã

được tiên-sinh về giúp lại không bằng buổi trước ? Tôi là kẻ ngu si nói thẳng, xin Tiên-sinh đừng lấy làm quái lạ.

Trước lời chất vấn của Trương Chiêu, Khổng Minh nghe xong, cười đáp :

— Con chim bằng bay vạn dặm, há loài chim khác biết được sao ? ! Ví như người bị bệnh trầm trọng thì trước hết phải cho uống nước cơm, nước cháo, hòa thuốc vào cho dần dần bình phục, phủ tạng đều hòa, hình thể tạm an mới cho ăn thịt để dễ bồi bổ. Bấy giờ mới lấy thuốc mạnh mà trị, căn bệnh mới hết, người mới khỏe mạnh hoàn toàn.

Nếu chẳng đợi cho khí mạch hòa hoãn, đã vội cho uống thuốc mạnh, ăn đồ ngon, thì muốn cần cho được an-toàn rất khó khăn lắm vậy.

Chủ tôi là Lưu-Dữ-Châu khi thua quân ở Nhữ Nam, đến nhờ Lưu-Biểu, bình không đầy một nghìn, chỉ có Quan, Trương, Triệu-Vân (Quan-Công, Trương-Phi, Triệu-Tử) mà thôi, chính là đương lúc bệnh thể nguy kịch. Tân-Dã là một huyện nhỏ chốn sơn-tịch, nhân-dân ít ỏi, hương thực nghèo nàn. Dữ Châu chẳng qua tạm lấy đấy làm đất dung thân. Há muốn thực lòng đóng binh mãi ở đấy đâu !

Lấy binh giáp thiếu thốn, thành quách yếu ớt, quân lính không được thao luyện, lương thực không đủ dùng, vậy mà có trận Thiệu đồn ở BẮC-VŨNG, dùng thủy-lợi ở Bạch-Hà, khiến bọn HẠ-HẬU-ĐỒN và Tào-Nhân phải kinh hồn táng đờm, thiết tướng Quân-Trọng, Nhạc-Nghị có dùng binh cũng chỉ có thể.

Đến như Lưu-Trọng hàng-Tháo, Dự-Châu thực quả không biết được điều ấy. Và lại cũng không nhận tâm thừa lúc loạn mà đoạt lấy cơ nghiệp của người đồng tông. Đó chính thật là đại nhân đại nghĩa. Sở dĩ có trận thua ở Đương-Dương là vì có hơn 10 vạn dân phò nghĩa, Dự-Châu phải diu đặt giả trí đi theo mà không nở bỏ. Mỗi ngày chỉ đi có 10 dặm, không nghỉ tiến lấy Giang-lăng, đành cam phận cùng dân cùng bại trận. Đó cũng là đại nhân đại nghĩa.

Ít không thắng được nhiều. Tướng phụ là thương, xưa kia đức Cao Hoàng bị Hạng Võ đánh bại bao nhiêu trận, chỉ một trận đánh ở Cai-Hạ là thành công. Há không phải vì cơ mưu của HẠN TÍN hay sao? Tin thờ đức

Cao tổ đã lâu không phải trận nào cũng thắng. Huống chi lập Đại Kế cho quốc gia, lập thể An-Nguy cho xã tắc, phải có chủ mưu, chứ không phải như bọn khoa trương biện thuyết chỉ cần hư danh. Khi nhân rồi ngồi một chỗ mà đàm luận thì không ai bằng được, đến lúc làm vào cơ-mưu ứng biến, thì không được một kế gì...

Trương Chiêu nghe Không-Minh nói một hơi, chỉ ngồi mà nghe chớ không đối đáp lại được câu nào.

Bỗng có người cất tiếng hỏi:

— Nay Tào Tháo đóng quân 100 vạn, tướng tá ngàn viên, thế mạnh như rồng như hổ, nuốt trôi Giang Hạ. Ngài bảo như thế là sao?

Người vừa hỏi câu đó là Ngu Chiêu.

Không Minh đáp:

— Tào Tháo thu dụng được binh của Viên Thiệu đông như kiến cỏ, lại bắt được rất nhiều quân ở hợp của LƯU BIÊU. Vậy dù chúng đông mấy trăm vạn cũng không đáng sợ.

(Còn nữa)



— Anh xuân!

Xuân đang đi với vợ ở chợ Bến Thành giặt mình quay lại.



★

NH Xuân có vợ, phải nói là có vợ đẹp quá! Bởi thế nên anh Xuân, cũng như ngàn vạn kẻ khác trong cõi phù sinh, phải

chịu định-luật thừa trừ của tạo hóa. Anh Xuân tài hoa, tháo vát nhưng vẫn « nghèo muôn năm ».

Xuân vừa ở Lào về sau một cuộc làm ăn thất-bại nặng-nề. Cứ nhìn cái áo sờn cổ màu nước dưa, nhìn cái quần nhàu nát bạc màu loang lổ, cái đầu biếng chải

Vợ, bạn,
và con chó

CHIỀU 30 TẾT

★ TRỌNG-TÁU

và cặp mắt như thiếu ngủ của anh, ta cũng thừa sức mừng tụng được cái «ngã» quá đau của anh trong thời gian vừa qua.

Nghe tiếng kêu dỗi ngược, Xuân giặt mình, mặc dầu tính anh rất bình tĩnh; anh giặt mình, vì anh không thể ngờ cơ ngơi này mà còn có kẻ muốn nhìn anh như một người bạn. Bỗng nhiên, anh có một ý nghĩ khôi hài:

— Không biết ai gọi mình, hay gọi vợ mình?

Cần phải nhắc lại một lần nữa: vợ Xuân đẹp quá!

Một người đàn ông sang trọng chải chuốt và đẹp trai, từ trên chiếc xe Huê-kỳ lộng-lẫy bước

xuống chạy lại vỗ vai Xuân niềm nở :

— Anh Xuân, lâu quá mới gặp nhau ! Chị đây hả ?

Dáng điệu hồn-nhiên và vui vẻ của bạn làm Xuân hơi lưỡng cuống, nhưng anh trấn tĩnh tinh thần lại được ngay :

— Anh Thịnh ! Anh vẫn ở Saigon à ? Anh còn nhận ra tôi hay sao ?

— Trông anh hơi đen và già hơn trước. Có lẽ lo nghĩ nhiều ?

Ngưng một lát, Thịnh mỉm cười nói tiếp :

— Câu nói của Xuân vừa rồi, tôi cảm thấy trong đó có một ý-tưởng hơi mỉa mai. Xin lỗi Xuân cho tôi nói một cách thành-thực, có lẽ hiện nay Xuân nghèo và... Xuân đã cho rằng, một khi mình hết tiền tất là kết bạn ?

Xuân-ngạo-nghe :

— Anh nói đúng !

Điều đó chỉ có thể đúng với kẻ khác, nhưng với tôi, nó lại hoàn-toàn trái ngược. Chắc hiện nay Xuân chưa làm gì ? À mà thôi, ta hãy đi kiếm cái gì uống đã. Saigon nóng nực quá phải không anh chị ? Anh chị được mấy cháu rồi nhỉ ? Anh chị phải

về nhà tôi ở.

Thịnh mời vợ chồng Xuân lên xe, và như một cái máy, cả chủ lẫn xe, muốn tự động trực chỉ đường Tự-Do tới một tiệm giải khát của người ngoại quốc. Thịnh nói chuyện luôn miệng và rất duyên dáng. Anh kể lại những biến chuyển của cuộc đời, từ khi đôi bạn học để chòm bắt đầu xa cách. Anh kể truyện kinh doanh, kể truyện hoạt động văn-hóa, chính trị, xã-hội, kinh-tế v.v... của đời anh. Anh sợ đàn bà, vì thế mãi đến nay, anh chưa có vợ.



Vợ chồng Xuân tới ở nhà bạn đã được gần nửa năm. Anh đã xóa bỏ hẳn được tư-tưởng tự-ti của buổi đầu gặp gỡ. Đã có lần Xuân than với vợ :

— Mình thật là thằng bạn tồi ! Cứ mỗi lần anh nhớ lại cái ý-tưởng đầu tiên khi mới gặp Thịnh ở chợ Saigon, anh lại thấy tự thẹn với lương tâm, thẹn là đã nghi ngờ tâm-lòng chân thật của người bạn tốt.

Vợ xuân cười không nói.

Cuộc sống nhờ vả cứ kéo dài như thế một cách buồn-tẻ. Thịnh thì luôn luôn vắng nhà và

bạn trong các cuộc doanh-thương còn vợ chàng tính tình ít nói và chỉ nằm đọc tiểu-thuyết cả ngày. Là người ưa hoạt động anh rất khổ tâm khi phải làm cây tầm-gửi của Thịnh. Nhưng, vận-của chưa hết, anh đành chịu đựng và chờ đợi một cơ hội sẽ đến cho mình.

Ở đây Xuân sống rất đầy đủ; bạn tốt, vợ đẹp, vật chất có thừa mà anh vẫn tính đi, anh chỉ còn chờ vấn đề thời gian thôi. Nếu không có con chó Bích kê tai dài làm bạn hằng ngày, có lẽ anh đã chết vì buồn.

Con chó làm cảnh của Thịnh, khôn ngoan và ranh-mãnh lắm. Nó quấn-quít bên cạnh Xuân cả ngày. Mỗi lần anh đi ra phố về, nó nhảy chồm lên mừng rỡ, quá là gặp lại người bạn xa cách lâu năm. Nó đứng lên bằng hai chân nó ve vẩy thật nhanh cái đuôi cụt ngắn, nó phóng ra xa dăm thước rồi hăm lại thật mau, quay tới phía chàng há mồm, le lưỡi, dãi nhiều nhào và thở hỏn-hển. Con Bích-kê nghiêng đầu ngắm Xuân như một nhà hội họa đang nhìn tác-phẩm của mình. Nó lại nhún vai, duỗi thẳng hai chân trước, rồi bỗng nằm phịch xuống đất,

hai cẳng sau bẹt ra. Trông cái dáng nằm của con chó mà thấy ghét ». Nó nghiêng đầu qua bên này, quay mồm sang bên kia, hai cẳng trước bắt chéo lại với nhau, ung dung thoải mái lắm. Riêng đối với Thịnh thì Bích-kê ít được đặc ân. Mỗi khi Thịnh đi về, bị con chó chồm lên ve vãn, tất thế nào nó cũng được hưởng vài ba cái đá của chiếc giầy — Thịnh sợ con chó làm dơ bộ đồ hộp. Bích-kê chạy lại gần Xuân, nó nhìn chủ như để van lơn, nhìn bạn chủ như để cầu cứu. Chó Bích-Kê có vẻ ưa Xuân hơn, vì thường nhật chàng hay ở nhà vui đùa với nó. Xuân thường ném banh cho nó ngậm chơi và để nó tha đến cho chàng liệng nữa. Có lúc lúc đùa chán, chàng bỏ đi nằm trên ghế xích-đu đọc báo thì Bích kê lại tha quả bóng, để lên lòng chàng và lấy chân khều Xuân như có ý rủ chàng chơi nữa. Ban đêm, nó leo lên giường Xuân để được ngủ dưới chân chàng. Cứ độ 5 giờ sáng, khi nghe tiếng chuông đổ rác rung đều, Bích-Kê đã ngồi chờ Xuân thức dậy. Mỗi lần nó thấy chàng cựa mạnh, biết ông

bạn đã thức giấc, ít khi Bích-Kê để cho chàng ngủ nướng thêm. Đã có những lần Xuân thức giấc nhưng giả vờ ngủ lại, thì Bích-Kê phàn-phạch cái dài dài, hoặc nó lại cạnh thành giường làm bộ gãi tai để chân đập xuống ván kêu bôm bốp làm chàng hết ngủ. Trời đã sáng rồi, thức giấc đi chứ ông bạn Xuân! Nếu còn ngái ngủ thì khó gì?... Bích-Kê leo hẳn lên bụng Xuân lấy chân cào, cào trên ngực. Ma quái quá, cái con chó đáng yêu này. Con chó đẹp, lông xoắn tít màu nâu đã giúp Xuân tự an ủi rất nhiều trong kiếp sống. Nó hăm hứ, nó ngáp dài để kết thúc bằng một tiếng hự và thở ra nũng nịu. Xuân nuông chiều Bích-Kê quá làm cho lắm khi vợ chàng phải khó chịu mà chàng dám nói ra. Bởi thế, ít khi chàng muốn đùa giỡn với chó trên giường, e làm mất giấc ngủ của vợ. Chàng tung chăn ra khỏi giường để tới phòng khách tiếp ông bạn chó. Một buổi tối, để tạo không khí vui đùa, Xuân để cho thằng bé con bên cạnh, làm bộ lấy roi quất vào lưng, chàng vờ khóc và kêu cứu, Bích-Kê chồm lên sủa vang như muốn

làm thịt thằng bé. Xuân vội vã ngưng đùa. Ôi! chó Bích-Kê thân mến, mi có cái đẹp của con chó để thỏa mãn thẩm mỹ quan của những con người có chất « nghệ » như ta. Trong mi, ta đã tìm được cả ba yếu tố: chân thiện, mỹ, mà người nghệ-sĩ ở bất cứ nơi nào hoặc thời nào vẫn muốn tìm.

★

Ở đậu nhà Thịnh đã lâu, hôm nay Xuân thấy cần phải trở lại cuộc đời hoạt động. Anh nhận được một bức thư từ Huế gửi vào mời ra làm hiệu trưởng một trường tư-thục trung-học. Xuân tỏ ý ái với Thịnh và dự tính ở lại Huế nửa tháng để nghiên cứu kỹ-lưỡng vấn đề, vì nó thuộc phạm vi giáo-dục. Thịnh muốn để Xuân xử dụng chiếc xe Huế-Kỳ trong cuộc du hành nhưng chàng từ chối:

— Vợ chồng tôi ở đây đã phiền anh rất nhiều, dù sao, ta cũng không nên lạm dụng lòng tốt của bạn. Anh để tôi đi xe đò cũng được. Có hao tốn gì bao nhiêu?

— Anh Xuân không nên nghi ngại quá, bạn bè thì phải cho ra

bạn chứ! Anh không nên nghi hoặc tâm-lòng thành của bạn anh. Thịnh hỏi ngay:

— Cuộc đi của anh chắc phải có kết quả hay?

Chàng thân nhiên đáp:

— Không chắc tôi có thể hợp tác được với họ, vì người ta có ước vọng thương mại và kỹ-nghệ-hóa nhà trường; đó là một điều tôi không muốn.

— Nghĩa là anh chưa ký hợp đồng?

— Nghĩa là tôi vẫn còn thất nghiệp!

— Nếu thế thì anh chị cứ ở đây với tôi cho vui, tội gì đi xoay-xở cho mệt xác. Bộ anh tưởng tôi không thù tiếp nổi anh chị cho đến mãn đời sao?

Xuân nghiêng đầu hít một hơi thuốc, nhướng mắt nhìn thẳng vào mắt bạn.

— Anh Thịnh ạ! Chúng ta có một vụ điều-đình...

Thịnh giật mình.

Xuân khoác tay ra dấu:

— Anh đừng bấn loạn! kẻ loạn óc đáng lẽ phải là tôi, nhưng lòng tôi thanh-thản lắm anh ạ! Tôi muốn nói rằng, mỗi tình thâm lén giữa bạn và vợ, tôi đã

Có thể nói, việc đời là tất cả một cuộc tiếp diễn không ngừng của ngẫu nhiên. Xuân gặp tai nạn xe đò ở Đèo Cả bị thương ở chân, song thoát chết. Có phải là một điềm báo hiệu cơn sóng gió sẽ bắt đầu từ đây chăng? Chàng vội vã trở về Saigon báo hung-tin cho vợ và bạn rõ.

Xuân bỏ phịch chiếc va-li xuống sàn, chạy vội vào buồng vợ. Anh tắt thỏ một giầy vì... đây, cũng phòng anh, cũng giường anh, cũng vợ anh, mà hơi oi! người nằm đó chẳng phải anh. Từ khi đến ở đậu nơi đây, chàng chưa hề thấy Thịnh tiếp người bạn trai nào cả. Xuân nhìn lại quang cảnh căn phòng một lần nữa, trong đó cặp uyên-ương cứ vô tình say đắm. Chàng rất bình thân và lạnh-lùng trở ra, xách chiếc va-ly phong trần đáp ngay chuyến xe lửa đi Huế.

★

Nửa tháng sau, Xuân trở về

rõ, nhưng điều đó không làm tôi buồn, vì tôi biết, một khi tình-cảm, bất cứ ở hình thức nào, đã mất đi, không có sức mạnh nào lấy lại được...

Thịnh tính nói nhưng Xuân cần lại :

— Anh để tôi nói hết đã ! Vợ tôi trước kia đã yêu tôi chỉ vì phục tài tháo vát của tôi, bây giờ lại ưa anh chỉ vì phục lối xoay tiền một cách tài tình của anh. Tôi cứ nghĩ rằng, tình yêu được thành tựu mà còn bởi một lý do nào đó thì chưa phải là tình yêu thuần túy. Nếu ở trên đời, có những kẻ yêu nhau chỉ vì yêu thì đẹp biết bao ? Tôi không tiếc một mối tình đã mất. Như anh biết, tôi là một kẻ hay tính toán và rất thực-tế, vậy anh cho phép tôi thực tế với anh một lần xem sao...

Con chó Bích kê ngồi nghe hai người bạn nói truyện một cách thêm khát. Hình như nó đang ước ao hiểu rõ được chủ và bạn đang nói gì. Tiếc thay, nó chỉ là con vật — Xuân tiếp :

— Tôi đã đến đây với anh, có một cái gì, vậy thì trước khi đi ra, tôi cũng muốn có một cái gì thay thế. Anh Thịnh, tôi rất quý con chó của anh và nó cũng mến tôi. Kia, anh thấy không, nó đang nhìn tôi như một nhân tinh đầy triu mến. Bích-kê, lại đây !

Con Bích-kê chạy lại nép vào

người Xuân, chàng xoa đầu nó :

— Vợ chồng tôi lấy nhau không có giá thú nên cũng dễ xử. Nàng có thể ở lại với anh như một người vợ. Còn tôi, tôi xin đổi lấy con chó của anh. Được không, anh Thịnh ?

Thịnh cúi đầu, mặc-cổ không trả lời :

— Kia, sao anh không trả lời, hay anh buồn, anh ngượng ? Nếu vì buồn hay ngượng anh gạt đầu là đủ rồi.

Xuân chờ đợi, và Thịnh gạt đầu. Xuân sung sướng đứng dậy siết chặt tay bạn :

— Thế là chúng ta đã thanh-toán vấn đề.

Xuân quay qua con chó nói tiếp :

— Hôm nay 30 tháng chạp rồi nhỉ ! Chúng mình đi ra không biết sẽ ở đâu và sống đâu ? Nhưng, thôi kệ, có Bích-kê ta sẽ sưởi ấm lòng và ấm người. Mà Saigon làm gì có lạnh, Saigon nóng-nực quá phải không Bích-kê ?

Xuân xách va-li dắt chó đi ra. Thịnh gọi giật lại :

— Anh Thịnh ! Anh không cần tiền tiêu Tết à ? Anh và con Bích-kê sẽ ở đâu ?

— Không sao ! Anh khỏi lo cho chúng tôi.

Tiếng pháo chào Xuân ngoài phố nổ vang làm Bích-kê giật mình sửa inh-ôi...

XUÂN BÌNH MINH

*Xuân bình-minh đồng-trinh,
Môi hồng xuân thơm tình
Thơ sang mùa giai-nhân,
Đàn lên cung tình đầu,
Mơ vương hôn thanh-tân,
Lồng bóng khoáng phần vân,
Mùa hoa-niên tươi màu,
Tim trào dâng chơi vui,
Em say sưa men đời.*

*Em yêu màu xuân xanh
Là màu thơ tâm tình,
Hồ xuân in trời xanh,
Vườn xuân sương lung linh,
Tơ xuân vương trên cảnh
Đào Mai phong hương-trinh,
Chim xuân hót âm thanh,
Mưa xuân gieo duyên lành,
Lòng em xuân bình-minh.*

TRẦN-ĐĂNG-BÌNH

(Sinh-viên Đại-học Văn khoa)

TRƯỞNG hết, xin các bạn cho phép tôi giới thiệu trại An-trí TRÀ KHÊ, một trại giam các tù chính-trị bị gọi là « nguy-hiêm », trong thời-kỳ Thế-giới chiến-tranh vừa qua, từ 1939 đến 1945.

TRÀ KÊ, theo danh-từ chính-thức về hành-chánh của Pháp, là một cái đê ở giữa núi rừng thăm thẳm, của vùng Sơn-Cước Radhès, cách thành-phố Tuy-Hòa trên 70 cây số, và ở phía

tây huyện Củng-Sơn. Ở đây cũng có một làng Việt, tên là Tân-Hội, lác đác độ vài chục mái nhà.

Tù nhân ở Trà Khê (tên Việt), cũng như ở hai trại giam khác, Dakto và Dakley, thuộc về miền núi



Báo Xuân

Plciku, Kountum, được gọi với một danh-từ lạ-lùng bằng tiếng Pháp, là TRAVAILLEURS SPÉCIAUX, viết tắt là T. S, dịch ra tiếng Việt là « Lao-động Đặc-biệt ». Năm 1945, trong nhà Lao còn trên 100 T. S. tất cả đều bị coi như là Chánh-trị phạm nguy-hiêm và gồm có ba khuynh-hướng chánh-trị khác nhau: CỘNG-SẢN, độ 80 người, trong số đó có cụ HỒ-

T ù N G.
MẬU (T.S.

HỒI KÝ

số 40) cựu Tổng-Bí-Thư của Hồ-chí-Minh, cựu sinh-viên Võ-quan-trưng Hoàng-Phổ của Tàu, và cựu Đại-tá của quân-đội Tưởng-giới

«CÀ-KÊ»

Thạch, HÀ-HUY-GIÁP (T.S. số 1) sau làm Chủ-tịch Kỳ-bộ Việt-Minh ở Nam-bộ, BÙI-CÔNG-TRỪNG (T.S.—2) sau làm Thứ-Trưởng bộ Kinh-tế chính phủ Hồ-chí-Minh, TRẦN-CÔNG-KHANH, T.S. 68, sau làm chỉ-huy-trưởng Liên-khu 5, LƯU-QUÝ-KỲ, (T.S. 27), cựu sinh viên cao-đẳng Mỹ-Thuật Hà nội, TRẦN ĐÌNH-TRÍ, T.S. 92, cựu giáo sư vừa ở Côn-Lôn về, v.v... CAO ĐÀI, phần nhiều là các

* NGUYỄN VỸ

chức sắc cao-cấp của Cao-đài ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, độ 15 người. Mấy anh này, sau bị Việt-Minh giết gần hết ở Quảng Ngãi. ĐAI-VIỆT, độ 4 người, và một nhóm cách-mạng quốc-gia rất hăng hái mà trong Lao thường gọi là « ĐẢNG NGŨ. ĐÌNH-DIỆM » trong số đó có một vị Linh-Mục đã già, cha Huệ, trên 70 tuổi, nhưng rất yêu nước và hai nhà Tri Thức

ở Huế, một ông Tham-tá Tòa Khâm, một ông Đốc học hiện nay một người làm Dân biểu Quốc-hội, một người làm Tỉnh Trưởng ở miệt Hậu-Giang.

Kể tiện-sĩ chép bài này không theo một đảng phái nào kể trên, Hồ sơ của nó ở Sở Mật Thám Pháp ghi là « Nhà văn cách-mạng chống Phát-xít, về phe Quốc Dân độc-lập » (Ecrivain révolutionnaire antifasciste, Nationaliste indépendant). Thẻ bài của nó mang con số T.S. 69, viết bằng hắc-in trên lưng áo, cũng như tất cả các T.S.

Một dịp khác, tôi sẽ xin ghi chép lại cuộc sống hồi-hộp, khùng khiếp, âm-thầm, đầy bí-mật, và cũng không thiếu những chuyện lý-thú, vui-vẻ, tươi cười của trại giam Traké, hay Trà-Khê, trong 5 năm Thế-giới chiến-tranh. Nay, nhân dịp Tết, chỉ xin nói về việc biên soạn và xuất bản lên-lút một tập Báo Xuân trong tù Trà-khê vào dịp Tết năm 1945, và tổ chức một ban ca kịch. Nhan đề tờ báo là « BÁO XUÂN CÀ-KÊ. Ban kịch tên là « CÀ-KÊ CA-KỊCH ĐOÀN »

*



À O cuối 1945, tình thế chiến-tranh mỗi ngày mỗi biến-chuyển. Tin tức Đồng-Minh thắng trận mỗi ngày mỗi đem đến toàn-thể anh em trong tù một niềm hy-vọng chứa-chan.

Ngày Tết sắp đến. Anh em T. S. định tổ-chức ba ngày xuân từng-bưng rục-rỡ để mừng trước ngày giải-phóng sắp sửa đem đến tự-do cho chúng tôi, vì tất cả, bất-luận là người ở Đàng-phái nào, đều định-ninh rằng Tết 1945 sẽ là cái Tết cuối-cùng ở trại giam Trà-Khê. Ban tổ-chức đã được thành-lập ngay từ đầu tháng mười-một âm-lịch, để có đủ thì giờ chuẩn-bị.

Kể chép bài hồi-ký này được hân-hạnh anh em cứ vào Ủy-ban. Bởi lẽ Cộng-Sản và Cao-Đài, Đại-Việt, đều chống-chọi nhau hàng ngày, tuy là sống chung trong một trại giam nhưng vẫn hiềm-khích nhau, đố-kỵ nhau, nên toàn-thể anh em đề-cử thành-tôi, một đại-diện vô-tư, trung-lập, làm Trưởng ban Văn-Hóa, để có thể liên-lạc và dung-hòa các khuynh-hướng chính-trị, để

lo về phần Văn-hóa cho mấy ngày xuân ho àn-toàn vui-vẻ. Ủy-ban Văn-hóa có hai trọng-trách:

1.) Tổ-chức ba đêm ca-kịch, mừng một, mừng hai và mừng ba Tết.

2.) Tổ-chức bộ biên-tập và xuất-bản một tập báo Xuân cho toàn-thể anh em.

Một phiên nhóm ồn-ào náo-động đã bắt đầu làm cho tôi hơi chán nản. Phe Cộng-Sản đề-nghị một bức phong treo trên sân-khẩu vẽ một bản đồ Việt-Nam màu đỏ với một ngôi sao vàng. Anh em Cao-Đài, Đại-Việt và « Đảng Ngõ-Đình-Diệm » nhiệt-liệt phản-đối. Mấy anh Cao-Đài lúc đó là thân Nhật, lại đề-nghị vẽ bản đồ Việt-Nam với mặt trời mọc ở hướng Đông, chiếu tia sáng vào bờ cõi nước Việt. Cuộc tranh-luận rất gay-gắt, và không thể nào dàn-xếp được. Lấy tư-cách là Trưởng Ban Văn-Hóa, thẳng tôi phải đưa ra đề-nghị gạt bỏ ý-nghĩa chính-trị ra ngoài, chỉ làm một bức phong màu xanh da trời, tượng-trưng Hy-vọng của toàn-thể sắp được trả lại tự-do, và 100 ngôi sao trắng trên nền xanh, biểu-hiệu 100 anh em T.S. Trà-Khê đang vui mừng

chờ ngày giải-phóng.

Anh em Quốc-Gia cũng như Cộng-Sản đều tán-thành giải-pháp ấy không mích lòng ai cả.

Điều thứ hai, là một số anh em Cộng-Sản, nhất là T.S. 2 mà anh em gọi là « Théoricien Marxiste » (Lý-thuyết-gia Mạc-Xít, giáo-sư ở Mốt-Cu về), và T.S. 12, trật-tự-viên Cộng-Sản trong trại, cứ khăng-khàng yêu-cầu riêng tôi đưa họ kiểm-duyet trước các bài đăng trong tập báo Xuân, nhất là các bài của anh em Cao-Đài, Đại-Việt, và Cách-Mạng Quốc-Gia. Tôi phản-đối lời yêu-cầu ấy, và bảo rằng toàn-thể anh em đã giao tôi phụ-trách việc biên-soạn tờ báo Xuân thì tôi phải được toàn-quyền lựa-chọn bài, và giữ bí mật trước khi ấn-hành, không ai được phép coi trước cả.

Tôi đã tự nhủ với tôi rằng tôi sẽ tự kiểm-duyet các bài : bài nào của Cộng-Sản chửi Quốc-Gia, tôi sẽ xé bỏ, bài nào của Quốc-Gia công-kích Cộng-Sản, tôi cũng không đăng. Tôi đã yêu-cầu anh em chỉ viết những bài về Văn-hóa chung của dân-tộc ngoài ý-niệm đảng-phái.



È ca-kịch, chúng tôi tổ-chức ba tiểu ban, phụ trách riêng ba bộ-môn : Đêm m ò n g một = kịch ngắn khôi hài, và quý-thuật.

Đêm mừng hai = Hát bội.

Đêm mừng ba = Cải-lương.

Về kịch ngắn, có anh T.S. 11, người Nghệ - An, đóng vai hề hay tuyệt. Hề anh ra sân khấu là toàn thể khán-giả cười rần lên. Những kịch ngắn thì ba đưa chúng tôi cùng soạn : T.S. 11, T.S. 40 (cụ Hồ-Tùng-Mậu, mà chúng tôi tôn là Xến-Xăng, vì cụ dạy chúng tôi học chữ Tàu và văn Bạch-thoại), và T.S. 69. Về Hát Bội, có anh Khương-hữu-Tài, T.S. 20, ký-giả và giáo-sư, (sau làm chủ-tịch Ủy Ban Kháng chiến Qui nhơn, rồi bị các « đồng-chí » của anh bắn chết ở Bồng Sơn). T.S. 20 soạn tuồng Sơn-Hậu với T.S. 12 (y-sĩ ở Quảng Nam). Hai anh này tuy là Tri-thức Tây-học, nhưng rất thạo về nghề hát - bội, nên đêm hát - bội của các anh rất được khán-giả vỗ tay tán-thưởng. Quý thuật do cụ Hồ-Tùng-Mậu, T.S.

40, (cựu Bí-Thư của Hồ - chí-Minh) phụ-trách. Cựu Hồ-Tùng-Mậu đã trên 65 tuổi, qua Tàu làm cách mạng từ hồi Cựu Phan-Bội-Châu xuất - dương, và học nghề quý-thuật & Thượng-Hải. Cựu làm quý - thuật rất tài có nhiều môn đặc-sắc, rất tinh-xảo, chúng tôi đều phục cụ sát đất. Cái - lương thì diễn tuồng Trung-Trắc, do anh T.S. 22, Thầy giáo Quảng - Nam, soạn. (Anh này sau làm giám-đốc công an Việt - minh ở Faifoo). Âm-nhạc thì có anh T.S. 25 (Thợ Mộc), T.S. 18 (Thợ Rèn), T.S. 21 (Cựu Công-chức Buru - điện Đà-nẵng), và T.S. 11, nhạc - sĩ kiêm Hề số 1 của Lao Trà Khê. Nhạc cụ thì có : ông Sáo, đàn bầu, đàn mandoline, đàn nguyệt, đàn cò, do anh em tự chế ra cả, với các nguyên-liệu đơn-sơ, tạm bợ, nhưng đàn rất hay, và các cuộc hòa-tấu du-dương, thánh-thót, không kém các ban nhạc & ngoài. Ban kịch, chúng tôi đặt tên là « CÀ - KÊ CA-KỊCH ĐOÀN », nhái theo tiếng con chim Két mà chúng tôi đã bắt được ngoài rừng và đem về nuôi trong tù, hằng ngày dạy cho nó nói hai tiếng « Trà Khê », và nó đã nói được những nói ngọng thành ra « Cà-kê ».

Ngoài ba đêm Ca kịch, anh em giao tôi phụ-trách soạn thêm mấy bài ca mới để anh em ca hát chơi trong mấy ngày Xuân, và trên sân-khấu. Xin phép các bạn cho trích sau đây một bài tôi còn nhớ mang-máng. Một bài tôi làm theo điệu « Au Revoir » của Hướng-Đạo :

*Ngày Xuân anh em chúng ta
Đồng thanh cất lời chào mừng
ca hát.*

*Hát Ca vang xa rừng xanh
Làm tan một phiến ngày dài
biệt ly.*

*Hát lên cho ta cùng vui,
Vì ta dư biết buồn-rầu vô-ích,
Hát lên cho ta cùng say,
Vì ta biết rằng gần ngày tự-do.
Đời ta lao-lung, giống như
Đàn chim nhốt lồng, ngày ngày
riu-rii.*

*Hát ca vang xa trời mây,
Hòa chung gió ngàn lời thề
Nước non.*

*Hát lên cho ta cùng vui,
Vì ta dư biết buồn-rầu vô-ích,
Hát lên cho ta cùng say
Vì ta biết rằng gần ngày tự-do.
v.v...*

Bài ca này được hầu hết anh em trong trại học thuộc lòng, và trong 3 đêm Tết, đều được đồng thanh

hát lên trước khi hạ màn trên sân khấu. Nó cũng đã được đem ra hát trong những buổi tiệc tiễn các anh em T.S. được « tha » về trước.

CÀ - KÊ CA-KỊCH ĐOÀN của chúng tôi được hoàn - toàn thành-công suốt mấy mùa Xuân trong Lao Trà Khê, nhờ những nghệ - sĩ « nhẩy dù » không chuyên nghiệp nhưng có tài, và khéo xoay - xở, nhất là mấy anh T.S. 11 (Nhạc-sĩ) T.S. 20 (kỹ-giả và giáo-sư), T.S. 68, T.S. 27 (Sinh viên Cao - đẳng Mỹ-Thuật), T. S. 40 (Hồ Xén-Xáng) T.S. 92 (giáo-sư), v.v..

Và, nói cho đúng, cũng nhờ sự dễ-dãi của viên Đồn-trưởng người Pháp, Antoine Bazia, đã để cho chúng tôi được nhiều phương tiện tổ-chức ban kịch Cà Kê trong tù.

Thí-dụ như theo thường lệ thì buổi trưa sau khi đi làm xâu về và cơm nước xong, tất cả T.S. đều bị lừa hết vào Lao, và lính Radhés khóa chặt cửa lại, đến 2 giờ chiều kèn thổi, cửa mới mở cho T.S. ra. Nhưng tôi đã phải xin phép Đồn-trưởng Bazia mỗi buổi trưa cho riêng đoàn ca-kịch Cà-Kê, chừng 10 người, được

ở lại ngoài bếp để tập tuồng, và như thế trong cả tháng Chạp. Có những vai tuồng phụ-nữ, cần phải có kiềng vàng, áo bông, phấn sáp, v. v... thì chúng tôi được phép biên « Bon » ra ngoài mua củ nghệ về nhuộm một cái vòng tròn bằng tre để làm kiềng vàng, mua mực đỏ và phấn viết của học trò để đánh lên má, bôi lên môi, làm má phấn môi son. Đôi vú, thì chúng tôi gọt hai cái núm bưởi, rồi xỏ giây cột vô ngực. Đầu tóc thì chúng tôi bện một đầu tóc giả của đàn bà bằng lông heo và lông đuôi ngựa. Áo phụ-nữ, thì có anh Mach, T. S. 95, thợ may ở Huế, mượn các mền cũ, cắt thành các kiểu áo tân thời, và nhuộm màu, thêu bông.

Đĩ-nhiên, là các vai phụ-nữ đều do mấy bọn T.S. đực-rựa chúng tôi đóng cả, nhưng « duyên, dáng » làm sao ! « tha-thướt, eo-lả » làm sao ! Tôi đã nói : y hệt như phụ-nữ ! Khán-giả chỉ có nước ôm bụng mà cười ! Đại-khái như Cựu Hồ Tùng-Mậu, T.S. 40, đóng vai bà già chổng cày, nghệt y như thật vậy ! T.S. 102, Nhạc-sĩ ở Huế, người đẹp trai mạnh-khảnh, tha-thướt, đóng vai Công-Chúa, không khác gì Công-

Chúa Margaret mấy tý 1 Trần-công-Khanh, T.S. 68, người Quảng-Trị, trước làm ông Quân trong Đội lính Khố-Đỏ của Pháp ở Đập-Cầu, và sau làm chỉ-huy-trưởng Việt-Minh ở khu 5, đóng vai Võ-Hậu trong tuồng Hát-Bội, và vai bà vợ có chửa trong một vở kịch, làm cho khán-giả cười ho sặc-sụa. Lê-khắc-Thiệu, T.S. 65, cựu giáo-viên ở Quảng-Nam người bé nhỏ, gầy còm, mà cải-trang làm bà chủ nhà giàu, đầu thì có búi tóc trùm khăn, cổ đeo kiềng vàng, thân hình ốm teo mà lại có đôi vú thật bự, mang đôi giày cao gót, miệng nhai trầu bồm-bồm, mà nheo-nheo đôi nọ một ông Văn-sĩ, với những lời danh-đá, làm cho khán-giả vỗ tay cười dầy rập.

Còn thằng tôi này, T.S. 69, phải đóng các vai Thầy bói, Văn-sĩ, ông Táo, và có lần anh em bắt nó đóng vai cô con gái không-nhèo của ông nhà giàu. Giữa lúc đóng kịch, nó vô-ý làm rớt đôi vú giả là hai cái núm bươi, lăn ra ngoài sân-khấu làm cho cả rạp cười nghiêng-ngả và ho lên sù-sụ. Đại-khái Cà-Kê Ca-Kịch-Đoàn hoạt động suốt mấy ngày Tết ở trại giam Trà-Kê, từ 1940 đến 1945, là như

thế, nhất là cái Tết 45, và đã để lại cho toàn thể anh em, không phân-biệt đảng-phái chính-trị, rất nhiều kỷ-ức hào-hung vui-vẻ vô-cùng.



★
 ẤY giờ xin nói đến tập báo « XUÂN CÀ KÊ ». Hầu hết anh em T.S. đều cho rằng đây là một công-trình độc-

nhất vô-nhi ở trong tù. Chúng tôi đã để một tháng trời, hoàn-thành một tập báo Xuân 32 trang lớn viết bằng năm thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp, Trung-Hoa và Radhê, rất nhiều bài và tranh vẽ. Bộ Biên-tập là toàn-thể anh em T.S., không phân biệt màu sắc chính-trị. Trước hết, anh em đã cho phép tôi được đặt một « trụ-sở » của « Tòa-soạn », ở nơi phòng ăn, cạnh bếp. Buổi trưa, nhờ được quyền ở ngoài để tập tuồng, chúng tôi lấy mền che kín thành một căn phòng riêng, ngoài « cửa » che một bức màn, và dán một tấm giấy, đề:

CÀ-KÊ-BÁO
 Tòa-soạn và Nhà in.
 Chủ-nhiệm: T.S. 69

Buổi tối, bị bắt buộc phải vô trong lao, chớ không được ở ngoài bếp, thì « Tòa soạn và nhà in » cũng phải dời vô trong một xó nhà tù. Nơi đây, anh em cho chúng tôi được quyền trưng-dụng năm sáu cái đèn mờ heo và hai cái bàn. Trong lúc chúng tôi « làm báo », cảm-hần người ngoài phận-sự không được đến phá rầy, hoặc dòm ngó công việc chúng tôi làm.

Bảo Xuân CÀ-KÊ đã thành-công đẹp-đẽ chính một phần lớn là nhờ kỷ-luật và thiện-chí ấy của toàn thể anh em trong trại. Tôi bắt đầu góp bài của « Bộ Biên-tập » từ đầu tháng chạp.

Việt-văn: T.S. 1. (Giáo - sư Hà-huy-Giáp, Hà-tĩnh) T.S. 2 (giáo-sư Mạc xít Bùi công Trừng ở Mốt-Cu vè), T.S. 20 (giáo-sư Khương - hữu Tài, Saigon) T.S. 21 (công chức Bưu điện Đà năng) T.S. 27 (Sinh viên Cao đẳng Mỹ - Thuật Hà nội). T.S. 69. T.S. 92 (Giáo-sư Trần-đình-Tri ở Côn Lôn mới về).

T.S. 132. (Tham-tá Tòa Khâm Huế) T.S. 60 (Đồ Nho Nghệ-An) T.S. 65 (Thơ-ký Đặc-điền Quảng Trị), T.S. 79 (Sinh viên Cao - Đài, Quảng Nam) v.v..

Pháp văn: T.S. 1, T.S. 20. T.S. 69.

Anh văn: T.S. 12, T.S. 20. T.S. 69.

Hoa văn: T.S. 40 (Cụ Hồ-tùng - Mậu), T.S. 12 (Y - sĩ Quảng Nam) T.S. 9 (Y - sĩ Quảng Nam).

Radhê: T.S. 68 (Trần-công-Khanh)

Tranh vẽ: T.S. 27 (Cao-đẳng Mỹ - Thuật Hà nội). T.S. 109 Họa sĩ Huế, trình bày Bìa Xuân 5 màu: T.S. 27

Bản nhạc: T.S. 11 (Nhạc-sĩ Nghệ-an — Hè Charlot của Cà-kê-Ca-kịch đoàn).

Thơ, thì rất nhiều. Bài có đủ rồi, bây giờ chúng tôi lo kiếm giấy. T.S. 27 và T.S. 69, nhờ được tự-do lên làm việc trên Văn - phòng của Đồn trưởng Bazia, đã tìm cách ăn cắp được một số giấy cỡ lớn. Mỗi buổi ở trên Văn phòng về Lao, T.S. 27 và tôi mỗi đứa lấy lên được vài tờ, giấu trong lưng quần, không để cho lính gác trông thấy. Trong một tuần-lẽ, chúng tôi góp nhóp được 40 tờ giấy trắng-ghì, khổ lớn bằng nửa tờ báo hàng ngày, gấp lại bằng tờ báo hàng tuần. Giấy bìa thì T.S. 27

lấy được một tờ giấy vơ (croquis).

Có đủ bài-vở, giấy, mực, bút, các thứ mực màu, bây giờ chúng tôi tổ chức « nhà in ».

Tôi dán một miếng giấy nơi trước cửa « Tòa soạn », với mấy giòng sau đây :

BÁO CÀ-KÊ

Cần dùng 10 người thợ sắp chữ, làm việc buổi trưa từ 12 đến 2 giờ, buổi tối từ 7 đến 9 giờ. Không ăn lương

Tức thì có 8 anh đến « xin việc ». Đó là 8 anh viết chữ đẹp và có thì giờ rảnh, tinh-nguyên cộng-tác.

Tôi sắp xếp bài-vở từng trang một, rồi đưa giấy cho « thợ sắp chữ », nghĩa là mỗi anh chép một trang, chép tay, và dùng các kiểu chữ khác nhau. Thí dụ bài Luận-thuyết phải sắp chữ đậm, bài thơ sắp chữ xiên và óm, hoặc chữ Italique, chữ Romain, Cheltaham, Latine noire, v. v... và lớn nhỏ phân-biệt, corps 8, corps 10, corps 12... Tám anh « thợ sắp chữ », tùy theo đó mà viết, dĩ-nhiên là viết bằng tay, nhưng giống như chữ

in và không hề có lỗi. Mỗi anh viết từ 12 giờ trưa đến 2 giờ chiều, vừa được nửa trang, và buổi tối viết tiếp cho đủ trang. Trang báo cũng chia ra làm bốn hoặc ba cột, và phải viết bằng ba bốn kiểu chữ khác nhau. Cái « tí », — đầu-đề cũng viết chữ lớn và tô-điểm cho có mỹ-thuật.

Trong lúc viết bài gì, và tác-giả là ai, chỉ có « chủ-nhiệm » và « Thợ sắp chữ » biết mà thôi. « Người ngoài » không được tò-mò ngắm-nghé ! Viết xong, anh em ký-giả cũng như thợ sắp chữ, đều làm thình, không nói cho « người ngoài » biết. Cứ rỗi trang nào là chúng tôi đem giấu cất trang ấy một nơi kín, không cho ai thấy.

Nhờ sự làm việc « bí-mật » ấy mà toàn-thể anh em T. S. đều nô-nức chờ mau đến Tết để xem tờ báo « Xuân Cà-Kê » ra sao. Chúng tôi cố-gắng viết bài cho thật hay, « in » cho thật đẹp, vơ cho thật khéo, để thành một tập báo « XUÂN CÀ-KÊ » đặc-sắc nhất trong các báo Xuân của các nhà Tù.

Gặp tôi, anh em cười hỏi : « Hôm nào phát-hành báo Xuân ? » tôi cười trả lời : « chưa

biết ». Trong « tòa báo » và « nhà in », ai cũng trả lời như vậy.

Mãi đến trưa ngày 23 tháng Chạp, chúng tôi mới dán một tấm giấy trước cửa « Tòa-Soạn » :

**Các bạn Đọc thân-yêu
nhớ đón xem :
BÁO XUÂN CÀ - KÊ
sẽ phát-hành 7 giờ tối
30 Tết.
Cà - Kê ! Cà - Kê !
Mại-dô ! Mại-dô !**

Có một chuyện lý-thú, là buổi chiều 30 Tết hôm ấy, con két ở trước hè phòng ăn cũng cứ kêu hoài :

« Cà kê ! Cà kê ! Cà kê ! làm ai nấy càng thêm tức cười.

6 giờ chiều hôm 30 Tết, sau khi ăn bữa cơm tất-niên thật là đầy đủ, vui vẻ, say sưa, vì hôm ấy anh em được uống rượu, T.S. vô hết trong Lao và đóng chặt cửa Lao rồi, đèn mờ heo trong Tù bắt đầu thấp lên, thì sắp đến giờ báo XUÂN CÀ KÊ « phát-hành ». Anh em nô nức đợi chờ, xôn-xao kêu gọi.

Đúng 7 giờ, anh T.S. coi trật tự trong-tuần, rung chuông tuyên-bố :

— Anh em im lặng, để nghe anh 69 báo cáo.

T.S. 69 nói :

— Thưa anh em, bây giờ là đúng 7 giờ, tôi xin tuyên-bố phát-hành báo XUÂN CÀ KÊ của chúng ta, để mở màn ngày Tết Cà-Kê. Nhưng có điều tôi thắc-mắc, xin hỏi ý-kiến anh em. Báo XUÂN CÀ KÊ đã in xong và chỉ in được có một quyển độc-nhất mà thôi, mà số « độc giả thân mến » thì có trên 100 người, vậy thì làm sao phân phát cho đủ ?

Anh em cười rồ lên. Trong bóng tối ở cuối trại, một anh nói giọng Quảng-Nam, cất tiếng lèm-nhèm say rượu (T.S. 8.) :

— Chỉ in có một quyển thì chủ-nhiệm phải đọc cho chúng tôi nghe chung chớ sao ! Chớ hổng lẽ bắt độc giả chúng tôi đọc cho chủ-nhiệm nghe à ?

Anh em lại cười rồ lên nữa. Một anh khác trợ trợ giọng Hà Tĩnh nói tiếp :

— Cả tòa soạn và thợ nhà in phải thay phiên nhau đọc !

— Tán thành ! Tán thành !

Thế là sau một tháng mệt nhọc làm xong tập báo, chúng tôi, cả tòa soạn và «thợ sắp chữ» đêm 30 Tết phải đóng vai trò «độc giả» đọc to lên từng bài, từng trang, từng cái quảng cáo lật vật khỏi-hài, cho toàn thể anh em nghe chung!

Nhưng đêm ấy, chúng tôi đã hiến cho anh em Trà-khê những trận cười thú vị vô cùng, vì ngoài một số bài luận thuyết, nghiên cứu, còn hầu hết các bài khác đều viết với một giọng khôi hài, thật là «uớt át», và đầy thi vị.

Tập báo « XUÂN CÀ-KÊ » của ban Biên tập Cà-Kê, được toàn thể anh em T.S. «nhiệt-liệt hoan - nghênh». Suốt mấy ngày Xuân, anh em thay phiên dành nhau lấy đọc lại một mình, và còn cười mãi...

Con Két ở ngoài nhà bếp cũng cứ kêu «Cà Kê ! Cà Kê» cả kệ mãi...



* Ở đây mà đã 15 năm rồi ! Thời gian trôi quá nhanh, thế cuộc đổi thay quá lạ. Hôm nay, trong số Xuân

Phê Thông, người T.S. 69 ở Trà-Khê nhắc lại ký ức của tập báo Xuân Cà-Kê xuất bản lén lút trong nhà tù, mỗi năm một số độc nhất, riêng nó nghĩ rằng đó chẳng qua là cái nghiệp... báo đời ! Nó nhớ lại bao nhiêu anh em trong «Tòa Soạn», và «Thợ nhà in» của báo Xuân Cà-Kê, kẻ đã chết trong biến-cuộc, hoặc chết nơi chiến trường, người đã thất lạc tận ngoài kia vĩ-tuyến !

Và tất cả anh em T.S. Trà-Khê trên 100 người, nay hiện ở nơi miền Nam này chỉ còn có bốn năm anh : anh Võ-Như-Ng. T.S. 132, làm Dân biểu Quốc-Hội, anh Lương D.U, T.S. 133, làm Tỉnh trưởng ở miệt Hậu-giang, anh X. Giáo-sư kế-toán ở đường Phạm-ngũ-Lão Saigon, và hiện nay các anh vẫn còn là độc-giã báo Phê-Thông của tháng T.S. 69 !

Nó xin gửi đến các anh hôm nay, và cả các anh T.S. cũ ở ngoài vĩ-tuyến, lời chào lưu-luyến, với bao nhiêu kỷ-niệm rạo rức, buồn thảm cũng có mà hân hoan cũng có, của một giấc mộng đã tàn trong xô núi !

N.V.

Những năm Tý TRONG LỊCH-SỬ VIỆT-NAM



Trang lịch-sử chống xâm - lăng vào những năm Tý ở nước ta oanh-liệt nhất là Canh-Tý, Mậu-Tý rồi đến những năm : Giáp-Tý, Bính-Tý và Nhâm-Tý.

1960 : năm Canh-Tý là niên biểu tượng trưng tinh thần tự-chủ của dân-tộc.

Đề mở đầu giòng lịch-sử này, xin phác họa về cuộc khởi nghĩa của hai cô gái Giao-chi, đã đánh dấu một bước quan trọng trong lịch-sử giải-phóng dân-tộc cách đây trên 19 thế-kỷ !

Mùa Xuân, tháng 2 năm CANH-TÝ (41 sau Tây-Lịch) hai vị nữ anh hùng dân tộc Trưng Trắc và Trưng-Nhị đã quật khởi chống quân Đông-Hán đem lại cái nền chánh thống cho non sông

* NGUYỄN TRIỆU

mà hồi đó bọn nam nhi chỉ bó tay...

Mồng 6 tháng Giêng, năm Canh-Tý hai Bà bắt đầu ra lệnh, mồng 7 thao diễn tướng sĩ ở bãi Trường-Sa (tức bến sông Bạch-Hạc), thuộc tỉnh Vĩnh-Yên (Bắc phần) rồi tiến quân lên đánh Liên-Châu là nơi tông hành Dinh của Tô-Định đóng.

Về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà, các sử sách của ta của Tàu và của Tây chép mỗi nơi một khác, các nhà sử học đã dày công khảo cứu từ cuộc khởi nghĩa của Hai Bà đến cuộc xâm-lăng của Mã-văn-Uyên tức Mã-Viên mà vẫn chưa thỏa mãn.

Trong « An-nam chí lược » không nói đến lý do về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà mà chỉ nói sơ rằng Trưng-Trắc làm phản...

«Đại-Việt sử-ký toàn thư» chép: «Năm Ất-hợi là năm thứ 15 đời Hán Kiến-Vũ (40) Thát-Thú Giao-Chỉ Tô-Định là người tàn bạo, Trưng Nữ-Vương nổi binh để đánh... Năm Canh-Tý (41) tháng 2 mùa Xuân, vì thấy Tô-Định lấy pháp-luật bỏ buộc và thù Tô-Định giết chồng mình, bèn cùng em là Nhị cử binh đánh lấy Châu-Trị»...

Trong bộ «Khâm-Định Việt-sử thông giám cương mục» chỉ chép vắn tắt là tại chánh sách tham tàn của Tô-Định giết chồng bà Trưng-Trắc nên hai chị em mới dấy binh.

Về tài liệu Tàu thì Hậu-Hán-Thư, Mã-Viện truyện thì chỉ chép rằng: « người đàn bà Giao-Chỉ là Trưng-Trắc cùng với em là Trưng-Nhị làm phản... » và nơi chú thích, chua thêm:

«Trưng-Trắc là con gái Lạc-tướng ở Mê-Linh, vợ của người huyện Chu-Điền, rất hùng dũng, Thát-thú Giao-Chỉ lâu pháp luật ràng buộc, Trắc nổi giận mà làm phản đánh chiếm Quận. Người Man-di ở các quận Cửu-Chân, Nhật-Nam, Hợp-phố đều hưởng ứng theo cướp chiếm hơn 60 thành

ở Lĩnh-ngọai. Trắc tự lập làm Vua...»

«THỦY-KINH-CHÚ» thì lại chép rằng: «Thi-Sách và Trưng-Trắc đứng lên làm giặc...»

Sử cũ chép Trưng-Trắc xưng vương hiệu đóng đô ở Mê-Linh. Theo dã sử thì cung-diện của Trưng-Vương lập ở làng Cồ-lai, nay là Hà-Lôi trong tỉnh Phúc-Yên. Người làng ấy thuật nay còn một chỗ đất cao, chung quanh có bờ đất là nơi cung điện ngày xưa của Trưng-Vương gọi là Đầu-Bằng thượng.

Theo tài liệu của Tây do mấy nhà sử-học tên tuổi như H. Mas-péro và R Grousset chép về Trưng-Vương thì đại để cũng không khác Ta và Tàu...

Các sử gia của ta từ xưa, tuy không phân tách tỷ mỉ như các nhà sử học Tây-phương nhưng cũng chỉ nói thoáng phớt qua cái kết quả về sự khởi nghĩa của Trưng-Vương đầu năm Canh-Tý bằng hai câu dưới đây trích trong Đại-Nam quốc sử diễn ca:

Trưng-Vương vắng mặt còn ai,
Đi về thay đổi mặc người
Hán quan...»

Đọc sử về hai bà Trưng, có

sát nhiều chỗ mâu thuẫn làm cho ta không khỏi không thắc mắc được là chỗ chép Bà đã chiếm cứ 56, chỗ nói 60 và 65 thành và cho sự khởi nghĩa của Trưng-Vương là làm giặc hay làm phản và bắt quá đất Giao-Châu chỉ là những bộ lạc hay châu quận nhỏ thế thì cần chi. Hán-Vũ-Đế phải cử một lão tướng đại tài ngoài 70 tuổi là Mã-văn-Uyên tức Mã-Viện, phong cho làm Phục ba tướng quân cùng hai phó tướng với một đạo binh 20.000 người rần rộ kéo sang đánh bại hai người «đàn bà» này! Thế nên tại đền thờ Mã-Viện ở Long-Châu thi-sĩ Mai-Son có đề mấy câu thơ đầy giọng mỉa mai:

«Quốc thước khoe chi mình
tóc bạc,
Cần thoa đẹp với gái quần
hồng...»

20 Tháng 8 năm CANH-TÝ (1300) là ngày quốc kỵ:

Đức Trần-hưng-Đạo quy thần ở Vạn-Kiếp, xin coi dưới đây từ trận Vân-Đồn đến trận Bạch-Đằng trong năm Mậu-Tý (1288).

Tháng 11 năm CANH-TÝ

(1540) Mạc-Đặng-Dung thấy quân nhà Minh chuẩn bị sang đánh nước ta, Mạc sợ hãi vô cùng, đề con là Mạc-phúc-Hải ở lại giữ Nước, cùng bọn cận thần là Võ-như-Quế hơn 40 người, tự trời mình ra đầu hàng và chịu tội ở Cửa Nam-Quan, xin dâng nộp cho nhà Minh đất 5 động: Tế-Phù, Kim-Lạc, Cồ-Xung, Liễu-Cát và La Phù, cả đất Khâm-Châu và lại đem vàng bạc châu báu dâng riêng cho nhà Minh nữa.

★
(MẬU-TÝ 1288)

Từ cuối năm Đinh-hợi (1287) Mông-Cồ Thoát-Hoan qua Sông Lô, còn A-bát-Xích theo dọc bờ Đông sông Cái phía cửa ải Hàm-tử: 30 tháng chạp, quân Mông-Cồ, cả thủy Lãn bộ đều tiến rầm rộ như nước vỡ bờ tới lập mặt trận ở vùng Phả-Lại và Chí-Linh, rồi chia quân đóng và tích trữ lương thực. Thoát-Hoan sai bọn Ô-Mã-Nhi và A-bát-Xích hợp binh lại qua sông Cái để tấn công vào thành Thăng-Long.

Năm MẬU-TÝ (1288) là kết quả cuộc chiến thắng quân Mông-Cồ lần thứ ba:

NHỮNG NĂM TÝ

Mông 4 tháng Giêng. Thoát-Hoan quay về đồn cũ ở Bắc-Giang (nay là gồm cả 2 tỉnh Bắc-Giang và Bắc-Ninh) Ô-Mã-Nhi đánh phá phủ Long-Hung (nay là huyện Hưng-Nhân thuộc tỉnh Thái-Bình) và khai quật cả Chiêu lăng lên.

Mông 8 — đại binh Trần-hưng-Đạo hội quân, kháng chiến mãnh liệt ở cửa Đại-bàng, bắt được 300 thuyền địch và chém chết được mười thủ-cấp làm cho quân Mông-cò chết đuối rất nhiều.

Qua đến trận Vân-Đồn ngày 11 tháng Giêng năm Mậu-Tý (1288) Trần-Khánh-Dư đón đánh bắt được hết lương-thực của địch ở Cửa Lục (phần bờ gần Hongay bây giờ mà sử chép là Lục-thủy-dương).

Tháng Hai Mông-Cò cạn lương, qua tháng ba, trận Bạch-Đản, bắt được trọn cả bọn Ô-Mã-Nhi qua đến 17 tháng 3 Vua Trần sai đem cả bọn nguyên-soái Ô-Mã-Nhi đến dâng ở Chiêu-lăng (là Mộ Vua Trần-thái-Tôn ở Long-Hung) làm lễ « hiến-tiếp ».

Tháng 10 Mậu-tý (1888) — Vua Đồng-Khánh xuống chiếu ban bố cho thần dân trong nước hay là đã truất-phế Vua Hàm-Nghị

xuống làm Ưng-Lịch Quận Công và bị đưa đi an-trú tại Bắc Phi-Châu là Algérie.

NHÂM-TÝ

Tháng 8 (Nhụ) năm Nhâm-Tý (1672) Trịnh-Tạc rước xai giá Vua Lê-gia-Tôn vào Nam-Bổ-Chính để đánh nhau với Chúa Nguyễn-phúc-Tần tức Hiến-Vương (1620-1687).

Tháng 7 năm Nhâm-Tý (1792) Vua Quang-Trung (Nguyễn-văn-Huệ) thăng-hà. Bọn Bùi-Đắc-Tuyên và Trần-quang-Điệu lập Thái-tử Nguyễn-quang-Toàn lên kế-vị và đổi niên-hiệu là Cảnh-Thịnh.

NHÂM-TÝ

Tháng 8 năm Nhâm-Tý, cụ Võ-trường-Toàn, xư sĩ thành Gia-Định và là thầy học các cụ Trịnh-Hoài-Đức, Lê-quang-Định, vân vân tạ thế.

GIÁP-TÝ

Mùa Xuân tháng 2 năm Giáp-Tý (1804) Vua Gia-Long long-truyện tuyên bố cùng các Nước và bố-cáo cho thần-dân: đời quốc-hiệu nước ta là « VIỆT-NAM ».

NHỮNG NĂM TÝ

Sau khi đã cử một sứ-doàn gồm có các cụ Lê-quang-Định làm chánh sứ và hai phó sứ là các cụ Lê-chính-Lộ và Nguyễn-gia-Cát sang Tàu tranh-dấu với Vua tôi nhà Mãn-Thanh mặc dầu Vua Gia-Khánh và đình-thần chỉ muốn gán cho ta hai chữ « AN-NAM ».

Tháng 5 năm Giáp-Tý (1864). Các cụ Phan-thanh-Giản làm như Tây Chánh-sứ và Phạm-phú-Thứ làm phó sứ cùng hai cụ Tôn-thợ-Tường và Trương-Vĩnh-Ký làm thuộc-viên phụng mạng đi sứ sang Pháp, đáp tàu « Japon » về đến Saigon.

Tháng 5 năm Giáp-tý (1924) Liệt-sĩ Phạm-hồng-Thái ám sát hụt viên Toàn quyền Đông Pháp là Merlin ở Sa diện rồi tuấn tiết ở sông Châu Giang.

BÍNH-TÝ

6 tháng 3 Bính-tý (1516) Trần-

Cao làm chức Điện giám đời Vua Trương-Dực cùng đồng đảng khởi nghịch ở làng Quỳnh-lâm huyện Đông-Triều, tỉnh Hải-dương.

Tháng tư năm Bính-tý (1516) Trần-Cao nổi loạn đóng quân ở Bồ-Đề, chống nhau với Trương-Dực-Đế.

Sau khi chiếm được kinh-thành Trần-Cao tự xưng là Vua Thiên-Ứng.

BÍNH-TÝ

15 tháng tư năm Bính-tý (1516) Vua Lê-chiêu-Tôn là cháu 3 đời Vua Lê-thánh-Tôn ở Tây-Đô (tức Thanh-hóa) sai Lê-duy-Sán đem quân tam-phủ theo đường tắt từ Nho-quan, Ứng-Hòa tiến ra đánh Trần-Cao ở Thăng-Long.

Tháng tư năm Bính-tý (1516). Vua Lê-chiêu-Tôn khôi-phục lại được ngôi Vua.



TIN MỪNG

Được tin chị TRẦN-NGUYỄN-HOÀNG ở Dalat vừa sinh được một cháu trai, em xin có lời mừng cùng Anh Chị và cầu chúc cho chị được một mẹ tròn con vuông.

Em TRẦN-CHU — SAIGON

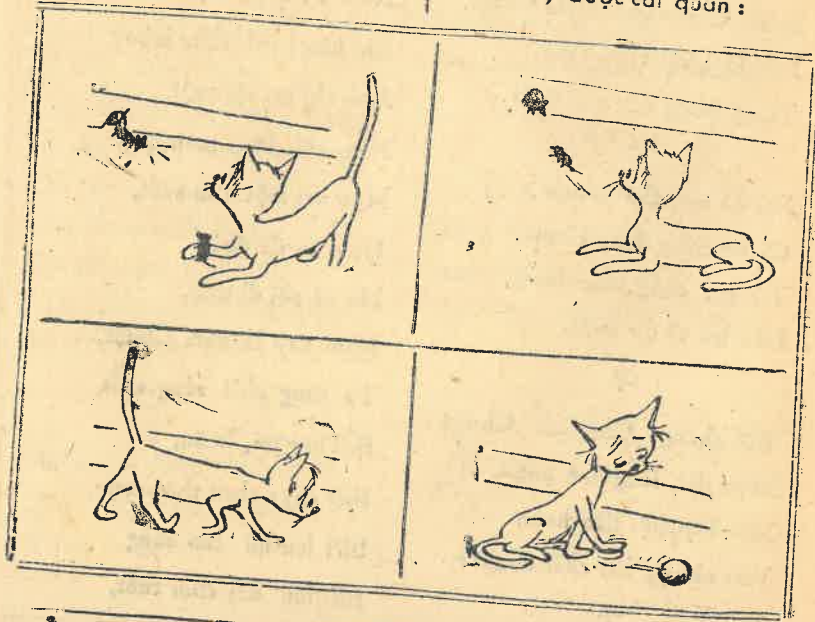
Nụ cười con chuột



Ông Táo hỏi Bà Táo :
 — Mình có nhớ mang theo
 mấy Tộp PHỔ-THÔNG lên làm
 quà cho thiên đình đấy chứ ?
 — Có đây. 20 quyền số Xuân.



Ông Táo than phiền với ông
 Thần Tài :
 — Anh thương tôi một chút
 chứ—Anh cứ cho tôi trúng lấy vé
 một ngàn cũng được. Anh xem
 làm việc quanh năm mà tôi vẫn
 chưa may được cái quần :



LÊN RUỘT

✱ ĐIỀU HUYỀN ✱

Đại-Hội Chuột

Trong hang cùng tuốt luốt,
Đêm Giao-thừa Năm Chuột,
Mở Đại-hội Hoa-đăng,
Tưng bừng đèn với đuốc.

✱
Đủ bà-con thân-thuộc,
Cả họ hàng làng Chuột,
Từ các cống, các hang,
Đều bò về dự cuộc.

✱
Rời chàng Chủ-tịch Chuột,
Mồm dài, lông đen mượt,
Mở Đại-hội liên hoan
Với những lời chải chuốt:

✱

— Thừa các đồng-chí Chuột,
Năm Tý nay nhập cuộc,
Xin hân hạnh chào mừng
Anh chị em cật ruột.
Năm rồi, Heo toàn quốc
Ngự trị một năm suốt,
Ưt-ít ăn đã đời
No nê rồi đi tuốt.
Năm nay là năm Chuột,
Ta cũng phải sáng-suốt,
Biết lo gặm, lo ăn,
Biết chạy theo thời cuộc,
Biết len-lỏi cao sang
Biết lâu dài chui tuốt,

Biết gặm thóc, gặm khoai,
Cán cả giày cả guốc,
Bất cứ gặp món gì,
Đều cũng gặm được tuốt!
Kìa loài Hạm, loài Heo,
Trời cho nhanh cho vuốt,
Ta có hai hàm răng
Nhọn thua gì lưỡi cóc?
Phải đào hố đào hang,
Đường Đông-Tây thông suốt,
Phải nhanh cẳng nhanh chun,
Phải chận mình lem-luốc,
Miễn ăn được no nê,
Bất cứ đỡ nhờ nhuộm.
Hễ kiếm được là ăn,
Nuốt không trôi cũng nuốt!
Lo xây ổ xây hang,
Cho vợ con béo nuốt,
Cho tốt mã, tốt lông,
Cho đầy gan đầy ruột,
Còn «nhiệm-vụ thiêng-liêng»,
Là vấn đề phụ thuộc.

✱

Thừa các đồng chí Chuột,
Nếu ta không lo nuốt,
Không lo gặm, lo ăn,

Lơ rồi đây thế cuộc,
Sẽ biến đổi mần răng?
Vì thời gian ngắn ngược,
Dẫu ta có ve vuốt,
Nhưng nhiệm vụ không lâu,
Rồi thời cơ đi tuốt.
Hết nhiệm kỳ của Chuột.
Ta nhường chỗ ra đi,
Thế là xong tuốt luốt!
Cho nên ta sáng suốt
Phải chạy theo thời cuộc,
Cổ ăn, ăn, ăn, ăn!
Cổ nuốt, nuốt, nuốt, nuốt!
Hoan hô năm Tý ta!
Hoan hô năm Con Chuột!

✱

Thế là cả bầy Chuột
Đồng thanh hô một nuốt:
Hoan hô Đại-hội ăn!
Hoan hô Hội-Đồng Chuột!

Điều Huyền



Xã-Giao

Chúc Mừng Năm Mới

★ BÌNH - MINH



ỞI thiệp mừng Năm mới, đã thành một tập-quán thông-thường của tất cả các dân tộc văn-minh. Tuy-nhiên

chúng tôi thiết tưởng chúng ta cũng nên biết qua một vài phép xã-giao tế-nhi về việc sử-dụng thiệp mừng cho lịch-sự.

Vì chúng ta không nên quên rằng :

Danh-thiệp không phải in thế nào cũng được, không phải viết gì trên đó cũng được, không phải gửi cho ai cũng được,

Tám danh thiệp nên in như thế nào ?

Thường đề tên họ đầy đủ, KHÔNG NÊN VIẾT TẮT, thí-dụ không nên đề : « Ng-v-Phùng », hoặc : « Lê-t-Kim-Oanh ». Có thể đề chức tước nếu mình muốn. Không đề cũng không sao.

Những người giao-thiệp rộng thường có riêng HAI THƯ DANH-THIỆP : một thứ có đề chức-tước, hoặc nghề-nghiệp để trao hoặc gửi cho những người có công việc tiếp-xúc với mình và chưa quen biết nhiều, và một thứ không đề chức-

XÃ GIAO

nghiệp đề gởi đến các bạn bè thân-thuộc quen biết mình nhiều rồi.

Với các bạn thân, hoặc các người đã quen biết nhiều, gởi danh-thiệp đề tên không, (không đề chức tước, nghề-nghiệp) thì lịch-sự hơn, và khiêm-tốn hơn. Thí-dụ, một ông Giáo-sư có thể gởi đến Phụ-Huynh Học-sinh một danh thiệp như sau đây :

LÊ-VĂN-HẢI

Giáo sư Việt-ngữ

136 Hồ-văn-Ngà Saigon

Nhưng gởi cho các bạn thân của ông đã biết ông là giáo sư rồi, thì chỉ nên đề tên không thôi :

LÊ-VĂN-HẢI

136 Hồ-văn-Ngà Saigon

Những người CÓ NHIỀU CHỨC TƯỚC, chỉ nên đề MỘT, hoặc HAI chức mà thôi. Thí dụ :

LÊ-VĂN-HẢI

Giáo-sư Việt-ngữ

Giám-đốc nhà xuất-bản

«Giáo khoa»

136 Hồ-văn-Ngà Saigon

Tuyệt nhiên không nên đề :

LÊ-VĂN-HẢI

Giáo sư Việt ngữ

Giám-đốc nhà xuất-bản

«Điáo khoa»

Giám-đốc nhà in Văn-hải,
Chủ-tịch hội Cà-Mau tương tế
Hội-đồng dân-biểu tỉnh Cà-Mau

Bắc-dầu Bội-tinh
Chiến-công bội-tinh

136 Hồ-văn-Ngà Saigon

Đại khai một danh thiệp như trên, hoặc như sau đây, rất là lỗ bịch :

NGUYỄN-SƠN

Chủ-sự phòng Nhân-viên

Bộ Văn-Hóa,

Cựu Đốc phủ-sứ ngoại ngạch,
Cựu tỉnh-trưởng tỉnh Gò-Công
Cố-vấn hội chống nạn mù chữ
Cựu chủ-tịch phái-đoàn Việt-Nam
tại hội chợ Manille năm 1948

Có lần tôi được thấy một tấm danh thiệp lạ lùng sau đây :

NGUYỄN-MẠNH-X...

Tri-Phủ.

Père de Nguyễn-tiến-Y...

Vì ông Tri-Phủ Nguyễn-mạnh-M... ít được danh tểng bằng người con trai của ông là văn-sĩ Nguyễn-tiến-Y, nên ông mới đề trên danh thiệp của ông như thế.

Lại có người IN CẢ ẢNH CỦA MINH TRÊN DANH THIỆP, chỉ tỏ rằng người ấy háo danh một cách rất lỗ lăng. Đây là một tấm danh thiệp gởi chúc năm mới mà một người bà con của tôi đã nhận được, năm 1948 ; (Tôi xin đổi tên)

VƯƠNG-CAO-NGỌC

Chủ hăng nước mắm Phật-Đà
Đường Lagrandière Saigon
Bên tay trái cạnh chữ «Vương»

có in tấm hình 6 X 9 của ông chủ hiệu Nước mắm.

BẠN GÁI NÊN NHỚ.

Đàn bà đã có chồng, chỉ nên đề tên chồng. Thí dụ :

Bà Lê-văn-Hải

Hoặc muốn đứng chung với chồng, thì :

Ông và Bà Lê-văn-Hải

Chỉ không nên đề tên riêng của mình, như :

Bà Nguyễn thị Kim-Oanh.

Đàn bà góa chồng, thì đề :

Quả phụ Lê-văn-Sơn

Trừ khi nào mãn tang chồng rồi, và muốn trở lại đời sống tự do của mình, thì có thể đề :

Bà Nguyễn-thị-Kim-Oanh.

Trừ khi đứng tên chung với chồng thì không kể, ngoài ra người đàn-bà đứng-đắn, lịch-sự, KHÔNG BAO GIỜ ĐỀ SỐ NHÀ VÀ SỐ ĐIỆN - THOẠI TRÊN DANH-THIỆP RIÊNG CỦA MÌNH
Thí dụ, không nên đề :

Bà Lê-văn-Hải

136 Hồ-văn-Ngà — Saigon

Hoặc :

Bà Lê-văn-Hải

136 Hồ-văn-Ngà — Saigon

Điện-thoại : 359

ZÁC BẠN GÁI CHƯA CÓ

CHỒNG, cũng chỉ đề tên họ trên danh-thiệp, không nên đề địa-chỉ, hoặc số điện-thoại :

Thí-dụ, không nên đề :

Lê-thị-Kim-Oanh

136 Hồ-văn-Ngà Saigon

Chỉ nên đề :

Lê-thị-Kim-Oanh

Hoặc :

Có Lê-thị-kim-Oanh.

Một danh-thiệp thiếu-nữ mà đề rõ cả chỗ ở, hoặc số giấy nói, tỏ rằng thiếu-nữ ấy không thuộc vào hạng đứng-đắn, lịch-thiệp.

Các bạn chưa đến tuổi trưởng thành, bất cứ trai hay gái còn vị-thành-niên, không nên dùng danh-thiệp. Mừng tuổi, chúc Tết, chúc Noel, các bạn vị-thành niên chỉ nên gửi cho nhau các tấm thiệp hoa mà thôi (Cartes de Bonne Année — Cartes de Noël).



Trước kia, những trai chưa vợ, gái chưa chồng, thường in danh-thiệp trên tấm giấy vuông. Chỉ những người có vợ, có chồng, mới in danh-thiệp trên tấm giấy hình chữ-nhật. Nhưng ngày nay cái lệ đó đã bỏ rồi. Ai muốn dùng kiểu danh thiệp vuông, nay chữ-nhật, tùy-ý.

Nên viết gì trên danh thiệp ?

Lệ thường, trong dịp Tết, thì viết :

Cung Chúc Tân Xuân

hoặc :

Chúc mừng Năm Mới

hoặc tùy theo người mình gửi và tùy theo trường hợp nữa. Thí dụ, với bạn thân :

— Chúc chị một năm đầy hạnh phúc.

— Chúc Anh chị một năm đầy hạnh phúc.

— Thân chúc bạn năm mới gặp nhiều may mắn,

v.v....

Với người lớn hơn :

— Kính chúc Anh Chị...

— Kính chúc Ông bà...

v.v... tùy theo trường hợp. Hoặc không cần viết gì cả. Chỉ một tấm thiệp in đó cũng đủ.

Trên thiệp mừng Năm mới, tuyệt nhiên không nên viết thêm câu gì về công việc làm ăn, hay một vấn đề nào khác.

Tôi đã thấy một thiệp Mừng Năm mới, có biên phía sau mấy câu sau đây :

Rất tiếc vì chúng tôi đi Huế nên Tết năm nay không đến chúc mừng Ông Bà được, vậy xin ông bà tha lỗi cho.

Nay Kính

Mấy câu như thế, dù là nhã nhặn đi nữa, mà viết trên tấm danh thiệp mừng Năm mới, cũng rất kém lịch sự. Muốn xin lỗi

về việc trên, tốt hơn là chờ sau Tết, sẽ viết thư riêng, hoặc thân hành đến thăm.



Những chữ chúc mừng, có thể in sẵn luôn trên danh-thiệp.

Đối với người thân, tự tay viết thì hơn.

Dù trong trường hợp nào, chữ viết cũng phải được sắp sọc rõ, ràng, **KHÔNG NÊN VIẾT THAU HOẶC VIẾT VỘI VÀNG.**

Bạn trai gửi danh thiệp chúc mừng bạn gái (chưa có chồng) không nên viết những câu thân mật số sàng, vì lẽ người thiếu-nữ ấy chỉ là bạn thường mà thôi. Người yêu, thì gửi thư cho nhau, tha hồ nói chuyện tình tự, ít khi gửi danh thiệp. Người mà mình gửi danh thiệp chỉ là người bạn xã giao, thì nhất định không nên dùng những câu quá thân mật với họ.

Bạn gái gửi cho bạn trai cũng thế. Gửi thiệp hoa (carte de Bonne Année) cũng chỉ nên gửi những tấm nào thanh nhã, vừa đủ tỏ cảm tình thân mến dè dặt, lịch sự, không vượt xã-giao trang nhã.

Gửi danh thiệp cho ai ?

Ngoài những bạn bè quen thuộc theo phép xã-giao thông-thường mà ai cũng biết, chúng

ta nên tránh những trường-hợp sau đây :

— Không nên gửi danh-thiệp riêng cho người đàn-bà có chồng, mặc dầu trong việc giao-thiệp thương-mãi, hay xã-hội, mình chỉ quen với người vợ chứ không quen người chồng.

Phải đề gởi: « Ông Bà... »

— Đàn bà cũng không nên gửi danh thiệp riêng cho đàn ông đã có vợ. Thí dụ, một cô giáo chỉ quen với ông giáo-đồng nghiệp mà không quen với vợ ông ấy, muốn gửi danh thiệp mừng năm mới, cũng phải đề ngoài bao thư:

Kính gửi ông bà Lê Văn Hải và trên tấm danh thiệp chỉ đề:

Cung chúc Tân niên

v.v...

Chứ không nên viết chúc riêng cho người bạn đàn ông hoặc người bạn đàn bà.

— Thường thường, ngoài các thân bằng cố hữu, còn người ta chỉ gửi danh thiệp chúc mừng những người quen cùng một địa vị xã-hội ngang hàng với mình

hoặc thấp kém hơn mình hoặc có thể coi như thân với mình, chứ ít khi họ-gửi danh thiệp đến những người có địa vị xã-hội cao sang hơn. Thí dụ, một thầy thợ kỹ đánh máy ở Bộ, mà biết tự-trọng, không nên gửi danh-thiệp đến chúc Tết ông Bộ-trưởng, hoặc ông Giám-Đốc Nha, Vụ, v.v...

Hoặc một bạn học-sinh không nên in danh-thiệp đề gởi chúc Tết ông Giáo, bà Giáo.

Người mà mình không quen nhiều, chỉ biết sợ, mình cũng không nên gửi danh thiệp. Đó là nói những người biết tự trọng.



Thưa quý Ban, quý Ban đọc xong bài này, xin cho phép tôi trân trọng gởi lời chúc mừng Quý Ban cùng Quý Quyển Năm mới được gặp mọi sự vui vẻ và may mắn tốt đẹp.

Kính chào quý Ban.

BÌNH-MINH



TIN MỪNG

Chúng tôi vừa nhận được hồng thiệp của Cô NGUYỄN THỊ-KHANH, tự PHƯƠNG-KHANH Nữ-sĩ, báo tin ngày 20 tháng 12 năm Kỷ-Hợi tức ngày 18 tháng 1 năm 1960 sẽ làm lễ thành hôn cùng ông NGUYỄN-QUÍ-AN, Thâm-phán quân sự. Hôn lễ cử hành tại nhà thờ Đức Bà Sài Gòn.

Chúng tôi thành thực chia mừng cùng tân-lang và tân giai-nhân, và mến chúc n uôn vàn hạnh phúc.

NGUYỄN-VỸ



Truyện dài của Cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 26)

K H Ô N G còn cách giải quyết nào khác hơn nữa sao ?

— Tình cảm nối chấp một cách miễn cưỡng, khó mà bền. Chỉ có thời gian làm khuây khỏa những bất bình và tránh được sự đổ vỡ đáng tiếc mà thôi. Dượng cũng thấy rõ đó: bây giờ tất cả gia-đình đều quay lại chống tôi, sự có mặt của vợ chồng tôi thành ra đã vô ích mà còn có hại nữa. Vậy tôi gởi gắm việc nhà cho dượng, độ 5, 7 tháng nữa tôi lại trở về...

Thanh khuyên lơn anh Ba mãi không xong. Vào lúc chiều hăm

tám Tết, trong khi Thanh và tôi bơi xuồng đi chặt lá chuối. đề gói bánh Tết, các em tôi vội đi tìm cho hay là vợ chồng anh Ba cùng với chị Tư đã bỏ nhà ra đi. Chúng tôi liền quay về, nhưng muộn rồi: đò của anh tôi đã đi xa...

Tôi tức quá bật thành tiếng khóc :

— Cưới chị dâu về đề săn sóc việc nhà, chứ ngờ đâu lại gây chia rẽ trong gia đình, anh em thuở giờ thương yêu hết sức bỗng có người lạ chen vào mà thành oán hận nhau !

Thanh liền khuyên tôi :

— Em hãy bình tĩnh, đừng có thành kiến bất công như vậy. Chị, em dâu hay là anh, em rề đều là người lạ bước chân vào gia đình mà ta phải tiếp đón và đối đãi đặc biệt vì họ là người đem đến hạnh phúc và sẽ ở suốt đời bên anh chị em ta hơn cả chúng ta. Xưa nay, trong gia đình Á-đông thường xảy ra những cảnh mẹ chồng nàng dâu và chị dâu em chồng v. v... là vì tình thương trong gia đình khẩn khít quá đến nỗi thành ích kỷ. Vì vậy, có kẻ lạ len vào chia sớt tình thương ấy thì xảy ra xích mích ngay !... Em vẫn nói rề; em thương chị dâu như anh ruột, nhưng thật ra em đối lòng em hay là chính em

không hiểu em. Anh thí dụ cho dễ hiểu; có một cuộc cãi vã riêng tư giữa vợ chồng anh Ba mà em nghe được; em sẽ đứng về bên nào? Em tất nhiên phải cho anh ruột là có lý hơn, mặc dù anh trái rành rành ra đây. Hoặc giả giữa chị Ba và anh em trong nhà có điều gì cần đắn, em phải tin lời người nhà hơn chị Ba chớ? Em thấy không; khi đó, lý trí không còn nữa mà chỉ có tình cảm phản ứng tự nhiên mà thôi...

— Anh bình vực cho chị Ba, làm như chỉ không có chút lỗi nào hết...

— Người đáng trách hơn hết là kẻ ruột thịt của mình. Nhưng trong việc bất hòa này nếu xét cho kỹ, chúng mình không phải là không lỗi? Tại sao lại tỏ ý chống lại anh Ba làm cho anh thấy không còn ai chịu hiểu anh nữa cả, và tự nhiên, anh phải sát cánh với người nào gần gũi hơn hết. Rồi mình lại trách anh hay bình vợ, khiến cho chuyện nhỏ cứ xé ra to mãi. Trong gia đình, vấn đề tìm hiểu nhau nó tế nhị lắm. Cần phải hiểu nhau để xây dựng cho nhau hơn là nhắm mắt trách lẫn nhau. Ai dám bảo mình là trọn lành?

Tại sao mình muốn được mọi sự dễ dãi ở đời mà mình lại cứ trút những khó khăn vào đầu kẻ khác? Thôi em ạ, việc ra đi của vợ chồng anh Ba rất đáng tiếc, nhưng em cũng cần phải hiểu anh một chút: không phải anh cũ như vậy mà anh vui đâu. Có thương yêu nhau, phải mở lòng cho nhau mới được, đó là bí quyết để giữ sự êm thấm trong gia đình...

Má tôi giận vợ chồng anh Ba lắm, không muốn nghe ai nhắc tới. Tết năm đó, nhà đông, chúng tôi làm thịt một con heo mới đủ dùng. Vào trưa Hăm Tám, trong khi Thành, Hạnh và tôi đang ngồi gói bánh Tét, bỗng nghe có nhiều tiếng súng nổ ì ầm ở hướng Tây...

— Trời ơi! Gì như là tiếng súng đồng vậy?

Thanh ngồi một bên đó liền nói:

— Đúng là súng đại bác. Tiếng nổ nghe văng vẳng như vậy chắc phải ở miệt Cờ Đỏ.

— Như vậy là Ô-mô đã mất rồi sao?

Thanh lẳng lặng không đáp, mặt trầm xuống về buồn. Tôi hiểu ngay sự lo ngại của anh lúc ấy. Ngày giờ lên đường của anh

và các bạn không còn bao lâu nữa! Nhưng các anh đi về đâu? Lòng đất Việt rộng rãi bao la đã lần lượt rơi vào tay quân giặc, có còn một khoảnh nào chứa chất các anh? Các anh là kẻ thù số một của thực dân Pháp, hễ lọt vào tay chúng là bị tàn sát ngay! Thế mà các anh không được đứng vào hàng ngũ những kẻ chiến đấu, và cũng không có một thanh sắt cùn dề tự vệ nữa!

Tiếng súng nổ về đêm càng nghe lồng lộng và dai dẳng suốt đêm. Sáng lại, ghe tản cư từ bên ranh tỉnh Cần-thơ đổ qua đập đù. Chúng tôi được biết Pháp đã chiếm được Cờ Đỏ và xây đồn cát bốt ở nơi đồn điền của ông Pho.

Thanh bảo cùng các bạn:

— Ăn xong cái Tết, chúng mình rời khỏi nơi đây là vừa.

Các anh Ca vang, Cua, Hậu, Thức, Nguyên và Chim Xanh hỏi:

— Đi về đâu?

— Trốn lên miền Đông, nơi đó nghe nói có các bạn đồng chí lập khu kháng chiến.

Các anh bắt liên lạc với người đưa đường. Phải đến ít nhất là đến mồng tám Tết mới biết chắc chắn đường đi có được trời chảy

hay không. Các bạn nóng nảy muốn đánh liều lên đường vào ngày mồng Tư, nhưng Thanh thì dằn dừ không thể vội xa tôi. Một đêm nọ, ngồi bên nồi bánh tét, Thanh và tôi kể hai mái đầu xanh đề thủ thi cùng nhau những lời tâm sự. Tôi bá vai chàng cổ chàng mà bảo rằng:

— Anh ơi, không hiểu sao em mến anh quá!

Thanh cười say đắm và hôn vào má tôi:

— Đó là tình yêu, chứ không chỉ là mến không mà thôi...

— Làm sao chúng mình có thể xa nhau được?

— Nhưng khổ thay, ngày chia tay cũng sắp đến rồi em ạ. Anh không thể nào nấn ná ở tại đây nữa, em cũng hiểu chớ. Buổi ra đi của anh chưa có thể hẹn trước được ngày về...

— Em sợ quá, anh ơi!...

— Sợ gì?

— Sợ là chờ mãi không được, má lại gả em cho người khác. Rồi ngày về của anh, đau đớn làm sao khi hay là em đã có chồng!... Em chỉ muốn anh là người chồng duy nhất của em mà thôi. Nhưng em làm sao dám cãi lệnh gia đình?

Thanh ngồi lặng một lúc rồi bảo:

— Điều lo sợ của em là phải làm. Giữa đôi ta chưa có cái gì gắn bó cho nhau để giữ trọn chung thủy với nhau, trừ ra tình yêu của đôi ta tuy không hẳn là thắm lén nhưng cũng chưa được công nhận. Anh không dám đòi hỏi em nhiều lắm: em có thể chờ đợi anh chừng ba năm chẳng ?

Tôi gục mặt vào vai chàng, nức nở :

— Em có thể chờ anh trọn cuộc đời, nếu không có một quyền lực gì bắt buộc em phải làm khác... Trời ơi ! Làm sao mà em quên anh được chứ !

Tôi thở giờ, từ khi lớn khôn rồi, chưa từng biết cái lời bề trên. Thế mà cả mấy đêm nay tôi thức mải mãi về một sự lo vẩn vơ. Nếu Thanh đi mãi không về, thái độ của tôi sẽ thế nào khi má tôi gả tôi cho người khác ? Chừng ấy, tôi sẽ phải làm sao ? Chôn chặt mối tình đầu trong dĩ vãng để khuất phục lệnh gia đình và cam đành lỡ bước sang ngang với cái vỏ hình hài trống rỗng tâm hồn ư ? Hay là tôi cưỡng lệnh, bỏ nhà ra đi, lao mình vào cuộc đời cam bầy, khôn sống mong chết, như loài thiêu thân nghìn đời vẫn hóa kiếp trong ánh lửa đỏ ? Hay là cùng cực và đối diện nỗi tôi

phải dùng đến sự hy sinh tánh mạng nào đó để giữ vẹn khối chung tình ? Nghĩ vậy mà tôi sợ hãi vô cùng trước một viễn ảnh tương lai mù mịt. Người đàn bà nào không tên thờ mỗi tình đầu như một thiêng liêng bất khả xâm phạm, và chỉ muốn yêu có một người đàn ông mà mình sẽ chia sẻ trọn cuộc đời với người ấy cho đến khi ký gởi hẳn xương thịt vào lòng đất ? Nhưng số mạng mấy khi đi đôi với ý muốn con người ! Biết bao nhiêu lời thề trắng, trở núi đỉnh nình ghi tạc chữ đồng mà rồi trắng, núi hây cò trở trở ra đó, nhưng lòng người đã đổi thay mấy lớp chưa vừa ! Xưa nay, biết bao nhiêu chuyện thay chồng đổi vợ, biết bao nhiêu hoàn cảnh éo le khiến cho gương lành phải bề ! Nghĩ việc người rồi gẫm lại mình, tôi ngao ngán thay cho phận người con gái như chiếc lá tre trong lòng sông lớn !..

Ba Mươi Tết, có nhiều máy bay Pháp đến bắn phá ở Quận Giồng-Riêng.

Mồng Một Tết, có tin Pháp vào chiếm tỉnh lỵ Rạch-Giá. Bao nhiêu ghe tản cư dồn về Cái-đước Lớn, đậu ken vào trong một khúc sông có đến mấy ngàn thước. Đó là một tỉnh thành bình bồng trên

nước, dân chúng hỏi chuyện miệng nhau đề tụ họp về. Người ta không còn biết cách nào hơn là cùng chung chịu một số phận : thiên hạ ra sao thì mình vậy. Mỗi một ghe là một cái nhà lớn nhỏ tùy theo gia thế, chen chúc nhau có chồng, có vợ, có con có cái, lũ khủ cả đàn chia nhau chèo chống, đi về nơi vô định... Nhiều gia đình giàu có, không quen nếp sống linh đình, phải thuê mướn bạn trai biết chèo chống hì vắn đề ấy, theo thời cuộc, rất khó giải quyết. Biết ai có thể tin cậy mà giao thác hết cả sanh mạng gia đình vào trong tay một người ? Vì vậy, nghe nói có nhiều người phải gả con gái yêu của mình cho một ai đảm đương trách nhiệm đưa cả gia đình đi lánh nạn cho được vẹn toàn. Buổi ly loạn, lòng người ly loạn, không ai đâu còn thời giờ để nghĩ xa xôi hơn nữa...

Trưa hôm Mồng Hai Tết, có một người bạn học cũ của Thanh đến tìm anh, Người ấy tên là Chúc, ở Cầu Nhiễm bên Cần-Thơ, xưa kia có giúp đỡ cho Thanh trong một chuyến xuất ngoại không thành, nghe Thanh ở nhà tôi nên tiện đường ghé thăm chơi. Chúc cho hay anh có gặp chị Năm Thìn, chị ruột của

Thanh, ở Ô-Môn, trước khi quận này bị Pháp tấn công. Thanh nghe vậy, mầng lăm và bàn với tôi thuê người chèo đò đưa anh đi dò thăm tin chị Năm, trước khi anh rời hẳn tỉnh nhà. Tôi hỏi người kh ông được, ai cũng bận ăn Tết cả. Chỉ có người Miên không ăn Tết, nhưng họ lại đang mơ những điều phú quý tự nhiên sẽ rơi vào tay họ và nhìn người Việt với một cặp mắt không được thiện cảm..

Đến trưa hôm mồng Năm Tết, trong khi tôi đang đồ bánh xèo trong bếp thì nghe như bên sông kêu nói có người hỏi thăm nhà tôi. Nhìn xuống bến, tôi thấy có một người đàn ông hớt tóc cao, dáng người tầm thước, mặc một bộ đồ xá-xầu bằng hàng đen, đi xâm xấn lên và hỏi :

— Phải nhà của cô Vân đây không ?

Các em tôi đang chơi ngoài sân liền gạt đầu bảo :

— Phải, chú kiếm ai ?

— Có cậu hanh ở đây không ?

Khi ấy, Thanh cũng vừa bước ra :

— Tôi là Thanh đây. Anh ở đâu đến và tìm tôi có chuyện chi ?

— Tôi ở bên Ô Môn qua. Có chị Năm cậu dưới đò kia. Chi

Năm bị đau ...

Thanh vội kêu tôi và chạy xuống bên. Tôi vào trong mui dờ, thấy chị Năm nằm trườn mền, đầu nóng hổi. Chị đen và ốm nhiều. Chị thấy tôi, mím cười và gượng ngồi dậy :

— Tôi bị làm cử rét mấy hôm nay ...

— Chị đề em đỡ lên ..

— Tôi ở dưới ghe này cũng được... Nghe tin em Chín ở đây, tôi mừng quá.

Chị Năm sợ lên nhà, phiền đến tôi. Nhưng tôi nài nỉ mãi và Thanh cũng nói vào nên chị Năm mới chịu rời ghe. Tôi dọn, vủ nơi giường của má tôi mà bấy lâu người không nghỉ ở nhà trên nữa, cho chị Năm nằm. Tôi nấu cháo và làm

thức ăn mặn cho chị dùng. Thanh ngồi một bên giường hỏi thăm những việc đã qua. Chị Năm thuật lại cho nghe lúc chị bị bắt oan và bị đưa về giam ở khám Cẩn thơ, và phải nhốt chung với mấy người của đạo H. H. tưởng là sẽ phải chết trăm phần trăm. Đến khi Pháp tấn công, khám đường bị đốt, mấy người kia phá khám ra được, nên chị cũng thoát nạn. Chị chạy tới Ô-môn thì bị bắt lại. Khi ấy, có anh Tám Càng là người dẫn ông đưa chị về đây, đang cần một nữ y tá trong bộ đội và nghe tiếng chị Năm nên đến bảo lãnh cho chị được ra làm cứu thương. Ô-môn thất thủ, anh Tám liền đưa chị đi tìm gia đình.

(Còn nữa)

BẢO DÂN-CHÚNG NÓI ĐÚNG

Tháng rồi Dân-Chúng có 4 bài nói rõ về cụ Nguyễn-an-Cư. Thật Cụ Nguyễn rất xứng đáng là một danh y, là môn đồ của Biền-Thước, Hải-Thượng. Món thuốc hay nhất của cụ là THUỐC SỐ 39. khắp cả Việt Nam đâu đâu cũng công nhận thuốc 39 là Thái h được.

« Thuốc này trị tê bại, nhức mỏi đau xương, đau gân, thiếu máu mất ăn mất ngủ.

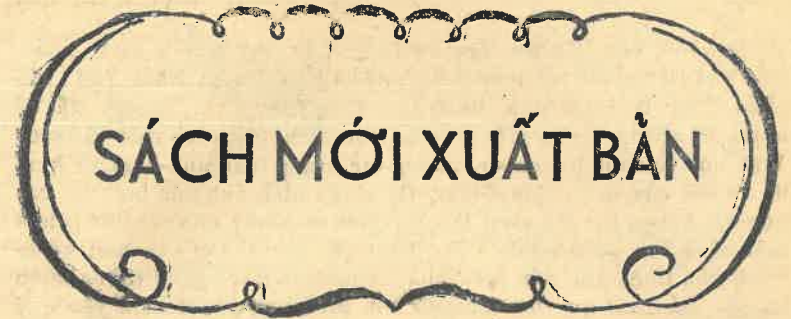
Cụ Phan-bội-Châu khen :

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở. Tay thần há dễ nhẹ công phu » Đó là 2 câu thơ của cụ Phan-bội-Châu đề tặng « THUỐC RƯỢU 39 » của Cụ Nguyễn-An-Cư.

Cụ Phan khen thuốc 39 là thuốc thánh. Mà thật quả vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh tê bại, nhức mỏi, tê thấp hay vô cùng ! Người có bệnh gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại nhức mỏi lại ăn ngon ngủ khỏe ; Cụ Nguyễn-Năng-Quốc Tổng-đốc ở Thái-Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt !

Một hộp giá 20đ.

Các hiệu thuốc Ta, Tàu đều có bán và số 54 đường Công-Lý Saigon



★ **Tập San Kỹ-Thuật Vô-Tuyến-Điện**—Chủ nhiệm Trần-phương-Châu — Chủ bút : kỹ sư Lưu văn A (Tòa soạn và Ty quản lý Trường Vô-Tuyến-Điện Tấn Phát, 50 Nguyễn-Huệ — Saigon)

Nguyệt San Vô-Tuyến-Điện và Điện thị do các Kỹ Sư, Cán Sự và Chuyên Gia Vô Tuyến Điện biên soạn. Bộ mới số 1, đề cập đến các tiến triển mới nhất của ngành vô-tuyến-điện cùng các bài vở Kỹ thuật căn bản cho các bạn muốn tự học Vô-tuyến-điện — Tập san dày 20 trang — Giá 20đ.

★ **Luận thi Trung học** (Luân lý và Văn Chương) — Của các Giáo Sư Tạ văn Ru — Nguyễn trí Tài và Nguyễn bá Lương (Thanh-Đạm xuất bản)

Soạn theo chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Gồm có hai phần, luận đề văn chương và luận đề luân lý. Rất cần thiết cho các thí sinh Trung Học Đệ Nhất Cấp. Dày 220 trang — 40đ.

★ **Văn-hóa Nguyệt-San** (Xuân Canh-Tý).

Với nội dung phong phú, nhiều bài vở chọn lọc, đặc sắc và hấp dẫn của những cây bút quen thuộc và có giá trị.

★ **KINH PHÁP CŨ** — Thầy Thích Trí Đứơc dịch—Phật-học-viện Trung phần xuất bản. Sách gồm có 423 lời Phật dạy — chia làm 26 phẩm — In trên giấy đẹp, không đề giá bán. Một quyển sách bổ ích cho những bạn muốn tìm hiểu giáo-ly Phật.

★ **Tìm hiểu Đất Hậu Giang của SƠN NAM**

(Nhà xuất bản : PHÙ-SA. Saigon).

Khai-đề của giáo-sư Nguyễn-Thiệu-Lâu. Một quyển sách khảo-cứu khá tương-tận về mấy tỉnh miền Hậu-Giang Nam Việt: Hà-Tiên, Châu-Độc, Cà Mau, Rạch Giá, Cần Thơ, v.v... Tác-giả đã đề-nhiều công-phu trong việc tra-cứu các sách Pháp, và một vài sách Việt, nói về chút ít lịch-sử, phong-tục, trạng-thái sinh-hoạt về kinh-tế, xã-hội của miền Hậu-Giang. Có nhiều hình-ảnh đặc biệt và các họa-đồ. Trong lúc Tủ sách Địa-Dur Việt nam hãy còn rất thiếu-thốn một tác-phẩm như quyển « *Tìm Hiểu Đất Hậu Giang* » là một công-trình của thiện-chí, của kiên-nhẫn, của những cố-gắng thông-minh và cần mẫn rất quý-báu cho sự tìm hiểu nước Việt nam yêu quý của chúng ta. Đây là một công-trình đáng khen, bởi vì nó ích-lợi cho Học-thuật, nó bù đắp cho bộ môn Sử-Địa của Nước ta còn đang khiếm khuyết.

Những loại sách này, cũng như các sách về Sử-học, văn học, khoa-học, có ích-lợi nhiều cho việc làm giàu Văn-hóa và học-thuật Việt-nam, hơn là một vài quyển luận-thuyết triết-lý, nông cạn, góp nhặt thiếu sót, tạp-nham, khảo luận sơ-sài, vớ-vẩn, của một vài kẻ mệnh danh « nhà học-giả ».

« *Tìm hiểu đất Hậu-Giang* » là một quyển sách có ích. Mặc dầu chưa được đầy đủ, nó vẫn đem đến cho chúng ta rất nhiều điều hiểu-biết về các trạng-thái sinh-hoạt lịch-sử, xã hội, Văn-hóa của nước Việt nam xinh-đẹp của chúng ta, xưa và nay.

Sách dày trên 130 trang. In đẹp. Giá bán 42 đồng.

★ **HƯƠNG XƯA.**

Của NGUYỄN THỊ MỸ-LINH. Tác-giả xuất-bản (Đà-nẵng). Một tập thơ gồm có 26 bài. Không đề giá bán.

★ **KIM-TIỀN.** Kịch của VI-HUYỀN-ĐẮC.

(Nhà xuất-bản TỰ-DO, 25 Võ-Tánh, Sài-gòn.)

Kịch KIM-TIỀN này, tác-giả đã soạn từ hồi Tiền-chiến, ở Hải-phòng. năm 1938. Đã diễn lần thứ nhất tại Nhà Hát lớn Hải phòng ngày 29 tháng 2, năm 1938. Có diễn lại nhiều lần ở Hà-nội, Sài-gòn, v.v... Nay được tái bản. Chúng tôi sẽ có bài phê-bình riêng nơi mục « *Điểm sách* » trong một số sau...

★ **THƠ PHAN PHỤNG VĂN.**

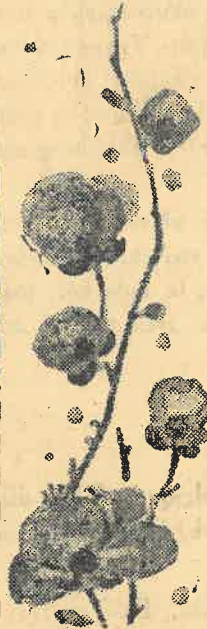
Tác giả : Phan-Phụng-Văn, tự xuất bản. Một tập thơ gồm 30 bài, nơi trang đầu có in hình của tác-giả, một Nữ-sĩ ở Tây-Ninh. Tranh bìa của Hoài-Fước. In đẹp.



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

CÁC BẠN THÂN MẾN



Trong một năm dài đặng đặng đã qua, chúng tôi đã nhận được hàng ngàn vạn bức thư của các bạn từ bốn phương gửi về, tập trung nơi tòa soạn với nét chữ đượ-dàng, lời thơ êm đẹp. Các bạn không ngại mất thì giờ quý báu để viết chuyện ngắn, thơ, chuyện khảo-cứu, sưu-làm, hoặc yêu cầu giải đáp những điều thắc mắc v.v.. Các bạn ở xa cũng như ở gần, từ Bến-Hải đến Mũi Cà-Mau, tuy xa xôi ngàn dặm, nhưng mỗi ngày chúng ta vẫn thông-cảm được nhau qua những cánh thư triều-mến.

Hôm nay nhân lúc Xuân về, toàn ban Biên tập tạp-chí **PHỒ-THÔNG** xin gửi đến toàn thể các bạn đọc thân-mến lời chúc mừng Năm Mới đầy hạnh phúc và an khang.

Bộ Biên-tập **PHỒ-THÔNG**

★ **Bạn Trần-linh-Thị, 146, P. Kỳ. Cholon**

Chúng tôi chưa có ý-định mở mục « Duyên Thơ » trong P.T. Rất cảm ơn thịnh-tình của Bạn.

★ **Bạn Linh Phương. Saigon.**

— Désirée Clary, con gái của một chủ hãng buôn tơ lụa ở Marseille, là tình-nhân của Bonaparte (Bonaparte sau làm Hoàng-đế, tức Napoléon đệ-Nhứt, thì không còn cuộc tình-duyên với cô gái bán vải ở Marseille nữa, vì đã kết-hôn với Joséphine de Beauharnais)

— Về Beethoven, chúng tôi sẽ có một bài riêng, đầy-đủ hơn.

★ **Bạn Thiện-Phúc, Huế.**

— Triết-học Kinh-viện (Scolastique) là một phương-pháp, một tổ-chức, đúng hơn là một học-phái. Vào Thời-đại Trung-Cổ La-Mã Hy-Lạp. Nó căn-cứ vào tất cả quyền-hành xử-dụng học-thuật của giáo-phái và có thể chia làm ba thời-kỳ có khuynh-hướng triết-học biến-chuyển khác nhau, và đến thời-kỳ thứ ba thì không còn tồn-tại nữa.

— Thiên-văn-học (Astronomie) là khoa-học về các vì tinh-tú, các hành-tinh, định-tinh trong vũ-trụ. Khác hẳn với chiêm-tinh-học (Chiêm = xem, ngó. Tinh = sao). Astrologie, là môn bói toán dựa trên sự liên-quan giữa một số các hành-tinh trên trời và đời sống của mỗi người trên quả đất.

★ **Bạn Dseyna, Tam-kỳ.**

— Những nước hiện còn có Vua :

Âu-châu : Anh, Hòa-lan (Hollande), Bỉ (Belgique), Thụy-điển (Suède), Na-Uy (Norvège), Đan-Mạch (Danemark), Hy-Lạp (Grèce)

Phi-châu : Ethiopie, Maroc.

Á-châu : Nhứt, Thái-Lan. Cao-Miên, Lào, Ba-Tur (Iran), Arabie Séoudite, Jordanie.

— Hoa linh-lan, là *Muguet*, chứ không phải là lilas. *Lilas*, là cây Xoan (tiếng Bắc), cây sấu-dâu (tiếng Trung và Nam). Về ý-nghĩa tượng-trung của các loài hoa, xin coi lại P. T. số 22, cũng trong mục này.

— Con Rít (con rết) có 21 cặp chun. Có khi nó dài đến 3 tấc. Nó ưa cắn gà, nhất là gà con, cho nên những chỗ nuôi gà hay có nó, và gà thấy nó thì sợ.

★ **Em Thái Hà, Đà-nẵng.**

Đầu có gàu thì gọi chùm kết với chanh. Hoặc xức *Pétroualm*, hoặc *Silvikrine*, hỏi các tiệm bán dầu thơm.

★ **Bạn Ng. Thống Pleiku.**

Chuyện tâm tình riêng của bạn ngoài phạm vi Văn-hóa của Phổ-Thông, rất tiếc chúng tôi không giải-đáp được. Bạn nên tự giải quyết lấy, tùy theo hoàn-cảnh và không nên có giọng chán đời như thế. Bạn là nam-nhi nên lo trau-dồi trí-dục, đức-dục, xây dựng tương-lai, chớ nên vì một cuộc tình duyên ngang trái mà có ý-định « xa lánh cõi trần » hay sao ? Chúc bạn có nhiều can đảm.

★ **Ô. Phạm-Đình k.b.c. 6077.**

— Julius César (101-44 trước J.C.) là vị hoàng-đế độc-tài của La-Mã, chứ không phải là một Văn-sĩ.

Còn Julius Strabo César, Thi-sĩ, và nhà hùng-biện của La-Mã, thì chết năm 87 trước J.C.

— Sự tích: « Trả lại cho César cái gì của César » mà ông kể đó, là ông lấy trong Thánh-kinh. Jésus Christ nói: *Coesaris Coesari Dei Deo* (của César về César, của Chúa về Chúa). Câu ấy đã thành câu tục-ngữ Pháp thông-dụng (*Rendre à César ce qui appartient à César*).

★ **Cô Hồng-Ánh — Phan Thiết.**

Câu ca-đạo: « Chuột kêu chút-chít trong rương, anh đi cho

khéo đung giường mẹ hay » có ý dặn « chàng » có tìm đến nàng trong đêm hôm khuya-khoác thì hãy bước đi nhẹ-nhẹ, kéo đung giường của mẹ đang nằm ngủ, mẹ dợt mình tỉnh dậy thì nguy-to. Câu « chuột kêu chút-chít trong rương » là để tả cảnh yên-lặng vắng-vẻ đêm khuya, cả nhà ngủ im phăng-phắc, chỉ có tiếng chuột kêu chút-chít trong rương mà thôi. Chớ « con chuột kêu » không có liên-quan gì đến việc « chàng » mò-mẫm đến « nàng » cả.

★ **Bạn Trần-văn-Long, Huế.**

Người ta nói: « Chớp bóng là nghệ-thuật thứ bảy », là tính sau 6 nghệ-thuật khác như sau đây: 1) Hội-họa, (Peinture), 2) Kiến-trúc (Architecture), 3) Điêu-khắc (Sculpture), 4) Âm-nhạc (Musique), 5) Khiêu-vũ (Chorégraphie) 6) Thi-ca (Poésie).

★ **Có Kim-Liên, Gia-định.**

— Không thể nói tôn-giáo nào thích hợp cho loài người hơn cả. Thích hợp hay không là do nhiều yếu tố gia đình, xã-hội, tập-quán, sinh-hoạt, tư-tưởng, của mỗi cá nhân. Nhiều khi lại do yếu-tố chánh-trị nữa. Xin miễn bàn nhiều về vấn-đề này.

— Thượng-Đế hay Chúa Trời, có thật hay không?

Không-Tử trả đã lời: Không biết.

Thích Ca Mâu Ni, theo Phật Giáo Tiểu thừa: Không có Chúa Trời, nhưng có cảnh Sát-Bàn.

Theo Phật Giáo Đại thừa: Không có Chúa Trời, nhưng có Tây-Phương Tịnh Độ, có Phật A-Di-Đà.

Gia-Tô giáo: Chúa Trời là Chúa tể cả vũ-trụ.

Hồi giáo: Có Chúa Allah.

Sách Tàu hồi xưa: Có Ngọc-Hoàng Thượng-Đế.

Khoa học ngày nay: Không có gì chứng minh rằng có Chúa Trời.

★ **Ông Nguyễn-an-Trinh, 77 đường Vĩnh-Viễn, Chợ-lớn.**

— 2 Quyển « *Les Mendiants des Miracles* » của C.V. Gheorghiu (Văn sĩ Lô-Ma-Ni) và *La P. Respectueuse* của J.P. Sartre (Văn sĩ Pháp) là hai tiểu thuyết mô tả những cảnh trái ngược của xã-hội Âu-Châu, nhưng đều có giá trị đặc biệt về văn chương và triết-lý như các truyện của J. London, nhưng không thể quyết đoán rằng đó là « hai quyển truyện hay nhất của Thế kỷ XX ».

— Các giải thưởng Văn chương hiện có bên Âu-Châu: Ngoài các giải quốc tế và Pháp, như: Nobel, Institut, Goncourt, Femina, Théophraste-Renaudot, Pulitzer, Staline, còn có các giải thưởng văn chương hàng năm tặng ở Paris, như:

Grand prix national des Lettres.

Grand prix de la Société des gens de Lettres,

Prix Interrallié du Roman (trường hợp quyển « *La Rue du chat qui pêche* » của Yolande Foldès, mà ông hỏi),

Prix de la Société des Poètes français,

Prix Halpérine-Kaminsky,

v.v...

★ **Ông Hồ-vĩnh-Chánh, An-Xuyên.**

— Không có sách nào nói « ăn óc khỉ bổ, trí nhớ sẽ tăng thêm ». Chỉ có một Bác-sĩ Nga, dân Pháp tên là Serge Voronov hồi 1930, có phát minh rằng cái hạch của khỉ cấy vào người có thể cho người trẻ lại và sống lâu, nhưng cái thuyết cải lão hoàn đồng ấy không đứng vững, vì cái hạch của con khỉ cấy vào người sẽ bị khô héo và các tế-bào của nó sẽ chết dần sau một thời gian ngắn.

— Người đầu tiên khám phá ra đất Mỹ không phải là CHRISTOPHE COLOMB. Trước Colomb một năm, tức là năm 1497, đã có một người đi ghe, quê ở Florence (Ý) sang đất Mỹ, Người ấy tên là AMÉRIC VESPUCE (Americo Vespucci) (1451—

1519), vì vậy mà người ta lấy tên ông đặt tên cho đất Mỹ (America — Amérique). Xứ Mỹ lúc đó là của các Bộ-lạc Ấn-Độ Da-Đỏ (Indiens Peaux Rouges).

★ Em Nguyễn-văn-Ngọc, trường Tiểu-học Tây-Ninh

— Gian truân, chớ không phải gian chuẩn.

— Nhân (tiếng Bắc), nhọn (tiếng Nam và Trung) cũng thế, không khác gì cả.

★ Ông Dũng-Minh K.B.C. 4522/I

Ông nên hỏi nơi phòng Hộ-tịch ở Địa phương ông ở.

★ Cô Cao-thị-Phúc, Trần-quí-Cáp Saigon.

Hỏi : « . . . Vì Giáo-sư Pháp của lớp em biểu chúng em dịch một bài thơ của Nguyễn-Vỹ ra Pháp văn, chúng em muốn dịch bài « Sương Roi » nhưng dịch không hay, và sợ sai nghĩa, vậy nhờ chị dịch giúp. Nếu không thì nhờ chị nói với ông N.V. dịch được không ? Chúng em rất cảm ơn chị, . . . ».

Đáp : — Đây, bài « Sương Roi » do chính tác-giả đã dịch ra thơ Pháp :

Sương rơi	Les branches
Nặng trĩu	De Saule
Trên cành	Se penchent,
Dương-liễu.	Molles,
	Chargées
Nhưng hơi	De rosée,
Gió bắc	Ô Bien-aimée !
Lạnh-lùng,	Mais la bise
Hiu-hắt.	Glaciale
Thấm vào	Pénètre
Em ơi,	Et s'étaie
Trong lòng,	Dans le coeur
Hạt sương,	De la rosée,

Thành một
Vết thương.
Rồi hạt
Sương trong,
Tan-tác
Trong lòng,
Tà-tôi,
Em ơi,
Từng giọt,
Thánh-thót,
Từng giọt,
Đieu-tàn,
Trên nấm
Mồ hoang.
Rơi sương,
Cành dương,
Liễu ngả
Gió mưa
Tối-tả,
Từng giọt,
Thánh-thót,
Từng giọt
Tối-bội,
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi !

Larme pure,
Telle une blessure,
Qui s'égoutte,
Goutte
À
Goutte
Brisée,
Goutte
À
Goutte
Se déverse
Sur la tombe
Déserte.
Les branches
De saule
Se balancent,
Folles,
Craquent
Sous la cataracte
De pluie,
Et les gouttes
S'égouttent,
Meurtries,
Goutte
À
Goutte
Toutes
Brisées.
Et la pluie se déverse
Et le vent déferle,
Et les feuilles se dispersent,
Ô Bien-aimée !

N.V.

Bài này, Hội Thơ Quốc-tế ở Bruxelles cũng có hỏi với ba bài thơ khác của N. V. để dịch ra Anh-văn.

★ **Em Hà mai Trang — Cholon,**

Rất cảm-động khi đọc thư em. Chúc em gặp nhiều may-mắn trên đường học vấn.

★ **Bạn Huỳnh Hoan — k.b.e. 6085.**

Bạn có chuyện ngán hay cứ gửi đến tòa soạn, chúng tôi sẽ định liệu sau. Chúc bạn chóng bình phục.

★ **Ông Lê Công Ân — Nha trang.**

Diệu-Huyền xin thành thật cảm ơn bài thơ tặng của ông.

★ **Bạn Hoàng Hy — Quảng.Ngãi.**

1) Chúng tôi sẽ nói kỹ về chữ Nôm (có thí dụ) trong một chương sau nơi bài Văn-chương và Tư-tưởng Việt-Nam.

★ **Bạn Hoài Lương — Huế.**

Văn-nhân, thi-sĩ, thường cho các con vật như voi, chó, thỏ, chim, gà hay cây cối, hoa quả v.v .. biết nói chuyện như người vì các văn sĩ ấy muốn nhân cách hóa loài vật và cây cối, như là trong truyện đời xưa để các em bé đọc thấy ngộ nghĩnh và thích thú. Thật ra thì các loài ấy từ xưa đến nay không biết nói tiếng người bao giờ (trừ con nhông).

★ **Bạn Kim Ngọc — Oanh Vỹ — Chí hòa.**

Về vấn đề đăng bài trong các báo khác chúng tôi không được rō. Riêng tạp chí PHỔ THÔNG mỗi kỳ chúng tôi vẫn cho đăng bài và thơ của độc giả bốn phương đủ các giới công-chức, quân nhân, học sinh v. v... gửi đến. Chúng tôi vẫn luôn luôn chú-ý đến bài của các bạn thân mến. Nếu các bạn gửi bài và thơ lại mà không thấy đăng, đó cũng vì một lý-do này, hay một lý-do khác không đăng được. Mong bạn thông-cảm cho.

★ **Bạn Phan gia Đ. — Đường Lý thường Kiệt — Huế**

Bài thơ «Phán cho cô Nguyễn thị Đào», nhiều sách nói là của Bà Huyện Thanh-Quan trong lúc chồng bà làm Tri Huyện. Nhưng dù là của Bà Huyện Thanh Quan hay của bà Hồ xuân Hương, các tài-liệu kia cũng đều là do truyền khẩu cả chứ không có sử sách để lại. Ngay như nhiều bài thơ truyền khẩu của các văn-nhân thi-sĩ đời trước cũng bị gán lộn-xộn cho các tác giả khác nhau, bởi thế có sự tranh luận để tìm sự thật. Rất đáng tiếc là các bài thơ ấy không có bút tích hoặc bản thảo để lại.

★ **Bạn V.Đ.H. — Quảng Trị.**

Người ta đã họa bản đồ Mặt trăng, là theo trong các hình-ảnh chụp được trong các kính viễn vọng (Téléscopes). (Xin coi lại các bài trong P.T. số 19 và số 20

★ **Bạn Mỹ Viên Anh — Trương minh Giảng Saigon.**

Luật thừa trừ (Law of compensation) và luật cung-cầu (Law of Supply and Demand) không phải là những bản-luật của tòa án, mà cũng không phải là những học thuyết. Đó chỉ là những nhận xét sự kiện về đời sống hằng ngày của xã-hội có tổ chức. Đại-khái một vài thí-dụ: Nhà giàu có cửa nhưng không có công, Lao-động có công mà không có cửa : ấy là luật thừa trừ. Người có tật, thì trời lại cho họ có tài, ấy cũng là luật thừa trừ.

Luật cung cầu, là mình thiếu món này, cần phải có nó (cầu) thì có người khác cấp cho mình (cung). Thí-dụ nhà bạn cần một người giúp việc (cầu = đòi hỏi, cần dùng) thì có người đến nhận làm việc ấy (cung cấp), đó là luật cung cầu.

★ **Bạn Lê văn Thu — Phan thiết**

— *Soprano*, là giọng hát cao nhưt của phụ-nữ, hay nhi đồng.

— *Ténor*, giọng cao nhưt của đàn ông.

Soprano, cao hai octaves đầy, từ do dưới âm-tuyến lên đến *contre-do*. Tuy-nhiên cũng có những giọng Soprano lên vút cao

hơn, thêm vài ba nốt phụ: *ré, mi, fa*. Có khi tới *Sol* và *Suraigus*. Người Ý gọi giọng này là *Soprano Sfogato*.

Giọng *Tenor* thấp hơn *Soprano* một *Octave*. Con trai, cho tới thời-kỳ đổi giọng (tuổi « dậy thì » của con trai), có thể hát được giọng *Soprano*, nhưng không rõ lắm, không ngân-ngã, không thanh được bằng giọng phụ-nữ.

★ **Bạn Nguyễn-thị Bạch-Yến, 119, Phan-chu-Trinh Đà-Nẵng.**

— Chữ **NOËL** là do chữ La-tinh *Natalis* mà ra. *Natalis* đổi ra Pháp-ngữ là *Natal*, sinh-đẻ. Noel là đêm sinh-nhật của *Jésus-Christ*, 24 tháng 12.

Ngày nay người Gia-tô-giáo ăn *Réveillon* đêm Noël, thường có một chiếc bánh giống hình khúc củi, (*Bûche de Noël*) đó là tượng-trung khúc củi đốt suốt đêm sinh-nhật của *Christ* cho ấm, vì đêm ấy lạnh.

Lễ kỷ-niệm Noël chỉ mới bắt đầu trong các nhà thờ La-tinh hồi thế-kỷ thứ IV, nói cho đúng thì từ năm 336 (sau năm J. C. ra đời) Hy-Lạp thì đã mở đầu lễ ấy từ đầu thế-kỷ thứ III, đêm 6 tháng 1. Về sau, họ cũng theo nhà thờ La-mã.

Còn các việc xảy ra trong đêm Giáng-sinh, (tuyết xuống, các người chăn chiên, trên trời có sao v. v...) như bạn hỏi, thì chúng ta xem trong Thánh-Kinh biết vậy, tin hay không là tùy theo mỗi người.

★ **Bạn Song-Hòa. Đà-lạt.**

Đọc bài nói về « *Nguyễn-Vỹ khinh-miệt Văn-học Việt-Nam* » trong tập H. Q. nào đó, thì chúng tôi cũng phải phì cười như bạn vậy. Nhưng bạn muốn N.V. trả lời cho một kẻ thù vô oán chạ, ký một cái tên vô-vấn trong một tập giấy in có tính cách làm tiền, thì chắc rằng N. V. không trả lời. Nếu có một nhà văn nào có tên tuổi hay một nhà phê-bình văn-học có uy-tín, viết đăng-hoàng về vấn-đề

văn-hóa, và ký tên thiệt của mình, trong một tờ báo đứng-dấn thì N. V. sẽ trả lời. Còn kẻ nào, (vì một thù-oán nhỏ-nhắc nào đó), đã núp trong bóng tối để chực cắn người đi đường thì xin miễn.

Bạn đọc cái giọng hần-hộc của bài đó cũng đã hiểu chán, cần gì phải muốn cho N. V. « trả lời »? Mấy bạn nhà Văn ở Sài-gòn đều biết rõ kẻ núp bóng đáng khinh ấy là ai rồi.

Thế-kỷ XVIII, trong Văn-học-sử Pháp, Thi-sĩ *Voltaire* bị một « *Văn-sĩ* » vô-danh, tên là *Fréron* (ít nhất *Fréron* còn dám ký tên thật của y) viết bài trong một tờ báo lá-cải, chửi rủa *Voltaire*. Với đủ các giọng bần-thúu. Thi-sĩ *Voltaire* làm 4 câu thơ hài-hước như sau:

*Un jour, au fond d'un vallon,
Un serpent piqua Jean Fréron.
Que voulez-vous qu'il airtvât ?
— Ce fut le serpent qui creva !*

*(Một hôm, dưới một thung-lũng,
Một con rắn cắn Fréron,
Đố bạn biết rồi ra sao ?
— Chính con rắn bị chết queo !)*

Nghĩa là *Jean Fréron* là một loài rắn độc hơn con rắn nữa ! Nhưng mặc dầu con rắn độc *Jean Fréron* muốn cắn *Voltaire*, sự-nghiệp Văn-chương và tư-tưởng của nhà Thi-hào ở *Ferney* vẫn bất-tử.

N.V. không bao giờ so-sánh mình với *Voltaire*, nhưng noi gương các Văn-nhân tiền bối, N.V. chỉ đeo-đuổi lý-tưởng Văn-học, mặc dầu có một kẻ nào đó, thù-oán và ganh-ty, viết một vài bài chửi rủa vu-vơ.

★ **Bạn T. Thông, Saigon.**

— Những người đã phát - minh ra nghệ - thuật chụp.ảnh là *Niepce* (1813 - 1830) *Daguerre* (1830-1839) và *Talbot* (1835-1841).

Nghệ-thuật chụp ảnh màu, do nhà Vật-lý-học Anh, *Clerk Maxwell* (1861), và Pháp, *G. Lippmann* (1891).

★ Em Trần-Minh-Phương, An-Định, Huế.

Cảm ơn thư em. Về các kỳ-quan trên Thế-giới, em xem lại P.T. mấy số trước, (1958) đã có nói rõ.

Về Phạm Quỳnh, ông có công rất lớn trong Văn-học-sử Việt-nam. (Về chính-trị là chuyện khác). Ông là một trong các nhà Văn-tiên phong của phong-trào xúc-tiến Văn-học nước ta hồi đầu Thế kỷ.

☆ Ô. Lâm-Lê, Phú-Phong, Bình Định.

— Theo ông Đoàn quan Tấn, Cử-nhân Văn-Chương Pháp, và Chủ-tịch Hội khuyến-học Nam-Việt, thì giữa tên và họ không cần có gạch nối, thí dụ :

Lê Ban, Lê văn Bin, Lê thị Ban. Nhưng nếu có tên kép, hoặc họ kép, thì gạch nối, thí dụ :

Lê thị Ngọc-Ban, Lê-hữu Ban, Lê-Xuân Ban, Công-tôn-nữ-thị..., *Nguyễn Tuyết-Hồng, v.v...*

— Chữ « *Cam lách* », nhựa cây Sơn-mài dễ trộn với rượu cao độ, dùng đánh bóng gỗ như bàn, ghế, là do chữ Pháp *Gomme-laque* mà ra.

— *Dữ-khiên* của một vấn-đề, là yếu-tố kết hợp thành vấn-đề.

Thí dụ : trong vấn-đề hôn-nhân, phải có các yếu-tố : tuổi tác, tính-hạnh, địa-vị, tình-cảm, v.v.. các yếu-tố đó là những *dữ-khiên* của vấn-đề hôn-nhân.

— *Tự-tại* = tự ý muốn ở trong tâm mình. Tự thỏa - mãn trong tâm-linh của mình.

— Ô. N.V. không có làm Giám-đốc Giáo-Dục Phủ-Thống Liên-khu 5 hồi 1948-49, và cũng không có làm hiệu trưởng trường Lê-Khiết.

★ Cô Hoàng Anh — Bệnh viện Hồng Bàng.

Trường hợp đó, trong lịch sử Đông Tây cũng có nhiều lắm :

— LƯƠNG THỨC NGỘT, 56 tuổi, lấy vợ là cô Trưng-Tại, 17 tuổi, sinh ra Khổng Khuru, tức là Đức KHỔNG TỬ đó.

— Nhà văn hào Đức, O'DENDALL, 48 tuổi, lấy cô vợ 17 tuổi.

— Nhà cách-mạng Pháp, DANTON, 50 tuổi, lấy cô vợ mới có 15 tuổi.

— Nga Hoàng PIERRE LE GRAND, 40 tuổi, lấy con đầy tớ 16 tuổi của một ông Cổ Đạo ở Saint Pétersbourg, cô này sau lên ngôi tức là Hoàng Hậu CATHERINE Ière, một vị Hoàng Hậu Nga được dân chúng Nga tôn trọng nhất, và lừng danh cả thế giới.

— VICTOR HUGO, Thi hào Pháp, lấy cô DRUOT 18 tuổi, CHARLIE CHAPLIN lấy vợ 20 tuổi, PICASSO lấy vợ thứ tư, 19 tuổi, MILLER, Văn-sĩ Mỹ, lấy cô đào MARILYN MONROE kém hơn ông 20 tuổi. ALEXANDRE DUMAS, nhà Văn sĩ Pháp, tác giả bộ truyện bất hủ « Ba người Ngự-lâm pháo-thủ » lấy cô Nữ-sinh 17 tuổi, mê văn ông. Ỗ. LAN PHU-NHÂN, vợ vua LÝ-THÁNH-TÔN của Việt-Nam ta, là một cô thôn-nữ hái dâu, 16 tuổi. Nhạc-sĩ CASALS lừng danh Thế-giới hiện nay, 80 tuổi, lấy vợ là cô học trò của ông, 20 tuổi, chỉ vì cô yêu mê nghệ-thuật của ông.

Vua QUANG-TRUNG 40 tuổi, lấy NGỌC HÂN CÔNG CHÚA, con gái vua Lê, chưa được 19 tuổi. NAPOLEON lấy MARIE LOUISE, con gái Hoàng-đế nước Áo, cũng mới 20 tuổi v.v.. Đó là kể sơ vài thí dụ trong các Văn-sĩ, Thi sĩ, Nhạc-sĩ, Họa-sĩ, Hoàng-đế, có danh tiếng nhất trong lịch sử. Còn nhiều nữa. Dĩ nhiên, như bạn nói, trường hợp MAHOMET hơn 60 tuổi, lấy con bé AICHA mới có 9 tuổi, thì thật là quá lỗ !

★ Bà Trần-Tú.Loan, đường Nguyễn Tri Phương —
Saigon.

Chúng tôi chưa dùng nước suối Vĩnh-Hảo, nên chưa biết thế nào, nhưng chắc là nó cũng có các chất bổ dưỡng cho sức khoẻ như nước suối Vittel, hay Vichy. Nhưng bà hỏi : « Đàn bà không sanh đẻ mà uống nước suối thì có thể sanh đẻ được, người ta nói như vậy có đúng không ? » Chúng tôi không dám trả lời câu đó, vì chưa thấy sách nào nói như vậy. Tuy nhiên, trong lịch-sử Pháp có một vài chuyện đại khái như : bà JEANNE D'ALBRET, 10 năm không đẻ, mà uống nước suối Bagnères-de-Bigarre, liền có thai vua HENRI IV. Hoàng-hậu ANNE D'AUTRICHE cũng « nhờ » uống nước suối Forges » mà có thai vua LOUIS XIV. Bà DUCHESSE DE CHARTRES cũng không đẻ chữa gì hết rồi sau uống nước suối Forges mà có thai, và sanh ra vua LOUIS PHILIPPE. Vì vậy mà Thi-hào VOLTAIRE có mấy câu thơ chế diễu các bà :

De ce bain chaud, toujours crotté, v.v..

Theo ngu-ý của chúng tôi, thì đó chẳng qua là những sự-khiến ngẫu-nhiên, chứ không có Bác-sĩ nào nói rằng nước suối chữa đựng các chất hóa-học làm cho đàn-bà thọ thai.

★ Ô. Minh-Đức, bộ Ngoại-giao.

Hỏi :

« Trong sách nào nói vua Quang-Trung định đánh lấy 2 tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây của Trung-Hoa ? Hay đó chỉ là câu chuyện úc-đoán, không căn cứ trong lịch-sử?... »

Đáp :

Sách Sử-hồi xưa nói về việc vua Quang - Trung đòi 2 tỉnh QUẢNG ĐÔNG, QUẢNG TÂY của Tàu, và xin cưới Công-chúa Tàu là con gái vua CÀN-LONG nhà Thanh, thì có quyển ĐẠI-NAM CHÍNH-BIẾN LIỆT TRUYỆN tập 1, quyển 30, có nói rõ. Viện Bác cổ Viễn-dông còn giữ quyển ấy. Nếu chúng tôi không

nhớ sai, thì Tàng-cổ-viện ở Huế cũng có quyển ấy. Theo trong sách đó, thì « ngày RẪM tháng TƯ năm Quang - Trung thứ IV, (1791) vua Quang - Trung có sai Đô-đốc VŨ-QUỐC-CÔNG làm Đại-sứ sang Tàu, yêu cầu 2 việc : Xin cưới Công - chúa nhà Thanh cho vua Quang-Trung, và xin 2 tỉnh Quảng-Đông Quảng-Tây để làm kinh-đô, cho được gần gũi Hoàng-đế nước Tàu ».

Rất tiếc là trong lúc vua Càn Long bằng lòng cho Công Chúa đẹp duyên cùng vua Quang Trung, thì Đô đốc Vũ quốc Công được tin ở Phú-Xuân (Huế) cho biết vua Quang-Trung bị bệnh, băng hà,

★ Cô Mỹ-Vân, Bà Chiêu.

— *Du lịch trong trái tim phụ nữ* không thể tiếp tục trong P.T. được, nhưng sẽ xuất bản thành sách.

— Tập thơ *Hoàng-Vu* của N.V. sẽ xuất bản sang năm, (có riêng bản Pháp-ngữ và Anh-ngữ, do tác giả dịch).

— « Văn-chương và Tư-tưởng Việt-Nam » sẽ xuất-bản thành sách sau khi đăng trong P.T.



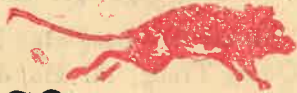
CÔNG CÁC BẠN BỐN PHƯƠNG

Trước khi ngưng-bút, trong số tất niên này, chúng tôi xin có lời thân-mến chúc Quý Bạn, cùng Quý gia-quyển, sang Năm Mới được tất cả mọi sự tươi đẹp, tiền bạc và sức-khỏe dồi-dào bằng năm bằng mười năm ngoái.

Thân mến chào Quý Bạn
DIỆU-HUYỀN
BẠCH-YẾN

Còn nhiều bài chưa đăng được
trong số này.

Vì kỳ này nhiều bài quá, nên còn một số bài Xuân phải gát lại
để đăng trong số tân-niên (số 28) ra ngày 15-2-1960.



Trong số 28:

- ★ Tao-đàn Xuân Phổ-Thông Cụ Ung-Bình (Huế)
Bà Tương-Phổ (Nha-trang)
- ★ Thơ của các Thi-sĩ khác.
- ★ Ở Paris người ta cũng ăn thịt Chuột như ở Saigon Nguyễn-ang-Ca
- ★ Năm 1808 (Gia-long thứ 7) Hải-quân Việt-Nam đã thắng
Hạm đội Anh một trận rất lớn ở Hà-nội. Song-An
- ★ Đèn vàng Điện ngọc Mai-hương-Vân
- ★ Bài thơ «Châu châu đá voi» Nguyễn-đình-Diệm
- ★ Người Chinh phụ trong Chinh-phụ Ngâm,
Giáo-sư Linh-Mục Vũ-đức-Trinh
- ★ Văn-Sĩ Thi-sĩ tiền chiến : Phạm Quỳnh Nguyễn-Vý
- ★ Một đời người Thiệu-Sơn
- ★ Đêm hát bội đầu năm Thanh-Phương
- ★ Thơ lên Ruột Diệu-Huyền

PHỔ-THÔNG sẽ ra 3 kỳ (10, 20, 30)?

Trung câu ý kiến bạn đọc

Gần đây, có một số đồng bạn đọc khắp nơi gửi thư
về tòa soạn đề nghị nên cho Phổ Thông ra mỗi tháng
3 kỳ. Vì mỗi tháng ra 2 kỳ lâu quá, chờ sốt ruột ».

Để đáp lại cảm-tình nồng-nhiệt của quý bạn, chúng tôi mong
toàn thể các bạn cho biết ý-kiến : NÊN CHO PHỔ-THÔNG RA
MỖI THÁNG 3 KỲ HAY KHÔNG ?

Nếu được đa số bạn đọc khắp nơi gửi thư về tán thành việc
ra 3 kỳ, thì chúng tôi sẽ cho phát hành mỗi tháng đúng những
ngày 10, 20, 30, và khởi từ tháng 4-1960 tức là đầu tháng 3 âm-
lịch.

Chúng tôi cũng mong quý bạn cho biết : ngoài những đề mục
thường lệ, các bạn có muốn mở thêm những mục nào nữa không ?

Chúng tôi rất hy vọng được thư quý bạn cho biết những ý
kiến trên.

Xin thành thực cảm tạ quý bạn.

Phổ-Thông: Tạp-chí

Về quyển « Nam - Thu Hòa - Khúc »

Vì chưa kiểm duyệt xong, nên quyển « Nam-Thu Hòa-Khúc »
chưa in kịp gửi đến tặng quý bạn trước mùa Xuân.

Vậy xin cáo lỗi và xin hẹn Tết ra sẽ xin gửi sách đến tặng quý
bạn. Xin Quý Bạn thông cảm cho.

Đa tạ : P.T.

XỔ SỐ KIẾN THIẾT

LOẠI ĐẶC BIỆT - VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ.

LOẠI I	mở ngày	16/2/1960
— II	—	8/3/1960
— III	—	30/3/1960
— IV	—	12/4/1960

GIÁ MỖI VÉ 10\$00

1 Lô Độc Đắc	1.000.000\$00
5 Lô	100.000\$00

và nhiều lô trúng khác như loại vé
Kiến thiết thường



- Một dịp làm giàu mau chóng
- Một cách giúp phần xây dựng văn hóa Việt-Nam.

K. D. số : 15/HĐKD — Saigon, ngày 12-1-1960
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon

Vạn tạ

Mấy hôm Tết, quý Bạn đọc thân mến xa gần có thịnh tình gửi thiệp hoa, danh-thiệp, thư, đến Chúc Tết chúng tôi và anh chị em trong bộ Biên tập PHỔ-THÔNG. Chúng tôi nhận được rất nhiều, không làm sao gửi đáp lễ riêng từng Bạn được, vậy chúng tôi xin gửi chung nơi đây tất cả những lời chân-thành và nồng-nhiệt cảm-tạ hảo-ý của Quý Bạn, và xin hứa cùng Quý Bạn trong năm nay chúng tôi sẽ cố gắng nhiều hơn để xứng-đáng lòng quyền-luyến ân-cần của Quý Bạn. Nhận-linh những lời mến chúc Tân-Niên của Quý Bạn, và những lời triu-mến của Quý Bạn thân tặng, chúng tôi rất cảm-động được vinh-hạnh ấy, và một lần nữa, xin muôn vạn cảm tạ!

N. V.

và Ban Biên-Tập
tạp-chí PHỔ-THÔNG